


ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ (ITPC)



THỊ TRƯỜNG THỔ NHĨ KỲ

THÁNG 10/2021

 (84-28) 3823 6738



www.itpc.gov.vn

 mail.itpc.gov.vn

MỤC LỤC

Chương 1. Giới thiệu về Thổ Nhĩ Kỳ	03
Chương 2: Môi trường chính trị và kinh tế	13
Chương 3: Bán sản phẩm và dịch vụ tại Thổ Nhĩ Kỳ	29
Chương 4: Quan hệ hợp tác Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ	51
Chương 5: Các lĩnh vực hàng đầu dành cho các doanh nghiệp xuất khẩu và nhà đầu tư nước ngoài tại Thổ Nhĩ Kỳ	85
Chương 6: Quy định thương mại, hải quan và các tiêu chuẩn	126
Chương 7: Môi trường đầu tư	143
Chương 8: Đi lại	170
Chương 9: Thông tin liên hệ cần thiết	196

Chương 1. Giới thiệu về Thổ Nhĩ Kỳ

Thông tin tổng quan

Thổ Nhĩ Kỳ có nền văn minh lâu đời (từ hơn 2.000 năm trước công nguyên). Từ 1.200 trước Công Nguyên, Thổ Nhĩ Kỳ bị Hy Lạp, La Mã xâm chiếm, đô hộ. Từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ 13, Thổ bị đế quốc A-rập thôn tính, truyền bá đạo Hồi vào Thổ. Từ thế kỷ 14 Thổ trở thành một đế quốc phong kiến cường thịnh (đế quốc Ottoman), thôn tính phần lớn vùng Trung Đông, Bắc Phi và đô hộ khu vực này cho đến đầu thế kỷ 20.

Chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc, là đồng minh của nước Đức bại trận, Thổ Nhĩ Kỳ bị Anh, Pháp, Hy Lạp chia nhau chiếm đóng.

Năm 1919, dưới sự lãnh đạo của Mustafa Kamal, nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ đã đứng lên chống chế độ phong kiến và quân chiếm đóng nước ngoài. Tháng 4/1920, chính phủ đầu tiên do M.Kamal đứng đầu đã được thành lập. Ngày 29 tháng 10 năm 1923, nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ được thành lập.

Nước Thổ Nhĩ Kỳ hiện đại được thành lập năm 1923 từ tàn tích của chế độ Ottoman bị đánh bại bởi anh hùng dân tộc Mustafa Kemal, người sau này được tôn vinh với danh hiệu Atatürk hay "Cha đẻ của người Thổ Nhĩ Kỳ". Dưới sự lãnh đạo của Mustafa Kemal, đất nước Thổ Nhĩ Kỳ đã thông qua các cải cách xã hội, luật pháp và chính trị triệt để. Đảng Dân chủ đối lập chiến thắng trong cuộc bầu cử năm 1950 và Thổ Nhĩ Kỳ trải qua quá trình chuyển giao quyền lực một cách hòa bình. Kể từ đó, các đảng chính trị Thổ Nhĩ Kỳ ngày càng gia tăng, nhưng nền dân chủ đã bị phá vỡ bởi các giai đoạn bất ổn và các cuộc đảo chính quân sự (1960, 1971, 1980), mà trong mỗi trường hợp, cuối cùng đều dẫn đến việc trao lại quyền lực chính trị cho chính quyền dân sự. Năm 1997, quân đội một lần nữa tiến hành cuộc lật đổ - thường được gọi là "một cuộc đảo chính hậu hiện đại" - chính phủ theo khuynh hướng Hồi giáo lúc bấy giờ. Một cuộc đảo chính bất thành đã được thực hiện vào tháng 7 năm 2016 bởi một phe thuộc Lực lượng vũ trang Thổ Nhĩ Kỳ.

Thổ Nhĩ Kỳ đã can thiệp quân sự vào Cyprus (Cộng hòa Síp) vào năm 1974 để ngăn chặn sự tiếp quản của Hy Lạp đối với hòn đảo và từ đó đóng vai trò là quốc gia bảo trợ cho "Cộng hòa Bắc Síp thuộc Thổ Nhĩ Kỳ", mà chỉ có Thổ Nhĩ Kỳ công nhận. Một cuộc nổi dậy ly khai bắt đầu vào năm 1984 bởi Đảng Công nhân Kurdistan (PKK),

một tổ chức khủng bố do Mỹ chỉ định, từ lâu đã chiếm lĩnh sự chú ý của lực lượng an ninh Thổ Nhĩ Kỳ và cướp đi sinh mạng của hơn 40.000 người. Năm 2013, Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và PKK đã tiến hành các cuộc đàm phán nhằm chấm dứt bạo lực, tuy nhiên giao tranh dữ dội đã tiếp tục vào năm 2015. Thổ Nhĩ Kỳ gia nhập Liên Hiệp Quốc năm 1945 và năm 1952 trở thành thành viên của NATO. Năm 1963, Thổ Nhĩ Kỳ trở thành thành viên liên kết của Cộng đồng Châu Âu; Thổ Nhĩ Kỳ bắt đầu đàm phán gia nhập với EU vào năm 2005. Trong thập kỷ qua, cải cách kinh tế, cùng với một số cải cách chính trị, đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển, mặc dù tăng trưởng kinh tế chậm lại trong những năm gần đây.

Từ năm 2015 và tiếp tục đến năm 2016, Thổ Nhĩ Kỳ đã chứng kiến sự gia tăng bạo lực khủng bố, bao gồm các cuộc tấn công lớn ở Ankara, Istanbul và khắp khu vực đông nam chủ yếu là người Kurd ở Thổ Nhĩ Kỳ. Vào ngày 15 tháng 7 năm 2016, các phần tử của Lực lượng Vũ trang Thổ Nhĩ Kỳ đã cố gắng tiến hành một cuộc đảo chính mà cuối cùng đã thất bại sau sự phản kháng rộng rãi của quần chúng. Hơn 240 người thiệt mạng và hơn 2.000 người bị thương khi người dân Thổ Nhĩ Kỳ xuống đường hàng loạt để đối đầu với lực lượng đảo chính. Chính phủ cáo buộc những người theo phong trào xã hội và tôn giáo xuyên quốc gia Fethullah Gulen ("Hizmet") đã xúi giục cuộc đảo chính bất thành và coi những người theo phong trào này là khủng bố. Kể từ khi xảy ra đảo chính, chính quyền Thổ Nhĩ Kỳ đã bắt giữ, đình chỉ hoặc cách chức hơn 130.000 nhân viên an ninh, nhà báo, thẩm phán, học giả và công chức do họ bị cáo buộc có liên quan đến phong trào của Gulen. Sau khi cuộc đảo chính thất bại, Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã thiết lập Tình trạng Khẩn cấp từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 7 năm 2018. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã tiến hành một cuộc trưng cầu dân ý vào ngày 16 tháng 4 năm 2017, trong đó cử tri đã chấp thuận các sửa đổi hiến pháp thay đổi Thổ Nhĩ Kỳ từ chế độ nghị viện sang chế độ tổng thống. Các sửa đổi có hiệu lực sau cuộc bầu cử tổng thống và quốc hội vào tháng 6 năm 2018.

Tên quốc gia: Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ (Republic of Turkey).

Thủ đô: Ankara.

Địa lý: Đông Nam châu Âu và Tây Nam Á (phần này của Thổ Nhĩ Kỳ ở phía tây eo biển Bosphorus là một phần địa lý thuộc châu Âu), giáp với Biển Đen, nằm giữa Bulgaria và Georgia, giáp với biển Aegean và Địa Trung Hải, nằm giữa Hy Lạp và Syria.

Quốc khánh: 29/10.

Diện tích: 783.562 km². Đứng vị trí 38 thế giới.

- Diện tích mặt đất: 769.632 km².
- Diện tích mặt nước là 13.930 km².
- Đường biên giới đất liền: 2.816 km. Trong đó:
 - o Đường biên giới với Armenia: 311 km;
 - o Đường biên giới với Azerbaijan: 17 km;
 - o Đường biên giới với Bulgaria: 223 km;
 - o Đường biên giới với Georgia: 273 km;
 - o Đường biên giới với Hy Lạp: 192 km;
 - o Đường biên giới với Iran: 534 km;
 - o Đường biên giới với Iraq: 367 km;
 - o Đường biên giới với Syria: 899 km.
- Đường bờ biển dài tới 7.200 km.
- Vùng lãnh hải: 6 hải lý trên biển Aegean.
- Diện tích vùng đặc quyền kinh tế: chỉ áp dụng đối với vùng Biển Đen: đến ranh giới trên biển theo thỏa thuận với Liên Xô cũ, 12 hải lý ở Biển Đen và Địa Trung Hải.

Khí hậu:

Khí hậu ôn hòa; mùa hè nóng, khô và mùa đông ẩm ướt; trong đất liền khí hậu khắc nghiệt hơn.

Địa hình:

- Cao nguyên trung tâm (Anatolia); đồng bằng ven biển hẹp; có một số dãy núi.
- Điểm thấp nhất: Địa Trung Hải – 0 m.
- Điểm cao nhất: Núi Ararat – 5.137 m.
- Độ cao trung bình: 1.132 m.

Tài nguyên thiên nhiên:

Than, quặng sắt, đồng, crom, antimon, thủy ngân, vàng, barit, borat, celestite (stronti), đá nhám, fenspat, đá vôi, magnesit, đá cẩm thạch, đá trân châu, đá bọt, pyrit (lưu huỳnh), đất sét, đất canh tác, thủy điện.

Đất sử dụng: (ước tính năm 2018)

- Diện tích đất nông nghiệp: 49,7% (Đất canh tác 26,7%, đất trồng cây lâu năm 4%, đồng cỏ cố định 19%).
- Rừng: 14,9%.
- Đất khác: 34,5%.

Đất thủy lợi: 52.150 km² (2012).

Tài nguyên nước tái tạo: 211,6 tỷ mét khối (ước tính năm 2017).

Phân bố dân cư

Khu vực đông dân cư nhất được tìm thấy xung quanh Bosphorus ở phía tây bắc, nơi 20% dân số sống ở Istanbul; ngoại trừ Ankara, các trung tâm đô thị vẫn còn nhỏ và nằm rải rác khắp nội địa của Anatolia; một mô hình phát triển ngoại vi tổng thể tồn tại, đặc biệt là dọc theo bờ biển Aegean ở phía tây, và hệ thống sông Tigris và sông Euphrates ở phía đông nam.

Thiên tai: động đất nghiêm trọng, đặc biệt là ở phía bắc Thổ Nhĩ Kỳ, dọc theo một vòng cung kéo dài từ Biển Marmara đến Hồ Van; sạt lở đất; lũ lụt.

Núi lửa: hoạt động núi lửa hạn chế; ba ngọn núi lửa đã từng hoạt động trong lịch sử: Ararat, Nemrut Dagi và Tendurek Dagi chưa phun trào kể từ thế kỷ 19 hoặc sớm hơn.

Điểm lưu ý về vị trí địa lý:

Có vị trí chiến lược kiểm soát eo biển Thổ Nhĩ Kỳ (Bosphorus, Biển Marmara, Dardanelles) nối Biển Đen và Biển Aegean; 3% lãnh thổ Thổ Nhĩ Kỳ thuộc phía bắc nằm ở châu Âu và được đặt theo tên của châu Âu Thổ Nhĩ Kỳ, Đông Thrace, hoặc Thrace Thổ Nhĩ Kỳ; 97% đất nước ở Châu Á được gọi là Anatolia; Istanbul, nằm giữa eo biển Bosphorus, là đô thị duy nhất trên thế giới nằm trên hai lục địa; Núi Ararat, nơi hạ cánh huyền thoại của con tàu Nô-ê, ở vùng viễn đông của đất nước.

Dân số: 82.482.383 (ước tính tháng 7/2021), xếp thứ 18 thế giới.

Các nhóm dân tộc (ước tính năm 2016):

- Người Thổ Nhĩ Kỳ: 70 - 75%.
- Người Kurd: 19%.
- Nhóm thiểu số khác: 7 - 12%.

Ngôn ngữ: tiếng Thổ Nhĩ Kỳ (phổ thông), tiếng Kurd và những ngôn ngữ thiểu số khác.

Tôn giáo:

- Người theo đạo Hồi: 99,8% (chủ yếu là người Sunni);
- Tôn giáo khác: 0,2% (chủ yếu là người theo đạo Thiên chúa và người Do Thái).

Cấu trúc tuổi: (ước tính năm 2020)

- 0-14 tuổi: 23,41% (9.823.553 nam/9.378.767 nữ).
- 15-24 tuổi: 15,67% (6.564.263 nam/6.286.615 nữ).
- 25-54 tuổi: 43,31% (17.987.103 nam/17.536.957 nữ).
- 55-64 tuổi: 9,25% (3.764.878 nam/3.822.946 nữ).
- Từ 65 trở lên: 8,35% (3.070.258 nam/3.782.174 nữ).

Tỷ lệ phụ thuộc: (ước tính năm 2020)

- Tổng tỷ lệ phụ thuộc: 49,1%
- Tỷ lệ Thanh thiếu niên phụ thuộc: 35,7 %
- Tỷ lệ người già phụ thuộc: 13,4%
- Tỷ lệ hỗ trợ tiềm năng: 7,5%

Độ tuổi trung bình: 32,2 tuổi (ước tính năm 2020), xếp thứ 111 thế giới.

- Nam: 31,7 tuổi.
- Nữ: 32,8 tuổi.

Tỷ lệ tăng trưởng dân số: 0,7% (ước tính năm 2021), đứng thứ 137 thế giới.

Tỷ lệ sinh: 14,54 sinh/1.000 dân (ước tính năm 2021), đứng thứ 123 thế giới.

Tỷ lệ tử: 6,02 tử vong/1.000 dân (ước tính năm 2021), đứng thứ 156 thế giới.

Tỷ suất di cư thuần: -1,55 người di cư/1.000 dân số (ước tính năm 2021), xếp thứ 158 thế giới.

Thất nghiệp, thanh niên độ tuổi 15-24: 25,2%, xếp vị trí thứ 56 trên thế giới (ước tính năm 2019)

- Nam: 22,4%.
- Nữ: 30,3%.

Kinh doanh tại Thổ Nhĩ Kỳ

□ Tổng quan thị trường

Thổ Nhĩ Kỳ đã trải qua một loạt thách thức kinh tế trong những năm qua, gần đây nhất là do đại dịch COVID-19, những thách thức càng trở nên trầm trọng hơn.

Hiện là nền kinh tế lớn thứ 19 thế giới (trên danh nghĩa), tham vọng của Thổ Nhĩ Kỳ là lọt vào top 10 nền kinh tế trên thế giới vào năm 2023 (kỷ niệm 100 năm thành lập nước Cộng hòa) sẽ tiếp tục bị thách thức bởi sự suy giảm trong nhu cầu tiêu dùng, đồng tiền suy yếu, tỷ lệ thất nghiệp cao và sự gia tăng của các biện pháp bảo hộ và dân túy, bao gồm thuế nhập khẩu và nỗ lực nội địa hóa. Tuy nhiên, với vị trí nằm ở ngã tư của châu Âu và Trung Đông, Thổ Nhĩ Kỳ vẫn tạo cơ hội cho các công ty nước ngoài. Ngoài vị trí địa lý thuận lợi, Thổ Nhĩ Kỳ có tầng lớp trung lưu lớn, dân số trẻ (độ tuổi trung bình là 31) và tinh thần kinh doanh mạnh mẽ.

Theo thống kê của chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ tăng trưởng 0,9% trong năm 2019, giảm rõ rệt so với mức tăng trưởng của những năm trước đó, được thúc đẩy bởi các dự án cơ sở hạ tầng, bao gồm cảng hàng không, đường cao tốc và các dự án phát triển nhà ở mới. Giờ đây, khối lượng nợ công và nợ doanh nghiệp lớn (phần lớn được tính bằng USD hoặc euro), cùng với những lo ngại của thị trường tài chính về sức khỏe ngắn hạn của nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ, đã khiến giá trị đồng lira của Thổ Nhĩ Kỳ tiếp tục mất giá hơn 20% so với USD vào năm 2020 (tính đến ngày 1 tháng 9). Năm 2020, nền kinh tế dự kiến sẽ tăng trưởng chậm lại lần đầu tiên trong hơn một thập kỷ, với ước tính của các nhà kinh tế với mức suy giảm từ 3% đến 5%, trước khi phục hồi lên đến 5% vào năm 2021.

Được thúc đẩy bởi một đợt bùng nổ tín dụng vào giữa năm 2020, GDP quý 4 năm 2020 đã tăng 1,7% so với quý trước trên cơ sở điều chỉnh theo mùa và theo lịch.

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng đột biến trong nửa cuối năm vượt qua tốc độ tiềm năng của Thổ Nhĩ Kỳ được thúc đẩy bởi việc các ngân hàng nhà nước cho vay gần gấp đôi để đối mặt với làn sóng vi rút Covid-19.

Mặc dù vượt trội hơn tất cả các thị trường mới nổi (EM) và các nước đồng cấp G20 ngoại trừ Trung Quốc, sự tăng trưởng của Thổ Nhĩ Kỳ đã phải trả giá: Cho vay giá rẻ đẩy đồng lira giảm kỷ lục, thu hút dự trữ ngoại tệ của quốc gia và giúp đẩy lạm phát lên 15%. Ngoài ra, rất ít việc làm được tạo ra.

Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam đã có mối quan hệ chính trị thân thiện, phát triển đầy tích cực và mạnh mẽ kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1978.

Ủy ban Liên chính phủ Việt Nam - Thổ Nhĩ Kỳ đã họp lần thứ 7 vào ngày 13/7/2017 nhằm trao đổi các thông tin về tình hình phát triển kinh tế tại mỗi nước và thảo luận, thống nhất một số biện pháp cụ thể nhằm thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa hai nước. Hai bên nhất trí đặt mục tiêu phấn đấu nâng kim ngạch thương mại hai chiều lên mức 4 tỷ USD vào năm 2020. Phía Thổ Nhĩ Kỳ đề xuất khởi xướng đàm phán một FTA song phương; trong khi phía Việt Nam đề nghị Thổ Nhĩ Kỳ công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường và hạn chế áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam để có thể xem xét, xử lý hài hòa lợi ích và mối quan tâm của nhau.

Về công nghiệp, hai bên nhất trí mở rộng hợp tác để hỗ trợ cho các hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Theo đó, Cục Công nghiệp địa phương thuộc Bộ Công Thương Việt Nam và Cơ quan quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ Thổ Nhĩ Kỳ-KOSGEB đã ký kết Kế hoạch hành động tại Kỳ họp này để tiếp tục thúc đẩy hoạt động hợp tác trong lĩnh vực doanh nghiệp vừa và nhỏ giữa hai bên. Về đầu tư, hai bên đã thống nhất xong nội dung Bản ghi nhớ hợp tác trong lĩnh vực quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp và khu chế xuất giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam và Bộ Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ để tạo thuận lợi cho các hoạt động hợp tác trong lĩnh vực đầu tư giữa hai nước. Về hải quan, hai bên đã thống nhất xong nội dung Bản ghi nhớ hợp tác trong lĩnh vực hải quan giữa Bộ Tài chính và Bộ Thương mại và Hải quan Thổ Nhĩ Kỳ. Về tiêu chuẩn chất lượng, hai bên cũng đã thống nhất xong nội dung thỏa thuận hợp tác giữa Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng và Viện Tiêu chuẩn Thổ Nhĩ Kỳ. Đây

là những khuôn khổ pháp lý quan trọng đối với các hoạt động giao thương, trao đổi thương mại của doanh nghiệp giữa hai nước.

Nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và đầu tư giữa hai nước, tháng 6/2016, Hãng hàng không Quốc gia Thổ Nhĩ Kỳ (Turkish Airlines) đã mở đường bay từ Hà Nội tới Thành phố Hồ Chí Minh nối chuyến rồi bay thẳng tới Istanbul với tần suất 7 chuyến/tuần. Trước đó, hai nước đã ký kết các hiệp định về vận chuyển hàng không, vận tải biển, tránh đánh thuế hai lần.

□ **Những thách thức của thị trường**

Thổ Nhĩ Kỳ là một thị trường đầy hứa hẹn nhưng phức tạp và nhiều thách thức, đòi hỏi khả năng thích ứng, sự bền bỉ và kiên nhẫn. Các nhà xuất khẩu nước ngoài tại đây có thể phải đối mặt với nhiều thách thức tương tự đang tồn tại ở các thị trường đang phát triển khác, chẳng hạn như chính sách, quy định và yêu cầu tài liệu không nhất quán hoặc mâu thuẫn; tăng thuế đối với nhiều loại sản phẩm; yêu cầu nội địa hóa trong các ngành công nghiệp khác nhau; thiếu minh bạch trong đấu thầu, cũng như khó khăn trong quá trình mua sắm công, bao gồm ưu đãi về giá đối với các công ty Thổ Nhĩ Kỳ, thủ tục rườm rà; một khuôn khổ tư pháp, luật pháp và quy định tốn nhiều thời gian, không thể đoán trước được. Hơn nữa, Thổ Nhĩ Kỳ đã trải qua một cuộc suy thoái kinh tế kể từ năm 2018, trầm trọng hơn bởi cuộc khủng hoảng COVID-19. Các công ty có thể nhận thấy nhu cầu suy yếu trong suốt năm 2020 và đến năm 2021. Mức nợ nặng nề (phần lớn được tính bằng USD và euro), đồng lira của Thổ Nhĩ Kỳ suy yếu và tỷ lệ thất nghiệp biến động đều đặn nặng lên khả năng duy trì của các công ty trong và ngoài nước, tăng trưởng kinh tế thấp hơn. Hơn nữa, Thổ Nhĩ Kỳ đang thâm hụt tài khoản vãng lai cũng như tài khoản vốn, và lãi suất 8,25% của ngân hàng trung ương thấp hơn lạm phát, dẫn đến đồng lira luôn chịu áp lực phá giá. Phần lớn các khoản vay của khu vực tư nhân ở Thổ Nhĩ Kỳ là thông qua các khoản vay bằng ngoại hối, vốn sẽ khó hỗ trợ hơn nếu giá trị của đồng lira giảm xuống. Phương pháp hiệu quả nhất để giải quyết những trở ngại này là làm việc với một đối tác Thổ Nhĩ Kỳ để có được những hiểu biết sâu sắc về địa phương và xác định các giải pháp tiềm năng. Lập kế hoạch cẩn thận và kiên nhẫn là chìa khóa thành công ở Thổ Nhĩ Kỳ.

□ **Cơ hội thị trường**

Thời gian qua, chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã thực hiện nhiều dự án cơ sở hạ tầng, mang lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp nước ngoài. Tuy nhiên, do nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ tăng trưởng chậm lại rõ rệt, một số dự án cơ sở hạ tầng dự kiến trước đây đã bị đình chỉ. Điều này cho thấy, cơ hội vẫn còn dành cho các sản phẩm và dịch vụ trong cả lĩnh vực công và tiêu dùng tư nhân. Lĩnh vực hàng không dân dụng đã tăng trưởng hơn 200% trong thập kỷ qua. Cơ hội chủ yếu nằm ở những dự án về cơ sở vận hành bảo dưỡng và sửa chữa (MRO), hệ thống kiểm soát không lưu và các dự án không gian thương mại.

Trong lĩnh vực năng lượng, xuất khẩu LNG sang Thổ Nhĩ Kỳ sẽ mang lại cơ hội lớn khi Thổ Nhĩ Kỳ có kế hoạch đa dạng hóa các nhà cung cấp của mình. Việc thăm dò dầu khí ngoài khơi sẽ tiếp tục ở Địa Trung Hải và Biển Đen. Các cuộc đấu thầu cấp phép cho năng lượng tái tạo, đặc biệt là năng lượng mặt trời, sẽ tiếp tục để giảm bớt sự phụ thuộc vào nhập khẩu dầu và khí đốt. Cả khu vực nhà nước và tư nhân tiếp tục đầu tư vào sản xuất hiện đại, công nghệ thông tin và truyền thông, chăm sóc sức khỏe và những lĩnh vực khác.

Mục tiêu trở thành thành viên của Liên minh châu Âu của Thổ Nhĩ Kỳ, mặc dù bị đóng băng, tuy nhiên đã tạo ra động lực để áp dụng nhiều quy định và tiêu chuẩn kinh doanh của châu Âu ở nước này dẫn đến việc bán hàng và kinh doanh tại thị trường này trở nên dễ dàng hơn những năm trước. Bất chấp những bất ổn kinh tế, Thổ Nhĩ Kỳ vẫn có nhiều cơ hội cho các sản phẩm và dịch vụ của các nhà đầu tư nước ngoài.

Chiến lược gia nhập thị trường

Mặc dù nhiều cơ hội vẫn còn cho các công ty nước ngoài ở Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng cũng có những thách thức đối với việc gia nhập hoặc mở rộng thị trường. Bất kỳ chiến lược thâm nhập thị trường nào ở Thổ Nhĩ Kỳ đều nên bắt đầu bằng sự hiểu biết thấu đáo về chi phí và lợi ích của việc kinh doanh tại nước này. Trong hầu hết các trường hợp, việc viếng thăm thị trường để thiết lập mối quan hệ với các đối tác Thổ Nhĩ Kỳ là điều cần thiết. Đầu tư vào những mối quan hệ này sớm và thường xuyên sẽ làm tăng khả năng thành công hơn.

Trước khi thâm nhập thị trường Thổ Nhĩ Kỳ, các công ty nước ngoài nên xem xét nguồn lực của mình, kinh nghiệm xuất khẩu hoặc kinh doanh ở nước ngoài trước đây và chiến lược kinh doanh dài hạn. Đối với nhiều công ty, việc thiết lập đại diện tại Thổ

Nhĩ Kỳ của một đại lý, nhà phân phối, văn phòng liên lạc hoặc đối tác Thổ Nhĩ Kỳ sẽ là chìa khóa thành công. Một đối tác địa phương có thể cung cấp kiến thức về khuôn khổ quy định tại Thổ Nhĩ Kỳ, hỗ trợ ngôn ngữ và các mối liên hệ kinh doanh có giá trị. Khi hoạt động kinh doanh phát triển, các công ty có thể thành lập các công ty con và đầu tư thêm tại đây để mở rộng thị phần của mình.

Chương 2: Môi trường chính trị và kinh tế

Môi trường chính trị

□ Khái quát lịch sử

Thổ Nhĩ Kỳ có nền văn minh lâu đời (từ hơn 2.000 năm trước công nguyên). Từ 1.200 trước Công Nguyên, Thổ Nhĩ Kỳ bị Hy Lạp, La Mã xâm chiếm, đô hộ. Từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ 13, Thổ bị đế quốc Arab thôn tính, truyền bá đạo Hồi vào Thổ. Từ thế kỷ 14 Thổ Nhĩ Kỳ trở thành một đế quốc phong kiến cường thịnh (đế quốc Ottoman), thôn tính phần lớn vùng Trung Đông, Bắc Phi và đô hộ khu vực này cho đến đầu thế kỷ 20.

Chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc, là đồng minh của nước Đức bại trận, Thổ Nhĩ Kỳ bị Anh, Pháp, Hy Lạp chia nhau chiếm đóng.

Năm 1919, dưới sự lãnh đạo của Mustafa Kamal, nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ đã đứng lên chống chế độ phong kiến và quân chiếm đóng nước ngoài. Tháng 4/1920, chính phủ đầu tiên do M.Kamal đứng đầu đã được thành lập. Ngày 29 tháng 10 năm 1923, nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ được thành lập.

□ Hệ thống tổ chức nhà nước

Trước đây, Thổ Nhĩ Kỳ là một quốc gia cộng hòa đại nghị. Nhưng sau một cuộc bỏ phiếu trưng cầu dân ý năm 2017 về việc sửa đổi hiến pháp nhằm mở rộng quyền lực cho Tổng thống đã dành chiến thắng áp đảo. Từ đó, Thổ Nhĩ Kỳ trở thành quốc gia Tổng thống chế. Từ khi hình thành vào năm 1923, nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ phát triển một truyền thống mạnh mẽ về chủ nghĩa thế tục. Hiến pháp Thổ Nhĩ Kỳ điều chỉnh khuôn khổ pháp lý của quốc gia. Hiến pháp chế định các nguyên tắc chính của chính phủ và quy định Thổ Nhĩ Kỳ là một quốc gia tập trung hóa thống nhất. Tổng thống là nguyên thủ quốc gia. Tổng thống hiện được bầu cho một nhiệm kỳ 5 năm thông qua bầu cử trực tiếp.

Bộ máy tư pháp độc lập với hành pháp và lập pháp, và Tòa án Hiến pháp có trách nhiệm quyết định sự phù hợp của các luật và sắc lệnh với hiến pháp. Hội đồng Nhà nước là tòa án cuối cùng cho các vụ án hành chính, và Tòa án Phúc thẩm tối cao cho các vụ án khác.

Phổ thông đầu phiếu cho cả hai giới được áp dụng trên toàn Thổ Nhĩ Kỳ từ năm 1933, và mọi công dân Thổ Nhĩ Kỳ sang tuổi 18 đều có quyền bỏ phiếu. Quyền lập pháp được trao cho Quốc hội Thổ Nhĩ Kỳ (TGNA) và quyền này không thể được phân quyền (Điều 7 của Hiến pháp). Quyền hành pháp và nhiệm vụ được thực hiện bởi Tổng thống và Hội đồng Bộ trưởng (Điều 8 của Hiến pháp), và quyền tư pháp được thực hiện bởi các tòa án độc lập (Điều 9 của Hiến pháp). TGNA bao gồm 550 đại biểu được chỉ định trong các cuộc bầu cử được tổ chức bốn năm một lần. Tổng thống đương nhiệm, Recep Erdogan, cùng với đảng cầm quyền AK có kế hoạch sửa đổi hiến pháp để tăng cường vai trò của Tổng thống so với thủ tướng và quốc hội, có nghĩa là những thay đổi đối với hệ thống chính trị của Thổ Nhĩ Kỳ có thể sắp xảy ra.

Những người ủng hộ các cải cách của Atatürk và những người theo chủ nghĩa Hồi giáo đại diện cho hai cực về vai trò của tôn giáo trong sinh hoạt công cộng. Quan điểm của phe thân Atatürk về đại thể là kết hợp một loại chế độ dân chủ với một hiến pháp tách khỏi tôn giáo và phương thức sinh hoạt thế tục Tây phương hóa, trong khi ủng hộ can thiệp của nhà nước trong kinh tế, giáo dục, và các dịch vụ công cộng khác. Từ thập niên 1980, gia tăng bất bình đảng thu nhập và phân biệt đẳng cấp khiến chủ nghĩa dân túy Hồi giáo nổi lên, đây là một phong trào mà theo lý thuyết ủng hộ nghĩa vụ với nhà cầm quyền, đoàn kết cộng đồng và công bằng xã hội.

Việc tổ chức quản lý của Nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ dựa trên các nguyên tắc quản lý và phân quyền tập trung (Điều 123 của Hiến pháp). Do đó, hệ thống được tổ chức theo cấu trúc hai cấp, với chính quyền trung ương và địa phương. Chính quyền trung ương bao gồm các cơ quan trung ương (bộ, cơ quan), với các chi nhánh không tập trung nhưng do trung ương bổ nhiệm (do chính phủ trung ương) phân bổ trên lãnh thổ. Sự giảm tập trung hành chính này chia Thổ Nhĩ Kỳ thành 81 tỉnh và 957 huyện. Việc quản lý hành chính của các tỉnh dựa trên nguyên tắc phân quyền (Điều 126 của Hiến pháp). Mặt khác, chính quyền địa phương được tổ chức theo ba loại chính quyền địa phương tự trị được bầu ra ở địa phương: chính quyền cấp tỉnh đặc biệt, thành phố trực thuộc trung ương và làng xã. Có 81 chính quyền cấp tỉnh đặc biệt, mỗi tỉnh có một cơ quan - thống đốc các tỉnh do Bộ Nội vụ bổ nhiệm. Ngoài ra, hiện có khoảng 1.394 thành phố trực thuộc trung ương— giảm từ hơn 2.400 kể từ khi nhiều thành phố trực thuộc trung ương được sáp nhập vào các trung tâm huyện trong một cuộc cải cách

chính quyền địa phương vào năm 2013 - và 18.247 làng. Các thành phố trực thuộc trung ương được tổ chức theo một số loại: thành phố trực thuộc trung ương (30), thành phố trực thuộc tỉnh (51), thành phố trực thuộc huyện (519 ở các thành phố trực thuộc trung ương, 400 ở các tỉnh khác), và thành phố trực thuộc thị trấn (394). Mỗi quận cũng có khu tự quản của mình, trong khi ở nhiều khu định cư nhỏ được tổ chức như các thành phố trực thuộc trung ương.

Ở cấp tỉnh, cả thể chế hành chính nhà nước được phân quyền và thể chế tự chính cùng tồn tại, điều này đôi khi có thể dẫn đến nhầm lẫn. Trên thực tế, trong khi chính quyền cấp tỉnh đặc biệt là chính quyền địa phương theo Hiến pháp và có hội đồng cấp tỉnh, cơ quan hành pháp của nó do thống đốc tỉnh đứng đầu. Như vậy, thống đốc là cơ quan đại diện của nhà nước trung ương với hai chức năng đồng thời: được bổ nhiệm bởi chính quyền trung ương mà họ đại diện ở tỉnh và cũng là người điều hành chính quyền tỉnh.

Các cuộc bầu cử địa phương (đối với các hội đồng cấp tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương hoặc các ủy viên hội đồng và trưởng thôn) diễn ra 5 năm một lần thông qua hệ thống đại diện theo tỷ lệ. Thị trưởng được bầu trực tiếp bởi người dân với nhiệm kỳ 5 năm. Tại các thành phố trực thuộc trung ương, có cấu trúc hai cấp (đô thị trực thuộc và các thành phố trực thuộc quận, với sự phân chia năng lực xác định giữa hai thành phố), thị trưởng quận và đô thị được bầu trực tiếp, trong khi hội đồng đô thị không được bầu, nhưng bao gồm đại diện của địa hạt hạ viện. Tất cả các loại thành phố trực thuộc trung ương cũng như chính quyền cấp tỉnh đều có ngân sách riêng.

Các thành phố trực thuộc trung ương có ba cơ quan: hội đồng, ủy ban điều hành và thị trưởng. Hội đồng thành phố là cơ quan ra quyết định cao nhất và họp mỗi tháng một lần. Ủy ban điều hành bao gồm các đại diện của hội đồng và của chính quyền thành phố và họp một lần mỗi tuần. Nó vừa là một cơ quan nghị luận và điều hành. Thị trưởng là đại diện cao nhất của đô thị và là chủ tọa của cả hội đồng và ủy ban điều hành.

Các thành phố bao gồm một số khu vực lân cận, mỗi khu vực có cơ quan hành chính cơ bản của riêng mình bao gồm một người đứng đầu (muhtar) và một hội đồng ủy viên hạ viện, những người sau này được bầu với nhiệm kỳ 5 năm và có chức năng cố vấn.

Làng là hình thức chính quyền địa phương nhỏ nhất ở nông thôn và thường có dân số từ 150 đến 5.000 người. Chính quyền địa phương của một ngôi làng bao gồm một người đứng đầu (muhtar) và một hội đồng ủy viên.

Bất chấp quá trình phân cấp đang diễn ra, quyền ưu tiên của chính quyền trung ương đối với chính quyền địa phương thông qua giám sát hành chính được đảm bảo bởi Điều 127 của Hiến pháp, trong đó nêu rõ: “Chính quyền trung ương có quyền giám sát hành chính đối với chính quyền địa phương trong khuôn khổ các nguyên tắc và thủ tục do pháp luật quy định, với mục tiêu đảm bảo hoạt động của các dịch vụ địa phương phù hợp với nguyên tắc hành chính liêm chính, bảo đảm công vụ thống nhất, bảo vệ lợi ích công cộng và đáp ứng nhu cầu của địa phương một cách thích hợp”.

Hệ thống hành chính Thổ Nhĩ Kỳ dựa trên một số nguyên tắc chính trị và pháp lý cơ bản được nêu trong Hiến pháp năm 1982. Tuy nhiên, bản Hiến pháp này đã phải chịu nhiều sửa đổi trong 30 năm qua. Những sửa đổi quan trọng mới nhất của nó đã được thông qua sau cuộc trưng cầu dân ý về hiến pháp năm 2010. Các hành vi chính khác tạo cơ sở pháp lý cho chính quyền địa phương được quy định bởi Luật đô thị (Luật số 5393), Luật quản lý hành chính tỉnh đặc biệt (Luật số 5302), Luật Liên hiệp các chính quyền địa phương (Luật số 5355) được thông qua vào năm 2005 và Luật đô thị (Luật số 5216) năm 2004.

Nguồn thu của chính quyền địa phương (chính quyền cấp tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương) chủ yếu bao gồm trợ cấp từ chính quyền trung ương và nguồn thu địa phương. Theo Luật Thu thuế Cổ phần cho các Chính quyền Tỉnh và Thành phố Đặc biệt (Luật số 5779 năm 2008), trong tổng số thuế thu của cả nước, 2,85% dành cho các thành phố trực thuộc trung ương khác với các đô thị, 2,5% dành cho các thành phố trực thuộc huyện ở các khu vực đô thị, 1,15% dành cho các cơ quan hành chính cấp tỉnh đặc biệt. Hơn nữa, các thành phố trực thuộc trung ương nhận được 5% thuế thu được trong lãnh thổ của họ cũng như 30% trợ cấp mà các thành phố tự quản cấp huyện của họ nhận được. Tỷ lệ trợ cấp của chính phủ trung ương để sở hữu nguồn thu trong ngân sách khác nhau giữa các đô thị. Do đó, trong khi các bộ phận chính trong tổng ngân sách của các thành phố trực thuộc đô thị và chính quyền cấp tỉnh đặc biệt đến từ chính quyền trung ương, thì ở nhiều thành phố trực thuộc trung ương, nguồn thu từ chính địa phương là chủ yếu.

Các hội đồng tương ứng của chính quyền địa phương chuẩn bị và thông qua ngân sách của họ mà không cần chính quyền trung ương phê duyệt.

Hành chính trung ương và các nhánh không tập trung

Cấp trung ương có quyền lập pháp trong tất cả các lĩnh vực (Hiến pháp phân quyền này cho Đại biểu Quốc hội Thổ Nhĩ Kỳ (TGNA) và quyền này không thể được giao thêm (Điều 7 của Hiến pháp).

- Cấp trung ương phụ trách:
 - o Chính sách của Nhà nước;
 - o Ngân sách nhà nước;
 - o Pháp luật và mệnh lệnh;
 - o Chính sách tiền tệ;
 - o Tự vệ quốc gia;
 - o Chính sách đối ngoại;
 - o Giao thông vận tải toàn quốc;
 - o Tài nguyên nước và lâm nghiệp;
 - o Chính sách năng lượng;
 - o Chính sách y tế;
 - o Chính sách giáo dục;
 - o Chính sách tuyển dụng;
 - o Phát triển kinh tế;
 - o Chính sách mạng lưới xuyên Châu Âu; và
 - o Chính sách nông nghiệp.
- Cấp địa phương

Chính quyền tỉnh

Chính quyền cấp tỉnh đặc biệt có nhiệm vụ thực hiện những việc sau với điều kiện là chúng có tính chất địa phương và chung (Điều 6 của Đạo luật về chính quyền cấp tỉnh đặc biệt):

- Trong ranh giới tỉnh:
 - o Các dịch vụ liên quan đến thanh niên và thể thao

- o Các dịch vụ liên quan đến sức khỏe;
- o Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp;
- o Dịch vụ liên quan đến công nghiệp và thương mại;
- o Phương án sắp xếp môi trường của tỉnh;
- o Công và quyết toán;
- o Bảo tồn đất;
- o Phòng chống xói mòn;
- o Văn hoá;
- o Nghệ thuật;
- o Du lịch;
- o Các dịch vụ và hỗ trợ xã hội;
- o Cho người nghèo vay vốn vi mô;
- o Trung tâm chăm sóc ban ngày và trại trẻ mồ côi;
- o Thu mua các khu đất xây dựng trường tiểu học và trung học cơ sở; và
- o Xây dựng, bảo trì và sửa chữa các tòa nhà.
- Ngoài ranh giới tỉnh: các dịch vụ liên quan đến:
 - o Quy hoạch và kiểm soát phát triển đất đai;
 - o Đường bộ;
 - o Nước;
 - o Nước thải;
 - o Chất thải rắn;
 - o Môi trường;
 - o Hỗ trợ khẩn cấp và cứu hộ;
 - o Hỗ trợ các làng ở vùng hẻo lánh;
 - o Trồng rừng; và

- o Xây dựng các công viên và vườn.

Chính quyền đô thị

Chức năng của đô thị (Điều 14 Luật đô thị):

- o Cơ sở hạ tầng đô thị: phát triển vùng, hệ thống cấp thoát nước và giao thông, hệ thống dữ liệu địa lý và đô thị;
- o Môi trường và sức khỏe môi trường;
- o Làm sạch và chất thải rắn;
- o Lực lượng an ninh, đội cứu hỏa, viện trợ khẩn cấp, dịch vụ cứu trợ và xe cứu thương;
- o Giao thông thành phố;
- o Dịch vụ tang lễ và nghĩa trang;
- o Khu lâm nghiệp, công viên và cây xanh;
- o Nhà ở;
- o Văn hóa và tác phẩm nghệ thuật;
- o Du lịch và thuyết trình;
- o Thanh niên và các hoạt động thể thao;
- o Dịch vụ viện trợ và trợ giúp xã hội;
- o Lễ thành hôn;
- o Các khóa đào tạo và dịch vụ chuyên nghiệp nhằm phát triển kinh tế và thương mại;
- o Trung tâm giáo dục mầm non tiểu học;
- o Bảo dưỡng, sửa chữa các công trình trường học trực thuộc trung ương;
- o Khai trương và hoạt động của các cơ sở y tế;
- o Bảo vệ tài nguyên văn hóa, thiên nhiên và các địa danh có giá trị lịch sử; và
- o Cung cấp thiết bị và hỗ trợ cho sinh viên cũng như các câu lạc bộ thể thao nghiệp dư.

Chức năng của các đô thị (Điều 7 của Luật các đô thị): trong giới hạn của vùng đô thị:

- o Kế hoạch chiến lược của các đô thị;

- o Kế hoạch thực hiện đô thị, kế hoạch phát triển đất đai, quy hoạch phân lô;
- o Cấp giấy phép và kiểm tra các doanh nghiệp trong các khu đô thị;
- o Lập và thực hiện quy hoạch tổng thể giao thông đô thị, quy hoạch và điều phối các dịch vụ vận tải và vận tải công cộng;
- o Xây dựng, duy trì và sửa chữa các quảng trường, đại lộ và đường chính trong phạm vi khu vực đô thị của đô thị;
- o Thiết lập hệ thống thông tin địa lý và đô thị;
- o Bảo vệ môi trường, đất nông nghiệp và các lưu vực nước;
- o Cấp giấy phép và kiểm tra việc kinh doanh gây ô nhiễm;
- o Dịch vụ cảnh sát thành phố tại các khu vực thuộc thẩm quyền của thành phố trực thuộc trung ương;
- o Xây dựng và khai thác các nhà ga hành khách và hàng hóa có giấy phép;
- o Xây dựng và vận hành các cơ sở xã hội, công viên khu vực, vườn thú, trại động vật, thư viện, bảo tàng, cơ sở thể thao, nghỉ dưỡng và giải trí;
- o Xây dựng mặt bằng và cơ sở vật chất cho các dịch vụ y tế, giáo dục và văn hóa;
- o Bảo tồn các tài sản văn hóa và thiên nhiên;
- o Dịch vụ giao thông công cộng đô thị;
- o Dịch vụ cấp thoát nước;
- o Xây dựng và kinh doanh các khu nghỉ trang;
- o Xây dựng và vận hành chợ thực phẩm đầu mối và cơ sở giết mổ
- o Các kế hoạch cấp đô thị và các công tác chuẩn bị khác liên quan đến thiên tai;
- o Quản lý và phát triển các trung tâm y tế, bệnh viện, đơn vị y tế lưu động và các dịch vụ văn hóa xã hội;
- o Lắp đặt và vận hành hệ thống sưởi trung tâm; và
- o Sơ tán và phá dỡ các tòa nhà gây nguy hiểm.

Nội dung chi tiết vui lòng xem tại:

<https://portal.cor.europa.eu/divisionpowers/Pages/Turkey.aspx>

□ **Các đơn vị hành chính (81 đơn vị hành chính cấp tỉnh):**

Adana, Adiyaman, Afyonkarahisar, Agri, Aksaray, Amasya, Ankara, Antalya, Ardahan, Artvin, Aydin, Balikesir, Bartin, Batman, Bayburt, Bilecik, Bingol, Bitlis, Bolu, Burdur, Bursa, Canakkale, Cankiri, Corum, Denizli, Diyarbakir, Duzce, Edirne, Elazig, Erzincan, Erzurum, Eskisehir, Gaziantep, Giresun, Gumushane, Hakkari, Hatay, Igdır, Isparta, Istanbul, Izmir (Smyrna), Kahramanmaras, Karabuk, Karaman, Kars, Kastamonu, Kayseri, Kilis, Kirikkale, Kirklareli, Kirsehir, Kocaeli, Konya, Kutahya, Malatya, Manisa, Mardin, Mersin, Mugla, Mus, Nevsehir, Nigde, Ordu, Osmaniye, Rize, Sakarya, Samsun, Sanliurfa, Siirt, Sinop, Sirnak, Sivas, Tekirdag, Tokat, Trabzon (Trebizond), Tunceli, Usak, Van, Yalova, Yozgat, Zonguldak.

□ **Các đảng phái chính trị và các nhà lãnh đạo**

- Đảng Dân chủ hoặc DP [Gultekin UYSAL]
- Đảng Khu vực Dân chủ hoặc DBP [Sebahat TUNCEL, Mehmet ARSLAN]
- Đảng Felicity hoặc SP [Temel KARAMOLLAOGLU]
- Đảng nguyên nhân tự do hoặc HUDAPAR [Ishak SAGLAM]
- Đảng Good hoặc TYİİ [Meral AKSENER]
- Đảng Đại đoàn kết hoặc BBP [Mustafa DESTICI]
- Đảng Công lý và Phát triển hoặc AKP [Recep Tayyip ERDOGAN]
- Liên minh quốc gia (CHP, İYİ, SP) (liên minh bầu cử)
- Đảng Phong trào Dân tộc Chủ nghĩa hoặc MHP [Devlet BAHCELI]
- Liên minh nhân dân (AKP, MHP) (liên minh bầu cử)
- Đảng yêu nước hoặc VP [Dogu PERINCEK]
- Đảng Dân chủ Nhân dân hoặc HDP [Pervin BVERAN, Sezai TEMELLI]
- Đảng Nhân dân Cộng hòa hoặc CHP [Kemal KILICDAROGLU]

Tính đến tháng 12 năm 2018, 83 đảng chính trị đã được đăng ký hợp pháp.

□ **Các cơ quan nhà nước**

- Tổng thống Recep Tayyip Erdoğan (nguyên thủ quốc gia từ ngày 28 tháng 8 năm 2014; người đứng đầu chính phủ từ ngày 9 tháng 7 năm 2019), là tổng thống thứ 12 của Thổ Nhĩ Kỳ; tổng thống vừa là nguyên thủ quốc gia, vừa là người đứng đầu chính phủ.

- Phó Tổng thống Fuat OKTAY (kể từ ngày 9 tháng 7 năm 2018).
- Ngoại trưởng: Ông Mevlüt Çavuşoğlu (từ 09/7/2018).
- Bộ trưởng Bộ Ngân khố và Tài chính: Ông Lütfi ELVAN.
- Bộ trưởng Bộ Tư pháp: Ông Abdulhamit GÜL.
- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Ông Hulusi AKAR.
- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp: Ông Bekir Pakdemirli.
- Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Du lịch: Ông Mehmet Nuri Ersoy.
- Bộ trưởng Bộ Năng lượng và Tài nguyên: Ông Fatih Dönmez.
- Bộ trưởng Bộ Gia đình và Dịch vụ xã hội: Bà Derya Yanık.
- Bộ trưởng Bộ Môi trường và Đô thị hóa: Murat Kurum.
- Bộ trưởng Bộ Y tế: Ông Fahrettin Koca.
- Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Công nghệ: Ông Mustafa Varank.
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ: Ông Süleyman Soylu.
- Bộ trưởng Bộ Giáo dục quốc dân: Ông Mahmut Özer.
- Bộ trưởng Bộ Lao động và An sinh xã hội: Vedat Bilgin.
- Bộ trưởng Bộ Thương mại: Ông Mehmet Muş.
- Bộ trưởng Bộ Giao thông và Cơ sở hạ tầng: Ông Adil Karaismailoğlu.
- Bộ trưởng Bộ Thanh niên và Thể thao: Ông Mehmet Kasapoğlu.
- Đại sứ Thổ Nhĩ Kỳ tại Việt Nam: Ông Haldun Tekneci.

Tham gia các tổ chức quốc tế:

ADB (thành viên phi khu vực), Australia Group, BIS, BSEC, CBSS (quan sát viên), CD, CE, CERN (quan sát viên), CICA, CPLP (quan sát viên liên kết), D-8, EAPC,

EBRD, ECO, EU (quốc gia ứng viên), FAO, FATF, G-20, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, ICRM, IDA, IDB, IEA, IFAD, IFC, IFRCs, IHO, ILO, IMF, IMO, IMSO, Interpol, IOC, IOM, IPU, ISO, ITSO, ITU, ITUC (NGOs), MIGA, NATO, NEA, NSG, OAS (quan sát viên), OECD, OIC, OPCW, OSCE, Pacific Alliance (quan sát viên), Paris Club (quan sát viên), PCA, PIF (đối tác), SCO (thành viên đối thoại), SELEC, UN, UNCTAD, UNESCO, UNHCR, UNIDO, UNIFIL, UNRWA, UNWTO, UPU, WCO, WFTU (NGOs), WHO, WIPO, WMO, WTO, ZC.

Kinh tế

Nền kinh tế thị trường tự do của Thổ Nhĩ Kỳ chủ yếu được thúc đẩy bởi ngành công nghiệp và ngày càng có nhiều ngành dịch vụ, mặc dù ngành nông nghiệp truyền thống của nước này vẫn chiếm khoảng 25% việc làm. Các ngành công nghiệp ô tô, hóa dầu và điện tử đã gia tăng tầm quan trọng và vượt qua các ngành dệt may truyền thống trong cơ cấu xuất khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ. Tuy nhiên, giai đoạn ổn định chính trị và năng động kinh tế gần đây đã nhường chỗ cho những lo ngại về an ninh và bất ổn trong nước, vốn đang tạo ra sự biến động của thị trường tài chính và đè nặng lên triển vọng kinh tế của Thổ Nhĩ Kỳ.

Các chính sách hiện tại của chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ nhấn mạnh đến các biện pháp chi tiêu theo chủ nghĩa dân túy và phá vỡ tín dụng, trong khi việc thực hiện cải cách cơ cấu kinh tế đã chậm lại. Chính phủ đang đóng vai trò tích cực hơn trong một số lĩnh vực chiến lược và đã sử dụng các thể chế và cơ quan quản lý kinh tế để nhắm vào các đối thủ chính trị, làm suy giảm niềm tin của khu vực tư nhân vào hệ thống tư pháp. Từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 3 năm 2017, ba cơ quan xếp hạng tín dụng đã hạ cấp xếp hạng tín dụng có chủ quyền của Thổ Nhĩ Kỳ, với lý do lo ngại về nhà nước pháp quyền và tốc độ cải cách kinh tế.

Thổ Nhĩ Kỳ vẫn phụ thuộc nhiều vào dầu và khí đốt nhập khẩu nhưng đang theo đuổi các mối quan hệ năng lượng với nhiều đối tác quốc tế hơn và thực hiện các bước để tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng trong nước bao gồm năng lượng tái tạo, hạt nhân và than đá. Đường ống dẫn khí đốt tự nhiên xuyên Anatolian giữa Thổ Nhĩ Kỳ-Azerbaijan đang được tiến hành để tăng cường vận chuyển khí đốt Caspi tới Thổ Nhĩ Kỳ và châu Âu, và khi hoàn thành sẽ giúp đa dạng hóa nguồn khí đốt nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ.

Sau khi Thổ Nhĩ Kỳ trải qua cuộc khủng hoảng tài chính nghiêm trọng vào năm 2001, Ankara đã thông qua các cải cách tài chính và tài khóa như một phần trong chương trình của IMF. Những cải cách đã củng cố nền kinh tế cơ bản của đất nước và mở ra một kỷ nguyên tăng trưởng mạnh mẽ, trung bình hơn 6% hàng năm cho đến năm 2008. Một chương trình tư nhân hóa tích cực cũng làm giảm sự tham gia của nhà nước vào các ngành công nghiệp cơ bản, ngân hàng, giao thông, sản xuất điện và truyền thông. Điều kiện kinh tế toàn cầu và chính sách tài khóa thắt chặt hơn khiến GDP giảm trong năm 2009, nhưng thị trường tài chính và hệ thống ngân hàng được điều tiết tốt của Thổ Nhĩ Kỳ đã giúp nước này vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và tăng trưởng GDP phục hồi lên khoảng 9% trong năm 2010 và 2011, do xuất khẩu và đầu tư phục hồi sau cuộc khủng hoảng.

Sự tăng trưởng của GDP Thổ Nhĩ Kỳ kể từ năm 2016 đã cho thấy sự mất cân đối cơ bản dai dẳng trong nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ. Đặc biệt, thâm hụt tài khoản vãng lai lớn của Thổ Nhĩ Kỳ có nghĩa là nước này phải dựa vào dòng vốn đầu tư bên ngoài để tài trợ cho tăng trưởng, khiến nền kinh tế dễ bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi bất ổn trong niềm tin của nhà đầu tư. Các rắc rối khác bao gồm tỷ lệ thất nghiệp và lạm phát gia tăng, vốn đã tăng trong năm 2017, do đồng lira của Thổ Nhĩ Kỳ tiếp tục giảm giá so với đồng USD. Mặc dù nợ chính phủ vẫn ở mức thấp, khoảng 30% GDP, nhưng khoản vay ngân hàng và doanh nghiệp đã tăng gần gấp ba tính theo phần trăm GDP trong thập kỷ qua, vượt xa các nước ở thị trường mới nổi và khiến nhà đầu tư lo ngại về tính bền vững lâu dài của nó.

□ **Các ngành kinh tế mũi nhọn**

Tài nguyên thiên nhiên phong phú, công nghiệp khai khoáng phát triển, khai thác 900.000 tấn crôm/năm (đứng đầu thế giới). Trữ lượng dầu lửa 139 triệu tấn. Sản lượng dầu khoảng 3 triệu tấn/năm. Thổ Nhĩ Kỳ phải nhập khẩu dầu thô, chiếm 10,5% tổng giá trị nhập khẩu. Ngoài ra còn có than đá, đồng, bo.

□ **Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ hứng chịu tác động dài hạn từ dịch COVID-19**

Theo nhận định của giới chuyên gia, bất chấp nỗ lực kích thích kinh tế của chính phủ, nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ vốn vừa bắt đầu phục hồi sau suy thoái đối mặt với các tác động dài hạn của dịch viêm đường hô hấp cấp COVID-19.

Tổng thống Thổ Nhĩ Kỳ Recep Tayyip Erdogan vào tháng 3 năm 2020 đã công bố gói kích thích trị giá 15,4 tỷ USD nhằm giảm thiểu các tác động kinh tế từ dịch COVID-19, trong đó có việc giảm thuế hoặc hoãn nộp thuế cho hàng loạt lĩnh vực như bán lẻ, trung tâm mua sắm, ngành sắt-thép, ô tô, dệt và logistics...

Dịch COVID-19 có thể đẩy nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ vốn đã đối mặt sức ép trở lại suy thoái. Gói biện pháp kích thích kinh tế mà Ankara công bố có lẽ là chưa đủ cho một đất nước rộng lớn như Thổ Nhĩ Kỳ, nếu dịch COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp.

□ **Các chỉ số kinh tế**

GDP (theo tỷ giá hiện hành)

- Năm 2020 đạt 720,1 tỷ USD, xếp thứ 19 trên thế giới.
- Năm 2019 đạt 761,428 tỷ USD.
- Năm 2018 đạt 778,377 tỷ USD.

Thu nhập bình quân đầu người (theo tỷ giá hiện hành) - theo số liệu của Worldbank:

- Năm 2020 đạt 9.050 USD.
- Năm 2019 đạt 9.690 USD.
- Năm 2018 đạt 10.510 USD.
- Năm 2017 đạt 10.970 USD.
- Năm 2016 đạt 11.260 USD.

GDP – theo lĩnh vực: (ước tính năm 2017)

- Nông nghiệp: 6,8%.
- Công nghiệp: 32,3%.
- Dịch vụ: 60,7%.

Sản phẩm nông nghiệp: sữa, lúa mì, củ cải đường, cà chua, lúa mạch, ngô, khoai tây, nho, dưa hấu, táo...

Công nghiệp: dệt may, chế biến thực phẩm, ô tô, điện tử, khai thác mỏ (than, cromat, đồng, boron), thép, dầu khí, xây dựng, gỗ, giấy...

Tỉ lệ tăng trưởng sản xuất công nghiệp: 9,1% (ước tính năm 2017).

Lực lượng lao động: tính đến năm 2020, Thổ Nhĩ Kỳ có hơn 25,677 triệu người từ 16 - 64 tuổi trong lực lượng lao động. Con số này chỉ dành cho lực lượng lao động trong nước; không bao gồm khoảng 1,2 triệu người Thổ Nhĩ Kỳ làm việc ở nước ngoài, cũng như người tị nạn.

Phân bố lao động:

- Nông nghiệp: 18,4%.
- Công nghiệp: 26,6%.
- Dịch vụ: 54,9% (ước tính năm 2016).

Tỉ lệ thất nghiệp (năm 2019): 13,68%.

Ngân sách: (ước năm 2017)

- Thu: 172,8 tỷ USD.
- Chi: 185,8 tỷ USD.

Thuế và khoản thu khác: 20,3% GDP (ước năm 2017).

Thặng dư (+) hay thâm hụt (-) ngân sách: -1,5% GDP (ước năm 2017).

Nợ công:

- 28,3% GDP (ước tính năm 2017).
- 28,3% GDP (ước tính năm 2016).

Năm tài chính: năm dương lịch.

Tỉ lệ lạm phát, giá tiêu dùng (theo số liệu của WorldBank):

- 12,279% (năm 2020).
- 15,177% (năm 2019).

Xuất khẩu (2018):

- 310,671 tỷ USD (2019). Xếp thứ 23 thế giới.
- 296,288 tỷ USD (2018).
- 271,866 tỷ USD (2017).

Các mặt hàng xuất khẩu: ô tô và phụ tùng xe cộ, xăng dầu tinh luyện, xe tải giao hàng, đồ trang sức, quần áo và hàng may mặc.

Đối tác xuất khẩu: (năm 2018)

- Đức: 9%
- Vương quốc Anh: 6%.
- Iraq: 5%
- Italy: 5%
- Hoa Kỳ: 5%
- Các thị trường khác: 70%.

Nhập khẩu: xếp thứ 27 thế giới (năm 2019)

- 258,385 tỷ USD (2019).
- 272,933 tỷ USD (2018).
- 291,523 tỷ USD (2017).

Các mặt hàng nhập khẩu gồm có: vàng, dầu mỏ tinh luyện, dầu thô, phụ tùng xe cộ, sắt vụn.

Đối tác nhập khẩu: (năm 2018)

- Đức: 11%
- Trung Quốc: 9%
- Nga: 9%
- Hoa Kỳ: 5%
- Italy: 5%

Dự trữ ngoại tệ và vàng:

- 107,7 tỷ USD (ước 31/12/2017), đứng thứ 24 thế giới;
- 106,1 tỷ USD (ước 31/12/2016).

Nợ nước ngoài:

- 438,677 tỷ USD (ước tính năm 2019), đứng thứ 30 thế giới;
- 454,251 USD (ước tính năm 2018).

Tỉ giá đồng Đồng liras Thổ Nhĩ Kỳ (TRY) so với USD (TRY/USD)

2013	2014	2018	2019	2020
2,1885	2,72	5,28905	5,8149	7,81925

Chương 3: Bán sản phẩm và dịch vụ tại Thổ Nhĩ Kỳ

Kênh phân phối và bán hàng

Istanbul và vùng Marmara rộng lớn là trung tâm của hầu hết các nhà phân phối ở Thổ Nhĩ Kỳ. Cảng Istanbul là cảng lớn nhất cho các sản phẩm nhập khẩu. Hầu hết các kênh phân phối và văn phòng kinh doanh chính đều ở Istanbul và tỏa ra phần còn lại của đất nước và nhiều nước lân cận. Tuy nhiên, các nhà phân phối ở các thành phố khác cũng có thể đủ tiêu chuẩn để phân phối khắp cả nước. Đối với một số lĩnh vực, chẳng hạn như công nghệ y tế, các thành phố Ankara và Izmir đang nổi lên với các trung tâm phân phối riêng có thể phục vụ cả nước. Tùy thuộc vào vị trí của người tiêu dùng và người tiêu dùng cuối cùng, hầu hết các nhà phân phối đều có hệ thống đại lý trên khắp cả nước hoặc tại các khu vực mà sản phẩm được sử dụng nhiều nhất. Trong trường hợp có nhiều lĩnh vực công nghiệp, có thể yêu cầu một đại lý/mạng lưới sửa chữa. Mặt khác, các đại diện/đại lý được ủy quyền thường xuyên đến thăm khách hàng của họ cùng với các đại lý người nước ngoài của họ để duy trì mối quan hệ cá nhân mạnh mẽ, đây là một công cụ tiếp thị quan trọng ở Thổ Nhĩ Kỳ. Phân phối hàng hóa dựa trên xe tải là phổ biến; tuy nhiên, vận chuyển đường hàng không và đường sắt cũng đang phát triển.

Sử dụng một đại lý hoặc nhà phân phối

Trừ khi một doanh nghiệp nước ngoài có nguồn lực và đội ngũ nhân viên để mở văn phòng riêng tại Thổ Nhĩ Kỳ, phương tiện bán hàng hiệu quả nhất ở Thổ Nhĩ Kỳ là thông qua một đại diện địa phương đáng tin cậy và đủ điều kiện. Liên hệ cá nhân là cực kỳ quan trọng trong kinh doanh của Thổ Nhĩ Kỳ, trong cả khu vực tư nhân và nhà nước. Khi giải quyết các cuộc đấu thầu của chính phủ, một đại diện là điều cần thiết tuyệt đối để giúp giải quyết các thủ tục quan liêu và rào cản ngôn ngữ.

Một công ty nước ngoài nên điều tra cẩn thận về danh tiếng và bất kỳ lợi ích xung đột nào có thể xảy ra của một đại diện hoặc đại lý tiềm năng trước khi ký thỏa thuận hợp đồng. Cơ quan Thương mại của Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ có thể tiến hành kiểm tra lý lịch đối với một công ty được chọn để giúp doanh nghiệp đánh giá ứng viên đại lý hoặc nhà phân phối tiềm năng.

Thỏa thuận đại lý theo luật Thổ Nhĩ Kỳ là hợp đồng tư nhân giữa hai bên và các quy định của chúng khác nhau tùy theo nhu cầu của hai bên. Không có hoa hồng cố định. Khuyến

ngihtên chỉ định một nhà sản xuất, đại diện và/hoặc nhà phân phối duy nhất cho toàn quốc cũng như các quốc gia khác trong khu vực. Thỏa thuận đại lý có thể được thiết lập trong thời hạn một năm, đặc biệt là đối với hợp đồng mới, với tùy chọn gia hạn trong thời gian dài hơn, tùy thuộc vào hiệu quả hoạt động của đại lý. Trong trường hợp dự kiến có một khối lượng lớn hoạt động kinh doanh của chính phủ, điều cần thiết là chỉ định một công ty, có trụ sở chính hoặc có văn phòng chi nhánh tại thủ đô Ankara.

Thành lập văn phòng

Luật Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) năm 2003 được thông qua nhằm “khuyến khích FDI; bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư nước ngoài; để xác định "đầu tư" và "nhà đầu tư" phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế; giải phóng môi trường đầu tư nước ngoài dựa trên đối xử bình đẳng và tự do đưa ra nước ngoài, thiết lập một hệ thống dựa trên thông báo cho FDI thay vì hệ thống sàng lọc và phê duyệt đã bị bãi bỏ; và do đó quy định các nguyên tắc để thu hút FDI thông qua các chính sách đã được thiết lập”. Về mặt pháp lý, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài hoặc các công ty con nước ngoài được thành lập tại Thổ Nhĩ Kỳ được coi là các công ty Thổ Nhĩ Kỳ (mặc dù trên thực tế, những lo ngại về chính trị và chính sách có thể dẫn đến một sân chơi thậm chí hạn hẹp hơn).

Luật FDI quy định các đối xử sau đây được áp dụng cho FDI:

- Không có thủ tục sàng lọc hoặc phê duyệt liên quan đến FDI để thành lập doanh nghiệp (công ty hoặc chi nhánh) và chuyển nhượng cổ phần, ngoại trừ trong một số lĩnh vực quan trọng.
- Điều kiện thành lập doanh nghiệp và chuyển nhượng cổ phần là như nhau đối với các nhà đầu tư, tương đương với các công ty trong nước.
- Không yêu cầu phê duyệt trước đối với hầu hết các giao dịch - tăng vốn, thay đổi hoạt động kinh doanh, v.v. - các công ty đầu tư nước ngoài và công ty vốn nước ngoài tuân theo các thủ tục tương tự như các công ty địa phương.
- Không yêu cầu đăng ký giấy phép, bí quyết, tiền bản quyền và các thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật.
- Không yêu cầu vốn tối thiểu.

- Các nhà đầu tư nước ngoài có thể hình thành quan hệ đối tác và bất kỳ hình thức công ty nào có trong Bộ luật Thương mại Thổ Nhĩ Kỳ.
- Việc định giá bởi các cơ quan tín dụng quốc tế cũng như tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư có quốc tịch sẽ được chấp nhận trong việc xác định giá trị cổ phiếu đối với thị trường chứng khoán được góp vốn bằng hiện vật.
- Các nhà đầu tư nước ngoài có thể tự do thành lập một tổ chức.

Luật cũng xác nhận các quyền hiện có của nhà đầu tư nước ngoài:

- Dựa trên nguyên tắc đối xử bình đẳng đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước; nhà đầu tư nước ngoài có các đặc quyền và nghĩa vụ như vốn trong nước và được tự do chuyển lợi nhuận, cổ tức, tiền bán hoặc thanh lý một khoản đầu tư, phí, tiền bản quyền và trả lãi các khoản vay nước ngoài.
- Trọng tài quốc gia hoặc quốc tế được phép đối với các tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng liên quan đến nhượng bộ của chính phủ cũng như đối với các tranh chấp phát sinh từ các thỏa thuận tư nhân, miễn là đáp ứng các điều kiện bắt buộc.
- Các pháp nhân có vốn nước ngoài có thể tuyển dụng nhân viên nước ngoài tại Thổ Nhĩ Kỳ, với điều kiện phải có giấy phép lao động (cũng được coi là giấy phép cư trú) từ Bộ Gia đình, Lao động và Xã hội.

Văn phòng liên lạc là những văn phòng đặc biệt có hoạt động chính là thực hiện nghiên cứu thị trường, nghiên cứu khả thi và nghiên cứu các cơ hội đầu tư tại Thổ Nhĩ Kỳ. Họ không được phép thực hiện hoạt động thương mại. Văn phòng liên lạc cũng có thể là một phương tiện hữu hiệu để theo dõi các cơ hội đầu tư tại Thổ Nhĩ Kỳ. Các nhà đầu tư nước ngoài phải xin phép Tổng cục Các khu vực tự do, Đầu tư nước ngoài và Dịch vụ thuộc Bộ Thương mại để mở văn phòng liên lạc tại Thổ Nhĩ Kỳ. Giấy phép ban đầu có hiệu lực trong ba năm và có thể được gia hạn thêm ba năm khá dễ dàng tùy thuộc vào các hoạt động trước đó và kế hoạch trong tương lai.

Một công ty nước ngoài có thể tự do lựa chọn giữa một công ty (Anonim Şirket — AS, hoặc loại “Societe Anonymouse”), công ty trách nhiệm hữu hạn, thành lập công ty hợp danh chung (Kollektif Şirket), công ty hợp danh hữu hạn (Komandit Şirket) hoặc văn phòng chi nhánh cho hoạt động ở Thổ Nhĩ Kỳ. “A.S.” là hình thức phù hợp hơn cho các doanh nghiệp lớn, vì các tập đoàn có thể thu hút một số lượng lớn cổ đông. Cấu

trúc công ty trách nhiệm hữu hạn thường thích hợp hơn để thành lập các đơn vị bán hàng và phân phối.

Trang web của Văn phòng Đầu tư Tổng thống Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ phác thảo các bước đăng ký và thành lập công ty. Theo Văn phòng Đầu tư, quy trình này thường có thể hoàn thành trong một ngày.

Tham khảo thêm tại địa chỉ:

<https://www.invest.gov.tr/en/investmentguide/pages/establishing-a-business.aspx>

Nhà đầu tư nước ngoài được khuyến nghị nên thuê một luật sư hoặc chuyên gia có liên quan khác để có thêm thông tin cũng như xử lý quy trình đăng ký và hình thành tổ chức. Việc sử dụng một kế toán để lập kế hoạch thuế cũng rất được khuyến khích. Danh sách của một số luật sư tại các thành phố lớn của Thổ Nhĩ Kỳ có thể tham khảo tại đây: https://tr.usembassy.gov/u-s-citizen-services/attorneys/?_ga=2.178388260.1217713979.1551947437337744169.1550656891

Nhượng quyền thương mại

Hiệp hội nhượng quyền thương mại quốc gia Thổ Nhĩ Kỳ, Ulusal Franchising Dernegi (UFRAD), một thành viên của Hiệp hội nhượng quyền quốc tế (IFA), theo truyền thống là đầu mối liên hệ đầu tiên cho những người mới gia nhập thị trường và là điểm gặp gỡ của các nhà nhượng quyền và người nhận nhượng quyền tiềm năng. Trong khi nhượng quyền đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ đáng kể ở Thổ Nhĩ Kỳ, sự suy yếu gần đây của nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ và do đó là nhu cầu của người tiêu dùng, cùng với thị trường bão hòa cao và sự sẵn có của các thương hiệu địa phương có thể đồng nghĩa với những thách thức đáng kể đối với những người mới gia nhập. Nhượng quyền thương mại nước ngoài ở Thổ Nhĩ Kỳ có xu hướng tập trung vào các nhà hàng thức ăn nhanh và quần áo, nhưng các loại hình kinh doanh khác cũng được đại diện.

Marketing trực tiếp

Các công ty muốn thực hiện tiếp thị trực tiếp phải được thành lập hợp pháp tại Thổ Nhĩ Kỳ và có giấy phép hoạt động từ Bộ Thương mại.

Ở Thổ Nhĩ Kỳ, các sản phẩm phổ biến nhất được cung cấp thông qua tiếp thị trực tiếp là mỹ phẩm và các mặt hàng chăm sóc cá nhân cũng như đồ gia dụng và nội thất gia đình. 80% trong số 850.000 đại diện bán hàng trực tiếp là phụ nữ. Thị trường được

thông trị bởi các công ty quốc tế, nhiều công ty trong số đó là thành viên của Hiệp hội Bán hàng Trực tiếp Thổ Nhĩ Kỳ, được thành lập vào năm 1994.

Trong năm năm qua, do sự gia tăng của bán lẻ trực tuyến và sự gia tăng của các cửa hàng mỹ phẩm/làm đẹp trên khắp đất nước, tiếp thị trực tiếp đã bị suy giảm như một kênh bán lẻ ở Thổ Nhĩ Kỳ. Năm 2018, tổng quy mô thị trường ước tính là 260 triệu USD, giảm rõ rệt so với năm trước.

Liên doanh/Cấp phép

Các nhà đầu tư quốc tế có thể thành lập bất kỳ hình thức công ty nào được quy định trong Bộ luật Thương mại Thổ Nhĩ Kỳ (TCC) và về lý thuyết, được đối xử giống như các nhà đầu tư địa phương. Công dân Thổ Nhĩ Kỳ cư trú ở nước ngoài được coi là nhà đầu tư nước ngoài với việc nộp giấy phép cư trú và/hoặc giấy phép lao động do nước sở tại cấp.

Có các cấu trúc công ty và phi công ty cho các doanh nghiệp trực thuộc TCC, với các loại cơ sở sau:

- Tổ chức:
 - Công ty Cổ phần (Joint Stock Company - JSC).
 - Công ty Trách nhiệm hữu hạn (Limited Liability Company - LLC).
 - Công ty hợp tác (Cooperative Company).

Bất chấp sự khác biệt về cơ cấu và tài chính, các thủ tục thành lập Công ty Cổ phần hoặc Công ty TNHH là giống nhau.

- Phi tổ chức:
 - Công ty tập thể (Collective Company).
 - Công ty hợp danh (Commandite Company).

Công ty Cổ phần (JSC) và Công ty TNHH (LLC) là những loại hình phổ biến nhất được lựa chọn trong cả nền kinh tế toàn cầu và ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Quy trình thành lập một công ty ở Thổ Nhĩ Kỳ

- Gửi bản ghi nhớ và các điều khoản của hiệp hội trực tuyến tại MERSIS (Hệ thống hồ sơ đăng ký trung tâm);

- Thực hiện và công chứng hồ sơ công ty;
- Có được mã số nhận dạng thuế tiềm năng;
- Nộp phần trăm vốn vào tài khoản của Cơ quan quản lý cạnh tranh;
- Gửi ít nhất 25% vốn khởi nghiệp vào ngân hàng và có bằng chứng về số vốn đó;
- Nộp đơn đăng ký tại Phòng đăng ký thương mại;
- Chứng nhận sổ sách hợp pháp;
- Liên hệ với cơ quan thuế về thông báo thành lập công ty của Phòng đăng ký thương mại;
- Ban hành giấy báo giới thiệu chữ ký;
- Chuyển các tài liệu nhất định sang định dạng điện tử/hệ thống E-TUYS.

Tham khảo thêm thông tin tại: <http://www.invest.gov.tr/>

Ngoài ra, các chi nhánh và văn phòng liên lạc có thể được coi là những cách thay thế để thành lập doanh nghiệp ở Thổ Nhĩ Kỳ. Các văn phòng liên lạc không được tham gia vào bất kỳ hoạt động thương mại nào và không được coi là pháp nhân theo luật Thổ Nhĩ Kỳ.

Mặc dù doanh nghiệp 100% sở hữu nước ngoài được phép (ngoại trừ trong Phát thanh & Truyền hình), hầu hết các khoản đầu tư của doanh nghiệp nước ngoài vào Thổ Nhĩ Kỳ là dưới hình thức liên doanh hoặc hoạt động cấp phép. Hầu hết các công ty Thổ Nhĩ Kỳ thích thành lập liên doanh với các nhà cung cấp nước ngoài để khắc phục chi phí vận chuyển và cạnh tranh hiệu quả hơn. Kể từ năm 1996, hàng hóa có xuất xứ từ châu Âu phần lớn được miễn thuế do Hiệp định của Liên minh thuế quan của Thổ Nhĩ Kỳ với Liên minh châu Âu. Nhiều công ty Hoa Kỳ đã chọn sản xuất trong nước để thâm nhập và thu lợi nhuận từ thị trường Thổ Nhĩ Kỳ. Cơ sở hạ tầng kinh doanh phức tạp hiện diện ở hầu hết các trung tâm thương mại lớn của Thổ Nhĩ Kỳ (ví dụ: hỗ trợ pháp lý, dịch vụ tài chính và tư vấn) có thể hỗ trợ rất nhiều trong việc hình thành các liên doanh. Một số công ty kế toán/kiểm toán, công ty luật và ngân hàng lớn của nước ngoài đã thành lập chi nhánh tại Thổ Nhĩ Kỳ.

Chuyển phát nhanh

Hầu hết các công ty chuyển phát nhanh lớn như FedEx, TNT, DHL và UPS đều có mặt tại Thổ Nhĩ Kỳ và được sử dụng phổ biến. Dịch vụ quốc tế giá cả phải chăng và

thường chậm nhất là PTT do chính phủ sở hữu. Thời gian giao hàng từ nước ngoài đến Thổ Nhĩ Kỳ khác nhau tùy thuộc vào loại dịch vụ chuyển phát được sử dụng. Các công ty xử lý thủ tục hải quan và cung cấp dịch vụ giao hàng tận nơi. Dịch vụ chuyển phát nhanh ở Thổ Nhĩ Kỳ đáng tin cậy, nhanh chóng và giá cả phải chăng, đặc biệt là giao hàng trong nước.

Phổ biến nhất là:

Chuyển phát nhanh Yurtici: www.yurticikargo.com/en

Chuyển phát nhanh Aras:

Chuyển phát nhanh MNG: www.mngkargo.com.tr

Thẩm định chuyên sâu (Due Diligence):

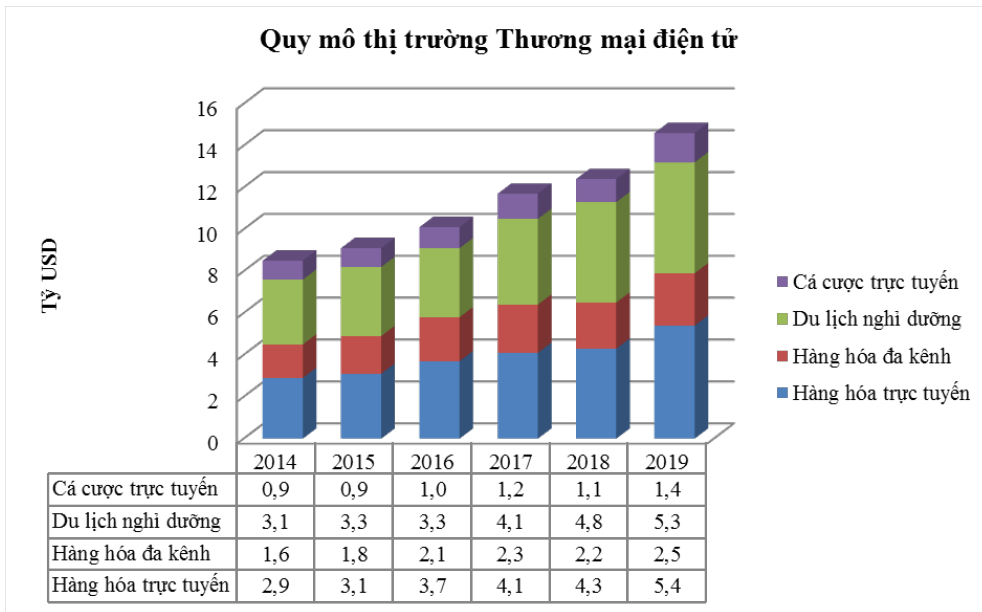
Các công ty có thể giảm thiểu rủi ro khi kinh doanh với khách hàng hoặc đối tác mới hoặc chưa biết ở Thổ Nhĩ Kỳ bằng cách sử dụng dịch vụ Hồ sơ công ty quốc tế (ICP) của CS Thổ Nhĩ Kỳ. ICP cung cấp thông tin cơ bản cập nhật về các đối tác tiềm năng, bao gồm các tài liệu tham khảo về ngân hàng và thương mại, tên của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và người quản lý, dòng sản phẩm, số lượng nhân viên, dữ liệu tài chính, doanh số bán hàng, danh tiếng và triển vọng thị trường.

Những thông tin được cung cấp này như một nguồn bổ sung để một công ty sử dụng trong việc thực hiện phán quyết kinh doanh của mình. Công ty nên tiến hành thẩm định của riêng mình trước khi tham gia vào một mối quan hệ kinh doanh hoặc nếu không việc dựa vào thông tin này sẽ có rủi ro và phải nhận được sự đồng ý của chính họ. Khi sử dụng thông tin được cung cấp, công ty có trách nhiệm tuân thủ tất cả các luật và quy định hiện hành.

Thương mại điện tử

Mô tả mức độ sử dụng rộng rãi của Thương mại điện tử, các lĩnh vực chính bán hàng thông qua thương mại điện tử và số lượng sản phẩm/dịch vụ trong mỗi lĩnh vực được bán thông qua thương mại điện tử so với bán lẻ truyền thống. Bao gồm những điều một công ty cần biết để tận dụng lợi thế của thương mại điện tử tại thị trường Thổ Nhĩ Kỳ và các trang web B2B có uy tín, nổi bật.

Năm 2019, thị trường Thương mại điện tử tăng trưởng hơn 17%, đạt 14,6 tỷ USD. Hàng hóa trực tuyến là nhóm ngành đóng góp lớn nhất với tăng trưởng 26% về giá trị USD và tăng 48% về giá trị TRY. Tốc độ tăng trưởng bình quân trong 5 năm qua là 13%.



Nguồn: <http://www.tubisad.org.tr>

Thẻ tín dụng là phương thức thanh toán dẫn đầu về doanh thu (71% doanh thu, 40% giao dịch) khi mua sắm trực tuyến và doanh số bán hàng gần như được chia đều giữa thẻ Visa và MasterCard. PayPal đã tạm ngừng hoạt động ở Thổ Nhĩ Kỳ do các quy định bắt buộc ngành thanh toán phải bản địa hóa dữ liệu khách hàng của mình. Chuyển khoản ngân hàng (21% doanh thu, 48% giao dịch) và thanh toán khi nhận hàng (7% doanh thu, 13% giao dịch) cũng được ưu tiên cho các đơn hàng nhỏ hơn. Theo Trung tâm thẻ liên ngân hàng (BKM), 2,56 triệu thẻ duy nhất đã được sử dụng trực tuyến vào Thứ Sáu Đen và bán lẻ trực tuyến chiếm 30% tổng mức sử dụng thẻ.

Vào năm 2020, COVID-19 đã thay đổi toàn cảnh bán lẻ trực tuyến. Theo BKM, 5 triệu thẻ đã được sử dụng trực tuyến lần đầu tiên trong tháng 3 và tháng 4, nâng tổng số thẻ duy nhất lên 18 triệu thẻ. Theo Bộ Thương mại, Thương mại điện tử tăng trưởng 48% đến tháng 5 năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 mặc dù ngành du lịch giảm 75-80%.

Bộ Thương mại gần đây đã giới thiệu ETBIS (Hệ thống Thông tin Thương mại Điện tử) thông qua một nền tảng mới (www.eticaret.gov.tr), nơi các doanh nghiệp được yêu cầu đăng ký và khách hàng có thể truy vấn các trang Thương mại Điện tử. Họ cũng giới thiệu khoản trợ cấp 80% chi phí thành viên cho các trang web Thương mại điện tử vào năm 2020 và 60% sau đó, tối đa 2 năm cho mỗi thành viên.

Phương tiện truyền thông xã hội đóng một vai trò quan trọng vì nó là lý do chính cho việc sử dụng Internet ở Thổ Nhĩ Kỳ. Hầu hết các nghiên cứu trước khi mua hàng đều được thực hiện trên thiết bị di động và lượng mua hàng trên thiết bị di động gần đây cũng đạt 50%. Theo báo cáo của Nielsen, 9/10 người dùng cân nhắc các chương trình khuyến mãi, giảm giá và 68% nói rằng họ không trung thành với các thương hiệu khi mua sắm trực tuyến. Hơn một nửa số lần mua đã bao gồm phí giao hàng trong giá.

Webrazzi (www.webrazzi.com/en) tổ chức hội nghị Thương mại điện tử hàng năm, tập hợp nhiều nhà cung cấp dịch vụ, tiếp thị và lĩnh vực Thương mại điện tử lại với nhau.

Các yếu tố và kỹ thuật bán hàng

Khi sử dụng đại diện hoặc đại lý của nhà sản xuất ở Thổ Nhĩ Kỳ, một công ty nước ngoài nên cung cấp hỗ trợ đầy đủ về tài liệu, thông tin kỹ thuật, ngân sách, tài liệu quảng cáo và khuyến mại. Những người mua tiềm năng của chính phủ và các nhà nhập khẩu thuộc khu vực tư nhân nên nhận được danh mục và các tài liệu khác ghi rõ tên và địa chỉ của các đại diện/nhà phân phối tại địa phương.

Tầm quan trọng của liên lạc cá nhân ở Thổ Nhĩ Kỳ là không hề phóng đại. Các chuyên thăm thường xuyên tới các khách hàng chính phủ và khu vực tư nhân thể hiện sự cống hiến cho thị trường và các công ty nước ngoài được khuyến khích hỗ trợ các đại diện trong nước của họ bằng cách tham gia các cuộc họp này bất cứ khi nào có thể. Mỗi lĩnh vực đều có những đặc thù và thách thức, điều đó có nghĩa là các công ty nước ngoài phải phát triển các chiến lược tiếp thị linh hoạt để thành công. Một số khách hàng chính phủ yêu cầu các cuộc họp giao ban, thuyết trình và thử nghiệm rộng rãi, trong khi khách hàng khu vực tư nhân thường bị chi phối bởi các yếu tố chi phí và thời gian. Một số cơ quan chính phủ và quân đội đã thiết lập các hướng dẫn cho các bài thuyết trình chính thức, đòi hỏi một thời gian cụ thể để hoàn thành các thủ tục cần thiết. Ví dụ, Bộ Quốc phòng yêu cầu các công ty nộp đơn thông qua Phòng Dịch vụ Kỹ thuật của mình để có các cuộc họp giao ban chính thức cho các bộ phận liên quan. Xem hướng dẫn cho các ứng dụng tóm tắt chính thức tại đây: <https://www.msb.gov.tr/TeknikHizmetler/icerik/brifing-faaliyetleri>.

Một thông lệ phổ biến và hiệu quả khác là mời đại diện/đại lý đến trụ sở chính của công ty hàng năm cho cuộc họp chiến lược bán hàng thường niên.

Ở các thành phố lớn hơn của Thổ Nhĩ Kỳ, các sự kiện xúc tiến thương mại quốc tế, chẳng hạn như hội chợ, triển lãm và hội thảo, là những phương pháp xúc tiến bán hàng phổ biến. Các hội chợ này cũng tạo cơ hội cho các công ty nước ngoài đánh giá và đáp ứng sự cạnh tranh hiện có, vì hầu hết các nhà cung cấp lớn của nước ngoài và trong nước cũng tham gia. Danh mục sự kiện đóng vai trò là "danh sách thương mại" trên các danh mục sản phẩm cụ thể. Hiện nay, có khoảng 70 nhà tổ chức hội chợ và triển lãm quốc tế ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Trước đại dịch COVID-19, khi việc đi lại hạn chế dự kiến sẽ tiếp tục, khuyến nghị các công ty nước ngoài nên duy trì liên lạc thường xuyên với các đại diện và khách hàng Thổ Nhĩ Kỳ của họ thông qua các nền tảng ảo như một phần của chiến lược tiếp thị mối quan hệ tích cực, điều cần thiết để thành công trong Thị trường Thổ Nhĩ Kỳ.

Xúc tiến thương mại và quảng cáo

Nhiều kênh xúc tiến thương mại và quảng cáo tồn tại ở Thổ Nhĩ Kỳ, từ quảng cáo in ấn đến quảng cáo trực quan. Các nhà xuất khẩu nước ngoài có thể hưởng lợi từ các kênh quảng cáo khác nhau tùy theo chiến lược tiếp thị của họ. Ở Thổ Nhĩ Kỳ, có hàng chục kênh truyền hình có thể được sử dụng để quảng cáo thương mại. Ngoài ra, phương tiện kỹ thuật số và quảng cáo trực tuyến đã trở nên rất phổ biến. Quảng cáo trên báo và tạp chí cũng có thể là công cụ xúc tiến thương mại hiệu quả cho các nhà xuất khẩu nước ngoài.

Những tờ báo tiếng Anh hàng đầu là Hurriyet Daily News, Anadolu Agency, Daily Sabah và Turkiye Newspaper.

Những tờ báo lớn bằng tiếng Thổ Nhĩ Kỳ là Cumhuriyet, Hunya, Hurriyet, Milliyet, Sabah và Sozcu. Trong số này, tờ báo chính chuyên về các vấn đề thương mại/kinh tế là Dunya. Nhiều công ty sử dụng phụ trang ngành để phục vụ quảng cáo. Các ấn phẩm kinh doanh hàng tuần hoặc hàng tháng chính là Turkish Time, Para, Economist, Capital và Fortune Turkey.

Nhiều hiệp hội kinh doanh khác nhau và các tạp chí định kỳ trong lĩnh vực cụ thể như: Ambalaj Dunyasi (đóng gói), C4 Defense (quốc phòng), Dunya Insaat (xây dựng), Gas & Power (sản xuất và phân phối năng lượng dầu khí/điện), MetalSan (sắt thép), PetroTurk (dầu & LPG) và Turkdokum (đúc), đóng vai trò là các kênh quảng cáo tiềm năng.

Đường link phương tiện truyền thông hầu hết có tại: www.gazeteler.com và www.dergiler.com.

Hiệp hội các phòng giao dịch và hàng hóa của Thổ Nhĩ Kỳ (TOBB) công bố các hội chợ và triển lãm thương mại địa phương trên trang web của mình hàng năm.

Giá cả

Giá cả từ trước đến nay luôn là yếu tố quan trọng nhất trong kinh doanh, đặc biệt là trong các cuộc đấu thầu của chính phủ. Luật mua sắm công hiện hành hướng dẫn người mua mua sản phẩm/dịch vụ với giá thấp nhất và chất lượng tốt nhất, mặc dù theo nghị định của Chính phủ tháng 7 năm 2017, thường có lợi thế về giá 15% đối với các sản phẩm sản xuất trong nước. Nhìn chung, mức giá thấp nhất sẽ thắng trong các đấu thầu mua sắm công. Tuy nhiên, tùy từng thời điểm, phân tích vòng đời hoặc mua sắm với giá trị tốt nhất có thể được sử dụng. Người mua khu vực tư nhân có thể nhấn mạnh chất lượng và việc mang lại giá trị tốt nhất, nhưng giá cả vẫn là một vấn đề thương lượng. Trong cả hoạt động bán hàng công và tư, tài trợ sáng tạo, làm giảm chi trả trước bằng tiền mặt hoặc mở rộng thời hạn thanh toán, có thể có giá trị lớn đối với khách hàng Thổ Nhĩ Kỳ.

Các công ty nước ngoài nên xem xét sự mất giá gần đây của đồng lira Thổ Nhĩ Kỳ so với USD khi tính toán giá cho các sản phẩm và dịch vụ của họ, đặc biệt là khi cạnh tranh với các nhà cung cấp địa phương.

Trong khi hàng nhập khẩu từ các nước thuộc Liên minh Châu Âu và Hiệp hội Thương mại Tự do Châu Âu (EFTA) và các nước có hiệp định thương mại tự do song phương với Thổ Nhĩ Kỳ được miễn thuế, các doanh nghiệp nước ngoài khác vẫn có thể cạnh tranh bằng cách cung cấp các giải pháp thay thế tài chính cho những người mua Thổ Nhĩ Kỳ có chi phí thấp và có nhu cầu tín dụng.

Dịch vụ bán hàng/Hỗ trợ khách hàng

Dịch vụ sau bán hàng và/hoặc hỗ trợ khách hàng phù hợp có thể rất quan trọng để thành công trong thị trường này. Trong một số ngành nhất định, chẳng hạn như máy móc và ô tô, cung cấp dịch vụ cũng có thể là một lợi thế cạnh tranh cho các nhà xuất khẩu nước ngoài. Các nhà cung cấp nước ngoài có thể muốn xác định các đại lý và/hoặc nhà phân phối địa phương có khả năng bảo trì và dịch vụ cần thiết. Tùy thuộc vào mức độ hoạt động kinh doanh, một công ty nước ngoài cũng có thể xem xét thành lập văn phòng tại

Thổ Nhĩ Kỳ để cung cấp loại hình dịch vụ này. Năm 2014, Bộ Hải quan và Thương mại đã ban hành chỉ thị quy định việc cung cấp dịch vụ sau bán hàng của các nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu đối với một số nhóm sản phẩm.

<https://www.resmigazete.gov.tr/eskiler/2014/06/20140613-3.htm>

Theo quy định này, nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu của họ phải cung cấp các dịch vụ sau bán hàng cho nhóm sản phẩm này trong một thời gian nhất định được xác định cho từng nhóm. Lưu ý rằng Bộ Thương mại đã sửa đổi chỉ thị vào tháng 2 năm 2020, dẫn đến một danh sách mới các sản phẩm bị ảnh hưởng.

<https://www.resmigazete.gov.tr/eskiler/2020/02/20200212-14.htm>

Dịch vụ chuyên nghiệp địa phương

Danh bạ Nhà cung cấp Dịch vụ Doanh nghiệp (BSP) được thiết kế để giúp các công ty nước ngoài xác định các nhà cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp để hỗ trợ họ trong việc đánh giá, hoàn thành và/hoặc cấp vốn cho một giao dịch xuất khẩu ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Nên tìm kiếm các nhà cung cấp dịch vụ được lựa chọn kỹ càng. Các luật sư nói tiếng Anh chuyên về luật thương mại, luật đầu tư, liên doanh, luật doanh nghiệp, luật thuế, luật phá sản, tài chính công, tập đoàn ngân hàng, luật hình sự và dân sự luôn sẵn sàng tham vấn với đại diện doanh nghiệp nước ngoài.

Các công ty nước ngoài cũng nên tìm các công ty tài chính và kế toán chuyên nghiệp, đa quốc gia đang hoạt động tại Thổ Nhĩ Kỳ để hỗ trợ thiết lập sự hiện diện tại thị trường này.

Doanh nghiệp nước ngoài nên thực hiện những thẩm định của riêng mình và nghiên cứu cơ sở về bất kỳ công ty nào.

Hiệp hội kinh doanh

- DEIK – Ban Kinh tế đối ngoại

Khi được thành lập vào năm 1985, Ban Kinh tế Đối ngoại Thổ Nhĩ Kỳ (DEIK) được thành lập để tổ chức và quản lý các quan hệ kinh tế đối ngoại của khu vực tư nhân Thổ Nhĩ Kỳ, đặc biệt là về ngoại thương, đầu tư quốc tế, dịch vụ, hợp đồng và hậu cần; phân tích các cơ hội đầu tư trong và ngoài nước; và để giúp thúc đẩy xuất khẩu của đất nước cũng như điều phối các hoạt động phát triển kinh doanh tương tự.

Có 139 hội đồng kinh doanh song phương, 5 lĩnh vực cụ thể và 2 hội đồng kinh doanh mục đích đặc biệt hoạt động dưới sự điều hành của DEIK.

Tham khảo thông tin chi tiết tại: <https://www.deik.org.tr/>.

□ TCA - Hiệp hội nhà thầu Thổ Nhĩ Kỳ

Hiệp hội Nhà thầu Thổ Nhĩ Kỳ (TCA) là một tổ chức nghề nghiệp độc lập, phi lợi nhuận có trụ sở tại Ankara. Hiệp hội được thành lập vào năm 1952 và đại diện cho các công ty xây dựng hàng đầu ở Thổ Nhĩ Kỳ. Hoạt động kinh doanh của các thành viên chiếm gần 70% tổng công việc trong nước và 90% tổng hợp đồng quốc tế do các công ty xây dựng Thổ Nhĩ Kỳ thực hiện. Kể từ đầu những năm 1970, các nhà thầu Thổ Nhĩ Kỳ đã hoàn thành hơn 10.000 dự án ở 126 quốc gia. Khối lượng kinh doanh của họ ở nước ngoài đã đạt 402 tỷ USD.

Ngoài việc cung cấp các dịch vụ hợp đồng theo tiêu chuẩn quốc tế ở cả trong và ngoài Thổ Nhĩ Kỳ, hầu hết các thành viên TCA cũng hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, từ sản xuất vật liệu xây dựng đến đầu tư vào lĩnh vực năng lượng, du lịch, y tế và giao thông.

Tham khảo thông tin chi tiết tại: <https://www.tmb.org.tr/en>.

□ TOBB - Liên minh các phòng và Sở giao dịch hàng hóa của Thổ Nhĩ Kỳ

TOBB, được thành lập vào năm 1950 tại Ankara, là pháp nhân cao nhất ở Thổ Nhĩ Kỳ đại diện cho khu vực tư nhân và là tổ chức phi lợi nhuận lớn nhất trong nước, bao gồm 365 Phòng và Sở giao dịch hàng hóa. Tất cả các công ty ở Thổ Nhĩ Kỳ bắt buộc phải là thành viên của Phòng Thương mại hoặc Phòng Công nghiệp. Tất cả các Phòng Thương mại và Công nghiệp phải là thành viên của TOBB. Năm 2004, TOBB thành lập Trường Đại học Kinh tế và Công nghệ TOBB, tham gia vào các cơ quan xã hội và thương mại lớn cũng như trong một số tổ chức tư nhân và chính phủ ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Tham khảo thông tin chi tiết tại: <http://www.tobb.org.tr/>.

□ YASED - Hiệp hội các nhà đầu tư quốc tế

YASED được thành lập vào năm 1980 với tư cách là tổ chức phi chính phủ đại diện cho các công ty quốc tế hoạt động tại Thổ Nhĩ Kỳ. Sứ mệnh của YASED là nâng cao hiệu quả và lợi nhuận của các công ty quốc tế tại Thổ Nhĩ Kỳ và mức độ thu hút của đất nước đối với các nhà đầu tư bằng cách đóng góp vào việc cải thiện môi trường đầu tư và kinh

doanh. Nó chiếm khoảng 85% tổng số vốn FDI đến Thổ Nhĩ Kỳ kể từ năm 2000. Các công ty thành viên của YASED hoạt động tại 25 quốc gia và trên 15 lĩnh vực. YASED đóng vai trò tiên phong trong việc thiết lập các quy định pháp lý và pháp luật bền vững, có thể dự đoán và cạnh tranh theo các tiêu chuẩn quốc tế. Có 17 nhóm làm việc giải quyết các chủ đề kinh doanh khác nhau.

Tham khảo thông tin chi tiết tại: <https://www.yased.org.tr/>.

□ TUSIAD - Hiệp hội các nhà công nghiệp và doanh nhân Thổ Nhĩ Kỳ

TUSIAD, được thành lập vào năm 1971, là một tổ chức kinh doanh tự nguyện của các CEO và giám đốc điều hành từ các công ty công nghiệp và dịch vụ lớn ở Thổ Nhĩ Kỳ, bao gồm cả các công ty nằm trong danh sách Fortune 500. Với khoảng 4.500 công ty thành viên, nó thường đại diện cho hoạt động kinh tế chung của đất nước. TUSIAD có trụ sở tại Istanbul và có văn phòng đại diện tại Washington D.C., Silicon Valley CA, Brussels, Paris, Berlin, London và Bắc Kinh.

Tham khảo thông tin chi tiết tại: <https://www.tusiad.org/tr/>.

Những giới hạn về bán sản phẩm và dịch vụ

Thổ Nhĩ Kỳ thường tuân theo các chỉ thị của EU về các tiêu chuẩn ghi lại chất lượng và độ an toàn của sản phẩm. Ví dụ, điều này áp dụng cho Nhãn CE (Sự phù hợp của Châu Âu). Do đó, nếu cần phải có Nhãn CE cho một sản phẩm cụ thể tại thị trường Thổ Nhĩ Kỳ và nhà sản xuất nước ngoài không có chứng nhận bắt buộc này, thì sản phẩm đó không thể được nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ.

Bộ Thương mại có quyền chỉ định các sản phẩm không được nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ. Hiện tại, do những lo ngại về môi trường, một số sản phẩm được quy định bởi “Quy định về Kiểm tra và An toàn Sản phẩm 2020/3”, một số hóa chất được quy định bởi “Quy định về Kiểm tra và An toàn Sản phẩm 2020/6” và phế liệu kim loại được quy định bởi “Quy định về Kiểm tra và An toàn Sản phẩm 2020/23” có thể không được nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ. Trong trường hợp có thể nhập khẩu những mặt hàng này, nhà nhập khẩu chỉ có thể là một tổ chức công nghiệp có ý định sử dụng những nguyên liệu này trong quá trình sản xuất của mình. Đơn vị nhập khẩu cần xin giấy phép của Bộ Thương mại. Đối với các sản phẩm không thuộc các nhóm được liệt kê ở trên, không có giới hạn bán hàng.

Đối với các dịch vụ chuyên nghiệp, luật sư, công chứng viên và người môi giới hải quan nếu không có quốc tịch Thổ Nhĩ Kỳ, không thể hành nghề tại Thổ Nhĩ Kỳ. Trong khi quy tắc tương tự áp dụng cho nha sĩ, dược sĩ và nữ hộ sinh, các bác sĩ và y tá nước ngoài có thể hành nghề ở Thổ Nhĩ Kỳ nếu họ nói tiếng Thổ Nhĩ Kỳ ở trình độ cần thiết, không có giới hạn trong việc thực hành nghề nghiệp của họ ở nước sở tại và phải có bằng đại học và chuyên môn được chấp thuận bởi Bộ Y Tế.

Thiết bị đã qua sử dụng hoặc tân trang lại được quy định bởi một nghị định được gia hạn hàng năm. Trong khi một số sản phẩm thuộc Mã HS nêu trong quy định này chỉ có thể được nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ khi có giấy phép do các cơ quan chính phủ liên quan cấp, một số sản phẩm có thể được nhập khẩu mà không cần giấy phép trước.

Nói chung, việc nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng hoặc tân trang bị giới hạn đối với các mặt hàng sẽ được ngành công nghiệp sử dụng để sản xuất thành phẩm của chính nó và các phương tiện đường biển và đường hàng không. Có các giới hạn về tuổi thọ khác nhau cho từng loại sản phẩm được phép.

Tài trợ thương mại

Theo truyền thống, các tập đoàn Thổ Nhĩ Kỳ đáp ứng hầu hết các nhu cầu tài chính của họ thông qua ngành ngân hàng. Mọi quan hệ công ty/ngân hàng dễ dàng được thiết lập. Tuy nhiên, với sự chênh lệch liên tục giữa nhu cầu rộng lớn của Thổ Nhĩ Kỳ và nguồn lực bên trong hạn chế của nước này, nguồn tài chính bên ngoài cho đầu tư dự án công và tư có thể sẽ vẫn cần thiết trong những năm tới. Các nhà xuất khẩu nên cung cấp tài chính cho hoạt động xuất khẩu của họ. Ngoài các khoản tín dụng ngắn hạn và trung hạn có sẵn từ các ngân hàng thương mại bằng nội tệ và ngoại tệ, các khoản tín dụng bằng đồng Lira Thổ Nhĩ Kỳ (TL) với chi phí thấp hơn cũng có sẵn từ Ngân hàng Tín dụng Xuất khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ.

Thư tín dụng (LCs) là công cụ nhập khẩu truyền thống cho các giao dịch của khu vực tư nhân. LC phải không thể hủy ngang và được xác nhận bởi một ngân hàng chính của nước xuất khẩu. Khi các nhà nhập khẩu Thổ Nhĩ Kỳ phát triển các mối quan hệ lâu dài và chứng minh mức độ tin cậy của họ, các nhà cung cấp có thể sẵn sàng chấp nhận các chứng từ chống lại việc thanh toán (d/p) hoặc các chứng từ chống lại việc chấp nhận (d/a). Lịch trình trả chậm không phổ biến, ngoại trừ các trường hợp giao dịch lớn mà nguồn tài chính của nhà cung cấp đóng vai trò.

Các ngân hàng Thổ Nhĩ Kỳ tiếp tục bị thắt chặt khả năng tiếp cận tín dụng quốc tế, mặc dù các ngân hàng lớn đi vay quốc tế. Các nhà cung cấp nên xem xét các gói tài trợ dự án khác (ví dụ: tịch thu, bao thanh toán và sử dụng các khoản tín dụng xuất khẩu của nước thứ ba) khi đấu thầu các dự án cơ sở hạ tầng lớn của chính phủ. Các nhà xuất khẩu nên linh hoạt và cố gắng đáp ứng nhu cầu của khách hàng bằng cách tính thêm bất kỳ chi phí liên quan nào vào giá chào.

Các công ty đấu thầu các hợp đồng của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ nên chú ý cẩn thận đến cách thức chuẩn bị các đề xuất và phải tuân thủ chặt chẽ các đặc điểm hành chính. Chi phí tài trợ và rủi ro tỷ giá hối đoái, nếu có, phải được tính vào giá dự thầu. Giá thầu không tuân thủ các đặc điểm quản trị, bao gồm các tiêu chí tài chính, thường bị từ chối. Tính hợp lệ của đề xuất phải được ghi trong thông báo mời thầu. Đấu thầu chính phủ thường liên quan đến giá thầu và trái phiếu thực hiện. Trái phiếu dự thầu không được thấp hơn 3% giá trị gói thầu, trong khi trái phiếu thực hiện thường tương đương 6% giá trị hợp đồng. Trái phiếu dự thầu không bắt buộc đối với dịch vụ tư vấn, nếu nó được đề cập trong hồ sơ mời thầu. Trái phiếu dự thầu không bắt buộc đối với nguồn cung cấp trực tiếp. Tất cả các trái phiếu phải được bảo lãnh đối ứng bởi một ngân hàng quốc gia Thổ Nhĩ Kỳ.

Cơ quan ký hợp đồng có thể đưa một số điều khoản vào hồ sơ mời thầu; đối với mua sắm dịch vụ và công trình, ưu đãi về giá sẽ được áp dụng cho nhà thầu trong nước lên đến 15% và đối với mua sắm hàng hóa, ưu đãi về giá lên đến 15% sẽ áp dụng đối với nhà thầu trong nước cung cấp các sản phẩm là sản phẩm nội địa được chấp nhận bởi chính quyền.

Một số công ty cho thuê hoạt động ở Thổ Nhĩ Kỳ, hầu hết đều thuộc sở hữu của các ngân hàng Thổ Nhĩ Kỳ. Họ tài trợ cho việc mua hàng hóa tư bản đắt tiền như máy bay, đội xe ô tô, thiết bị xây dựng và các thiết bị đặc biệt khác. Việc cho thuê tài chính của Thổ Nhĩ Kỳ trong chi tiêu vốn vẫn chỉ chiếm một phần nhỏ trong chi tiêu vốn ở các nước phát triển. Các điều khoản cho thuê thường là bốn năm, với một khoản thanh toán vào cuối kỳ. Các công ty cho thuê của Thổ Nhĩ Kỳ rất mong muốn làm việc với các đối tác nước ngoài.

Có 56 công ty bao thanh toán Thổ Nhĩ Kỳ (thường là công ty con của các ngân hàng) và 20 trong số đó là thành viên của Tổ chức Nhân tố Chuỗi Quốc tế (FCI) ở Hà Lan. Giống

như các công ty cho thuê, các công ty bao thanh toán và chuyển nhượng thường gặp khó khăn về nguồn vốn.

Hệ thống ngân hàng

Khu vực ngân hàng đóng vai trò trung gian tài chính ít hơn người ta mong đợi trong một nền kinh tế có quy mô và mức độ tinh vi của Thổ Nhĩ Kỳ. Ba ngân hàng thương mại quốc doanh cộng với chín ngân hàng tư nhân lớn nhất chiếm 90% tổng tài sản của toàn hệ thống ngân hàng. Các ngân hàng Thổ Nhĩ Kỳ tham gia vào các dịch vụ ngân hàng cốt lõi, môi giới chứng khoán và các hoạt động kinh doanh khác. Để biết danh sách các ngân hàng được cấp phép ở Thổ Nhĩ Kỳ, vui lòng truy cập vào địa chỉ dưới đây: <https://www.bddk.org.tr/>.

Borsa Istanbul (BIST) là tổ chức trao đổi duy nhất của Thổ Nhĩ Kỳ, kết hợp giữa Sở giao dịch chứng khoán Istanbul (ISE) trước đây, Sở giao dịch vàng Istanbul và Sở giao dịch phái sinh của Thổ Nhĩ Kỳ. Ủy ban Thị trường Vốn của Thổ Nhĩ Kỳ, có trụ sở tại Ankara, chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động của thị trường vốn. Cơ quan Giám sát và Quy định Ngân hàng (BDDK) và Ngân hàng Trung ương Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ chịu trách nhiệm về tính toàn vẹn của hệ thống ngân hàng.

BDDK, chủ yếu, giám sát các hoạt động ngân hàng để đảm bảo, trong số các khía cạnh khác, chúng đáp ứng các yêu cầu thanh khoản và thực thi luật ngân hàng. BDDK cũng được ủy quyền cấp giấy phép thành lập và điều hành một ngân hàng ở Thổ Nhĩ Kỳ cũng như xác định việc xử lý các ngân hàng mất khả năng thanh toán.

Trong khi Ngân hàng Trung ương chịu trách nhiệm chính trong việc điều hành các chính sách tiền tệ và tỷ giá hối đoái ở Thổ Nhĩ Kỳ. Bộ Kho bạc và Tài chính chịu trách nhiệm quản lý kho bạc nhà nước.

Kiểm soát ngoại hối

Không có giới hạn về số lượng ngoại tệ có thể được mang vào Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng không quá 25.000 lira Thổ Nhĩ Kỳ hoặc số ngoại tệ trị giá €10.000 có thể được mang ra ngoài mà không cần khai báo. Mặc dù đồng Lira của Thổ Nhĩ Kỳ (TL) có thể chuyển đổi hoàn toàn, hầu hết các giao dịch quốc tế được tính bằng USD hoặc Euro do chúng được chấp nhận phổ biến. Các ngân hàng kinh doanh ngoại hối, vay và cho vay bằng ngoại tệ. Mặc dù phần lớn, ngoại hối được giao dịch tự do và có sẵn rộng rãi, nhưng một

ngộ định của chính phủ vào tháng 5 năm 2019 đã áp đặt thời gian hoãn thanh toán đối với các giao dịch mua ngoại hối của các cá nhân trên 100.000 USD. Thuế suất giao dịch ngân hàng và bảo hiểm đối với các giao dịch mua ngoại hối cá nhân, bao gồm vàng, đã được tăng lên 1% từ 0,2% vào tháng 5 năm 2020. Thổ Nhĩ Kỳ cắt giảm trần cho các giao dịch hoán đổi ngoại hối, kỳ hạn và quyền chọn mà các ngân hàng địa phương có thể thực hiện với các pháp nhân nước ngoài từ 10 % đến 0,5% vốn chủ sở hữu của người cho vay. Trên thực tế, biện pháp này hạn chế khả năng của các ngân hàng Thổ Nhĩ Kỳ trong việc tiến hành các hoạt động bằng ngoại hối và cho các pháp nhân nước ngoài vay TRY ở nước ngoài. Thổ Nhĩ Kỳ cũng cắt giảm giới hạn đối với giao dịch hoán đổi ngoại hối bên bán bằng TRY, chuyển tiếp và các sản phẩm phái sinh khác với người không cư trú có kỳ hạn 7 ngày xuống còn 1% vốn chủ sở hữu của các ngân hàng; giới hạn mới cho các công cụ có thời gian đáo hạn 30 ngày này được đặt thành 2%. Theo các quy định mới này, khối lượng giao dịch hoán đổi bằng TRY mà các ngân hàng Thổ Nhĩ Kỳ có thể giao dịch ở nước ngoài sẽ giảm. Các nhà đầu tư nước ngoài có thể tự do chuyển đổi và hồi hương lợi nhuận từ đồng Lira Thổ Nhĩ Kỳ của họ.

Một số ngân hàng chủ yếu

Các ngân hàng thương mại và đầu tư liên kết của Hoa Kỳ đã có mặt tại Thổ Nhĩ Kỳ bao gồm Citibank, Ngân hàng Đầu tư Merrill Lynch, JP Morgan Chase và Ngân hàng New York Mellon.

Một số ngân hàng đại lý địa phương bao gồm các ngân hàng thương mại quốc doanh như Ziraat Bank và Vakif Bank cũng như các ngân hàng tư nhân như Turkish Economy Bank, Akbank, Is Bank và Yapi Kredi Bank.

Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

Trong vài năm qua, chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã nỗ lực tăng cường chế độ sở hữu trí tuệ (IP) của mình, bao gồm cả việc tiếp tục thực hiện Luật Sở hữu công nghiệp 2016, trong đó có những điều khoản khác, xử phạt hình sự đối với hành vi xuất nhập khẩu hàng giả và nâng cao khả năng tiêu hủy hàng giả của các cơ quan chức năng. Ngoài ra, luật bản quyền cập nhật đã được xem xét trong hơn một năm, cũng như chiến lược về sở hữu trí tuệ toàn quốc kéo dài 5 năm. Bất chấp những phát triển tích cực này, các chủ thể quyền vẫn còn lo ngại về việc bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ tổng thể ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Doanh nghiệp nước ngoài quan tâm đến việc thực hiện các chính sách gần đây của Thổ Nhĩ Kỳ yêu cầu sản xuất nội địa hóa một số sản phẩm dược phẩm để nằm trong danh sách bồi hoàn của chính phủ. Ngoài ra, các công ty nước ngoài báo cáo rằng chính sách định giá và bồi hoàn quốc gia của Thổ Nhĩ Kỳ đối với các sản phẩm dược phẩm và thiết bị y tế thiếu tính minh bạch và công bằng về thủ tục. Các bên liên quan tiếp tục lo ngại về một số điều khoản cấp phép bắt buộc trong Luật Sở hữu công nghiệp có thể mở rộng quyền quyết định xem xét các giấy phép bắt buộc một cách không phù hợp. Các bên liên quan cũng tiếp tục nêu lên lo ngại rằng Thổ Nhĩ Kỳ không bảo vệ đầy đủ chống lại việc sử dụng thương mại không công bằng, cũng như tiết lộ trái phép, các xét nghiệm hoặc dữ liệu khác được tạo ra để xin phê duyệt tiếp thị cho các sản phẩm dược phẩm và chưa tích cực hành động để giảm sự chậm trễ về quản lý và hành chính trong cấp phê duyệt tiếp thị cho sản phẩm. Thổ Nhĩ Kỳ nên thiết lập một cơ chế hiệu quả để giải quyết sớm các tranh chấp tiềm năng về bằng sáng chế dược phẩm.

Các quốc gia khác khuyến khích Thổ Nhĩ Kỳ thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo Hiệp ước Internet của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) và phát triển các cơ chế hiệu quả để giải quyết vấn đề vi phạm bản quyền trực tuyến. Đồng thời tiếp tục khuyến khích Thổ Nhĩ Kỳ yêu cầu các tổ chức quản lý tập thể tuân thủ các thủ tục công bằng, minh bạch và không phân biệt đối xử. Thổ Nhĩ Kỳ vẫn là một nguồn cung cấp và điểm trung chuyển đáng kể cho hàng giả trong một số lĩnh vực công nghiệp. Mức độ các sản phẩm vi phạm bản quyền ở Thổ Nhĩ Kỳ vẫn ở mức cao. Hơn nữa, việc sử dụng phần mềm không có giấy phép của một số cơ quan chính phủ được báo cáo, cũng như mức độ vi phạm bản quyền kênh truyền hình vệ tinh ngày càng tăng. Các quy trình thực thi bị cản trở bởi sự chậm trễ về thủ tục và không đủ nhân sự, cũng như luật có các hình phạt lỏng lẻo và thủ tục không đầy đủ.

Tại bất kỳ thị trường nước ngoài nào, các công ty nên xem xét một số nguyên tắc chung để bảo vệ hiệu quả tài sản trí tuệ của mình.

Bán hàng cho khu vực công

Bán hàng cho Chính phủ

Các quy định và thông lệ về đấu thầu được giải thích dưới đây. Đối với các dự án cơ sở hạ tầng lớn, chẳng hạn như cầu, sân bay, bến cảng, bệnh viện, đường cao tốc, giao thông vận tải và cơ sở hạ tầng loại hình dịch vụ công cộng khác, chính phủ tăng cường tổ chức

đấu thầu theo hình thức xây dựng-kinh doanh-chuyển giao (BOT) hoặc hợp tác công-tư (PPP). Đối với những loại dự án này, chính phủ đảm bảo một lượng khách hoặc khách hàng nhất định và đáp ứng mức chênh lệch giá cho đến khi đạt được số lượng mục tiêu. Một số dự án có điều kiện về sản xuất đặc biệt tại địa phương hoặc sử dụng vật liệu sản xuất trong nước.

Mặc dù Thổ Nhĩ Kỳ đã là thành viên WTO từ năm 1995, nhưng nước này vẫn chưa ký Hiệp định Mua sắm Chính phủ (GPA) của WTO mà thay vào đó đã có tư cách quan sát viên từ năm 1996. Luật Mua sắm công số 4734 và Luật hợp đồng mua sắm công số 4735 xác định thủ tục đấu thầu đối với lĩnh vực mua sắm công và thực hiện các dự án mới. Việc sơ tuyển và đăng ký nhà thầu hầu hết được thực hiện theo phương thức điện tử. Trong một số trường hợp, tài liệu gốc được yêu cầu để tránh lạm dụng.

Các công ty được thành lập ở Thổ Nhĩ Kỳ, bao gồm cả các công ty con của các công ty nước ngoài, có thể đăng ký công ty của họ và đính kèm bất kỳ tài liệu bắt buộc nào tại “Nền tảng Mua sắm Công Điện tử” (viết tắt là EKAP trong tiếng Thổ Nhĩ Kỳ) có trong trang web của EKAP: <https://ekap.kik.gov.tr/EKAP/Default.aspx?ReturnUrl=%2fEKAP%2f>

Các tài liệu được nhập vào EKAP dưới tên công ty cần phải là tài liệu chính thức và được quét. Đối với các hồ sơ dự thầu do liên danh nộp, giấy chứng nhận hoàn thành công việc của mỗi công ty sẽ được các ủy ban đấu thầu chấp nhận. Chứng chỉ hoàn thành công việc nhận được từ công việc đã hoàn thành trước đó có giá trị trong vòng 5 năm. Các tài liệu nước ngoài có apostille hoặc các tài liệu được lãnh sự Thổ Nhĩ Kỳ chấp thuận đều được chấp nhận.

Kể từ khi đấu thầu điện tử bắt đầu vào đầu năm 2019, hàng nghìn lượt đấu thầu đã được thực hiện thông qua hệ thống này. Dự kiến, hệ thống sẽ được mở rộng để bao phủ đối với các gói thầu thiết bị y tế. Các nhà thầu/nhà sản xuất trong nước thường có lợi thế về giá 15%, khiến các nhà thầu nước ngoài gặp bất lợi.

Các công ty nước ngoài nên hợp tác chặt chẽ với đối tác/đại diện hoặc nhà tư vấn pháp lý địa phương để phân tích các thông số kỹ thuật của đấu thầu mua sắm công không chỉ về mặt tuân thủ kỹ thuật mà còn về việc tuân thủ tài liệu bắt buộc và các chi phí bổ sung liên quan. Các luật và quy định chính điều chỉnh hoạt động mua sắm của chính phủ được tìm thấy tại trang web của Cơ quan Mua sắm Công (KIK): <http://www.kik.gov.tr/>.

Đối với đấu thầu và hợp đồng quốc phòng, Chủ tịch Công nghiệp Quốc phòng (SSB) và Bộ Quốc phòng có quy định về mua sắm riêng. Hoạt động mua sắm của SSB được tài trợ ngoài ngân sách, thông qua các loại thuế đặc biệt, và không phải tuân theo luật mua sắm công.

KIK phê duyệt các điều kiện đấu thầu công và đánh giá các khiếu nại về hành vi sai trái trong đấu thầu mua sắm công với một mức phí nhất định được điều chỉnh bởi các quy định liên quan. Nhà thầu có thể phản đối thông số kỹ thuật hoặc điều kiện đấu thầu sau khi mua hồ sơ mời thầu nhưng trước ngày đóng thầu. KIK đánh giá các phản đối và đưa ra quyết định phù hợp với các quy định. Quyết định của KIK là quyết định cuối cùng trừ khi một nhà thầu kháng cáo tại tòa án. Các nhà thầu cũng có thể nộp hồ sơ tại KIK nếu họ cho rằng có hành vi sai trái sau khi kết thúc đánh giá nhưng trước khi thu hồi trái phiếu dự thầu.

Đối với đấu thầu của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, đề xuất nói chung phải có hiệu lực từ 3 đến 6 tháng kể từ ngày đấu thầu. Cùng với đề xuất, một trái phiếu dự thầu (thư bảo lãnh của ngân hàng) tương đương 3% giá trị dự thầu phải được nộp. Trái phiếu dự thầu phải được phát hành bởi một ngân hàng Thổ Nhĩ Kỳ, được bảo lãnh đối ứng bởi ngân hàng của nhà thầu và có giá trị ít nhất trong khoảng thời gian có hiệu lực của giá thầu, thường là 3 tháng. Đối với đấu thầu tư vấn không cần có trái phiếu dự thầu. Một trái phiếu dự thầu do ngân hàng của nhà thầu phát hành cho chủ dự án để đảm bảo rằng nhà thầu trúng thầu sẽ thực hiện hợp đồng theo các điều khoản mà họ dự thầu. Hành động này chỉ được thực hiện nếu bên giao thầu không ký hợp đồng theo thỏa thuận với chủ dự án.

Sau khi một công ty được trao hợp đồng, nhà thầu sau đó sẽ trở thành nhà thầu và phải cung cấp một trái phiếu thực hiện hợp đồng, thường là 6% số tiền của hợp đồng và có giá trị trong suốt quá trình giao hàng hoặc mỗi lần nghiệm thu cuối cùng bắt đầu từ ngày ký hợp đồng. Tất cả trái phiếu phải được phát hành bởi một ngân hàng Thổ Nhĩ Kỳ và được bảo lãnh đối ứng (xác nhận) bởi ngân hàng của người đấu thầu.

Tài trợ cho các dự án

Tài trợ dự án có sẵn thông qua nhiều nguồn, bao gồm các ngân hàng thương mại Thổ Nhĩ Kỳ và nước ngoài cũng như các ngân hàng đầu tư.

Trong khi Thổ Nhĩ Kỳ cũng bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, nước này vẫn tiếp tục mang đến một số cơ hội lớn cho các nhà xuất khẩu nước ngoài trong các dự án cơ sở hạ

tăng. Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Châu Âu (EBRD) và Ngân hàng Thế giới/Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế tiếp tục tài trợ cho các dự án lớn ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Các Ngân hàng Phát triển Đa phương và Tài trợ Bán hàng cho Chính phủ

Giá cả, điều khoản thanh toán và tài chính có thể là một yếu tố quan trọng trong việc giành được hợp đồng trong chính phủ. Nhiều chính phủ tài trợ cho các dự án công trình công cộng thông qua việc vay vốn từ các Ngân hàng Phát triển Đa phương (MDB). Hướng dẫn hữu ích để làm việc với MDB là Hướng dẫn Kinh doanh với các Ngân hàng Phát triển Đa phương.

Tìm hiểu thêm bằng cách tham khảo liên kết dưới đây:

- Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Châu Âu: <https://2016.export.gov/ebrd/>.
- Ngân hàng thế giới: <https://www.worldbank.org/en/home>.

Chương 4: Quan hệ hợp tác Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ

Quan hệ ngoại giao

Ngày 7/6/1978, hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao.

Tháng 2/1997, Thổ Nhĩ Kỳ lập Đại sứ quán thường trú tại Hà Nội. Tháng 10/1999, ta mở Văn phòng Đại diện Thương mại tại Istanbul. Tháng 7/2002, ta mở Tổng Lãnh sự quán tại Istanbul.

Tháng 10/2003, ta nâng Tổng Lãnh sự quán tại Istanbul lên Đại sứ quán và chuyển về Ankara.

Tuy xa cách về địa lý, Việt Nam và Thổ Nhĩ Kỳ chia sẻ với nhau những nét tương đồng trong lịch sử bảo vệ, xây dựng đất nước, cùng có truyền thống văn hóa lâu đời và đầy bản sắc. Ngày nay hai nước đều đang trong quá trình đẩy mạnh phát triển đất nước, duy trì tốc độ tăng trưởng cao.

Với lãnh thổ nằm trên cả trên châu Á và châu Âu, Thổ Nhĩ Kỳ là một nước kinh tế phát triển, đứng trong nhóm 20 nước kinh tế phát triển nhất - G20, có sức ảnh hưởng lớn trong quan hệ quốc tế với các nước trong khu vực Trung Đông nói riêng và châu Á nói chung.

Việt Nam, với chính sách chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng, tham gia sâu vào các liên kết kinh tế quốc tế, đã và đang trở thành mắt xích quan trọng trong mạng lưới liên kết kinh tế rộng lớn với 59 đối tác, trong đó có 15 thành viên của G-20, đặc biệt là thành viên tích cực, chủ động trong ASEAN.

Coi trọng quan hệ với các nước châu Á, đặc biệt là các nước ASEAN trong những năm gần đây, Thổ Nhĩ Kỳ đánh giá Việt Nam là một trong những đối tác tin cậy và mạnh mẽ trong khu vực. Đối với Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ là đối tác thương mại hàng đầu tại Trung Đông.

Nền tảng quan trọng của quan hệ hợp tác ngày càng chặt chẽ giữa Việt Nam và Thổ Nhĩ Kỳ là sự tin cậy chính trị ngày càng được củng cố. Hai bên duy trì tiếp xúc ở các cấp, các ngành. Việt Nam và Thổ Nhĩ Kỳ thường xuyên ủng hộ nhau trên các diễn đàn quốc tế và khu vực.

Thổ Nhĩ Kỳ là một trong những nước sớm ủng hộ Việt Nam ứng cử vào vị trí Thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020-2021 và nhiều diễn đàn khác. Hai nước cùng quan tâm và hợp tác chặt chẽ trong việc chống khủng bố và chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan.

Tháng 7/2016, Hãng Hàng không quốc gia Thổ Nhĩ Kỳ - Turkish Airlines đã mở đường bay trực tiếp nối giữa Istanbul và Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh với tần suất 1 chuyến/ngày. Đường bay này không chỉ mở ra một tuyến trung chuyển mới từ Việt Nam đi các nước khác trên thế giới, đặc biệt là khu vực Trung Đông - châu Phi mà quan trọng nhất là góp phần tăng cường giao lưu nhân dân, mang những thương nhân và người dân hai nước xích lại gần nhau. Ngày nay, mảnh đất nối liền Á - Âu này là địa điểm hấp dẫn nhiều người Việt Nam và món ăn nem, phở của Việt Nam cũng được nhiều người Thổ Nhĩ Kỳ ưa thích...

Quan hệ thương mại giữa Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ giai đoạn năm 2016 - 2020

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) trên trademap.org, năm 2020, Việt Nam đang đứng thứ 33 trong số 223 quốc gia xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ, đứng thứ hai trong khu vực ASEAN (sau Malaysia). Ở chiều ngược lại, Việt Nam đứng thứ 81 trong tổng số 223 quốc gia nhập khẩu từ Thổ Nhĩ Kỳ.

Trao đổi thương mại song phương giữa Việt Nam và Thổ Nhĩ Kỳ giai đoạn 2016 – 2020 ghi nhận những tín hiệu không khả quan. Năm 2016, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước đạt 1,5 tỷ USD, đến năm 2017 đạt 2,126 tỷ USD, tăng 41,7% so với năm 2016. Tuy nhiên, từ năm 2018 đến năm 2020, liên tục mức tăng trưởng âm, trao đổi thương mại hai nước liên tục sụt giảm, năm sau thấp hơn năm trước. Năm 2018, trao đổi thương mại song phương giảm 20,1%, đạt 1,699 tỷ USD chủ yếu do xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ giảm mạnh 25,7% và trong khi nhập khẩu của Việt Nam từ Thổ Nhĩ Kỳ tăng 27,6%.

Thống kê của Tổng cục Hải quan cho thấy, giai đoạn 2018 – 2020, xuất khẩu của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ suy giảm liên tục, cụ thể: năm 2018 giảm 25,8% so với năm 2017, năm 2019 giảm 19,3% so với năm 2018 và 2020 tiếp tục giảm 14% so với năm trước.

Nếu như năm 2017 giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 1,903 tỷ USD thì tới năm 2020 chỉ đạt 981 triệu USD.

Sau nhiều năm nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Thổ Nhĩ Kỳ tăng mạnh, thì năm 2020 ghi nhận mức tăng trưởng âm tới 21,7%. Năm 2016, giá trị nhập khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Thổ Nhĩ Kỳ chỉ 171 triệu USD. Tới năm 2019, giá trị nhập khẩu đạt 352 triệu USD, gấp 2 lần so với năm 2016.

Cán cân thương mại giữa Việt Nam với Thổ Nhĩ Kỳ trong cả giai đoạn 2016 – 2020 nghiêng thặng dư về phía Việt Nam. Tuy nhiên từ năm 2018, giá trị thặng dư trong cán cân thương mại với Thổ Nhĩ Kỳ liên tục giảm do xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này giảm liên tục như đã phân tích ở trên. Năm 2017, thặng dư thương mại của Việt Nam với Thổ Nhĩ Kỳ là 1,679 tỷ USD, đến năm 2020, giá trị thặng dư chỉ còn 705 triệu USD.

Thống kê kim ngạch xuất nhập khẩu và cán cân thương mại Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ giai đoạn 2016 - 2020



Thương mại Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ 09 tháng đầu năm 2021

Chín tháng đầu năm 2021, ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 lan rộng, diễn biến phức tạp tại Việt Nam cũng như trên toàn cầu, nhưng trao đổi thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Thổ Nhĩ Kỳ lại ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 22,7% so với cùng kỳ năm 2020. Cụ thể, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam tăng 49,2%, đạt 298,424 triệu USD so với giá trị 200,053 triệu USD của năm 2020.

Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác là mặt hàng mà Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ Thổ Nhĩ Kỳ trong 9 tháng đầu năm 2021 với giá trị 91,3 triệu USD, tăng tới 84% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 30,6% tổng giá trị nhập khẩu của Việt Nam từ quốc gia này. Tiếp theo sau là vải các loại, đạt 20 triệu USD, giảm 10,2% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 6,7% tổng giá trị nhập khẩu của Việt Nam từ Thổ Nhĩ Kỳ. Đứng thứ 3 là

Quặng và khoáng sản khác, đạt 18,9 triệu USD, tăng tới 219,2% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 6,3% trong giỏ hàng hóa nhập khẩu từ Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam. Hóa chất đứng ở vị trí thứ 4 với giá trị đạt 18,1 triệu USD, tăng 6,6%, chiếm 6,1%. Tiếp theo là sản phẩm hóa chất đạt 11,1 triệu USD, tăng 20,9% so với cùng kỳ...

Ở chiều xuất khẩu, giá trị hàng hóa Việt Nam vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ trong 9 tháng đầu năm 2021 cũng tăng 15,3%, bất chấp tình hình giãn cách xã hội kéo dài ở trong nước do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, đạt 832,157 triệu USD so với kết quả thực hiện đạt 721,488 triệu USD cùng kỳ năm 2020. Điện thoại các loại và linh kiện đứng đầu trong danh sách hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu nhiều vào Thổ Nhĩ Kỳ với giá trị đạt 277,638 triệu USD, tăng 21,2% so với cùng kỳ 2020, chiếm 33,4% tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này. Xơ, sợi dệt các loại giảm nhẹ 0,8%, giá trị xuất khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ đạt 65,305 triệu USD so với kết quả thực hiện 65,850 triệu USD của 9 tháng đầu năm 2020 và chiếm 7,8% trong cơ cấu xuất khẩu vào thị trường này (theo giá trị) của Việt Nam. Đứng ở vị trí thứ 3 là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, đạt 59,091 triệu USD, giảm tới 51,8% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 7,1%. Chất dẻo nguyên liệu xuất khẩu vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ trong 9 tháng đầu năm 2021 lại ghi nhận mức tăng lên tới 7.265,2% so với cùng kỳ, đạt 56,507 triệu USD so với 767.219 USD cùng kỳ năm 2020, chiếm 6,8% tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này. Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác ghi nhận mức tăng trưởng trong cùng giai đoạn là 73,5%, đạt 54,747 triệu USD, chiếm 6,6%.

Xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ ghi nhận tăng 92,6% so với cùng kỳ năm 2020 với giá trị 42,87 triệu USD, chiếm 5,2% trong giỏ hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này.

Chín tháng đầu năm 2021, còn ghi nhận sự tăng trưởng mạnh về giá trị xuất khẩu mặt hàng phương tiện vận tải và phụ tùng vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ với mức tăng 144%, đạt 37,836 triệu USD. Một số các mặt hàng khác của Việt Nam ghi nhận sự mức tăng khá cao so với cùng kỳ năm 2020 về giá trị xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ như: hạt tiêu (tăng 67% - đạt 9,787 triệu USD); sắt thép các loại (tăng 34,5% - đạt 3,833 triệu USD); nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày (tăng 43,1% - đạt 2,609 triệu USD); gạo (tăng 78% - đạt 928.212 USD). Một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu giảm bao gồm: hàng dệt may

(giảm 18,1%); giày dép các loại (giảm 18,1%); gỗ và sản phẩm gỗ (giảm 17,1%); chè (giảm 85,9%).

Hàng hóa xuất khẩu sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ 9 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Giá trị		Thay đổi so với cùng kỳ 2020	Tỷ trọng trong tổng giá trị XK của VN sang Thổ Nhĩ Kỳ
	9T/2020	9T/2021		
Điện thoại các loại và linh kiện	229,2	277,6	21,2%	33,4%
Xơ, sợi dệt các loại	65,8	65,3	-0,8%	7,8%
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	122,7	59,1	-51,8%	7,1%
Chất dẻo nguyên liệu	0,8	56,5	7265,2%	6,8%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	31,6	54,7	73,5%	6,6%
Cao su	22,3	42,9	92,6%	5,2%
Phương tiện vận tải và phụ tùng	15,5	37,8	144,0%	4,5%
Hàng dệt, may	29,1	23,8	-18,1%	2,9%
Giày dép các loại	27,9	22,8	-18,1%	2,7%
Hạt tiêu	5,9	9,8	67,0%	1,2%
Sản phẩm từ chất dẻo	5,5	5,7	5,4%	0,7%
Sản phẩm từ cao su	5,3	5,5	5,1%	0,7%
Hàng thủy sản	4,7	4,2	-10,6%	0,5%
Sắt thép các loại	1,1	3,8	261,7%	0,5%
Gỗ và sản phẩm gỗ	3,2	2,6	-17,1%	0,3%
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	1,8	2,6	43,2%	0,3%
Gạo	0,5	0,9	78,0%	0,1%
Chè	0,6	0,1	-85,9%	0,0%
Hàng hóa khác	148,3	156,2	5,3%	18,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan.

Các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ (theo trademap.org)

Bảng: Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ giai đoạn 2016 - 2020

Đơn vị tính: nghìn USD

Mã HS	Tên mặt hàng	Thổ Nhĩ Kỳ nhập khẩu từ Việt Nam					% thay đổi				% trong tổng XK của Việt Nam ra thế giới					% trong tổng NK của Thổ Nhĩ Kỳ từ thế giới				
		2016	2017	2018	2019	2020	2017/2016	2018/2017	2019/2018	2020/2019	2016	2017	2018	2019	2020	2016	2017	2018	2019	2020
'85	Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tài tạo âm thanh, máy ghi và tài tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ tùng của các loại máy trên	841.918	2.120.595	1.040.542	787.004	627.951	151,9%	-50,9%	-24,4%	-20,2%	1,5%	2,8%	1,2%	0,8%	0,6%	4,2%	10,0%	6,3%	5,1%	3,7%
'84	Lo phân ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và trang thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng	155.481	141.062	104.457	111.258	147.658	-9,3%	-25,9%	6,5%	32,7%	1,6%	1,3%	0,9%	0,8%	0,8%	0,6%	0,5%	0,4%	0,5%	0,6%

Mã HS	Tên mặt hàng	Thổ Nhĩ Kỳ nhập khẩu từ Việt Nam					% thay đổi				% trong tổng XK của Việt Nam ra thế giới					% trong tổng NK của Thổ Nhĩ Kỳ từ thế giới				
		2016	2017	2018	2019	2020	2017/2016	2018/2017	2019/2018	2020/2019	2016	2017	2018	2019	2020	2016	2017	2018	2019	2020
'64	Giày, dép, ghê và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên	158.461	141.366	146.182	138.497	129.205	-10,8%	3,4%	-5,3%	-6,7%	1,2%	0,9%	0,9%	0,7%	0,7%	21,6%	20,9%	23,5%	25,7%	25,9%
'54	Sợi filament nhân tạo; sợi dạng dãi và các dạng tương tự từ nguyên liệu dệt nhân tạo	95.215	37.127	65.895	64.004	75.255	-61,0%	77,5%	-2,9%	17,6%	12,7%	4,0%	5,8%	5,7%	7,7%	4,5%	1,6%	3,1%	2,8%	4,2%
'40	Cao su và các sản phẩm bằng cao su	37.667	55.971	49.043	49.012	46.989	48,6%	-12,4%	-0,1%	-4,1%	1,3%	1,5%	1,3%	1,1%	1,0%	1,5%	1,9%	1,7%	1,9%	1,7%
'08	Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa	5.177	6.793	22.016	37.038	45.545	31,2%	224,1%	68,2%	23,0%	0,1%	0,1%	0,4%	0,6%	0,9%	1,0%	1,2%	3,9%	3,9%	5,0%

Mã HS	Tên mặt hàng	Thổ Nhĩ Kỳ nhập khẩu từ Việt Nam					% thay đổi				% trong tổng XK của Việt Nam ra thế giới					% trong tổng NK của Thổ Nhĩ Kỳ từ thế giới				
		2016	2017	2018	2019	2020	2017/2016	2018/2017	2019/2018	2020/2019	2016	2017	2018	2019	2020	2016	2017	2018	2019	2020
'62	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc	50.541	55.276	53.679	49.744	40.266	9,4%	-2,9%	-7,3%	-19,1%	0,4%	0,4%	0,4%	0,3%	0,3%	3,0%	4,1%	5,0%	5,4%	5,4%
'61	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc	23.637	25.951	27.529	30.682	26.640	9,8%	6,1%	11,5%	-13,2%	0,2%	0,2%	0,2%	0,2%	3,0%	3,5%	4,4%	5,0%	4,9%	
'73	Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép	29.842	40.153	26.905	20.677	26.074	34,6%	-33,0%	-23,1%	26,1%	1,5%	1,7%	0,9%	0,6%	0,8%	1,0%	1,4%	1,0%	0,8%	1,1%
'90	Dụng cụ, thiết bị và máy quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra độ chính xác, y tế hoặc phẫu thuật; các bộ phận và phụ tùng	12.156	61.456	42.220	24.649	22.411	405,6%	-31,3%	-41,6%	-9,1%	0,3%	0,8%	0,5%	0,5%	0,6%	0,3%	1,2%	0,9%	0,5%	0,5%

• Các mặt hàng xuất khẩu chính

1. Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ tùng của các loại máy trên (HS85)

Đơn vị tính: nghìn USD

Đơn vị tính: nghìn USD

	2016	2017	2018	2019	2020
Nhập khẩu từ Việt Nam	841.918	2.120.595	1.040.542	787.004	627.951
Nhập khẩu từ thế giới	20.134.976	21.152.440	16.569.507	15.450.119	17.139.594
% trong tổng nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ từ thế giới	4,2%	10,0%	6,3%	5,1%	3,7%

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) – Trademap.org

Năm 2020, Việt Nam là nhà cung ứng các sản phẩm thuộc nhóm hàng HS85 lớn thứ 4 vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ với kim ngạch 627,951 triệu USD, giảm 20,2% so với năm 2019, chiếm 3,7% trong tổng giá trị nhập khẩu nhóm hàng HS85 của Thổ Nhĩ Kỳ từ thế giới. Năm 2020, thâm hụt thương mại của Thổ Nhĩ Kỳ đối với nhóm hàng này với Việt Nam là 608,360 triệu USD. Năm 2016, Việt Nam chiếm thị phần tại thị trường này đối với nhóm

hàng HS85 vào khoảng 4,2% thì năm 2017 tăng vọt lên 10%. Tuy nhiên, năm 2018 giảm xuống chỉ còn chiếm 6,3% và năm 2019 còn 5,1%. Trong cả giai đoạn 2015 – 2019, tăng trưởng xuất khẩu bình quân của nhóm hàng này vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ là -15%.

Trung Quốc luôn là quốc gia xuất khẩu nhiều sản phẩm thuộc nhóm hàng HS85 nhất vào Thổ Nhĩ Kỳ. Năm 2016, giá trị xuất khẩu của Trung Quốc đối với nhóm hàng này sang Thổ Nhĩ Kỳ là 8,589 tỷ USD. Kể từ năm 2017 ghi nhận mức sụt giảm liên tiếp trong ba năm liền, tới năm 2019 đạt 5,296 tỷ USD. Năm 2020 tăng trưởng 11% so với năm 2019, đạt 6,895 tỷ USD, chiếm 40,2% thị phần. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 – 2020 là -7%. Năm 2020, đứng ở vị trí thứ 2 là Đức với gần 1,953 tỷ USD (chiếm 11,4%), thứ 3 là Nhật Bản: 754,239 triệu USD (chiếm 4,3%); Hoa Kỳ đứng thứ 5: 580,821 triệu USD (chiếm 3,4%)...

Các sản phẩm xuất khẩu chính từ Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ thuộc nhóm hàng (HS85) đạt giá trị xuất khẩu cao gồm: HS8517, trừ loại thiết bị truyền hoặc thu của nhóm 84.43, 85.25, 85.27 hoặc 85.28; HS8529 bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các thiết bị thuộc các nhóm từ 85.25 đến 85.28; HS8528; HS8542; HS8541

Mức tăng trưởng bình quân của nhóm sản phẩm (HS8528), (HS8529) cả giai đoạn 2016 - 2020 lần lượt là 208% và 81%.

Giai đoạn 2016 – 2020, (HS8517) là sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ, áp đảo về giá trị so với các sản phẩm khác nằm trong nhóm hàng (HS85). Năm 2016, giá trị xuất khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ đạt 745,146 triệu USD, chiếm 88,5% trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm sản phẩm (HS85) của Việt Nam sang thị trường này. Năm 2017 tăng 10,7% so với năm 2016, đạt 825,194 triệu USD, chiếm 38,9%. Trong các năm 2018, 2019 và 2020 ghi nhận sự sụt giảm liên tục về giá trị xuất khẩu sản phẩm (HS8517) vào Thổ Nhĩ Kỳ với các mức giảm lần lượt là -14% (đạt 709,975 triệu USD), -34,3% (đạt 466,498 triệu USD) và -31,2% (đạt 321,013 triệu USD). Năm 2020, xuất khẩu mặt hàng (HS8517) chiếm 51,1% tổng giá trị xuất khẩu nhóm sản phẩm (HS85) sang Thổ Nhĩ Kỳ. Thị phần của Việt Nam tại thị trường Thổ Nhĩ Kỳ đối với sản phẩm (HS8517) đạt cao nhất vào năm 2018 với 22% thị phần, đến năm 2020 chỉ còn 9,5%. Còn nếu so sánh với tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm (HS8517) của Việt Nam ra thế giới, thì tỷ trọng xuất khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ cao nhất vào năm 2016 đạt 2,1%, các năm sau đó giảm dần đều, tới năm 2020, xuất khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ chỉ

còn chiếm 0,5%. Việt Nam chỉ xếp sau Trung Quốc trong số những nhà cung cấp sản phẩm (HS8517) hàng đầu cho Thổ Nhĩ Kỳ. Mức thuế trung bình mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho mặt hàng này của Việt Nam là 0,6%.

Vị trí thứ hai trong nhóm hàng (HS85) mà Việt Nam xuất khẩu có giá trị cao vào Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 là (HS8529), đạt 6,185 triệu USD, tăng trưởng bình quân cả giai đoạn 2016 – 2020 là 81%. Năm 2020 ghi nhận mức tăng trưởng âm 29,4% so với năm 2019. Nếu như năm 2016, (HS8529) chỉ chiếm tỷ trọng 0,7% trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm hàng (HS85) của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ thì năm 2017 đã chiếm 10,3%, năm 2018 chiếm 19%, 2019 chiếm 23,4% và 2020 chiếm 20,7%. Thị phần sản phẩm (HS8529) của Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ năm 2016 chỉ là 0,6% thì năm 2019 chiếm tới 18,2%. Tuy nhiên năm 2020 giảm chỉ còn 11,9%. Còn so sánh với tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm (HS8529) của Việt Nam ra thế giới, thị trường Thổ Nhĩ Kỳ chiếm tỷ trọng khá nhỏ vào năm 2016 chỉ với 1,5%; năm 2017 tăng vọt chiếm tới 33,1%; năm 2018 chỉ còn chiếm 7,7% và tới năm 2020 chỉ chiếm 2,4%.

Tiếp theo là sản phẩm (HS8528), năm 2020, giá trị xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 47,8 triệu USD. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 – 2020 đạt 208%. Thị phần sản phẩm này của Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ chỉ là 0,1% vào năm 2016, thì năm 2018 đã tăng lên 8,3% và năm 2019 đạt 13,9%. Năm 2020 chiếm 9,5% thị phần. Việt Nam là nhà cung ứng lớn thứ 03 sản phẩm này cho Thổ Nhĩ Kỳ, chỉ đứng sau Trung Quốc và Cộng hòa Séc. Thuế suất bình quân đối với sản phẩm (HS8528) của Việt Nam khi nhập khẩu vào thị trường này là 6,5%.

Thứ 4 là (HS8542), giá trị xuất khẩu sản phẩm này sang Thổ Nhĩ Kỳ năm 2020 đạt 26,043 triệu USD, tăng tới 69,4% so với năm 2019. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân của sản phẩm này vào Thổ Nhĩ Kỳ trong giai đoạn 2016 – 2020 là -3%. Mức thuế trung bình của Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng đối với sản phẩm này từ Việt Nam là 0%. Việt Nam chiếm thị phần khoảng 4,9% trong nhập khẩu (HS8542) của Thổ Nhĩ Kỳ. (HS8542) chiếm tỷ trọng khoảng 4,1% trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm hàng (HS85) của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ năm 2020. Việt Nam xếp vị trí thứ 06 trong số các nhà cung cấp sản phẩm này sang Thổ Nhĩ Kỳ, sau Đài Loan, Trung Quốc, Malaysia, Hoa Kỳ và Thái Lan.

2. Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và trang thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng (HS84)

Đơn vị tính: nghìn USD

	2016	2017	2018	2019	2020
Nhập khẩu từ Việt Nam	155.481	141.062	104.457	111.258	147.658
Nhập khẩu từ thế giới	27.296.283	27.164.479	25.769.824	22.158.719	25.271.976
% trong tổng nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ từ thế giới	0,6%	0,5%	0,4%	0,5%	0,6%

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) – Trademap.org

Năm 2020, Việt Nam đứng thứ 25 trong số các nhà cung cấp nhiều nhóm hàng (HS84) nhất tại Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần 0,6%. Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị xuất khẩu vào thị trường này giai đoạn 2016 – 2020 là -3%. Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại mặt hàng (HS84) với Thổ Nhĩ Kỳ là 111,693 triệu USD trong năm 2020, giá trị xuất khẩu vào thị trường này đạt 147,658 triệu USD, tăng 32,7% so với kết quả thực hiện năm 2019. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho (HS84) của Việt Nam là 0%. Đây là mức thuế thấp hơn so với mức 1,3% mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm có xuất xứ Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan, Nam Phi, Liên Bang Nga, bằng với Đức, Italy, Vương quốc Anh...

Trung Quốc là nhà cung ứng lớn nhất nhóm hàng (HS84) cho Thổ Nhĩ Kỳ trong nhiều năm liền. Tốc độ xuất khẩu bình quân nhóm hàng này của Trung Quốc vào Thổ Nhĩ Kỳ trong giai đoạn 2016 – 2020 là -1%. Giá trị nhập khẩu nhóm hàng (HS84) của Thổ Nhĩ Kỳ từ Trung Quốc năm 2020 đạt gần 6,146 tỷ USD, tăng 57% so với năm 2019. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Trung Quốc cao hơn Việt Nam 1,3 điểm phần trăm, ở mức 1,3%. Mặc dù vậy, Trung Quốc vẫn chiếm thị phần lớn trong tổng giá trị nhập khẩu nhóm hàng (HS84) của Thổ Nhĩ Kỳ với 24,3%. Các nhà cung cấp lớn khác trong năm 2020 gồm: Đức (đạt 4,323 tỷ USD, chiếm 17,1% thị phần); Italy (2,345 tỷ USD, chiếm 9,3%); Vương quốc Anh (1,497 tỷ USD, chiếm 5,9%) và Hoa Kỳ (1,3 tỷ USD, chiếm 5,1%).

Các sản phẩm thuộc nhóm hàng (HS84) mà Việt Nam xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 gồm: HS8471; HS8443; HS8470; HS8452; HS8414.

Các sản phẩm có giá trị xuất khẩu trên 10 triệu USD trong nhóm hàng (HS84) là (HS8471), (HS8443), HS(8470), (HS6402) và (HS8452).

Sản phẩm trong nhóm (HS84) có giá trị xuất khẩu cao nhất vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam là (HS8471). Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân hàng năm mặt hàng này của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ giai đoạn 2016 - 2020 là -10%. Năm 2016 đạt 66,426 triệu USD, năm 2017 giảm 16,8% so với năm 2016, đạt 55,240 triệu USD; năm 2018 giảm 38% so với năm trước, đạt 34,258 triệu USD; năm 2019 giảm 37%, chỉ còn 21,584 triệu USD. Năm 2020, xuất khẩu mặt hàng (HS8471) của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ quay đầu tăng mạnh 196%, đạt 63,889 triệu USD. Việt Nam xếp vị trí thứ 05 trong tổng số các nhà cung ứng sản phẩm này vào Thổ Nhĩ Kỳ, thị phần chiếm khoảng 2,6% trong năm 2020. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm (HS8471) của Việt Nam là 0%. Xét trong tổng giá trị xuất khẩu mặt hàng này ra thế giới của Việt Nam, tỷ trọng thị trường Thổ Nhĩ Kỳ chỉ chiếm khoảng 1,2%. Tỷ trọng của sản phẩm (HS8471) trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm (HS84) của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ chiếm khoảng 42,7% (năm 2020).

Vị trí thứ hai trong nhóm hàng (HS84) mà Việt Nam xuất khẩu nhiều vào Thổ Nhĩ Kỳ là (HS8443). Mức tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân giai đoạn 2016 – 2020 là 3%. Tỷ trọng sản phẩm (HS8443) trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm hàng (HS84) của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt cao nhất là 24,3% vào năm 2018, năm 2020 giảm xuống chỉ còn chiếm 17,1%. Năm 2020, giá trị xuất khẩu (HS8443) sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 25,541 triệu USD so với 20,650 triệu USD của năm 2016. Mức thuế Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 0%. Đây là mức thuế thấp hơn mức 0,6% mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm của Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Hoa Kỳ, Đài Loan..., tương đương với Đức, Italy, Malaysia, Philippines...

Vị trí thứ ba trong nhóm hàng (HS84) mà Việt Nam xuất khẩu nhiều sang Thổ Nhĩ Kỳ là (HS8470). Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu trung bình giai đoạn 2016 – 2020 sản phẩm này vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam là -8%. Việt Nam đứng vị trí thứ 2 trong số các nhà cung ứng sản phẩm (HS8470) cho Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần 27,8%. Mức thuế Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 0%. Giá trị xuất khẩu (HS8470) vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ năm 2016 là 35,289 triệu USD, năm 2017 là 27,172 triệu USD, năm 2018 đạt 12,476 triệu USD (giảm 54,1% so với năm 2017), bước sang năm 2019 tăng 150,8%, đạt 31,295 triệu USD; năm 2020 giảm 29,9% so với năm 2019, đạt 21,926 triệu USD.

Việt Nam xuất khẩu mặt hàng (HS8452) sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 đạt 14,223 triệu USD, giảm 10,7% so với năm 2019. Giai đoạn 2016 – 2020, xuất khẩu tăng trưởng trung bình ở mức -1%. Năm 2020, với thị phần 10,6%, Việt Nam xếp ở vị trí thứ 2 trong số các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu (HS8452) vào Thổ Nhĩ Kỳ. Mức thuế mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho Việt Nam ở mức 0%, thấp hơn mức 3,9% mà quốc gia này áp cho sản phẩm từ Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Hoa Kỳ, Thái Lan, Hồng Kông, Hàn Quốc, Cannada... và tương đương với Pháp, Đức, Ấn Độ...

3. Giày, dép, ghệt và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên (HS64)

Đơn vị tính: nghìn USD

	2016	2017	2018	2019	2020
Nhập khẩu từ Việt Nam	158.461	141.366	146.182	138.497	129.205
Nhập khẩu từ thế giới	734.370	676.127	622.793	539.197	498.039
% trong tổng nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ từ thế giới	21,6%	20,9%	23,5%	25,7%	25,9%

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) – Trademap.org

Năm 2020, Việt Nam đứng thứ 2 trong số các nhà cung cấp nhiều hàng hóa thuộc nhóm (HS64) vào Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần 25,9%. Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại mặt hàng (HS64) với Thổ Nhĩ Kỳ là 129,179 triệu USD trong năm 2020. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho (HS64) của Việt Nam là 7,3%. Đây là mức thấp hơn mức thuế trung bình 11,5% mà Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng cho hàng hóa của Trung Quốc, Thái Lan, Brazil, Hoa Kỳ...; tương đương với Indonesia và Ấn Độ; nhưng cao hơn hầu hết các quốc gia khác như Đức, Bồ Đào Nha, Italy, Ba Lan, Thụy Điển, Bỉ, Pháp, Myanmar, Slovakia, Tây Ban Nha, Campuchia, Bangladesh, Cộng hòa Séc... được hưởng thuế suất 0%. Tuy vậy khả năng cạnh tranh đối với nhóm hàng này của Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ tương đối cao.

Trung Quốc là nhà cung ứng lớn nhất nhóm hàng (HS64) cho Thổ Nhĩ Kỳ trong nhiều năm liền. Tốc độ tăng trưởng giá trị nhập khẩu nhóm hàng này từ Trung Quốc của Thổ Nhĩ Kỳ trong giai đoạn 2016 – 2020 là -17%. Giá trị nhập khẩu nhóm hàng (HS64) của Thổ Nhĩ Kỳ năm 2020 từ Trung Quốc đạt 147,755 triệu USD. Mức thuế trung bình Thổ

Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Trung Quốc là 11,5%, cao hơn Việt Nam 4,2 điểm phần trăm. Các nhà cung cấp lớn khác trong năm 2020 gồm: Italy (đạt 86,578 triệu USD, chiếm 17,4% thị phần); Indonesia (45,987 triệu USD, chiếm 9,2%); Campuchia (11,453 triệu USD, chiếm 2,3%); Tây Ban Nha (đạt 10,215 triệu USD, chiếm 2,1% thị phần); Bangladesh (8,377 triệu USD, chiếm 1,7%); Ấn Độ (8,321 triệu USD, chiếm 1,7%) và Bồ Đào Nha (7,852 triệu USD, chiếm 1,6%)...

Các sản phẩm thuộc nhóm hàng (HS64) mà Việt Nam xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 gồm: HS6404; HS6403; HS6402; HS6406; HS6405; HS6401.

Sản phẩm trong nhóm (HS64) có giá trị xuất khẩu cao nhất vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam là (HS6404). Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân hàng năm mặt hàng này của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ giai đoạn 2016 – 2020 là -1%. Năm 2016 đạt 81,070 triệu USD thì năm 2020 chỉ còn 73,038 triệu USD. Giai đoạn 2016 - 2020, Việt Nam xếp vị trí thứ nhất trong tổng số các nhà cung ứng sản phẩm này sang Thổ Nhĩ Kỳ. Thị phần chiếm khoảng 36,4% trong năm 2020. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm (HS6404) của Việt Nam là 11,9%. Đây là mức thuế suất rất cao so với nhiều quốc gia khác khi họ được hưởng mức 0%; chỉ thấp hơn Trung Quốc, Iraq, Hoa Kỳ, Thái Lan...(16,9%). Tỷ trọng sản phẩm (HS6404) trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm (HS64) của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ luôn duy trì trên 50% trong cả giai đoạn 2016 – 2020, riêng năm 2020 con số này là 56,5%. Thị phần sản phẩm (HS6404) của Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ tăng từ 27,8% trong năm 2017 lên 36,4% năm 2020.

Mặt hàng (HS6403) đứng ở vị trí thứ hai trong nhóm (HS64) mà Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân giai đoạn 2016 – 2020 là -10%. Theo đó, tỷ trọng sản phẩm (HS6403) trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm hàng (HS64) của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ giảm từ 29,8% (2016) xuống còn 24% (2020). Năm 2020, giá trị xuất khẩu (HS6403) sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 30,962 triệu USD. Mức thuế Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 4,2%. Đây là mức thuế thấp hơn mức mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm của Trung Quốc, Thái Lan, Hoa Kỳ, Brazil (7,7%), tương đương với Ấn Độ, Indonesia, Kyrgyzstan...(4,2%) và cao hơn hầu hết các quốc gia khác khi họ được Thổ Nhĩ Kỳ áp mức thuế 0%.

Vị trí thứ ba trong nhóm hàng (HS64) mà Việt Nam xuất khẩu nhiều sang Thổ Nhĩ Kỳ là (HS6402). Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu trung bình giai đoạn 2016 – 2020 của

sản phẩm này vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam là -4%. Việt Nam đứng vị trí thứ 02 trong số các nhà cung ứng sản phẩm (HS6402) cho Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần 24,4%. Mức thuế Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 11,9%. Giá trị xuất khẩu (HS6402) vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ năm 2016 là 29,495 triệu USD, năm 2017 lùi về 28,810 triệu USD (giảm 2,3% so với năm 2016); năm 2018 giảm 1,5%, đạt 28,368 triệu USD, năm 2019 giảm 4,7%, đạt 27,039 triệu USD; năm 2020 giảm 8,4% so với năm 2019, đạt 24,763 triệu USD.

Việt Nam xuất khẩu mặt hàng (HS6406) sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 đạt 372.000 USD, giảm 14,7% so với năm 2019. Giai đoạn 2016 – 2020, xuất khẩu tăng trưởng trung bình ở mức 8%. Năm 2020, với thị phần 1,1%, Việt Nam xếp ở vị trí thứ 07 trong tổng số các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu (HS6406) vào Thổ Nhĩ Kỳ. Mức thuế mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho Việt Nam ở mức 0%, thấp hơn mức 3% mà quốc gia này áp cho sản phẩm từ Trung Quốc, Liên Bang Nga, Thái Lan, Nhật Bản....

4. Sợi filament nhân tạo; sợi dạng dải và các dạng tương tự từ nguyên liệu dệt nhân tạo (HS54)

Đơn vị tính: nghìn USD

	2016	2017	2018	2019	2020
Nhập khẩu từ Việt Nam	95.215	37.127	65.895	64.004	75.255
Nhập khẩu từ thế giới	2.133.525	2.286.708	2.160.295	2.280.426	1.801.284
% trong tổng nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ từ thế giới	4,5%	1,6%	3,1%	2,8%	4,2%

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) – Trademap.org

Năm 2020, Việt Nam đứng thứ 7 trong số các nhà cung cấp nhiều hàng hóa thuộc nhóm (HS54) nhất tại Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần 4,2% (tương đương giá trị xuất khẩu đạt 75,255 triệu USD, tăng 17,6% so với năm 2019). Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị xuất khẩu vào thị trường này giai đoạn 2016 – 2020 ghi nhận mức tăng 1,0%, trong đó, năm 2017, giá trị nhập khẩu mặt hàng này của Thổ Nhĩ Kỳ từ Việt Nam đạt 37,127 triệu USD (giảm 61% so với 95,215 triệu USD của năm 2016); năm 2018 đạt 65,895 triệu USD (tăng 77,5%); năm 2019 đạt 64,004 triệu USD (giảm 2,9%). Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại mặt hàng (HS54) với Thổ Nhĩ Kỳ là 70,848 triệu USD trong năm 2020. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho (HS54) của Việt Nam là

4,5%. Đây là mức thấp hơn mức thuế trung bình 5,7% mà Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng cho hàng hóa của Trung Quốc, Hoa Kỳ, Thái Lan, Nhật Bản, Ả Rập Saudi, Các tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất...; tương đương với Indonesia và Ấn Độ; nhưng cao hơn hầu hết các quốc gia khác như Italy, Ai Cập, Hàn Quốc, Đức, Vương quốc Anh, Tây Ban Nha,...chỉ bị áp thuế 0%.

Trung Quốc là nhà cung ứng lớn nhất nhóm hàng (HS54) cho Thổ Nhĩ Kỳ trong nhiều năm liền. Giá trị mà Thổ Nhĩ Kỳ nhập từ Trung Quốc tăng trưởng bình quân cho cả giai đoạn 2016 - 2020 là 0%. Năm 2020, giá trị nhập khẩu nhóm hàng (HS54) từ Trung Quốc của Thổ Nhĩ Kỳ là 589,933 triệu USD. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Trung Quốc cao hơn Việt Nam 1,2 điểm phần trăm (hưởng thuế suất 5,7%). Thị phần đối với sản phẩm này của Trung Quốc tại thị trường Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 là 32,8%. Các nhà cung cấp lớn khác trong năm 2020 gồm: Ấn Độ (226,359 triệu USD, chiếm 12,6%); Hàn Quốc (207,618 triệu USD, chiếm 11,5%) và Malaysia (116,842 triệu USD, chiếm 6,5%), Italy (103,057 triệu USD, chiếm 5,7%)...

Các sản phẩm thuộc nhóm hàng (HS54) mà Việt Nam xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 gồm: HS5402; HS5407, kể cả vải dệt thoi thu được từ các nguyên liệu thuộc nhóm 54.04; HS5404.

Sản phẩm trong nhóm (HS54) có giá trị xuất khẩu cao nhất vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam là (HS5402). Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân hàng năm mặt hàng này của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ giai đoạn 2016 – 2020 là 1,0%. Năm 2016 đạt 83,641 triệu USD; năm 2017 giảm mạnh 72% so với 2016, chỉ đạt 23,434 triệu USD; năm 2018 đạt 47,347 triệu USD, tăng 102% so với năm trước; năm 2019 đạt 52,313 triệu USD, tăng 10,5% và năm 2020 tăng 12,7%, đạt 58,971 triệu USD. Năm 2020, Việt Nam xếp vị trí thứ 5 trong tổng số các nhà cung ứng sản phẩm này sang Thổ Nhĩ Kỳ. Thị phần chiếm khoảng 4,8% trong năm 2020. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm (HS5402) của Việt Nam là 3,2%. Tỷ trọng của sản phẩm (HS5402) trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm (HS54) của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2019 chiếm tới 78,4%.

Mặt hàng (HS5407) đứng ở vị trí thứ hai trong nhóm (HS54) mà Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân giai đoạn

2016 – 2020 ghi nhận mức tăng 4%. Theo đó, tỷ trọng sản phẩm (HS5407) trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm hàng (HS54) của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 là 20,4%. Năm 2020, giá trị xuất khẩu (HS5407) sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 15,352 triệu USD. Mức thuế Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 6,4%. Đây là mức thuế thấp hơn mức 8% mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm của Trung Quốc, Hoa Kỳ...

Đối với (HS5404), nếu như năm 2017, giá trị xuất khẩu của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ chỉ là 1.000 USD, thì năm 2018 tăng trưởng mạnh mẽ 47.600% để đạt giá trị 477.000 USD. Năm 2020, xuất khẩu mặt hàng này vào Thổ Nhĩ Kỳ đã đạt mức 931.000 USD, tăng 259,5% so với năm 2019. Việt Nam xếp thứ 7 trong số các nước xuất khẩu mặt hàng (HS5404) vào Thổ Nhĩ Kỳ. Mức thuế trung bình mà quốc gia này áp cho hàng hóa (HS5404) của Việt Nam là 3,2%.

5. Cao su và các sản phẩm bằng cao su (HS40)

Đơn vị tính: nghìn USD

	2016	2017	2018	2019	2020
Nhập khẩu từ Việt Nam	37.667	55.971	49.043	49.012	46.989
Nhập khẩu từ thế giới	2.560.848	2.951.169	2.803.174	2.601.503	2.692.341
% trong tổng nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ từ thế giới	1,5%	1,9%	1,7%	1,9%	1,7%

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) – Trademap.org

Năm 2020, Việt Nam đứng thứ 21 trong số các nhà cung cấp hàng hóa thuộc nhóm (HS40) cho Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần 1,7% (tương đương giá trị xuất khẩu đạt 46,989 triệu USD, giảm 4,1% so với năm 2019). Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị xuất khẩu vào thị trường này giai đoạn 2016 – 2020 ghi nhận mức tăng 3,0%, trong đó, năm 2017, giá trị nhập khẩu mặt hàng này của Thổ Nhĩ Kỳ từ Việt Nam đạt 55,971 triệu USD (tăng 48,6% so với 37,669 triệu USD của năm 2016); năm 2018 đạt 49,043 triệu USD (giảm 12,4%); năm 2019 đạt 49,012 triệu USD (giảm nhẹ 0,1%). Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại mặt hàng (HS40) với Thổ Nhĩ Kỳ là 46,152 triệu USD trong năm 2020. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho (HS40) của Việt Nam là 0,1%. Đây là mức thấp hơn mức thuế trung bình 2,4% mà Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng cho hàng hóa của Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan, Liên bang Nga...

Đức là nhà cung ứng lớn nhất nhóm hàng (HS40) cho Thổ Nhĩ Kỳ trong nhiều năm liền. Tốc độ tăng trưởng bình quân về giá trị mà Thổ Nhĩ Kỳ nhập khẩu từ Đức trong giai đoạn 2016 - 2020 là -3%. Năm 2020, Đức xuất khẩu (HS40) sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 238,532 triệu USD. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Đức là 0%, thấp hơn Việt Nam. Đức chiếm thị phần lớn trong tổng giá trị nhập khẩu nhóm hàng (HS40) của Thổ Nhĩ Kỳ, năm 2020 chiếm 8,9%. Các nhà cung cấp lớn khác trong năm 2020 gồm: Malaysia (229,717 triệu USD, chiếm 8,5%), Thái Lan (187,017 triệu USD, chiếm 6,9%), Italy (161,583 triệu USD, chiếm 6,0%), Hàn Quốc (148,403 triệu USD, chiếm 5,5%); Indonesia (133,065 triệu USD, chiếm 4,9%)...

Các sản phẩm thuộc nhóm hàng (HS40) mà Việt Nam xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 gồm: HS4001; HS4007; HS4016; HS4011; HS4015.

Sản phẩm trong nhóm (HS40) có giá trị xuất khẩu cao nhất vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam là (HS4001). Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân hàng năm mặt hàng này của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ giai đoạn 2016 – 2020 là 3%. Năm 2016 đạt 29,391 triệu USD; năm 2017 tăng 56,1% so với năm 2016, đạt 45,879 triệu USD; năm 2018 đạt 39,181, giảm 14,6% so với năm trước; năm 2019 đạt 39,797 triệu USD, tăng 1,6% và năm 2020 đạt 35,827 triệu USD, giảm 10% so với năm 2019. Năm 2020, Việt Nam xếp vị trí thứ 03 (sau Indonesia và Thái Lan) trong tổng số các nhà cung ứng sản phẩm này vào Thổ Nhĩ Kỳ. Thị phần chiếm khoảng 11,6% trong năm 2020. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm (HS4001) của Việt Nam là 0%. Xét trong tổng giá trị xuất khẩu mặt hàng này ra thế giới của Việt Nam, tỷ trọng thị trường Thổ Nhĩ Kỳ duy trì trong khoảng 4 - 5%. Tỷ trọng của sản phẩm (HS4001) trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm (HS40) của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 chiếm 76,2%, giảm so với tỷ trọng 82% của năm 2017 và 81,2% của năm 2019.

Mặt hàng (HS4007) đứng ở vị trí thứ hai trong nhóm (HS40) mà Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân giai đoạn 2016 – 2020 là 100%. Tỷ trọng sản phẩm (HS4007) trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm hàng (HS40) của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ năm 2016 mới chỉ chiếm 0,7%; năm 2017 là 1,7%; năm 2018 chiếm 4,4%; 2019 là 6,7%; đến năm 2020 đã tăng lên 10,3%. Năm 2020, giá trị xuất khẩu (HS4007) sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 4,800 triệu USD so với 278.000 USD của năm 2016. Mức thuế Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Việt

Nam là 0%. Năm 2020, Việt Nam đứng thứ nhất trong số các nhà cung ứng sản phẩm này vào Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần 35,7%.

Vị trí thứ ba trong nhóm hàng (HS40) mà Việt Nam xuất khẩu nhiều sang Thổ Nhĩ Kỳ là (HS4016). Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu trung bình giai đoạn 2016 – 2020 của sản phẩm này vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam là 26%. Việt Nam đứng vị trí thứ 24 trong số các nhà cung ứng sản phẩm (HS4016) cho Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần khoảng 0,7%. Mức thuế Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 0%. Giá trị xuất khẩu (HS4016) vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ năm 2016 là 867.000 USD; năm 2017 là 2,143 triệu USD (tăng 147,2% so với năm 2016); năm 2018 tăng 4,4%, đạt 2,237 triệu USD; năm 2019 tăng 6,1% đạt 2,374 triệu USD; năm 2020 tăng 8,4% so với năm 2019, đạt 2,573 triệu USD.

Việt Nam xuất khẩu mặt hàng (HS4011) sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 đạt 2,024 triệu USD, giảm 17,8% so với năm 2019. Giai đoạn 2016 – 2020, xuất khẩu tăng trưởng trung bình ở mức -14%. Năm 2020, với thị phần 0,3%, Việt Nam xếp ở vị trí thứ 26 trong tổng số các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu (HS4011) vào Thổ Nhĩ Kỳ. Mức thuế mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho Việt Nam là 0%, thấp hơn so với mức 4,4% mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm (HS4011) của các quốc gia và vùng lãnh thổ như Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Liên bang Nga...

Xếp ở vị trí thứ 5 là sản phẩm (HS4015), giá trị xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam đối với mặt hàng này trong giai đoạn 2016 - 2020 tăng trưởng bình quân -25% (năm 2017 tăng 92,7%, 2018 giảm 84%, 2019 giảm 19,6% và 2020 tăng 171,7% so với cùng kỳ năm trước) đưa giá trị xuất khẩu mặt hàng (HS4015) của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ từ 1,122 triệu USD năm 2016 xuống còn 758.000 USD năm 2020. Năm 2020, Việt Nam xếp thứ 08 trong tổng số các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu (HS4015) vào Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần khoảng 0,3%. Mức thuế mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho Việt Nam ở mức 0%, thấp hơn mức 2,6% mà quốc gia này áp cho sản phẩm từ Trung Quốc, Hoa Kỳ, Thái Lan, Guatemala...

6. Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa (HS08)

Đơn vị tính: nghìn USD

	2016	2017	2018	2019	2020

Nhập khẩu từ Việt Nam	5.177	6.793	22.016	37.038	45.545
Nhập khẩu từ thế giới	540.776	570.018	562.841	937.968	904.029
% trong tổng nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ từ thế giới	1,0%	1,2%	3,9%	3,9%	5,0%

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) – Trademap.org

Năm 2020, Việt Nam đứng thứ 04 trong số các nhà cung cấp hàng hóa thuộc nhóm (HS08) cho Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần 5% (tương đương giá trị xuất khẩu đạt 45,545 triệu USD, tăng 23% so với năm 2019). Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị xuất khẩu vào thị trường này giai đoạn 2016 – 2020 là 83%, trong đó, năm 2017, giá trị nhập khẩu mặt hàng này của Thổ Nhĩ Kỳ từ Việt Nam đạt 6,793 triệu USD (tăng 31,2% so với 5,177 triệu USD của năm 2016); năm 2018 đạt 22,016 triệu USD (tăng 224,1%); năm 2019 đạt 37,038 triệu USD (tăng 68,2%). Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại mặt hàng (HS08) với Thổ Nhĩ Kỳ là 44,082 triệu USD trong năm 2020. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho (HS08) của Việt Nam là 62,9%. Đây là mức thấp hơn mức thuế trung bình 63,1% mà Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng cho hàng hóa của Uzbekistan, Lebanon, Algeria...

Hoa Kỳ là nhà cung ứng lớn nhất nhóm hàng (HS08) cho Thổ Nhĩ Kỳ trong nhiều năm liền. Tốc độ tăng trưởng bình quân về giá trị mà Thổ Nhĩ Kỳ nhập khẩu từ Hoa Kỳ trong giai đoạn 2016 - 2020 là 15%. Năm 2020, Hoa Kỳ xuất khẩu (HS08) sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 243,144 triệu USD. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Hoa Kỳ là 62,9%, tương đương với Việt Nam. Hoa Kỳ chiếm thị phần lớn trong tổng giá trị nhập khẩu nhóm hàng (HS08) của Thổ Nhĩ Kỳ, năm 2020 chiếm 26,9% thị phần tại đây. Các nhà cung cấp lớn khác trong năm 2020 gồm: Ecuador (133,477 triệu USD, chiếm 14,8%), Iran (121,601 triệu USD, chiếm 13,5%), Chile (32,900 triệu USD, chiếm 3,6%), Trung Quốc (31,470 triệu USD, chiếm 3,5%)...

Các sản phẩm thuộc nhóm hàng (HS08) mà Việt Nam xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 gồm: HS0801; HS0802; HS0805.

Sản phẩm trong nhóm (HS08) có giá trị xuất khẩu cao nhất vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam là (HS0801). Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân hàng năm mặt hàng này của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ giai đoạn 2016 – 2020 là 83%. Năm 2016 đạt 5,150 triệu USD; năm 2017 tăng 30,6% so với năm trước, đạt 6,726 triệu

USD; năm 2018 đạt 21,907 triệu USD, tăng 225,7% so với 2017; năm 2019 đạt 36,398 triệu USD, tăng 66,1%; năm 2020 tăng 25% so với năm 2019, đạt 45,481 triệu USD. Năm 2020, Việt Nam xếp vị trí thứ nhất trong tổng số các nhà cung ứng sản phẩm này sang Thổ Nhĩ Kỳ, thị phần chiếm khoảng 63%. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm (HS0801) của Việt Nam là 15,5%. Xét trong tổng giá trị xuất khẩu mặt hàng này ra thế giới của Việt Nam, tỷ trọng thị trường Thổ Nhĩ Kỳ chiếm khoảng 1 - 1,5% . Tỷ trọng của sản phẩm (HS0801) trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm (HS08) của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 chiếm 99,9%.

Các mặt hàng (HS0802), (HS0805), (HS0810) có giá trị xuất khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ khá khiêm tốn. Năm 2020, xuất khẩu (HS0802) chỉ đạt 40.000 USD, (HS0805) chỉ đạt 16.000 USD và (HS0810) chỉ vón vẹn 9.000 USD.

7. Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc (HS62)

Đơn vị tính: nghìn USD

	2016	2017	2018	2019	2020
Nhập khẩu từ Việt Nam	50.541	55.276	53.679	49.744	40.266
Nhập khẩu từ thế giới	1.693.895	1.342.511	1.068.925	914.314	749.035
% trong tổng nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ từ thế giới	3,0%	4,1%	5,0%	5,4%	5,4%

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) – Trademap.org

Năm 2020, Việt Nam đứng thứ 5 trong số các nhà cung cấp hàng hóa thuộc nhóm (HS62) cho Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần 5,4% (tương đương giá trị xuất khẩu đạt 40,266 triệu USD, giảm 19,1% so với năm 2019). Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị xuất khẩu vào thị trường này giai đoạn 2016 – 2020 ghi nhận mức -5%, trong đó, năm 2017, giá trị nhập khẩu mặt hàng này của Thổ Nhĩ Kỳ từ Việt Nam đạt 55,276 triệu USD (tăng 9,4% so với 50,541 triệu USD của năm 2016); năm 2018 đạt 53,679 triệu USD (giảm 2,9%); năm 2019 đạt 49,744 triệu USD (giảm 7,3%). Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại mặt hàng (HS62) với Thổ Nhĩ Kỳ là 40,076 triệu USD trong năm 2020. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho (HS62) của Việt Nam là 9,2%. Đây là mức thấp hơn mức thuế trung bình 11,5% mà Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng cho hàng hóa của Trung Quốc, Turkmenistan, Hoa Kỳ, Thái Lan, Canada, Armenia, Azerbaijan, Ả rập Saudi... nhưng cao hơn so với mức 0% mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho nhiều quốc gia khác...

Trung Quốc luôn là nhà cung ứng lớn nhất nhóm hàng (HS62) cho Thổ Nhĩ Kỳ. Tốc độ tăng trưởng bình quân về giá trị mà Thổ Nhĩ Kỳ nhập khẩu từ Trung Quốc trong giai đoạn 2016 - 2020 là -25%. Năm 2020, Trung Quốc xuất khẩu (HS62) sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 158,044 triệu USD. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Trung Quốc là 11,5%, cao hơn Việt Nam 2,3 điểm phần trăm. Sản phẩm (HS62) có xuất xứ từ Trung Quốc chiếm thị phần lớn trong tổng giá trị nhập khẩu nhóm hàng này của Thổ Nhĩ Kỳ, năm 2020 chiếm 21,1% thị phần tại đây. Các nhà cung cấp lớn khác trong năm 2020 gồm: Bangladesh (137,013 triệu USD, chiếm 18,3%), Italy (63,493 triệu USD, chiếm 8,5%), Ai Cập (62,268 triệu USD, chiếm 8,3%), Tây Ban Nha (35,017 triệu USD, chiếm 4,7%); Morocco (29,776 triệu USD, chiếm 4,0%); Myanmar (29,327 triệu USD, chiếm 3,9%)...

Các sản phẩm thuộc nhóm hàng (HS62) mà Việt Nam xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 gồm: HS6201, trừ các loại thuộc nhóm 62.03; HS6202, trừ loại thuộc nhóm 62.04; HS6204 trừ quần áo bơi; HS6203 trừ quần áo bơi; HS6210, quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07.

Sản phẩm trong nhóm (HS62) có giá trị xuất khẩu cao nhất vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam là (HS6201). Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân hàng năm mặt hàng này của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ giai đoạn 2016 – 2020 là 1% (cụ thể, năm 2017 tăng 29,3%; 2018 giảm 3,6%; 2019 giảm 3,9%; 2020 giảm 9,4%). Giá trị xuất khẩu (HS6201) vào Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam năm 2016 đạt 11,827 triệu USD thì năm 2020 tăng lên 12,840 triệu USD. Năm 2020, Việt Nam xếp vị trí thứ 03 (sau Trung Quốc và Bangladesh) trong tổng số các nhà cung ứng sản phẩm này sang Thổ Nhĩ Kỳ. Thị phần của Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ với sản phẩm (HS6201) trong cả giai đoạn 2016 – 2020 vào khoảng 10 - 12%, riêng năm 2020, thị phần là 11,8%. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm (HS6201) của Việt Nam là 9,6%. Xét trong tổng giá trị xuất khẩu mặt hàng này ra thế giới của Việt Nam, tỷ trọng thị trường Thổ Nhĩ Kỳ vào khoảng xấp xỉ 1,0%. Tỷ trọng của sản phẩm (HS6201) trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm (HS62) của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ trong giai đoạn 2016 – 2020 theo đó cũng tăng từ 23,4% năm 2016 lên 31,7% năm 2020.

Mặt hàng (HS6202) đứng ở vị trí thứ hai trong nhóm (HS62) mà Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân giai đoạn

2016 – 2020 ghi nhận mức 0%. Tỷ trọng sản phẩm (HS6202) trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm hàng (HS62) của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ tăng từ 19,9% năm 2016 lên mức 24,1% năm 2020. Năm 2020, giá trị xuất khẩu (HS6202) sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 9,684 triệu USD so với 10,040 triệu USD của năm 2016. Mức thuế Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 9,6%. Năm 2020, Việt Nam đứng thứ 04 (sau Trung Quốc, Myanmar, Bangladesh) trong số các nhà cung ứng sản phẩm này vào Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần 9,3%.

Vị trí thứ ba trong nhóm hàng (HS62) mà Việt Nam xuất khẩu nhiều sang Thổ Nhĩ Kỳ là (HS6204). Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu sản phẩm này vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam giai đoạn 2016 -2020 lần lượt là: 2017 giảm 10,8%, đạt 6,086 triệu USD so với 6,24 triệu USD của năm 2016; 2018 tăng 14,1%, đạt 6,947 triệu USD; 2019 tăng 17,8% so với 2018, đạt 8,186 triệu USD; năm 2020 đạt 5,303 triệu USD, giảm 35,2% so với năm trước. Năm 2020, Việt Nam đứng vị trí thứ 9 trong số các nhà cung ứng sản phẩm (HS6204) cho Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần khoảng 2,8%. Mức thuế Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 9,6%. Sản phẩm (HS6204) chiếm 13,2% trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm hàng (HS62) của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020.

Việt Nam xuất khẩu mặt hàng (HS6203) sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 đạt 3,903 triệu USD, tăng 2,6% so với năm 2019. Giai đoạn 2016 – 2020, tăng trưởng xuất khẩu trung bình ở mức -2%. Năm 2020, với thị phần 2,7%, Việt Nam xếp ở vị trí thứ 9 trong tổng số các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu (HS6203) vào Thổ Nhĩ Kỳ. Mức thuế mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho Việt Nam ở mức 9,6%, thấp hơn so với mức 12% mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm (HS6203) của các quốc gia và vùng lãnh thổ như Turkmenistan, Hoa Kỳ, Đài Loan, Thái Lan, Nhật Bản, Mexico...

Xếp ở vị trí thứ 5 là sản phẩm (HS6210), giá trị xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam đối với mặt hàng này trong đoạn 2016 - 2020 tăng trưởng bình quân -27% (2017 xuất khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ tăng 13,1% so với năm 2016, đạt 10,020 triệu USD; năm 2018 giảm 53,9%, năm 2019 giảm 27,2% và năm 2020 giảm 2,9% so với cùng kỳ năm trước) đưa giá trị xuất khẩu mặt hàng (HS6210) của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ giảm từ mức 10,020 triệu USD năm 2017 xuống 3,263 triệu USD năm 2020. Năm 2020, Việt Nam xếp thứ 05 trong tổng số các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu (HS6210)

vào Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần khoảng 7,9%. Mức thuế mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho Việt Nam ở mức 9,6%, thấp hơn mức 12% mà quốc gia này áp cho sản phẩm từ Trung Quốc, Hoa Kỳ, Thái Lan, Azerbaijan, Mexico...

8. Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc (HS61)

Đơn vị tính: nghìn USD

	2016	2017	2018	2019	2020
Nhập khẩu từ Việt Nam	23.637	25.951	27.529	30.682	26.640
Nhập khẩu từ thế giới	789.677	735.652	621.304	617.542	543.960
% trong tổng nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ từ thế giới	3,0%	3,5%	4,4%	5,0%	4,9%

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) – Trademap.org

Năm 2020, Việt Nam đứng thứ 06 trong số các nhà cung cấp hàng hóa thuộc nhóm (HS61) cho Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần 4,9% (tương đương giá trị xuất khẩu đạt 26,640 triệu USD, giảm 13,1% so với năm 2019). Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị xuất khẩu vào thị trường này giai đoạn 2016 – 2020 ghi nhận mức tăng 4,0%, trong đó, năm 2017, giá trị nhập khẩu mặt hàng này của Thổ Nhĩ Kỳ từ Việt Nam đạt 25,951 triệu USD (tăng 9,8% so với 23,637 triệu USD của năm 2016); năm 2018 đạt 27,529 triệu USD (tăng 6,1%); năm 2019 đạt 30,682 triệu USD (tăng 11,5%) và năm 2020 đạt 26,640 triệu USD, giảm 13,2% so với cùng kỳ năm trước. Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại mặt hàng (HS61) với Thổ Nhĩ Kỳ là 25,920 triệu USD trong năm 2020. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho (HS61) của Việt Nam là 9,4%. Đây là mức thấp hơn mức thuế trung bình 11,8% mà Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng cho hàng hóa của Trung Quốc, Hoa Kỳ, Thái Lan, Mexico, Ả rập Saudi; nhưng cao hơn hầu hết các quốc gia khác khi họ được hưởng thuế suất 0%...

Trung Quốc là nhà cung ứng lớn nhất nhóm hàng (HS61) cho Thổ Nhĩ Kỳ trong nhiều năm liền. Tốc độ tăng trưởng bình quân về giá trị mà Thổ Nhĩ Kỳ nhập khẩu từ Trung Quốc trong giai đoạn 2016 - 2020 là -17%. Năm 2020, Trung Quốc xuất khẩu (HS61) sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt hơn 97,431 triệu USD. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Trung Quốc là 11,8%, cao hơn mức thuế áp dụng với hàng hóa của Việt Nam 2,4 điểm phần trăm. Sản phẩm (HS61) có xuất xứ từ Trung Quốc chiếm thị phần lớn trong tổng giá trị nhập khẩu nhóm hàng này của Thổ Nhĩ Kỳ, năm 2020 chiếm 17,9% thị phần tại đây. Các nhà cung cấp lớn khác trong năm 2020 gồm:

Bangladesh (86,234 triệu USD, chiếm 15,9%), Georgia (65,929 triệu USD, chiếm 12,1%), Italy (33,915 triệu USD, chiếm 6,2%); Tây Ban Nha (33,577 triệu USD, chiếm 6,2%); Campuchia (24,299 triệu USD, chiếm 4,5%)...

Các sản phẩm thuộc nhóm hàng (HS61) mà Việt Nam xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 gồm: HS6110; HS6109; HS6104; HS6103; HS6105.

Sản phẩm trong nhóm (HS61) có giá trị xuất khẩu cao nhất vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam là (HS6110). Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân hàng năm mặt hàng này của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ giai đoạn 2016 – 2020 là 7% (cụ thể, năm 2017 tăng 5,3%; 2018 giảm 19,4%; 2019 tăng 32,9%; 2020 tăng 20,3% so với cùng kỳ năm trước). Giá trị xuất khẩu (HS6110) vào Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam năm 2016 đạt 3,742 triệu USD thì năm 2020 tăng lên 5,076 triệu USD. Năm 2020, Việt Nam xếp vị trí thứ 7 trong tổng số các nhà cung ứng sản phẩm này vào Thổ Nhĩ Kỳ. Thị phần của Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ với sản phẩm (HS6110) trong năm 2016 là 1,9% thì năm 2020 đã tăng lên 3,9%. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm (HS6110) của Việt Nam là 9,6%. Xét trong tổng giá trị xuất khẩu mặt hàng này ra thế giới của Việt Nam, tỷ trọng thị trường Thổ Nhĩ Kỳ duy trì trong mức 0,1%. Tỷ trọng của sản phẩm (HS6110) trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm (HS61) của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ trong giai đoạn 2016 – 2020 theo đó cũng tăng từ 11,5% năm 2018 lên 19,1% năm 2020.

Mặt hàng (HS6109) đứng ở vị trí thứ hai trong nhóm (HS61) mà Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân giai đoạn 2016 – 2020 ghi nhận mức dương 3%. Tỷ trọng sản phẩm (HS6109) trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm hàng (HS61) của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ duy trì ở mức 17 – 19%. Năm 2020, giá trị xuất khẩu (HS6109) sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 4,623 triệu USD so với 4,084 triệu USD của năm 2016. Mức thuế Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 9,6%. Năm 2020, Việt Nam đứng thứ 9 trong số các nhà cung ứng sản phẩm này vào Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần 3,3%.

Vị trí thứ ba trong nhóm hàng (HS61) mà Việt Nam xuất khẩu nhiều sang Thổ Nhĩ Kỳ là (HS6104). Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị xuất khẩu sản phẩm này vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 là -4,0%. Cụ thể, 2017 tăng 31,1%, đạt 5,223 triệu USD so với 3,983 triệu USD của năm 2016; 2018 giảm 5,6%,

đạt 4,933 triệu USD; 2019 giảm 1,3%, đạt 4,867 triệu USD; 2020 giảm 31,3% so với 2019, đạt 3,346 triệu USD. Năm 2020, Việt Nam đứng vị trí thứ 5 trong số các nhà cung ứng sản phẩm (HS6104) cho Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần khoảng 6,1%. Mức thuế Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 9,6%. Sản phẩm (HS6104) chiếm 12,6% trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm hàng (HS61) của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020.

Việt Nam xuất khẩu mặt hàng (HS6103) sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 đạt 2,671 triệu USD, giảm 14,1% so với năm 2019. Giai đoạn 2016 – 2020, tăng trưởng xuất khẩu trung bình ở mức 16%. Năm 2020, với thị phần 6%, Việt Nam xếp ở vị trí thứ 5 trong tổng số các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu (HS6103) vào Thổ Nhĩ Kỳ. Mức thuế mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho Việt Nam ở mức 9,6%, thấp hơn so với mức 12% mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm (HS6103) của các quốc gia và vùng lãnh thổ như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Thái Lan, Nhật Bản, Iraq, Mexico...; nhưng cao hơn hầu hết các quốc gia khác khi họ được hưởng thuế suất 0% ...

Xếp ở vị trí thứ 5 là sản phẩm (HS6105), giá trị xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam đối với mặt hàng này trong đoạn 2016 - 2020 tăng trưởng bình quân 15% (năm 2017 giảm 23%; 2018 tăng 53,1%; 2019 tăng 36,8% và 2020 giảm 13,5% so với cùng kỳ năm trước) đưa giá trị xuất khẩu mặt hàng (HS6105) của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ tăng từ mức 1,888 triệu USD năm 2016 lên 2,633 triệu USD năm 2020. Năm 2020, Việt Nam xếp thứ 2 (sau Bangladesh) trong tổng số các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu (HS6105) vào Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần khoảng 12,1%. Mức thuế mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho Việt Nam ở mức 9,6%, thấp hơn mức 12% mà quốc gia này áp cho sản phẩm từ Trung Quốc, Thái Lan, Hoa Kỳ, Peru, Liên Bang Nga, Nhật Bản, Iraq, Đài Loan...

9. Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép (HS73)

Đơn vị tính: nghìn USD

	2016	2017	2018	2019	2020
Nhập khẩu từ Việt Nam	29.842	40.153	26.905	20.677	26.074
Nhập khẩu từ thế giới	2.981.949	2.957.422	2.825.004	2.604.847	2.459.952
% trong tổng nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ từ thế giới	1,0%	1,4%	1,0%	0,8%	1,1%

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) – Trademap.org

Năm 2020, Việt Nam đứng thứ 17 trong số các nhà cung cấp hàng hóa thuộc nhóm (HS73) cho Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần 1,1% (tương đương giá trị xuất khẩu đạt 26,074 triệu USD, tăng 26,1% so với năm 2019). Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị xuất khẩu vào thị trường này giai đoạn 2016 – 2020 ghi nhận mức giảm 9,0%, trong đó, năm 2017, giá trị nhập khẩu mặt hàng này của Thổ Nhĩ Kỳ từ Việt Nam đạt 40,153 triệu USD tăng 34,6% so với 29,842 triệu USD của năm 2016); năm 2018 đạt 26,905 triệu USD (giảm 33%); năm 2019 đạt 20,677 triệu USD (giảm 23,1%). Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại mặt hàng (HS73) với Thổ Nhĩ Kỳ là 22,827 triệu USD trong năm 2020. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho (HS73) của Việt Nam là 0,2%. Đây là mức thấp hơn mức thuế trung bình 1,7% mà Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng cho hàng hóa của Trung Quốc, Hoa Kỳ, Thái Lan, Nhật Bản, Mexico, Brazil, Canada...

Kể từ năm 2018, Đức đã vượt qua Trung Quốc để trở thành nhà cung ứng lớn nhất nhóm hàng (HS73) cho Thổ Nhĩ Kỳ. Tốc độ tăng trưởng bình quân về giá trị mà Thổ Nhĩ Kỳ nhập khẩu từ Đức trong giai đoạn 2016 - 2020 là 10%, trong khi của Trung Quốc là -10%. Năm 2020, Đức xuất khẩu (HS73) vào Thổ Nhĩ Kỳ đạt 570,557 triệu USD. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Đức là 0%. Sản phẩm (HS73) có xuất xứ từ Đức chiếm 23,2% trong tổng giá trị nhập khẩu nhóm hàng này của Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020. Các nhà cung cấp lớn khác trong năm 2020 gồm: Trung Quốc (498,954 triệu USD, chiếm 20,3%), Italy (256,161 triệu USD, chiếm 10,8%), Pháp (107,734 triệu USD, chiếm 4,4%); Hàn Quốc (99,146 triệu USD, chiếm 4%); ...

Các sản phẩm thuộc nhóm hàng (HS73) mà Việt Nam xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 gồm: HS7306; HS7312; HS7318; HS7315; HS7323; HS7321.

Sản phẩm trong nhóm (HS73) có giá trị xuất khẩu cao nhất vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam là (HS7306). Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân hàng năm mặt hàng này của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ giai đoạn 2016 – 2020 là 13%. Năm 2016 đạt 9,514 triệu USD, tới năm 2020 đạt 18,770 triệu USD. Năm 2020, Việt Nam xếp vị trí thứ 3 (sau Italy và Đức) trong tổng số các nhà cung ứng sản phẩm này vào Thổ Nhĩ Kỳ. Thị phần tăng từ mức 4,9% năm 2016 lên 11,7% vào năm 2020. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm (HS7306) của Việt Nam là 0%. Xét trong tổng giá trị xuất khẩu mặt hàng này ra thế giới của Việt Nam, tỷ trọng thị trường Thổ Nhĩ Kỳ tăng từ mức 2,6% năm 2016 lên 3,3% vào năm 2020. Tỷ trọng của sản phẩm (HS7306) trong

tổng giá trị xuất khẩu nhóm (HS73) của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 chiếm 72%.

Mặt hàng (HS7312) đứng ở vị trí thứ hai trong nhóm (HS73) mà Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân giai đoạn 2016 – 2020 ghi nhận mức tăng 43%. Tỷ trọng sản phẩm (HS7312) trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm hàng (HS73) của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ năm 2016 chỉ là 2,2%, năm 2020 đã tăng lên 12,7%. Năm 2020, giá trị xuất khẩu (HS7312) sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 3,308 triệu USD so với 652.000 USD của năm 2016. Mức thuế Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 0%. Năm 2020, Việt Nam đứng thứ 7 trong số các nhà cung ứng sản phẩm này vào Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần 4,3%.

Vị trí thứ ba trong nhóm hàng (HS73) mà Việt Nam xuất khẩu nhiều sang Thổ Nhĩ Kỳ là (HS7318). Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu trung bình giai đoạn 2016 – 2020 của sản phẩm này vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam là -42%. Việt Nam đứng vị trí thứ 20 trong số các nhà cung ứng sản phẩm (HS7318) cho Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần khoảng 0,4%. Mức thuế Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 0%. Giá trị xuất khẩu (HS7318) vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ năm 2016 là 9,951 triệu USD, năm 2017 là 19,264 triệu USD (tăng 93,6% so với năm 2016); năm 2018 giảm 70,1%, đạt 5,760 triệu USD, năm 2019 giảm 64,1% đạt 2,070 triệu USD; năm 2020 giảm 4% so với năm 2019, đạt 1,987 triệu USD.

Việt Nam xuất khẩu mặt hàng (HS7315) sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 đạt 690.000 USD, tăng 298,8% so với năm 2019. Giai đoạn 2016 – 2020, tăng trưởng xuất khẩu trung bình ở mức 93%. Năm 2020, với thị phần 1,4%, Việt Nam xếp ở vị trí thứ 12 trong tổng số các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu (HS7315) vào Thổ Nhĩ Kỳ. Mức thuế Thổ Nhĩ Kỳ áp cho Việt Nam là 0%, thấp hơn so với mức 2,7% mà nước này áp cho sản phẩm (HS7315) của các quốc gia và vùng lãnh thổ như Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Đài Loan, Liên Bang Nga, Nam Phi...

Xếp ở vị trí thứ 5 là sản phẩm (HS7323), giá trị xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam đối với mặt hàng này trong giai đoạn 2016 - 2020 có mức tăng trưởng bình quân âm 9% (năm 2017 giảm 10,5%, 2018 giảm 65%, 2019 tăng 8,5% và 2020 tăng 194% so với cùng kỳ năm trước) đưa giá trị xuất khẩu mặt hàng (HS7323) của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ từ 636.000 USD năm 2016 về mức 635.000 USD năm 2020. Năm 2020, Việt

Nam xếp thứ 9 trong tổng số các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu (HS7323) vào Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần khoảng 1,6%. Mức thuế mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho Việt Nam ở mức 0%, tương đương với hầu hết quốc gia và vùng lãnh thổ khác.

10. Dụng cụ, thiết bị và máy quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra độ chính xác, y tế hoặc phẫu thuật; các bộ phận và phụ tùng của chúng (HS90)

Đơn vị tính: nghìn USD

	2016	2017	2018	2019	2020
Nhập khẩu từ Việt Nam	12.156	61.456	42.220	24.649	22.411
Nhập khẩu từ thế giới	4.632.094	4.999.037	4.684.058	4.505.158	4.753.667
% trong tổng nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ từ thế giới	0,3%	1,2%	0,9%	0,5%	0,5%

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) – Trademap.org

Năm 2020, Việt Nam đứng thứ 29 trong số các nhà cung cấp hàng hóa thuộc nhóm (HS90) cho Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần 0,5% (tương đương giá trị xuất khẩu đạt 22,411 triệu USD, giảm 9,1% so với năm 2019). Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị xuất khẩu vào thị trường này giai đoạn 2016 – 2020 ghi nhận mức tăng 3%, trong đó, năm 2017, giá trị nhập khẩu mặt hàng này của Thổ Nhĩ Kỳ từ Việt Nam đạt 6,456 triệu USD (tăng 405,6% so với 12,156 triệu USD của năm 2016); năm 2018 đạt 42,220 triệu USD giảm 31,3%); năm 2019 đạt 24,649 triệu USD (giảm 41,6%). Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại mặt hàng (HS90) với Thổ Nhĩ Kỳ là 17,814 triệu USD trong năm 2020. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho (HS90) của Việt Nam là 0,1%. Đây là mức thấp hơn mức thuế trung bình 1,4% mà Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng cho hàng hóa của Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Mexico, Canada...

Đức là nhà cung ứng lớn nhất nhóm hàng (HS90) cho Thổ Nhĩ Kỳ trong nhiều năm liền. Tốc độ tăng trưởng bình quân về giá trị mà Thổ Nhĩ Kỳ nhập khẩu từ Đức trong giai đoạn 2016 - 2020 là -2%. Năm 2020, Đức xuất khẩu (HS90) sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 819,338 triệu USD. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Đức là 0%, thấp hơn Việt Nam 0,1 điểm phần trăm. Đức chiếm thị phần lớn trong tổng giá trị nhập khẩu nhóm hàng (HS90) của Thổ Nhĩ Kỳ, năm 2020 chiếm 17,2%. Các nhà cung cấp lớn khác trong năm 2020 gồm: Trung Quốc (719,393 triệu USD, chiếm 15,1%), Hoa Kỳ (648,453 triệu USD, chiếm 13,6%); Nhật Bản (290,955 triệu USD, chiếm

6,1%), Pháp (258,506 triệu USD, chiếm 5,4%), Italy (210,060 triệu USD, chiếm 4,4%); Vương quốc Anh (154,448 triệu USD, chiếm 3,2%)...

Các sản phẩm thuộc nhóm hàng (HS90) mà Việt Nam xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 gồm: HS9018; HS9026, trừ các dụng cụ và thiết bị thuộc nhóm 90.14, 90.15, 90.28 hoặc 90.32; HS9021; HS9027; HS9002.

Sản phẩm trong nhóm (HS90) có giá trị xuất khẩu cao nhất vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam là (HS9018). Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân hàng năm mặt hàng này của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ giai đoạn 2016 – 2020 là 10%. Năm 2016 đạt 9,775 triệu USD thì năm 2020 đạt 15,382 triệu USD. Năm 2020, Việt Nam xếp vị trí thứ 14 trong tổng số các nhà cung ứng sản phẩm này vào Thổ Nhĩ Kỳ. Thị phần chiếm khoảng 1% – 2% trong giai đoạn 2016 – 2020, riêng năm 2020, thị phần là 1,5%. Mức thuế trung bình Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm (HS9018) của Việt Nam là 0%. Xét trong tổng giá trị xuất khẩu mặt hàng này ra thế giới của Việt Nam, tỷ trọng thị trường Thổ Nhĩ Kỳ dao động trong khoảng 2-3%. Tỷ trọng của sản phẩm (HS9018) trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm (HS90) của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 chiếm 68,6%.

Mặt hàng (HS9026) đứng ở vị trí thứ hai trong nhóm (HS90) mà Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân giai đoạn 2016 – 2020 ghi nhận mức dương 36%. Tỷ trọng sản phẩm (HS9026) trong tổng giá trị xuất khẩu nhóm hàng (HS90) của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ năm 2016 là 5,6%, năm 2017 giảm còn 1,5%, năm 2018 chiếm 2,6%, 2019 là 5,3% và năm 2020 chiếm 11,6%. Năm 2020, giá trị xuất khẩu (HS9026) sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 2,604 triệu USD so với 684.000 USD của năm 2016. Mức thuế Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 0%. Năm 2020, Việt Nam đứng thứ 17 trong số các nhà cung ứng sản phẩm này vào Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần 1,1%.

Vị trí thứ ba trong nhóm hàng (HS90) mà Việt Nam xuất khẩu nhiều sang Thổ Nhĩ Kỳ là (HS9021). Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu trung bình giai đoạn 2016 – 2020 của sản phẩm này vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam là 17%. Việt Nam đứng vị trí thứ 23 trong số các nhà cung ứng sản phẩm (HS9021) cho Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần khoảng 0,5%. Mức thuế Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 0%. Giá trị xuất khẩu (HS9021) vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ năm 2016 là 803.000 USD, năm 2017 là 1,255 triệu USD (tăng 56,3% so với năm 2016); năm 2018 giảm 17,8%, đạt 1,031 triệu

USD, năm 2019 tăng 68,2%, đạt 1,734 triệu USD; năm 2020 giảm 14,9% so với năm 2019, đạt 1,476 triệu USD.

Việt Nam xuất khẩu mặt hàng (HS9027) sang Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 2020 đạt 857.000 USD, giảm 52,9% so với năm 2019. Giai đoạn 2016 – 2020 xuất khẩu tăng trưởng trung bình ở mức 174%. Năm 2020, với thị phần 0,2%, Việt Nam xếp ở vị trí thứ 29 trong tổng số các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu (HS9027) vào Thổ Nhĩ Kỳ. Mức thuế mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho Việt Nam là 0%, thấp hơn so với mức 0,8% mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho sản phẩm (HS9027) của các quốc gia và vùng lãnh thổ như Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Canada...

Xếp ở vị trí thứ 5 là sản phẩm (HS9002), giá trị xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ của Việt Nam đối với mặt hàng trong giai đoạn 2016 - 2020 có mức tăng trưởng bình quân 27% (năm 2017 tăng 56,6%, 2018 tăng 7,0%, 2019 tăng 16,5% và 2020 tăng 52,8% so với cùng kỳ năm trước) đưa giá trị xuất khẩu mặt hàng (HS9002) của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ từ 228.000 USD năm 2016 lên 680.000 USD năm 2020. Năm 2020, Việt Nam xếp thứ 12 trong tổng số các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu (HS9002) vào Thổ Nhĩ Kỳ với thị phần khoảng 1,8%. Mức thuế mà Thổ Nhĩ Kỳ áp cho Việt Nam ở mức 2,1%.

Bảng 4.2: Các mặt hàng xuất khẩu chính của Thổ Nhĩ Kỳ sang Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020

Đơn vị tính: triệu USD

Mã HS	Tên mặt hàng	Thổ Nhĩ Kỳ xuất khẩu sang Việt Nam					% thay đổi				% trong tổng NK của Việt Nam từ thế giới					% trong tổng XK của Thổ Nhĩ Kỳ ra thế giới				
		2016	2017	2018	2019	2020	17/16	18/17	19/18	20/19	2016	2017	2018	2019	2020	2016	2017	2018	2019	2020
'84	Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và trang thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng	32.092	38.849	45.733	47.251	35.965	21,1%	17,7%	3,3%	23,9%	0,2%	0,2%	0,2%	0,2%	0,2%	0,3%	0,3%	0,3%	0,3%	0,2%
'28	Hóa chất vô cơ; các hợp chất vô cơ hay hữu cơ của kim loại quý, kim loại đất hiếm, các nguyên tố phóng xạ hoặc của các chất đồng vị	6.319	11.241	23.370	28.588	22.289	77,9%	107,9%	22,3%	22,0%	0,6%	0,8%	1,6%	1,9%	1,5%	0,6%	0,9%	1,3%	1,5%	1,4%
'85	Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh; máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình; bộ phận và phụ tùng của các loại máy trên	27.219	12.309	12.687	19.380	19.591	54,8%	3,1%	52,8%	1,1%	0,1%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,3%	0,2%	0,1%	0,2%	0,2%
'52	Bông	27.241	19.526	31.638	26.991	19.208	28,3%	62,0%	14,7%	28,8%	0,8%	0,5%	0,7%	0,6%	0,5%	1,6%	1,1%	1,7%	1,6%	1,3%
'30	Dược phẩm	8.158	10.943	11.670	16.309	14.589	34,1%	6,6%	39,8%	10,5%	0,3%	0,4%	0,4%	0,5%	0,4%	1,0%	1,3%	1,0%	1,1%	0,8%
'87	Xe cơ trứ thiết bị chạy trên đường xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ tùng	12.816	4.537	13.447	19.850	9.854	64,6%	196,4%	47,6%	50,4%	0,3%	0,1%	0,3%	0,3%	0,2%	0,1%	0,0%	0,1%	0,1%	0,0%

Mã HS	Tên mặt hàng	Thổ Nhĩ Kỳ xuất khẩu sang Việt Nam					% thay đổi				% trong tổng XK của Việt Nam từ thế giới					% trong tổng XK của Thổ Nhĩ Kỳ ra thế giới				
		2016	2017	2018	2019	2020	17/16	18/17	19/18	20/19	2016	2017	2018	2019	2020	2016	2017	2018	2019	2020
'25	Muối; lưu huỳnh; đất và đá; thạch cao, vôi và xi măng	9.732	13.674	12.885	11.730	9.455	40,5%	-5,8%	-9,0%	19,4%	2,7%	3,5%	3,3%	3,5%	3,1%	0,4%	0,5%	0,5%	0,4%	0,3%
'39	Plastic và các sản phẩm bằng plastic	3.341	5.019	6.289	7.839	9.056	50,2%	25,3%	24,6%	15,5%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,1%	0,1%	0,1%	0,1%	0,1%	0,1%
'55	Xo, sợi staple nhân tạo	9.931	12.238	15.831	10.947	6.535	23,2%	29,4%	30,9%	40,3%	0,3%	0,4%	0,5%	0,4%	0,3%	0,8%	0,9%	1,0%	0,8%	0,6%
'09	Cà phê, chè và các loại gia vị	20.417	14.380	18.089	8.930	5.978	29,6%	25,8%	50,6%	33,1%	###	6,7%	7,8%	3,9%	2,3%	10,4%	8,1%	10,0%	4,2%	2,3%

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) – Trademap.org

Đầu tư

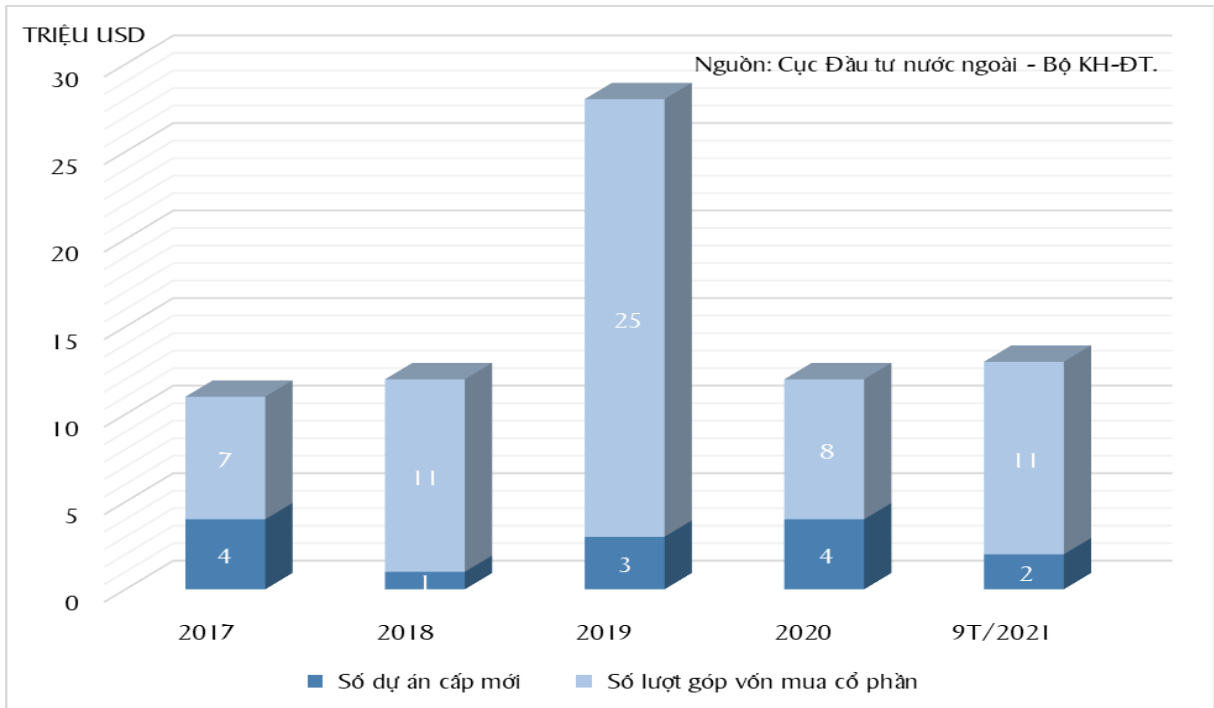
Theo số liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch – Đầu tư), tính đến thời điểm hết tháng 09/2021, Thổ Nhĩ Kỳ là nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài xếp thứ 27 trong số 141 quốc gia và lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam, với 28 dự án còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký gần 708,57 triệu USD. Các dự án có mức bình quân một dự án đạt 25,31 triệu USD/dự án, cao hơn nhiều so với bình quân đầu tư một dự án nước ngoài đầu tư tại Việt Nam là 11,81 triệu USD/dự án.

Tổng số vốn đầu tư đăng ký của Thổ Nhĩ Kỳ lũy kế đến hết tháng 9/2021 chiếm 0,18% trên tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký tại Việt Nam.

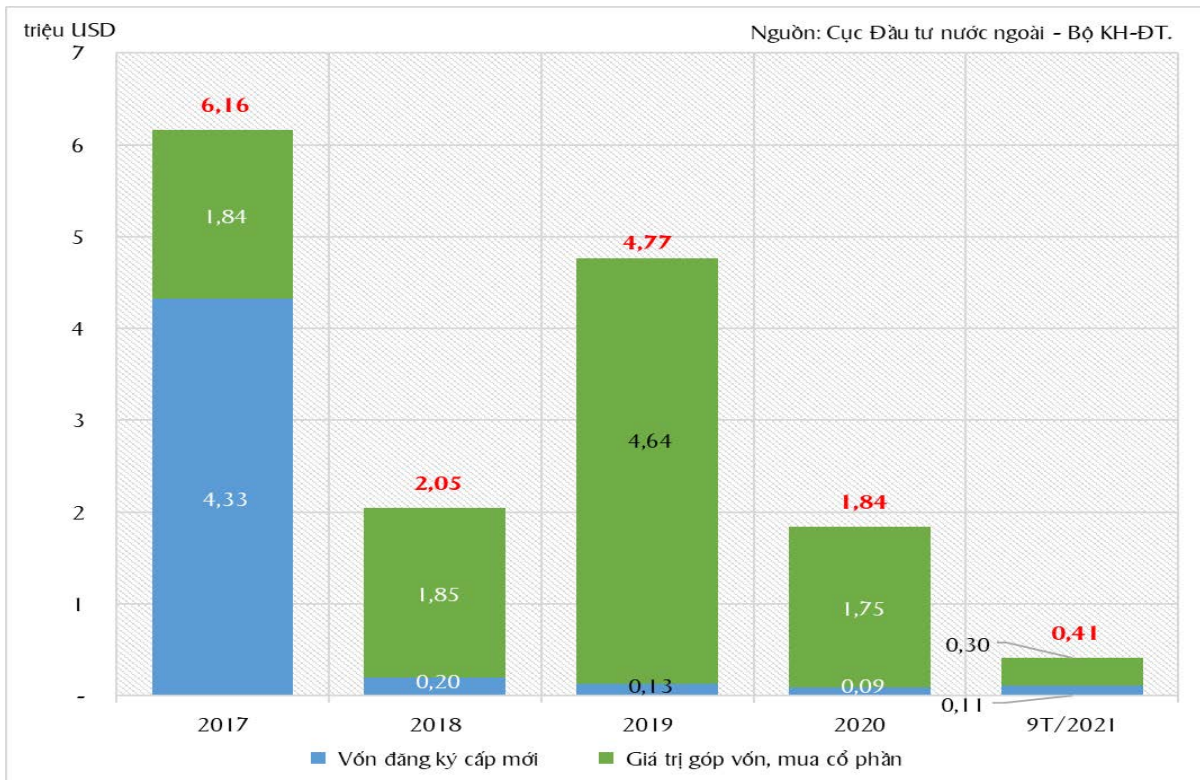
Trong năm 2020, có tổng số 04 dự án của các nhà đầu tư Thổ Nhĩ Kỳ được cấp mới, với giá trị vốn đăng ký cấp mới đạt 0,09 triệu USD, chiếm 4,9% tổng vốn đăng ký của Thổ Nhĩ Kỳ vào Việt Nam năm 2020. Ngoài ra, các nhà đầu tư Thổ Nhĩ Kỳ còn đầu tư vào Việt Nam thông qua hình thức góp vốn mua cổ phần với 8 lượt, giá trị đạt 1,75 triệu USD, chiếm 95,1%.

Theo thống kê từ Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch – Đầu tư, trong 09 tháng đầu năm 2021, đã có 02 lượt dự án của Thổ Nhĩ Kỳ được cấp mới, với giá trị vốn đăng ký đạt 0,11 triệu USD; số lượt vốn góp mua cổ phần là 11 lượt với giá trị 0,3 triệu USD; qua đó đưa tổng số vốn FDI của các nhà đầu tư Thổ Nhĩ Kỳ tại Việt Nam trong 09 tháng qua đạt 0,41 triệu USD.

Số dự án cấp mới + Số lượt dự án tăng vốn + Số lượt góp vốn mua cổ phần của Thỏ Nhĩ Kỳ vào Việt Nam



Vốn đăng ký cấp mới + Vốn đăng ký tăng thêm + Giá trị góp vốn, mua cổ phần của Thỏ Nhĩ Kỳ vào Việt Nam



Các doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ đánh giá Việt Nam là một thị trường rộng lớn và đầy triển vọng cho doanh nghiệp nước này. Việt Nam cũng là một điểm đến trung tâm để cho các doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ vươn xa hơn nữa tới các thị trường khác trong khu vực Đông Nam Á.

Hayat - nhà sản xuất tã trẻ em lớn thứ 5 thế giới của Thổ Nhĩ Kỳ, đặt tham vọng chiếm 30% thị phần tại Việt Nam vào 2025.

Hayat, "gã khổng lồ" ngành hàng tiêu dùng nhanh, vừa công bố hiện diện chính thức tại thị trường tã trẻ em Việt Nam, với thương hiệu Molfix. Để chuẩn bị cho quyết định này, tập đoàn đã âm thầm nghiên cứu thị trường từ 4 năm trước và tiến hành đầu tư xây dựng với số vốn 250 triệu USD vào năm 2020.

Nhà máy rộng 32 ha, đặt tại Khu công nghiệp Becamex – Bình Phước. Không chỉ phục vụ thị trường trong nước, nhà máy sẽ là trung tâm sản xuất của toàn khu vực, dự kiến xuất khẩu 40% sản lượng sang Thái Lan và Malaysia, nơi đã thành lập sẵn các tổ chức và công ty thương mại của Hayat.

Ở giai đoạn hai, nhà máy sẽ cung ứng sản phẩm tới các thị trường tiềm năng khác như Campuchia, Philippines, Lào và Indonesia. Tổng giá trị xuất khẩu của Hayat Việt Nam ước tính đạt 50 triệu USD mỗi năm. Bên cạnh hạng mục tã giấy cho em bé, Hayat cũng có kế hoạch đầu tư vào nhà máy khăn giấy với sản lượng 60.000 tấn một năm và nhà máy sản xuất chất tẩy rửa với công suất 250.000 tấn mỗi năm.

Trong khi đó, sản phẩm của Hayat đã lên kệ từ đầu tháng 9, thông qua hệ thống hơn 10.000 cửa hàng bán lẻ truyền thống, gần 1.000 cửa hàng mẹ và bé, siêu thị và cả các gian hàng trên thương mại điện tử. Việt Nam là điểm đến hấp dẫn để đầu tư và hỗ trợ Hayat mở rộng thị trường của mình tại khu vực ASEAN, đây là đánh giá của ông Cetin Murat, Tổng giám đốc Hayat Việt Nam.

Theo Nielsen, quy mô thị trường tã Việt Nam hiện khoảng 650 triệu USD, với sản lượng tiêu thụ 3,5 tỷ miếng tã mỗi năm. Hayat cho biết, thương hiệu tã Molfix của họ chỉ mất 2 năm để vươn lên nắm giữ vị trí thứ hai tại tất cả thị trường đầu tư mới. Vì vậy, ở Việt Nam, công ty đặt mục tiêu sở hữu 30% thị phần ngành hàng tã trẻ em vào năm 2025.

Thành lập năm 1937, Hayat Holding là một doanh nghiệp toàn cầu với 41 công ty thành viên, và hơn 17.000 nhân viên hoạt động trên nhiều lĩnh vực, bao gồm công ty Hayat thuộc ngành tiêu dùng nhanh.

Mảng tiêu dùng nhanh Hayat thành lập năm 1987, hiện có 21 nhà máy đặt tại 8 quốc gia bao gồm Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập, Iran, Algeria, Nga, Nigeria, Pakistan và Việt Nam. Công ty này có 15 nhãn hàng, xuất khẩu sang 100 quốc gia. Năm 2020, họ đứng thứ 45 trong danh sách "Những nhà xuất khẩu lớn nhất Thổ Nhĩ Kỳ". Chỉ tính riêng hoạt động sản xuất nội địa, Hayat được xếp thứ 39 trong danh sách "500 doanh nghiệp công nghiệp hàng đầu Thổ Nhĩ Kỳ".

"Việt Nam cần phải tập trung vào việc tạo ra môi trường tốt nhất cho các doanh nghiệp FDI trong lúc đất nước chuẩn bị mở cửa trở lại. Việc đầu tư thành công của Hayat vào Việt Nam là một minh chứng cho thấy môi trường kinh doanh hiện tại dần khởi sắc", ông Thue Quist Thomasen, Thành viên Hội Đồng EuroCharm và CEO của YouGov Vietnam, bình luận.

Chương 5: Các lĩnh vực hàng đầu dành cho các doanh nghiệp xuất khẩu và nhà đầu tư nước ngoài tại Thổ Nhĩ Kỳ

Hàng không dân dụng, công nghệ và thiết bị

Thổ Nhĩ Kỳ là một trung tâm hàng không mới nổi cho các thị trường ở châu Âu, Trung Đông, Caucasus và Bắc Phi. Với vị trí gần các thị trường phát triển và mới nổi (hơn 50 quốc gia cách Istanbul 3 giờ bay), nền kinh tế và dân số đang phát triển, người Thổ Nhĩ Kỳ ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào dịch vụ hàng không trong nước và quốc tế trong thập kỷ qua. Do sự mở rộng của các hãng hàng không tư nhân, số lượng các chuyến bay nội địa và quốc tế đã tăng lên đáng kể trong những năm gần đây, dẫn đến tổng lưu lượng hành khách và hàng hóa tăng đột biến.

Ngành hàng không dân dụng Thổ Nhĩ Kỳ cũng tiếp tục tăng trưởng ổn định trong năm 2019, với tổng số hành khách đạt 209 triệu. 100 triệu hành khách bay nội địa trong khi 109 triệu còn lại bay đến các điểm đến quốc tế. Tổng lượng hàng hóa lưu thông đạt khoảng 2,3 triệu tấn. Một cột mốc quan trọng đối với lĩnh vực hàng không là việc khai trương Sân bay Istanbul mới vào tháng 4 năm 2019 và đóng cửa Sân bay Atatürk sau nhiều thập kỷ phục vụ. Tổng lưu lượng hành khách kết hợp tại Sân bay Atatürk và sau đó là Sân bay Istanbul vào năm 2019 đạt 68,5 triệu lượt, tiếp tục là sân bay bận rộn thứ năm của châu Âu đối với hành khách kết nối trực tiếp, gián tiếp. Về kết nối trung tâm, Sân bay Istanbul đứng thứ 9 trên toàn cầu. Sabiha Gokcen, sân bay khác của Istanbul, đã phục vụ 35,4 triệu hành khách vào năm 2019, nâng tổng số hành khách của thành phố lên hơn 100 triệu. Với việc hoàn thành đường băng thứ hai tại Sabiha Gokcen vào đầu năm 2021, sân bay này dự kiến sẽ đạt công suất hành khách hàng năm là 66 triệu người. Sân bay Istanbul, sau khi hoàn thành tất cả các giai đoạn, sẽ có sức chứa 90 triệu hành khách và được kỳ vọng là sân bay lớn nhất thế giới. Với ba đường băng hiện đang hoạt động, sân bay có khả năng cất và hạ cánh đồng thời gấp ba lần, điều mà chỉ một số sân bay trên toàn cầu có được. Đến năm 2033, Istanbul dự kiến sẽ đón hơn 50.000 hành khách đường dài mỗi ngày.

Các hãng hàng không tư nhân mới, bao gồm cả các hãng hàng không giá rẻ, đã xuất hiện hoặc đã phát triển. Theo báo cáo của Hội đồng các nhà xuất khẩu Thổ Nhĩ Kỳ, Thổ Nhĩ Kỳ là nhà xuất khẩu dịch vụ lớn thứ ba trong ngành hàng không, tạo ra 11,2 tỷ USD xuất khẩu dịch vụ trong năm 2018, sau Hoa Kỳ và UAE. Hơn nữa, vào năm 2019, năm

trong số mười nhà xuất khẩu dịch vụ hàng đầu ở Thổ Nhĩ Kỳ là các công ty hàng không. Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa và đại tu (MRO) cũng đã tăng trưởng, với các trung tâm MRO mới được thành lập tại Istanbul. HABOM của Thổ Nhĩ Kỳ, có trụ sở ở Istanbul tại Sân bay Sabiha Gokcen, là một cơ sở MRO lớn bao gồm một liên doanh THY Technic về sửa chữa và bảo dưỡng máy bay thân rộng và thân hẹp. Sabiha Gokcen cũng có một cửa hàng sửa chữa động cơ và nhiều cơ sở MRO khác với quy mô khác nhau. Tăng trưởng trong lĩnh vực hàng không cũng mang lại sự gia tăng đáng kể về số lượng các điểm đến của chuyến bay, đạt 56 điểm đến nội địa từ bảy trung tâm và 328 điểm đến quốc tế tại 126 quốc gia, vùng lãnh thổ vào năm 2019. Turkish Airlines (THY) bay thẳng đến nhiều điểm đến nhất từ một sân bay duy nhất. Có hơn 55 quốc gia trong phạm vi này, điều này làm cho Istanbul trở thành một trung tâm hàng không toàn cầu một cách tự nhiên. THY hiện có 360 máy bay và nắm giữ 2% thị trường toàn cầu. Vào tháng 3 năm 2018, Công ty Boeing đã ký hợp đồng với THY cho 25 chiếc Dreamliners (máy bay 787) với tùy chọn mua thêm 5 chiếc.

Các công ty MRO của Thổ Nhĩ Kỳ như THY Technic, Pegasus Technic và những công ty khác cũng đang cạnh tranh để tăng thị phần của họ trên thị trường MRO và mở rộng danh mục khách hàng của họ. Theo các chuyên gia trong ngành hàng không, 12% chi phí của ngành hàng không liên quan đến bảo trì máy bay, điều này mang lại cơ hội đáng kể cho các công ty MRO.

Tăng trưởng chung của thị trường hàng không cũng được thúc đẩy bởi thị trường máy bay tư nhân. Mặc dù bị ảnh hưởng rõ rệt bởi cuộc khủng hoảng tài chính năm 2001 và 2008, nhu cầu đối với máy bay phản lực tư nhân kể từ đó đã có xu hướng tăng lên và đã tăng hơn gấp đôi kể từ năm 2009. Do đó, Thổ Nhĩ Kỳ hiện là một trong những thị trường phát triển nhanh nhất trong việc sử dụng máy bay tư nhân.

Chính phủ đã ưu tiên lĩnh vực hàng không, bằng chứng là có nhiều ưu đãi nhằm thu hút cả khách hàng và hãng hàng không. Các hãng hàng không giá rẻ đã trở nên phổ biến hơn, các quy định liên quan đến giá vé đã được sửa đổi và giảm giá dịch vụ sân bay, phí hạ cánh và hành khách cũng như giảm thuế đối với giá vé máy bay và nhiên liệu máy bay đã được thực hiện. THY hiện đã được giao dịch công khai hơn 50%, các thỏa thuận dịch vụ song phương đã được ký kết, Cơ quan Hàng không Dân dụng đã trở nên tích

cực hơn trên trường quốc tế và việc xây dựng các sân bay mới, bao gồm cả Sân bay Istanbul mới, đã hoàn thành hoặc đã khởi công.

Chương trình không gian

Cơ quan Vũ trụ Thổ Nhĩ Kỳ được thành lập vào tháng 12 năm 2018 để phát triển các công nghệ phóng tên lửa và khám phá không gian. Cơ quan này cũng sẽ điều phối tất cả các hoạt động không gian thương mại. Mặc dù cơ quan này báo cáo Bộ Công nghiệp và Công nghệ có quyền tự chủ về tài chính, hành chính và có ngân sách riêng. Nó sẽ điều phối các nỗ lực về không gian cho các thực thể có liên quan của Thổ Nhĩ Kỳ bằng cách sắp xếp hợp lý các hoạt động của họ và đóng vai trò là đầu mối liên hệ chính của các tổ chức quốc tế. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã tài trợ cho một số trung tâm nghiên cứu vũ trụ và cơ quan mới sẽ điều phối các hoạt động của họ cũng như các hoạt động của Công ty Hàng không Vũ trụ Thổ Nhĩ Kỳ (TAI), Roketsan (nhà sản xuất tên lửa hàng đầu của Thổ Nhĩ Kỳ) và Turksat (tổ chức vệ tinh bán tư nhân).

Tổng ngân sách của Thổ Nhĩ Kỳ được phân bổ cho các chương trình không gian đã lên tới 1 tỷ USD. Turksat 6A, vệ tinh viễn thông đầu tiên, được thiết kế và sản xuất trong nước, đã được phân bổ 546 triệu USD. Dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2020-2021. Với việc hoàn thành Turksat 6A, Thổ Nhĩ Kỳ sẽ gia nhập liên minh 10 quốc gia có năng lực sản xuất vệ tinh liên lạc.

Sự tham gia của Thổ Nhĩ Kỳ trong lĩnh vực không gian chủ yếu là trong lĩnh vực vệ tinh. Thổ Nhĩ Kỳ cũng đã tham gia vào phát triển phần mềm sứ mệnh, công nghệ trạm mặt đất, tích hợp và thử nghiệm vệ tinh. Nó thường được coi là một thị trường chưa được khai thác với những cơ hội đáng kể cho các công ty nước ngoài, vì nó phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, đặc biệt là ở cấp độ linh kiện. Mặc dù Thổ Nhĩ Kỳ có một số khả năng thiết kế, nhưng nước này dựa vào nhập khẩu các thành phần nhỏ hơn như chip, mạch và vật liệu chịu nhiệt. Các công ty Hoa Kỳ, Canada, Châu Âu và Châu Á (đặc biệt là Hàn Quốc) là những nhà cung cấp hàng đầu của các thành phần này.

Thổ Nhĩ Kỳ hiện có ba vệ tinh liên lạc (Turksat 3A, 4A và 4B) và ba vệ tinh trinh sát (RASAT, GOKTURK 1 và 2) trên quỹ đạo và đang hoạt động tích cực. Sau này phục vụ cho Quân đội Thổ Nhĩ Kỳ và các cơ quan chính phủ khác nhau. Tubitak Space và Turksat cũng có các dự án vệ tinh đang diễn ra với nhiều loại hình và quy mô khác nhau.

Do Thổ Nhĩ Kỳ thiếu kinh nghiệm trong lĩnh vực vũ trụ, đây là một thị trường chưa được khai thác, dự kiến sẽ phát triển theo nhiều chiều.

Các ngành phụ trợ hàng đầu

- Máy bay / phụ tùng máy bay;
- Hoạt động của MRO;
- Vệ tinh và dịch vụ khởi chạy;
- Hệ thống kiểm soát không lưu và hàng không dân dụng.

Cơ hội

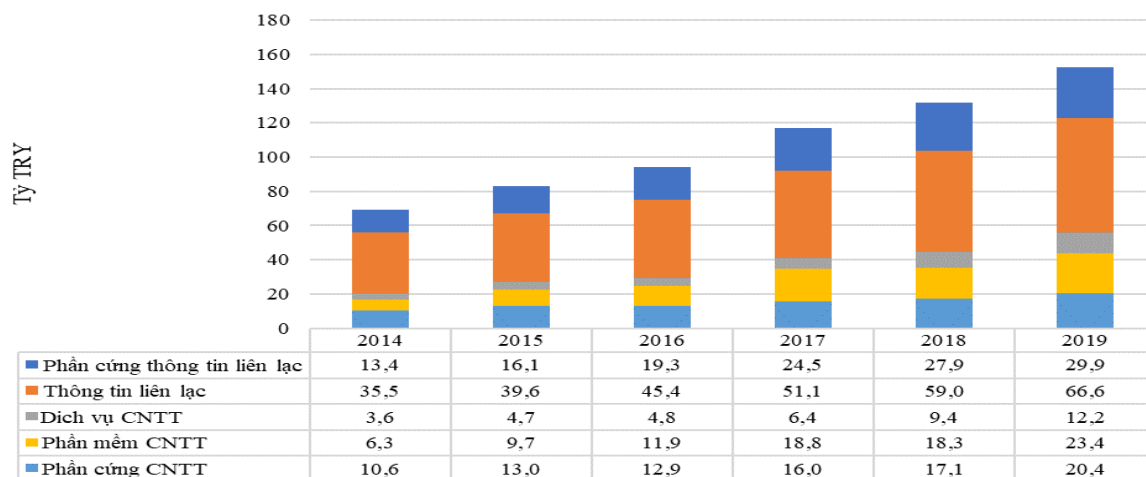
Thị trường hàng không vũ trụ Thổ Nhĩ Kỳ phụ thuộc rất nhiều vào nhập khẩu, đặc biệt là đối với dàn máy bay và các thiết bị liên quan. Các công ty Hoa Kỳ chiếm thị phần lớn nhất trong thị trường này (tiếp theo là các đối thủ cạnh tranh ở châu Âu và Nhật Bản), cung cấp nhiều loại máy bay, trực thăng và các dàn máy bay khác cũng như các cụm lắp ráp phụ, các bộ phận/thành phần của máy bay, hệ thống hạ cánh, hệ thống radar, x-ray và thiết bị quét, thiết bị kiểm soát mặt đất, hệ thống an toàn/an ninh, thiết bị thông tin liên lạc, hệ thống chiếu sáng đường băng và hạ cánh, hệ thống hạ cánh tự động, hệ thống điện tử hàng không, v.v. Mô hình được ưa chuộng để phát triển sân bay ở Thổ Nhĩ Kỳ là mô hình Xây dựng-Kinh doanh-Chuyển giao (BOT). Cơ quan Quản lý Sân bay Tiểu bang (DHMI) vẫn là cơ quan mua sắm lớn nhất đối với thiết bị kiểm soát không lưu (ATC), công cụ hỗ trợ dẫn đường (chẳng hạn như công cụ tìm hướng tự động (ADF), điều hướng quán tính, la bàn, điều hướng radar, phạm vi đa hướng VHF (VOR) và GNSS), cơ sở hạ tầng sân bay và hệ thống an ninh sân bay.

Nguồn thông tin hữu ích

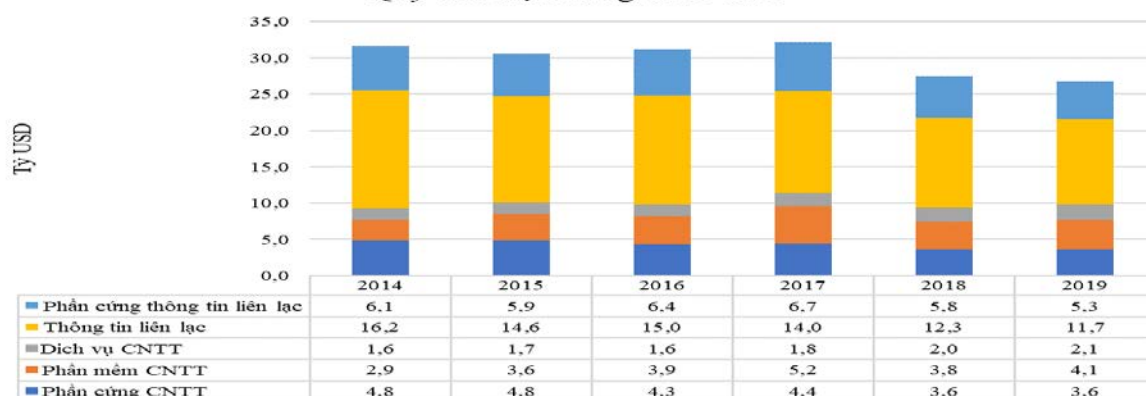
- Tổng cục Quản lý Sân bay quốc gia (DHMI) – www.dhmi.gov.tr.
- Turkish Airlines (THY) – www.thy.com.
- Tổng Cục Hàng không dân dụng - www.shgm.gov.tr.
- Bộ Giao thông và Cơ sở hạ tầng.

Công nghệ thông tin và truyền thông

Quy mô thị trường theo TRY



Quy mô thị trường theo USD



Nguồn: www.tubisad.org.tr.

(Vì đồng lira mất giá, do đó, trong khi quy mô thị trường trong nước tính theo đồng lira tăng lên thì tính theo đồng đô la có thể thấy một sự giảm nhẹ).

Các nhà cung cấp nước ngoài ngày càng gặp khó khăn trong hoạt động do thuế dịch vụ kỹ thuật số mới, các yêu cầu về nội địa hóa và các hạn chế đối với các nền tảng truyền thông xã hội. Điều đó cho thấy, với lực lượng dân số trẻ (dự kiến sẽ tăng hơn nữa trong những năm tới) Thổ Nhĩ Kỳ đã lên kế hoạch cho các dự án quy mô lớn, kế hoạch chiến lược 2019-2023 của chính phủ, các sáng kiến 5G và trọng tâm lớn hơn để đáp ứng kỳ vọng ngày càng tăng của người tiêu dùng, tất cả đều hỗ trợ các cơ hội tiếp cận trong lĩnh vực này.

Thị trường Công nghệ thông tin – Truyền thông đạt tổng trị giá 26,8 tỷ USD vào năm 2019, với 17 tỷ USD chi cho công nghệ truyền thông và 9,9 tỷ USD cho công nghệ thông tin (phần cứng, phần mềm, dịch vụ CNTT). Lĩnh vực này sử dụng 143.000 người và Thổ Nhĩ Kỳ đã xuất khẩu 1,1 tỷ USD các sản phẩm và dịch vụ liên quan vào năm

2019. Với thị trường nội địa rộng lớn và tiềm năng lớn, chi tiêu trong lĩnh vực Công nghệ thông tin – Truyền thông dự kiến sẽ tăng lên.

Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ cam kết hỗ trợ sự phát triển của lĩnh vực này là một lợi thế lớn, với kế hoạch đẩy nhanh quá trình chuyển đổi kỹ thuật số của đất nước và cải thiện cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin – Truyền thông. Các thử nghiệm 5G đang được tiến hành, với các giải pháp, dịch vụ và thiết bị đám mây trong các lĩnh vực như ngân hàng, chăm sóc sức khỏe và truyền thông, được thiết lập để hưởng lợi từ sự phát triển của công nghệ 5G. Việc hội nhập và phù hợp với các tiêu chuẩn và quy định của EU cũng như tiếp xúc với các thực tiễn tốt nhất của ngành đang thúc đẩy Thổ Nhĩ Kỳ sử dụng các giải pháp Công nghệ thông tin hàng đầu. Các nhà khai thác viễn thông địa phương đang đẩy nhanh các giải pháp IoT và các dự án thành phố thông minh. An ninh mạng cũng sẽ mang lại cơ hội trong trung hạn vì Thổ Nhĩ Kỳ nằm trong khu vực có nguy cơ cao về các mối đe dọa mạng, điều này làm tăng khả năng xảy ra một cuộc tấn công có tác động lớn vào cơ sở hạ tầng quan trọng.

Cơ sở dữ liệu

88% hộ gia đình được sử dụng Internet băng thông rộng, trong đó tỷ lệ sử dụng Internet của các cá nhân trong độ tuổi 16-74 là 75%. Khoảng 12 triệu hộ gia đình truy cập Internet qua băng rộng cố định và 87% qua băng rộng di động. Tỷ lệ thâm nhập của người dùng điện thoại di động là gần 100%, với 60 triệu thuê bao di động băng thông rộng và mức sử dụng dữ liệu trung bình 3 GB mỗi tháng (cao hơn mức trung bình của OECD).

Sử dụng phương tiện truyền thông xã hội

Thổ Nhĩ Kỳ có 54 triệu người dùng mạng xã hội tích cực (64% dân số) - tăng 2 triệu người so với năm ngoái. Nền tảng truyền thông xã hội chính là YouTube, tiếp theo là Instagram và Facebook. Vào ngày 6 tháng 8 năm 2020, Quốc hội đã thông qua luật có thể hạn chế đáng kể quyền truy cập vào các nền tảng (những nền tảng có hơn 1 triệu người dùng hàng ngày ở Thổ Nhĩ Kỳ) không tuân thủ các yêu cầu chính thức xóa nội dung bị coi là xúc phạm. Luật tìm cách xác định các nhà cung cấp mạng xã hội và một trong những yêu cầu là những nhà cung cấp đó phải có ít nhất một đại diện ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Phần mềm và phần cứng Công nghệ thông tin

Chi tiêu cho phần cứng Công nghệ thông tin, giống như hầu hết chi tiêu bán lẻ, đã giảm phần nào trong năm ngoái, một phần là do doanh số bán máy tính bảng của điện thoại thông minh bị sụt giảm nghiêm trọng. Chi tiêu cho phần mềm và dịch vụ tỏ ra linh hoạt hơn, với một số lĩnh vực tăng trưởng mạnh như điện toán đám mây, khi các nhà cung cấp đám mây mở rộng sự hiện diện của họ và các giải pháp được cung cấp đồng thời các doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ nhận thức rõ hơn về lợi ích của việc chuyển sang dịch vụ đám mây. Các danh mục phần mềm chính là lập kế hoạch nguồn lực doanh nghiệp (ERP) và quản lý quan hệ khách hàng (CRM) và những yếu tố đóng góp lớn nhất cho việc bán các dịch vụ CNTT truyền thống là tích hợp hệ thống, tư vấn và lập trình máy tính.

Các ngành và lĩnh vực chính cho chi tiêu cho Công nghệ thông tin – Truyền thông:

- Dịch vụ tài chính (trực tuyến, thanh toán qua ngân hàng di động, nền tảng thương mại điện tử);
- Lĩnh vực bảo hiểm (Insuretech);
- Các dịch vụ IOT, mạng và hệ thống hỗ trợ công nghệ 5G;
- Dịch vụ điện toán đám mây;
- Chăm sóc sức khỏe, sức khỏe di động;
- Tính di động;
- Sản xuất (công nghệ tự động hóa tiên tiến);
- Trung tâm dữ liệu và khu vực khắc phục thảm họa.

Viễn thông

Thị trường viễn thông Thổ Nhĩ Kỳ đang rất phát triển và vẫn còn nhiều dư địa để tiếp tục phát triển. Trên thị trường di động, với mức thâm nhập gần 100%, tăng trưởng về số lượng đăng ký chưa cao, nhưng nhu cầu về dịch vụ dữ liệu tốc độ cao vẫn tăng mạnh. Trong số 81,6 triệu người dùng điện thoại di động, 90% đã sử dụng điện thoại thông minh và tỷ lệ sở hữu tiếp tục tăng nhanh. 4G sẽ tiếp tục phát triển cho đến khi 5G bắt đầu được khai thác trên thực tế vào năm 2022. Các nhà khai thác mạng di động GSM chính ở Thổ Nhĩ Kỳ là Turkcell (41% thị phần), Vodafone (30%) và Turk Telekom/Avea (29%). Công nghệ 4.5G (LTE) được đưa vào sử dụng vào năm 2016 và số lượng thuê bao đạt 81 triệu (92% thị trường dữ liệu) vào năm 2019. Do triển khai

4.5G, thương mại điện tử, băng thông rộng di động, dịch vụ ngân hàng di động và dịch vụ truyền hình di động tăng, tạo cơ hội kinh doanh thuận lợi cho các nhà đầu tư. Đầu tư công nghệ mới và nỗ lực chuyển đổi sang công nghệ 5G sẽ đẩy nhanh quá trình mở rộng lĩnh vực.

Khi chuyển sang công nghệ 5G, các nhà khai thác đang đầu tư vào các mạng tiên tiến và hợp tác với các nhà cung cấp như Nokia, Ericsson và Huawei. Thổ Nhĩ Kỳ muốn sớm áp dụng 5G, vì vậy các nhà viễn thông đang chuẩn bị cơ sở hạ tầng của họ để sử dụng trong tương lai, chẳng hạn như các dự án thành phố thông minh và Internet of Things (IoT). Với sự ra đời của LTE, IPTV, các dịch vụ trực tuyến, dịch vụ nội dung và truyền thông, kinh doanh điện tử, dịch vụ được cá nhân hóa, tải nhạc, trò chơi, dịch vụ video và giải trí di động khác, phân khúc này đã và đang phát triển nhanh chóng, tạo ra nhiều doanh nghiệp mới và thu nhập.

Ở Thổ Nhĩ Kỳ, người dùng điện thoại thông minh thường xuyên đổi điện thoại di động của họ lấy các mẫu mới, duy trì sự tăng trưởng nhất quán trên thị trường thiết bị cầm tay. Samsung dẫn đầu trong thị trường di động không dây; tuy nhiên, iPhone của Apple đã cực kỳ thành công trong những năm gần đây, tiếp theo là Huawei, Oppo và Vivo. Các bộ điện thoại di động GSM phù hợp để tải video và phát trực tiếp được trang bị truy cập internet băng thông rộng sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng trong lĩnh vực này.

ZTE, Nokia, Northel Telecom, Alcatel, Siemens, Ericsson và NEC cung cấp hầu hết các thiết bị chuyển mạch đường dây cố định, bộ chuyển kênh và các thiết bị điện thoại khác. Nokia, Ericsson và Huawei là những nhà cung cấp mạng lớn ở Thổ Nhĩ Kỳ. Các công ty nước ngoài có thể cạnh tranh trong các chương trình phần mềm cần thiết cho cơ sở dữ liệu khách hàng, dịch vụ cuộc gọi khẩn cấp, quản lý công ty và trung tâm vận hành mạng thông minh. Cisco, Motorola, Nokia, Ericsson và Siemens là các nhà cung cấp trạm gốc và chuyển mạch GSM chính. Các công ty nước ngoài có thể cạnh tranh trong các sản phẩm phần mềm mới theo yêu cầu của các nhà khai thác mạng di động GSM để cung cấp các dịch vụ mới cho khách hàng của họ và cải thiện quản lý công ty và khách hàng.

Những lĩnh vực dẫn đầu

- Công nghệ truyền thông/Công nghệ và dịch vụ liên quan đến 5G/Giải pháp cáp quang;
- Giao tiếp M2M/IoT;

- Hệ thống máy tính Edge;
- Trung tâm đám mây/dữ liệu;
- Giải pháp an ninh mạng;
- Đầu tư công và Chính phủ điện tử;
- Điện tử dân dụng;
- Thể thao điện tử;
- Chơi game;
- Người máy được hỗ trợ bởi các ứng dụng Trí tuệ nhân tạo/Thực tế tăng cường;
- Thương mại điện tử;
- Giải pháp chuỗi khối;
- Thiết bị và dịch vụ không dây;
- Truyền hình giao thức Internet (IPTV).

Cơ hội

5G

5G, một ưu tiên của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, đang thu hút đầu tư vào thị trường viễn thông. Năm 2019, chính phủ đã phân bổ 5 tỷ USD ngân sách Công nghệ thông tin – Truyền thông cho mục đích này. Thương mại hóa 5G sẽ không bắt đầu cho đến đầu năm 2021 và sẽ có ít người đăng ký trong năm đầu tiên, nhưng tốc độ tăng trưởng ổn định sẽ đến vào các năm sau đó. Các nhà khai thác ban đầu sẽ tìm cách chuyển người tiêu dùng ở các thành phố lớn như Izmir, Istanbul, Ankara và Antalya sang ứng dụng 5G trong khi 4G sẽ vẫn phổ biến ở những nơi khác. Các ngành trọng tâm chính ứng dụng 5G sẽ là ô tô, truyền thông và giải trí, năng lượng, y tế và nông nghiệp.

Cơ quan Công nghệ Thông tin và Truyền thông (BTK), cơ quan và tổ chức chính dẫn đầu các nỗ lực triển khai 5G ở Thổ Nhĩ Kỳ, đã thành lập Diễn đàn “Công nghệ Truyền thông Di động Thế hệ Mới ở Thổ Nhĩ Kỳ (5GTR)”, bao gồm chính phủ, trường đại học, nhà sản xuất, nhà khai thác và các tổ chức phi chính phủ, để cung cấp một nền tảng đáp ứng các yêu cầu 5G trên thị trường. Mục tiêu là tăng cường nội địa hóa và hợp tác giữa các ngành dọc. Các công ty và hiệp hội tư nhân như Ericsson, Huawei, ZTE, Vestel,

Vodafone, Turkcell, Turk Telekom, Ulak Communication, Hiệp hội Doanh nhân Viễn thông và Quỹ Phát triển Công nghệ Thổ Nhĩ Kỳ, tham gia vào các nhóm làm việc.

Cáp quang

Các giải pháp cáp quang đang tiếp cận thị trường khi Turk Telekom, TTNNet và các ISP khác đầu tư cơ sở hạ tầng. Cơ quan quản lý của Thổ Nhĩ Kỳ cũng quan tâm đến việc đảm bảo truy cập băng thông rộng lớn hơn như đã nêu trong kế hoạch chiến lược 2019-2023 của họ. Thị trường băng thông rộng hiện có 16 triệu thuê bao, nhưng con số này dự kiến sẽ tăng lên 23 triệu trong vòng 10 năm tới.

An ninh mạng

An ninh mạng chống lại sự tấn công và vi rút, bảo mật email và web, quản trị mạng, quản trị danh tính và chứng chỉ, bảo mật di động, bảo mật hệ thống, bảo mật dữ liệu và ứng dụng là những ưu tiên hàng đầu trên thị trường. Chính phủ đã tăng chi tiêu cho phần cứng và phần mềm để chống lại các mối đe dọa mạng. Để thực hiện các biện pháp phòng thủ này, BTK, Bộ Giao thông và Cơ sở hạ tầng, Bộ Tư pháp và Nội vụ, Cảnh sát Quốc gia Thổ Nhĩ Kỳ và quân đội Thổ Nhĩ Kỳ sẽ tiếp tục cập nhật các công nghệ an ninh mạng của họ. Bộ Giao thông vận tải và cơ sở hạ tầng đã thành lập SOME (Đội ứng phó sự cố mạng), có mặt trong tất cả các tổ chức và cơ quan nhà nước để bảo vệ họ khỏi các cuộc tấn công mạng.

Điện tử tiêu dùng, công nghệ mới

Dân số trẻ của Thổ Nhĩ Kỳ tiếp tục thúc đẩy doanh số bán PC, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử tiêu dùng cũng như các dịch vụ dữ liệu và thoại di động. Thị trường nghe nhìn dự kiến sẽ tăng cao hơn nữa khi các tòa nhà thông minh được xây dựng với hệ thống lắp đặt phòng điều khiển và nghe nhìn cũng như hỗ trợ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng giải trí như IPTV. Việc ứng dụng các công nghệ mới nổi như kết nối Máy-với-Máy (M2M), AI, blockchain và robot cũng sẽ tiếp tục phát triển, được củng cố bởi sự phát triển của IoT và Công nghiệp 4.0.

Nguồn thông tin hữu ích

- TUBISAD (Hiệp hội các nhà sản xuất tin học của Thổ Nhĩ Kỳ): www.tubisad.org.tr;
- BTK (Cơ quan Công nghệ Thông tin và Truyền thông): www.btk.gov.tr;

- TBD (Hiệp hội Tin học Thổ Nhĩ Kỳ): www.tbd.org.tr;
- Giải pháp Fitch: www.fitchsolutions.com;
- GFK: www.gfk.com/tr;
- Đầu tư vào Thổ Nhĩ Kỳ (Văn phòng Đầu tư của Tổng thống Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ): www.invest.gov.tr/en-US;
- Bthaber (Tin tức Công nghệ thông tin): www.bthaber.com;
- IS'TE KOBI: www.istekobi.com.tr;
- Quan hệ nhà đầu tư của Tập đoàn viễn thông Thổ Nhĩ Kỳ: www.tinvestorrelations.com;
- Viện Thống kê Thổ Nhĩ Kỳ: www.turkstat.gov.tr;
- Báo cáo KPMG về lĩnh vực Viễn thông (bằng tiếng Thổ Nhĩ Kỳ): <https://assets.kpmg/content/dam/kpmg/tr/pdf/2019/04/sektorel-bakis-2019-telekomunikasyon.pdf>;
- TEDER (Hiệp hội Công nghệ Thông tin, Internet và Viễn thông): www.teder.org.tr.

Công nghệ Y tế và Công nghệ thông tin Y tế

	2018	2019	2020 (ước tính)	2021 (ước tính)
Tổng sản lượng địa phương	778	929	667	676
Tổng xuất khẩu	494	543	597	656
Tổng nhập khẩu	1.605	1.501	1.483	1.504
Tổng quy mô thị trường	1.889	1.877	1.854	1.880

Đơn vị tính: triệu USD.

Tổng quy mô thị trường = Tổng sản lượng địa phương + nhập khẩu - xuất khẩu

Với dân số 83 triệu người, Thổ Nhĩ Kỳ là một thị trường đang phát triển cho các công nghệ y tế và dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Bộ Y tế (MoH) chịu trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện chính sách chăm sóc sức khỏe của quốc gia và cũng là nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe lớn nhất. Thổ Nhĩ Kỳ chi 4,5% GDP cho chăm sóc sức khỏe; 30 tỷ USD vào năm 2018. Tỷ lệ này tương đối thấp so với mức trung bình 8,8% của

OECD và cho thấy dư địa cho sự tăng trưởng trong chi tiêu chăm sóc sức khỏe. Thổ Nhĩ Kỳ là nước nhập khẩu công nghệ y tế lớn, với 85% thiết bị y tế nhập khẩu, 20% trong số đó đến trực tiếp từ Hoa Kỳ. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ (GoT) đã có thể quản lý tồn thất tiền tệ, một vấn đề kể từ năm 2018 và nhu cầu ngày càng tăng đối với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, bằng cách duy trì mức giá bồi hoàn ổn định cho các thiết bị y tế. Tuy nhiên, điều này đã gây ra nhiều khó khăn cho các công ty nước ngoài khi họ phải đối mặt với tỷ giá thấp và tình hình suy giảm đều đặn (khi tính đến lạm phát và biến động tiền tệ).

Mục tiêu của GoT là tăng cường bộ kỹ năng và cơ sở kiến thức của quốc gia để sản xuất các thiết bị y tế trong nước. Để hiện thực hóa điều này, Quốc hội đã thông qua luật đảm bảo mua sắm cho sản phẩm được mua từ các công ty thiết bị y tế sản xuất một phần hoặc toàn bộ tại Thổ Nhĩ Kỳ. Nhóm sản phẩm đầu tiên áp dụng mô hình đấu thầu này là MRI, CT, X-quang kỹ thuật số, thiết bị siêu âm và máy theo dõi bệnh nhân. Người chiến thắng trong cuộc đấu thầu này sẽ nhận được bảo đảm mua sắm trong 5 năm để đổi lại nguồn cung ứng các bộ phận có xuất xứ nội địa ban đầu, sản xuất một phần trong năm thứ hai, và sau đó tăng dần hàm lượng nội địa. GoT đã khuyến khích hợp tác với một công ty Thổ Nhĩ Kỳ để tạo thành một tập đoàn. Tuy nhiên, sau bảy lần bị hủy bỏ và không có ngày đấu thầu mới nào được công bố, có một cảm giác không chắc chắn xung quanh việc mua sắm này. Mục tiêu của GoT là tăng sản lượng nội địa dự kiến sẽ được tiếp tục, nhưng các phương thức khuyến khích có thể thay đổi.

Bộ Y tế chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý và hoạt động y tế của các bệnh viện công, nơi 90% dân số được chăm sóc y tế. Những bệnh nhân có thể chi trả cho dịch vụ chăm sóc sức khỏe tư nhân được bảo hiểm theo các chương trình bảo hiểm tư nhân. Những người có bảo hiểm xã hội cũng có thể được điều trị tại các bệnh viện tư nhân có thỏa thuận với Viện An sinh xã hội (SGK).

Chi phí chăm sóc sức khỏe của các đối tượng an sinh xã hội điều trị tại các bệnh viện công được SGK hoàn trả nếu trang thiết bị y tế và dược phẩm được sử dụng nằm trong danh sách hoàn trả (SUT). Các nhà sản xuất thiết bị y tế muốn trở thành một phần của hệ thống bồi hoàn phải đảm bảo rằng thiết bị của họ được đưa vào danh sách này. Các bệnh viện tư nhân không nhất thiết phải tuân theo danh sách này và các nhà sản xuất giao dịch với các bệnh viện này trên cơ sở kế toán.

Phân bổ quyền sở hữu của các bệnh viện ở Thổ Nhĩ Kỳ:

Loại hình	2002				2018				Tăng trưởng %	
	Bệnh viện	%	Giường bệnh	%	Bệnh viện	%	Giường bệnh	%	Bệnh viện	Giường bệnh
Y tế cơ sở	774	67%	107.394	65%	889	58%	135.651	61%	14,8%	26,3%
Đại học	50	4%	26.341	16%	68	5%	42.066	17%	36%	59,6%
Tư nhân	271	23%	12.387	8%	577	37%	50.196	21%	129%	305%
Khác	61	6%	18.349	12%	-	0%	-	0%	-100%	-100%
Tổng cộng	1.156		164.471		1.534		231.913		32,6%	41%

Bộ Y tế là nhà đầu tư lớn nhất và điều hành các cơ sở y tế. Tuy nhiên, xu hướng tư nhân hóa đang diễn ra mạnh mẽ. Với nhiều bệnh viện tư nhân hơn, cơ hội bán hàng sẽ tăng lên và so với các bệnh viện của Bộ Y tế, các yêu cầu mua sắm ít phức tạp hơn và thời hạn thanh toán ngắn hơn.

Bộ Y tế cũng sử dụng mô hình Hợp tác Công-Tư-Đối tác (PPP) để xây dựng các bệnh viện công mới, được gọi là “bệnh viện thành phố” hoặc “cơ sở y tế”. Bộ Y tế dự kiến xây dựng 18 bệnh viện như vậy vào cuối năm 2021; 11 bệnh viện đang hoạt động và 7 bệnh viện còn lại sẽ mở cửa vào năm 2021. Các bệnh viện này sẽ thay thế và làm mới khoảng 50.000 giường trong nguồn dự trữ giường bệnh hiện tại. Các khoản đầu tư theo hình thức PPP này quy định rằng nhà thầu trúng thầu sẽ tài trợ cho việc xây dựng và vận hành công trình trong 25 năm dựa trên khoản thanh toán tiền thuê hàng năm được Bộ Y tế đảm bảo. Mỗi khuôn viên có 500 đến 4.000 giường bệnh; có một số bệnh viện đa khoa, chuyên khoa và phòng thí nghiệm với các khu vực giải trí đi kèm. Những dự án này tạo thành cơ hội kinh doanh cho các công ty thiết bị y tế của nhiều nước trên thế giới.

Một sự chuyển đổi lớn khác trong hệ thống chăm sóc sức khỏe của Thổ Nhĩ Kỳ là sự ra đời của các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cấp một, được gọi là Hệ thống Bác sĩ Gia đình. Vào tháng 12 năm 2010, một hệ thống toàn quốc đã được bắt đầu, theo đó mỗi người dân Thổ Nhĩ Kỳ được chỉ định một bác sĩ gia đình để chăm sóc y tế chính và phòng ngừa. Dịch vụ này đã làm tăng nhu cầu về dược phẩm và các giải pháp y tế phòng ngừa và thiết bị để quản lý các bệnh mãn tính như béo phì, tiểu đường và nhiều bệnh khác khi các công ty nước ngoài cung cấp giải pháp.

Du lịch chữa bệnh là một lĩnh vực đang phát triển nhanh chóng ở Thổ Nhĩ Kỳ. Ngày càng có nhiều bệnh nhân từ châu Âu và Trung Đông đến Thổ Nhĩ Kỳ để khám chữa bệnh do các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao được cung cấp với mức giá tiết kiệm. Năm 2018, 750.000 bệnh nhân quốc tế đã đến thăm Thổ Nhĩ Kỳ và Bộ Y tế dự kiến con số này sẽ đạt 1.500.000 vào năm 2023. Không bao gồm Hoa Kỳ, Thổ Nhĩ Kỳ có số lượng bệnh viện được Ủy ban Liên hợp Quốc tế (JCI) chứng nhận cao thứ ba (46). Các thủ tục phổ biến nhất là các thủ tục thẩm mỹ, nha khoa và nhãn khoa. Thổ Nhĩ Kỳ cũng có danh tiếng tốt về tim mạch, nội tiết, tiêu hóa, thấp khớp, thận, ung thư, thần kinh, da liễu, phụ khoa/sản khoa, chỉnh hình, cấy ghép nội tạng và tai mũi họng. Vì một số thủ tục phẫu thuật này có danh sách chờ đợi dài ở các nước châu Âu, Thổ Nhĩ Kỳ là một quốc gia hấp dẫn đối với các thủ tục y tế.

Bất chấp gánh nặng tài chính mà đại dịch COVID-19 đã đặt lên nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ, GoT không cho thấy sự chậm lại trong đầu tư chăm sóc sức khỏe. Trên thực tế, họ đã đẩy nhanh việc mở khuôn viên y tế lớn nhất (hơn 3.000 giường) ở Istanbul, khánh thành vào tháng 5 năm 2020 với vốn đầu tư của Nhật Bản. Bộ Y tế cũng đã ký hợp đồng xây dựng hai bệnh viện phòng chống dịch ở Istanbul, không chỉ được sử dụng cho các trường hợp COVID-19, mà còn cho bất kỳ thảm họa thiên nhiên nào khác. Mỗi bệnh viện có 1.000 giường và được trang bị đầy đủ các thiết bị chẩn đoán và hình ảnh tiên tiến.

Thổ Nhĩ Kỳ đã thực hiện một cách tiếp cận rất tiên bộ nhằm sử dụng các giải pháp CNTT y tế trong cơ cấu chăm sóc sức khỏe của đất nước. MoH sử dụng các nhà phát triển phần mềm cho nhiều công cụ công nghệ thông tin y tế mà nó ra mắt; nó cũng làm việc với các công ty phần mềm trên cơ sở hợp đồng. Thông tin chăm sóc sức khỏe của mọi công dân (khám bác sĩ, chẩn đoán, điều trị, đơn thuốc, v.v.) được ghi lại trong Hồ sơ sức khỏe điện tử (EHR). Hệ thống tạo ra các đơn thuốc điện tử để mua tại các hiệu thuốc, cũng giúp các hiệu thuốc có thể yêu cầu các khoản phải thu từ Viện An sinh Xã hội trực tuyến. Dữ liệu thu thập trên toàn quốc được lưu trữ tập trung trên máy chủ của Bộ Y tế. Ứng dụng “e-pulse” của Bộ Y tế cấp cho công dân quyền truy cập vào hồ sơ chăm sóc sức khỏe của họ, cung cấp đặc quyền cho các chuyên gia chăm sóc sức khỏe truy cập EHR của bệnh nhân và kết nối một số thiết bị theo dõi từ xa. Bộ Y tế sử dụng dữ liệu này để dự báo quản lý sức khỏe dân số và phân tích các mô hình bệnh tật. Bộ Y

tế có các sáng kiến bổ sung để giảm các sai sót trong chẩn đoán, hỗ trợ y tế từ xa và đánh giá các bệnh viện công.

Để một công ty nước ngoài tiếp thị thiết bị y tế và các giải pháp công nghệ thông tin y tế của mình ở Thổ Nhĩ Kỳ, công ty đó nên tìm các đại diện tại thị trường Thổ Nhĩ Kỳ có khả năng phát triển kinh doanh mạnh mẽ. Thổ Nhĩ Kỳ đã thông qua Chỉ thị về nhãn CE và thiết bị y tế của Liên minh Châu Âu, yêu cầu các thiết bị y tế phải có nhãn CE để gia nhập thị trường Thổ Nhĩ Kỳ. Các đại diện của công ty nước ngoài tại Thổ Nhĩ Kỳ phải đăng ký sản phẩm trong Ngân hàng Dữ liệu Quốc gia (UTS) theo dõi tất cả các thiết bị y tế được bán trên thị trường ở Thổ Nhĩ Kỳ. Nếu sản phẩm thuộc hệ thống hoàn trả, sản phẩm cũng cần được đăng ký với Cơ quan An sinh Xã hội.

Những lĩnh vực dẫn đầu

Khoảng 6.000 công ty hoạt động trong thị trường thiết bị y tế và đồ dùng một lần ở Thổ Nhĩ Kỳ. Các nhà sản xuất địa phương chủ yếu sản xuất đồ dùng một lần, thiết bị cấy ghép chỉnh hình, dụng cụ phẫu thuật, giá đỡ, chân tay giả, áo choàng phẫu thuật, khẩu trang, màn và nội thất bệnh viện. Vào đầu tháng 5 năm 2020, sau khi đại dịch tấn công, một tập đoàn của Thổ Nhĩ Kỳ do công ty công nghệ Biosys đứng đầu đã cho ra mắt máy thở cơ học nội địa đầu tiên được lắp đặt ngay trong các cơ sở y tế mới. Việc phát triển và sản xuất thuốc thử trong phòng thí nghiệm cũng đang phát triển ở Thổ Nhĩ Kỳ; hiện gần 10 công ty chẩn đoán của Thổ Nhĩ Kỳ đã phát triển các thử nghiệm COVID-19. Nhìn chung, tất cả các chủng loại thiết bị y tế lớn đều có mặt trên thị trường, ở cả bệnh viện tư và bệnh viện công. Tại thời điểm này, họ tìm kiếm các giải pháp và thiết bị y tế hiện đại và sáng tạo. Thổ Nhĩ Kỳ nhập khẩu các thiết bị và dụng cụ y tế sau:

- Các thiết bị chẩn đoán và sàng lọc trước tiên tiến;
- Thiết bị hình ảnh tiên tiến;
- Thiết bị chăm sóc nâng cao;
- Thiết bị phẫu thuật tiên tiến;
- Hệ thống điều trị ung thư;
- Thiết bị quản lý vết thương;
- Thiết bị nha khoa;

- Thiết bị phẫu thuật robot;
- Các thiết bị ung thư bức xạ;
- Máy thở cơ học;
- Các giải pháp CNTT lành mạnh, đặc biệt cho các quy trình ra quyết định quan trọng;
- Thiết bị theo dõi bệnh nhân từ xa;
- Hệ thống y tế từ xa;
- Hệ thống theo dõi liên hệ;
- Phần mềm nhận dạng khuôn mặt cho trải nghiệm bệnh nhân không tiếp xúc.

Cơ hội

Tổng công suất giường bệnh tại các bệnh viện Thổ Nhĩ Kỳ vượt quá 200.000. Tư nhân hóa và chuyển đổi hệ thống chăm sóc sức khỏe với việc thành lập các cơ sở chăm sóc sức khỏe mới theo mô hình PPP và các dự án bệnh viện của Bộ Y tế đang triển khai mang lại cơ hội cho các công ty nước ngoài tham gia vào các công nghệ và dịch vụ y tế. Khi Thổ Nhĩ Kỳ tiếp tục mở rộng số lượng bệnh viện công và tư nhân, việc mua sắm thiết bị y tế tiên tiến sẽ tiếp tục. Với sự bùng nổ của đại dịch COVID-19, các chuỗi bệnh viện tư nhân lớn đã áp dụng các giải pháp chăm sóc sức khỏe ảo và y tế từ xa. Xu hướng này được dự báo sẽ tiếp tục trong những năm tới. Với sự phổ biến của các bệnh mãn tính trong xã hội, và do hậu quả của đại dịch, các giải pháp giám sát từ xa để theo dõi bệnh nhân sẽ trở nên quan trọng.

Nguồn thông tin hữu ích

- Bộ Y tế www.saglik.gov.tr.
- Hiệp hội các nhà sản xuất và đại diện sản phẩm chăm sóc sức khỏe (SADER) www.sader.org.tr.
- Hiệp hội các nhà tuyển dụng trong ngành y tế (SEIS) www.seis.org.tr.
- Hội chợ triển lãm công nghiệp hàng đầu: expoMED Eurasia và LabtekMED Eurasia, www.expomedistanbul.com/en.
- HIMMS20 Eurasia: www.himsseurasia.com/en.

- IDEX - Triển lãm Vật liệu và Thiết bị Nha khoa Quốc tế Istanbul:
<http://cnridex.com>.

Thiết bị công nghệ thành phố thông minh

Các dự án Thành phố thông minh ở Thổ Nhĩ Kỳ có số lượng ít hơn so với các nước Châu Âu và Hoa Kỳ. Do đó, vẫn có khả năng tăng trưởng và cơ hội cho các dự án mới với hàng xuất khẩu nước ngoài. Nguồn kinh phí và nguồn nhân lực có trình độ hạn chế là những trở ngại chính. Thiếu cơ sở hạ tầng Hệ thống Thông tin Toàn cầu (GIS) là một thách thức khác; chỉ 3% các thành phố đã hoàn thành đầu tư GIS hoặc triển khai hệ thống GIS. Nhiều thành phố đã giới thiệu các ứng dụng thông minh, đặc biệt là trong các dịch vụ giao thông và đô thị.

Tiếp cận các dịch vụ thông qua các kênh điện tử và chính phủ điện tử là ứng dụng phổ biến nhất ở các thành phố trực thuộc trung ương. Tuy nhiên, các ứng dụng thông minh trong lĩnh vực quản lý năng lượng và nước là rất cần thiết và đang trên đà phát triển với các ứng dụng Kiểm soát Giám sát và Thu thập Dữ liệu (SCADA) và GIS, đặc biệt là các ứng dụng điện, nước và thoát nước ở các thành phố lớn. Tính năng đo sáng thông minh vẫn đang ở giai đoạn đầu. Để tạo điều kiện cho sự phát triển của các thành phố thông minh ở Thổ Nhĩ Kỳ, Bộ Môi trường và Đô thị hóa (MinEnv) với tư cách là cơ quan chịu trách nhiệm và MinEnv đã thành lập Ban Công nghệ không gian địa lý và Thành phố thông minh mới thuộc Tổng cục Tin học không gian địa lý, Quy hoạch và Điều phối, Ứng dụng và Phát triển. Bộ này đã phát triển Kế hoạch hành động và Chiến lược thành phố thông minh quốc gia 2019-2022 và dẫn dắt tất cả các ứng dụng thành phố thông minh quốc gia, chẳng hạn như phần mềm hệ thống thông tin thành phố và phần mềm phát triển mô hình dữ liệu 3D, cả hai đều sẽ được sử dụng bởi tất cả các thành phố và tổ chức chính quyền trung ương. Chiến lược vẫn đang chờ phê duyệt cuối cùng, nhưng nó có thể được truy cập tại www.akillisehirler.gov.tr

Những lĩnh vực dẫn đầu

Năng lượng thông minh

Việc triển khai hệ thống lưới điện thông minh đã bắt đầu ở Thổ Nhĩ Kỳ và các giai đoạn thực hiện khác nhau giữa các công ty phân phối điện (DisCo). Hầu hết đã triển khai hệ thống SCADA và GIS. DisCos sử dụng việc triển khai lưới điện thông minh để giảm tổn

thất, tăng độ tin cậy và chất lượng. Lộ trình Chiến lược và Tầm nhìn của Thổ Nhĩ Kỳ 2023 (TSG'2023) đặt ra một số mục tiêu cho việc triển khai toàn bộ hệ thống lưới điện thông minh ở Thổ Nhĩ Kỳ. TSG'2023 sẽ được thực hiện trong và sau Giai đoạn thực hiện Biểu thuế thứ 3 (2016 - 2020) và nhằm mục đích cung cấp bản đồ lộ trình DisCos cho tầm nhìn lưới điện thông minh 2035 trong ngắn hạn và trung hạn (Giai đoạn thực hiện Biểu thuế thứ 3 và 4), làm nổi bật các ưu tiên. Một số DisCos đã được phê duyệt để thực hiện các loại dự án thí điểm lưu trữ năng lượng khác nhau để hiểu được lợi ích của việc lưu trữ năng lượng trong phân phối điện. DisCos cũng đang lên kế hoạch cho các trạm sạc xe điện. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ dự định thay thế 30% hệ thống chiếu sáng đường phố (hiện có 7,5 triệu đèn đường) bằng hệ thống chiếu sáng LED thông minh vào năm 2023. Sự thay đổi này ước tính mang lại khoản tiết kiệm 40 triệu đô la, tăng lên 130 triệu đô la với việc chuyển đổi thêm đèn LED giữa 2023-2033.

Di động thông minh

Hệ thống Giao thông Thông minh (ITS) đang được lắp đặt ở nhiều thành phố của Thổ Nhĩ Kỳ. Tuy nhiên, ngoài các thành phố lớn như Istanbul, Izmir và Ankara, phần lớn đang ở giai đoạn đầu. Bộ Giao thông và Cơ sở hạ tầng nêu rõ trong Kế hoạch hành động 2013-2023 rằng tất cả các thành phố sẽ triển khai hệ thống đèn giao thông thông minh theo mật độ giao thông; hệ thống sóng xanh trong đó xe ô tô sau khi gặp đèn đỏ vượt qua đèn xanh tiếp theo khi đang duy trì tốc độ cụ thể; biển báo giao thông kỹ thuật số; và các điểm dừng xe buýt chạy bằng năng lượng mặt trời với bảng thời gian kỹ thuật số.

Hiện tại, tất cả các dự án giao thông thông minh đều được các thành phố trực thuộc địa phương lên kế hoạch và hiện thực hóa; tuy nhiên, trong khi một số sử dụng các nguồn lực riêng của họ, một số khác sử dụng các nguồn tài trợ trong nước hoặc nước ngoài. Vì không có tổ chức ITS trung ương, nên không thể có được tổng số tiền chi tiêu hoặc chi tiêu theo kế hoạch cho tất cả các dự án ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Một số thành phố đang triển khai như sau: Ankara có các điểm dừng xe buýt thông minh, bản đồ mật độ giao thông trực tuyến và hệ thống theo dõi trực tuyến các phương tiện của sở cứu hỏa. Năm 2018, Izmir đã triển khai hệ thống ITS tiên tiến nhất trong nước - Hệ thống Quản lý Giao thông Thích ứng Hoàn toàn - và tiếp tục nâng cấp nó. Hệ thống này bao gồm các nút giao thông hoàn toàn thích ứng; bản đồ mật độ giao thông trực tuyến cho hành khách/tài xế; đèn giao thông đặc biệt, chẳng hạn như đèn nói

chuyên, dành cho người tàn tật; và một hệ thống thực thi để theo dõi tốc độ/đổ xe/đèn, hệ thống đổ xe hoàn toàn tự động, v.v. Thẻ thanh toán điện tử được sử dụng trên tất cả các phương thức vận tải, bao gồm phà, xe buýt, xe lửa và tàu điện ngầm. Istanbul có hệ thống tín hiệu thông minh, hệ thống thực thi điện tử, trung tâm quản lý tắc nghẽn giao thông và khẩn cấp, đường bộ biết nói và xe biết nói (xe được kết nối), hệ thống đổ xe tự động với điểm thanh toán không người lái, thẻ thanh toán điện tử, điểm dừng xe buýt thông minh và các điểm thông tin đặc biệt tại các điểm dừng xe buýt dành cho người tàn tật qua thẻ. Các thành phố khác có hệ thống xe đạp dùng chung (Antalya, Izmir, Erzincan, Kocaeli, Yalova). Thẻ điện tử được sử dụng ở cả các thành phố đông dân cư (ví dụ: Istanbul) và các thành phố nhỏ hơn (ví dụ: Mardin). Hệ thống ITS được sử dụng một phần ở Eskisehir, Konya, Mardin, Kahramanmaras, Gaziantep, Sakarya, Yalova, Kars, Edirne và Manisa.

Vào đầu năm 2020, Gaziantep đã hoàn thành một hệ thống ITS có tên là “Công nghệ Bluetooth” để dự đoán và phân tích thời gian đến dựa trên khu vực lân cận bằng cách chia sẻ tin nhắn và biển báo với người lái xe. Thành phố Đô thị Izmir đã ra mắt dịch vụ cho thuê xe theo phút, với 200 xe, hoạt động với một ứng dụng được tải xuống điện thoại thông minh và mang đến cơ hội thuê xe.

Cơ sở hạ tầng thông minh

Quá trình gia nhập Liên minh châu Âu của Thổ Nhĩ Kỳ, mặc dù hiện đang bị đóng băng, đã là động lực chính cho việc xử lý môi trường trên quy mô lớn và thực hiện các tiêu chuẩn môi trường mới. Các thành phố trực thuộc trung ương đóng một vai trò quan trọng trong việc tái chế, lọc nước, xử lý chất thải-nước thải, xử lý môi trường và quản lý chất thải rắn.

Ngăn ngừa thất thoát nước là ưu tiên hàng đầu của các thành phố ở Thổ Nhĩ Kỳ. Cơ quan cấp nước của một số thành phố lớn và thành phố công nghiệp đã triển khai hệ thống SCADA để xác định thất thoát nước và sự cố mạng lưới. Tuy nhiên, hệ thống này cũng cần được mở rộng sang các khu vực kém phát triển hơn của Thổ Nhĩ Kỳ. Khôi phục mạng lưới thoát nước và xử lý bùn thải cũng rất quan trọng. Hơn nữa, các ngành dệt may, xi măng, sắt thép, hóa chất, chế biến thực phẩm và ô tô sẽ cần đầu tư vào xử lý nước thải.

Về quản lý và tái chế chất thải, Thổ Nhĩ Kỳ hầu hết tuân theo luật pháp Châu Âu; tuy nhiên, nó thiếu tái chế tách nguồn. Mặc dù không phải là thành viên EU, việc ủng hộ của Thổ Nhĩ Kỳ đòi hỏi sự hài hòa các quy định về môi trường với các tiêu chuẩn của EU. Sự phù hợp với các tiêu chuẩn của EU tạo ra một thị trường công nghệ và cơ sở hạ tầng môi trường mà cuối cùng sẽ có trị giá lên tới 96 tỷ USD. Việc liên kết như vậy sẽ hoàn thành vào năm 2024. Mặc dù đã có các cơ sở tái chế, nhưng cần phải phát triển thêm các cơ sở xử lý và tái chế chất thải rắn trong khu vực và các bãi chôn lấp hợp vệ sinh. Chính phủ cũng có kế hoạch sửa chữa và nâng cấp các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh hiện có. Với sáng kiến của vợ Tổng thống Erdogan, Emine Erdogan, các tòa nhà chính phủ, bao gồm cả trường học công và bệnh viện, dự kiến sẽ chuyển sang tái chế phân loại nguồn, điều này sẽ thúc đẩy toàn bộ hệ thống khi được triển khai đầy đủ. Ở một số thành phố lớn, các hệ thống chuyển đổi chất thải thành năng lượng đang được triển khai. Các công ty khu vực tư nhân và các khu công nghiệp có tổ chức cũng nằm trong số những người mua tiềm năng.

Về phân ngành kiểm soát ô nhiễm không khí, Thổ Nhĩ Kỳ đã đạt được những bước tiến lớn trong việc cải thiện việc giám sát chất lượng không khí và đã thiết lập một chương trình giám sát ô nhiễm không khí quốc gia. Các nguồn chính gây ô nhiễm không khí xung quanh ở Thổ Nhĩ Kỳ là sản xuất nhiệt năng thông qua các nhà máy nhiệt điện than, các thiết bị sưởi ấm trong nhà, các phương tiện cơ giới và các nguồn công nghiệp. Chính phủ đang yêu cầu lắp đặt các thiết bị khử lưu huỳnh bằng khí thải (FGD) trên tất cả các nhà máy điện mới và hiện có, mở ra các dự án có giá trị cao trong thị trường kiểm soát ô nhiễm không khí.

Cơ hội

Trong năm 2016 và 2018, Ngân hàng Thế giới đã phê duyệt các khoản vay (lần lượt là 133 triệu USD và 91,5 triệu USD) cho các Dự án Thành phố Bền vững I và II ở Thổ Nhĩ Kỳ. Chương trình này nhằm mục đích cải thiện tính bền vững về kinh tế, tài chính, môi trường và xã hội của các thành phố Thổ Nhĩ Kỳ bằng cách tạo điều kiện cho các thành phố tự quản quan tâm tiếp cận nguồn tài chính cho các khoản đầu tư của họ và cung cấp các dịch vụ được cải thiện cho công dân của họ. Vào tháng 5 năm 2019, khi tất cả các khoản tiền trước đó đã được cam kết, thêm 560 triệu USD đã được phê duyệt để mở rộng quy mô các dự án trong chương trình. Các quỹ đang hỗ trợ các thành phố bằng

cách tài trợ đầu tư vào cơ sở hạ tầng cần thiết để đáp ứng các yêu cầu cung cấp dịch vụ trong hệ thống nước và nước thải, giao thông công cộng, quản lý chất thải, dịch vụ năng lượng và các lĩnh vực khác. Các công ty nước ngoài có thể tham gia vào các dự án này với tư cách là nhà cung cấp cho các thành phố.

Công ty viễn thông Thổ Nhĩ Kỳ với mô hình một nửa thuộc sở hữu của chính phủ, Turk Telekom và một trong những công ty liên kết của nó, Innova, có một nền tảng quản lý thành phố thông minh, nơi tất cả các ứng dụng thông minh hoạt động trong thành phố được quản lý bởi một trung tâm hoạt động duy nhất. Cùng nhau, họ đã hoàn thành hai dự án thí điểm thành phố thông minh với các thành phố tự trị của Karaman và Kars. Họ cũng đã chuyển sang giai đoạn hai của dự án cơ sở hạ tầng thành phố thông minh của đô thị Antalya và đang có các dự án tương tự với các thành phố Kirsehir và Mersin. Các công ty nước ngoài có thể tích hợp công nghệ của họ vào nền tảng này. Vì Turk Telekom có cơ sở hạ tầng cáp quang băng thông rộng ở mọi thành phố ở Thổ Nhĩ Kỳ, nó có thể hoạt động như một nhà tích hợp cho các công ty nước ngoài trong khi tiếp cận các thành phố tự trị của Thổ Nhĩ Kỳ.

Nguồn thông tin hữu ích:

- Bộ Môi trường và Đô thị hóa - www.csb.gov.tr.
- Ngân hàng Thế giới tại Thổ Nhĩ Kỳ - www.worldbank.org/en/country/turkey.
- Quỹ Bảo vệ Môi trường và Đóng gói Chất thải Sử dụng: www.cevko.org.tr.
- Viện Công trình Xanh Thổ Nhĩ Kỳ - www.cedbik.org.
- Tổ chức Tin học Thổ Nhĩ Kỳ - www.tbv.org.tr/en.
- Viện Sáng tạo và Khởi nghiệp Novusens - www.novusens.com/en.
- Turk Telekom - www.turktelekom.com.tr/en.
- Innova - www.innova.com.tr.

Sản xuất tiên tiến

Thổ Nhĩ Kỳ có dân số đông với 83 triệu người (tuổi trung bình: 31), tầng lớp doanh nhân năng động và vị trí địa lý thuận lợi là cầu nối giữa Châu Âu, Châu Á và Châu Phi đã khiến đất nước này trở thành một trung tâm sản xuất và phân phối quan trọng. Thổ Nhĩ Kỳ định vị mình trong chuỗi giá trị toàn cầu bằng cách tận dụng lợi thế hậu cần của

mình, cung cấp chi phí lao động thấp hơn và khả năng sản xuất linh hoạt. Tỷ trọng GDP của ngành sản xuất là 16,5% trong thập kỷ qua và Thổ Nhĩ Kỳ đặt mục tiêu tăng tỷ lệ này lên 21% vào năm 2023 thông qua Chiến lược Công nghiệp và Công nghệ năm 2023.

Các công nghệ sản xuất tiên tiến ngày càng được triển khai trên khắp Thổ Nhĩ Kỳ, với các công ty quốc tế dẫn đầu xu hướng này. Các ngành thích ứng sớm là sản xuất ô tô và hàng không, cả hai đều do các công ty quốc tế lớn chi phối với nhiều nhà cung cấp địa phương, những người phải đáp ứng các tiêu chuẩn và yêu cầu công nghệ mới nhất. Ngoài ra, các ngành hàng tiêu dùng lâu bền, điện tử, hóa chất, máy móc, thép, xây dựng, dệt may, năng lượng và khai khoáng đều tập trung triển khai các công nghệ sản xuất tiên tiến để duy trì sức cạnh tranh.

Thổ Nhĩ Kỳ cần thực hiện các bước cụ thể trong việc số hóa và sản xuất tiên tiến để chuyển sang một nền kinh tế đổi mới hơn dựa trên năng suất cao. Thông qua các công nghệ sản xuất tiên tiến hơn, Thổ Nhĩ Kỳ có thể tiến xa hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu, đảm bảo khả năng cạnh tranh toàn cầu trong tương lai cũng như thúc đẩy nền kinh tế hiện đang suy yếu. Hiện tại, 36% sản lượng xuất khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ bao gồm các sản phẩm công nghệ trung bình và 3% sản phẩm công nghệ cao. Nước này đặt mục tiêu tăng tỷ lệ tương ứng lên 44% và gần 6% vào năm 2023. Để phù hợp với mục tiêu đưa nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ trở thành nền kinh tế có giá trị gia tăng cao, chính phủ hỗ trợ các sáng kiến công nghệ và mua sắm lớn, tạo ra cơ hội mới cho các công ty công nghệ quốc tế. Dựa trên quy mô nền kinh tế, trong thập kỷ tới, Thổ Nhĩ Kỳ dự kiến sẽ đầu tư khoảng 1,5 tỷ USD mỗi năm để tích hợp các giải pháp công nghiệp 4.0 vào quá trình sản xuất. Tiến trình số hóa sẽ đòi hỏi đầu tư hơn nữa để nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ của đất nước, chẳng hạn như các dịch vụ băng rộng cố định và di động cũng như cáp quang. Nó cũng sẽ yêu cầu chuyển đổi hệ thống giáo dục để ưu tiên các kỹ năng Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học (STEM). Nếu Thổ Nhĩ Kỳ hoàn toàn thích ứng với khái niệm công nghiệp 4.0, nước này có thể tiết kiệm 10 tỷ USD/năm cho chi phí sản xuất hiện tại. Phân tích này dựa trên mức tăng năng suất ước tính 4-7%, xem xét tổng chi phí sản xuất.

Năm 2019, Bộ Khoa học, Công nghiệp và Công nghệ đã công bố Chiến lược Công nghiệp và Công nghệ năm 2023 của Thổ Nhĩ Kỳ, “Chuyển động Công nghệ Quốc gia”, nêu chi tiết lộ trình và các ưu đãi cho R&D và chuyển đổi kỹ thuật số của các doanh

ngành công nghiệp. Các khoản đầu tư liên quan đến hơn 300 nhóm sản phẩm trong các ngành công nghiệp máy móc, bán dẫn, hàng không vũ trụ, quốc phòng, công nghệ giao thông vận tải, phần mềm, điện tử, hóa học và dược phẩm sẽ được hỗ trợ. Khuyến khích sự phát triển của các công nghệ mới liên quan đến trí tuệ nhân tạo, 5G, dữ liệu lớn và phân tích dữ liệu, IOT, blockchain, robot và quyền tự chủ, UAV, công nghệ sinh học, công nghệ nano, an ninh mạng, sản xuất phụ gia, điện toán lượng tử, công nghệ nông nghiệp và năng lượng. Các Trung tâm chuyên đổi số thí điểm công nghệ mới sẽ được thành lập trong các khu công nghiệp và khu phát triển công nghệ có tổ chức (công viên công nghệ). Do Liên minh Hải quan của Thổ Nhĩ Kỳ với Liên minh Châu Âu và các cuộc đàm phán gia nhập để trở thành thành viên EU, nó có quyền truy cập vào quỹ Công nghiệp 4.0 của EU Horizon2020. Các quỹ này cung cấp từ 0,5 đến 2,5 triệu USD hỗ trợ cho các dự án của khu vực tư nhân trong các lĩnh vực khác nhau của Công nghiệp 4.0.

Những lĩnh vực dẫn đầu

Vật liệu cải tiến/Dệt may kỹ thuật

Vật liệu cải tiến/hàng dệt kỹ thuật được sử dụng trong các lĩnh vực như hàng không, nông nghiệp, xây dựng và cơ sở hạ tầng, y tế, năng lượng, giao thông vận tải, hàng hải và quốc phòng. Tổng nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ trong danh mục này (bao gồm cả vật liệu tổng hợp) là khoảng 2,5 tỷ USD. Thị trường dự kiến sẽ tăng trưởng từ 4-7% hàng năm.

Sản xuất phụ gia

Các ngành công nghiệp ô tô, hàng không vũ trụ và quốc phòng, thiết bị gia dụng, máy móc, đồ trang sức và y tế/nha khoa bắt đầu sử dụng sản xuất phụ gia ở Thổ Nhĩ Kỳ vào năm 2014. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ tìm kiếm sản xuất phụ gia chủ yếu cho quá trình đúc và thường thuê ngoài dịch vụ này. Thổ Nhĩ Kỳ chiếm 1,3% sản lượng phụ gia sử dụng toàn cầu tính đến năm 2019. Hơn 500 máy in 3D, chủ yếu làm từ polymer được sử dụng trong sản xuất. Ngày càng có nhiều nhu cầu về máy in 3D tiên tiến và các chương trình CAD và CAM, vật liệu in tiên tiến (bao gồm vật liệu sinh học) và khả năng sản xuất phụ gia quy mô lớn.

Tự động trong công nghiệp

Theo Hiệp hội Tự động hóa Công nghiệp (ENOSAD), thị trường tự động hóa công nghiệp ở Thổ Nhĩ Kỳ được định giá 1,5 tỷ USD vào năm 2019, với tốc độ tăng trưởng hàng năm trên 10%. Dự kiến sẽ đạt 2,5 tỷ USD trong vòng 5 năm tới.

Nhiều công ty quốc tế có mặt tại Thổ Nhĩ Kỳ cũng phục vụ thị trường Nga, SNG, Trung Đông và Bắc Phi, với quy mô thị trường khu vực này hàng năm khoảng 2,5 tỷ USD. (2019)

IIOT/Dữ liệu lớn và Phân tích

Một số giải pháp được các công ty Thổ Nhĩ Kỳ sử dụng bao gồm:

- Quy trình quản lý chuỗi cung ứng và kho hàng - theo dõi thời gian thực nhu cầu, thực hiện đơn hàng, quy trình sản xuất, trả hàng, v.v.
- Dây chuyền sản xuất - kiểm soát thời gian thực về hiệu suất, độ bền và độ an toàn của sản phẩm.
- Bảo trì dự đoán - giám sát thời gian thực của các thiết bị sản xuất công nghiệp cho phép các công ty dự đoán khi nào cần bảo trì.

Các nhà phân tích trong ngành ước tính quy mô thị trường Thổ Nhĩ Kỳ sẽ đạt mức tích lũy 50 tỷ USD trong giai đoạn 2017-2022, bao gồm cảm biến, quang điện tử, phần mềm và phần cứng M2M, Trí tuệ nhân tạo, mô hình hóa và mô phỏng, dịch vụ đám mây và ứng dụng an ninh mạng.

Người máy

Có 14.000 robot công nghiệp đang hoạt động ở Thổ Nhĩ Kỳ, với khoảng một nửa trong ngành công nghiệp ô tô. Theo thống kê năm 2019, các quốc gia có công nghệ chế tạo robot sử dụng trung bình 80 robot trên 10.000 lao động. Mức trung bình cho tất cả các ngành cộng lại chỉ là 20 ở Thổ Nhĩ Kỳ, để lại cơ hội tăng trưởng tiềm năng đáng kể cho việc sử dụng robot trong sản xuất. Hầu hết các robot ở Thổ Nhĩ Kỳ được sử dụng trong ngành công nghiệp ô tô, với hơn 200 robot trên 10.000 công nhân, khiến nước này trở thành thị trường hàng đầu thế giới về robot được sử dụng trong ô tô. Thổ Nhĩ Kỳ cũng là một thị trường đang phát triển cho robot đã qua sử dụng. Đức và Hoa Kỳ là nguồn cung cấp chính của các mô hình đã qua sử dụng, là những quốc gia thường xuyên thay thế robot công nghiệp của họ.

Thực tế ảo và tăng cường

Việc sử dụng các hệ thống dựa trên AR và VR trong sản xuất ở Thổ Nhĩ Kỳ vẫn còn sơ khai; tuy nhiên, thị trường đang rất quan tâm đến việc áp dụng những công nghệ này. Trong các ngành công nghiệp hàng không, quốc phòng, ô tô, điện tử, hàng lâu bền và dệt may, một số công ty lớn sử dụng AR và/hoặc VR để lựa chọn các bộ phận trong kho tương ứng của họ, truyền các hướng dẫn sửa chữa qua thiết bị di động, mô phỏng sản phẩm và quy trình sản xuất và đào tạo công nhân.

Cơ hội

Tại Thổ Nhĩ Kỳ, các công ty có nhu cầu lớn nhất về các giải pháp công nghệ sản xuất tiên tiến là những công ty hoạt động trong các ngành công nghiệp ô tô, hàng không, quốc phòng, hàng tiêu dùng lâu bền, điện tử, hóa chất, máy móc, thép, xây dựng, dệt may, chế biến thực phẩm, năng lượng và khai thác mỏ.

Đối với các ứng dụng của ngành công nghiệp 4.0, các cơ hội mới có thể được nhìn thấy trong dòng thông tin và nguyên liệu, tích hợp nhà cung cấp, mô phỏng và mô hình hóa sản phẩm và quy trình sản xuất trong giai đoạn thiết kế, vật liệu tiên tiến, sản xuất linh hoạt, phân tích dữ liệu lớn, an ninh mạng nâng cao và sản phẩm thông minh, dây chuyền sản xuất để tăng khả năng dự đoán. Ngoài ra, có nhu cầu đáng kể về các đối tác giải pháp và nhà tích hợp hệ thống có năng lực.

Một báo cáo năm 2018 của Tổ chức Tin học Thổ Nhĩ Kỳ chỉ ra rằng 50% các nhà sản xuất ở Thổ Nhĩ Kỳ có kế hoạch đầu tư vào ngành công nghiệp 4.0 trong vòng 3-5 năm tới, 20% vẫn chưa có bất kỳ kiến thức/chiến lược nào và 30% còn lại có kế hoạch đầu tư trong 5 năm tới mười năm. Trong một cuộc khảo sát năm 2018 do Hội đồng Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Thổ Nhĩ Kỳ (TUBITAK) thực hiện, các công nghệ mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ Thổ Nhĩ Kỳ coi là quan trọng nhất đối với họ là tự động hóa và hệ thống điều khiển, robot tiên tiến và sản xuất phụ gia.

Nguồn thông tin hữu ích:

Tổ chức:

- Bộ Công nghiệp và Công nghệ: www.sanayi.gov.tr.
- Hội đồng Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Thổ Nhĩ Kỳ (TUBITAK): www.tubitak.gov.tr/en.
- Liên đoàn Máy móc Thổ Nhĩ Kỳ (MAKFED): www.mib.org.tr/en.

- Hiệp hội Tự động hóa Công nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ (ENOSAD): www.enosad.org.tr.
- Hiệp hội các nhà sản xuất vật liệu tổng hợp Thổ Nhĩ Kỳ: www.kompozit.org.tr/en/home.

Những sự kiện thương mại:

- Triển lãm và Diễn đàn Đầu tư Robot.
- Diễn đàn và Triển lãm Tự động hóa Quy trình.
- Chương trình tổng hợp Âu Á.
- ANKIROS-ANNOFER-TURKCAST.
- MAKTEK Âu - Á.
- WIN Eurasia.
- Triển lãm tương lai thông minh.

Công nghệ và thiết bị giao thông vận tải

Ngành vận tải và hậu cần là một trong những ngành phát triển nhanh nhất của Thổ Nhĩ Kỳ, tăng gấp ba lần về giá trị kể từ năm 2002, với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm là 20%. Sự tăng trưởng này, kết hợp với vị trí chiến lược của Thổ Nhĩ Kỳ là cầu nối giữa Đông và Tây, đang tạo ra cơ hội mới cho các nhà xuất khẩu vận tải và công nghệ thông minh nước ngoài. Thổ Nhĩ Kỳ không chỉ là một quốc gia trung chuyển lớn mà còn là một điểm đến vận chuyển hàng hóa quan trọng. Do dân số ngày càng tăng của Thổ Nhĩ Kỳ - hiện hơn 80 triệu người - và di cư từ các vùng nông thôn đến các thành phố lớn hơn, giao thông đã trở thành một vấn đề quan trọng, buộc các thành phố tự trị địa phương đầu tư mạnh mẽ vào Hệ thống Giao thông Thông minh (ITS). Kết quả là, Thổ Nhĩ Kỳ đã tăng gấp đôi ngân sách đầu tư cho ngành giao thông vận tải từ 20% lên 40% và đầu tư hơn 60 tỷ USD trong thập kỷ qua. Lĩnh vực này phụ thuộc vào các công nghệ quan trọng của nước ngoài như ITS, do đó mang lại cơ hội cho các công ty nước ngoài.

Liên minh thuế quan của Thổ Nhĩ Kỳ với EU và đơn xin trở thành thành viên đầy đủ của EU đang bị đóng băng đang thúc đẩy ngành vận tải xem xét các khoản đầu tư mới vào Thổ Nhĩ Kỳ. Mạng lưới giao thông hiện tại của Thổ Nhĩ Kỳ thấp hơn tiêu chuẩn EU-27. Ngay cả khi việc gia nhập EU không diễn ra trong thời gian tới, Thổ Nhĩ Kỳ có

một mục tiêu đầy tham vọng là tuân thủ tất cả các quy tắc và luật lệ của EU, vì phần lớn hoạt động ngoại thương của nước này là với châu Âu.

Ảnh hưởng của lĩnh vực giao thông vận tải dự kiến sẽ tăng lên theo thời gian, vì nhiều dự án đường cao tốc, đường sắt và các dự án liên quan đến giao thông vận tải khác đang được tiến hành hoặc dự kiến để đáp ứng nhu cầu của một quốc gia ngày càng công nghiệp hóa. “Vận tải kết hợp” có thể chiếm tỷ trọng lớn trong ngành giao thông vận tải và do sự gia tăng quan hệ đối tác công tư, giá cước đường biển và đường sắt có thể đóng một vai trò lớn hơn trong vận tải hàng hóa. Thổ Nhĩ Kỳ đã cam kết đầu tư mới vào lĩnh vực này để đáp ứng nhu cầu trong tương lai, dự kiến sẽ đạt được các mục tiêu sau vào năm 2023, kỷ niệm một trăm năm của Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ:

- Kim ngạch ngoại thương đạt 520 tỷ USD, xuất khẩu 227 tỷ USD và nhập khẩu 293 tỷ USD.
- GDP đạt 2 nghìn tỷ USD.
- Hàng hóa vận chuyển đạt 625 tỷ tấn.

Tuy nhiên, với tình hình kinh tế hiện tại của Thổ Nhĩ Kỳ, những mục tiêu này là quá tham vọng. Chính phủ thường sử dụng hình thức cấp vốn Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) cho các dự án giao thông trước đây và đang triển khai, và có vẻ như với nguồn lực tài trợ nước ngoài hạn chế cho đất nước, BOT là cách duy nhất để thực hiện các dự án giao thông lớn sắp tới, bao gồm:

- Cầu Canakkale 1915: được hoàn thành vào năm 2023 theo phương thức BOT với kinh phí 2,8 tỷ USD, đây sẽ là cây cầu dài nhất thế giới (3.623m), vượt cả đường sắt và đường ô tô trên Cầu Akashio của Nhật Bản.
- Đường hầm Grand Istanbul: đấu thầu dự kiến sẽ được công bố vào năm 2020; 3,5 tỷ USD; 110m (361 ft) dưới mực nước biển; Dài 6,5 km (3,7 dặm) và ba tầng; hai con đường và một tuyến tàu điện ngầm. Dự kiến công trình sẽ hoàn thành vào năm 2022.
- Kênh đào Istanbul: được lên kế hoạch nối Biển Marmara với Biển Đen; một tuyến đường thay thế đến eo biển Bosphorus để giảm tắc nghẽn giao thông; 15 tỷ USD; Dài 45km (gần 28 dặm) và rộng 145-150m (492 ft) trên bề mặt và 125m (410 ft) trên sàn; Sâu 25m (82 ft) để cho phép tàu lớn ra biển. Kết quả là, Istanbul sẽ là hai bán đảo

và một hòn đảo. Dự án đang gây tranh cãi và không có mốc thời gian rõ ràng về thời gian hoặc liệu việc xây dựng để bắt đầu.

Các lĩnh vực hàng đầu

Đường sắt

Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã ưu tiên cải thiện lĩnh vực đường sắt như sau:

- Tự do hóa hệ thống đường sắt với việc nhà nước duy trì quyền sở hữu, nhưng các công ty vận tải có thể vận chuyển hàng hóa trên các toa xe tư nhân. Ba công ty tư nhân đã bắt đầu hoạt động trong hệ thống đường sắt và dự kiến sẽ có nhiều hơn nữa.
- Tăng vận tải hành khách bằng đường sắt lên 10% và vận tải hàng hóa bằng đường sắt lên 15%.
- Tổng chiều dài đường sắt dự kiến đạt 25.208km vào năm 2023, bao gồm thêm 11.700km đường sắt cao tốc, 8.500km đường sắt nhanh và 1.000km đường sắt thông thường.
- 8.000km đường sắt hiện có được khôi phục và hiện đại hóa với hệ thống tín hiệu mới.
- Hệ thống điện khí hóa và tín hiệu cùng với việc nâng cấp các đường dây hiện có.
- Các tuyến tàu điện ngầm mới/hệ thống đường sắt nhẹ/xe điện ở các thành phố lớn hơn.

Đường bộ và đường cao tốc

- 26.642 km đường có dải phân cách hiện tại với kế hoạch tăng lên 29.514 km.
- 3.779 km xây dựng đường cao tốc sẽ hoàn thành vào năm 2023.
- 9.000 cây cầu/cầu cạn với tổng chiều dài gần 600km sẽ hoàn thành.

Vận tải biển

- Dự án “Ba cảng lớn dọc theo ba biển lớn” trên Aegean, Biển Đen và Địa Trung Hải nhằm tạo ra ba cảng trung chuyển ở mọi vùng biển xung quanh đất nước:
 - o Phía tây trên biển Aegean - cảng Candarli,
 - o Phía bắc trên Biển Đen - cảng Filyos (dự kiến hoàn thành vào năm 2020),
 - o Phía nam trên biển Địa Trung Hải - mở rộng cảng Mersin.
- Năng lực vận chuyển container dự kiến đạt 32 tỷ TEU.

- Hàng lỏng dự kiến đạt công suất 350 tỷ tấn và hàng khô 500 tỷ tấn.
- Thổ Nhĩ Kỳ dự kiến sẽ xếp hạng trong số mười quốc gia hàng đầu nhận được doanh thu từ vận tải hàng hải.
- Gia tăng các loại hình vận tải kết hợp/đa phương thức/liên phương thức.
- Công suất bến du thuyền dự kiến tăng lên 35.000 tàu.
- Dự kiến xây dựng bảy cảng du lịch mới.
- Tăng cường nhân mạnh đến tính bền vững và hiệu quả thông qua các dự án như “Cảng xanh”.

Cơ hội

Tất cả các hệ thống, sản phẩm, thiết bị công nghệ cao trong mọi phương thức vận tải, kể cả những hệ thống liên quan đến ITS đều có nhu cầu lớn. Dưới đây là một số ví dụ:

- Hệ thống kỹ thuật, quản lý, đo lường, điều khiển và tín hiệu giao thông.
- Hệ thống phát hiện điện tử, camera và an ninh.
- Hệ thống thông điệp, truyền thông và thông tin kỹ thuật số có thể thay đổi.
- Hệ thống chiếu sáng.
- SCADA đường hầm, theo dõi phương tiện và quản lý đội xe, quản lý dữ liệu.
- Công nghệ hàng hải: cấu trúc thượng tầng của cảng, hệ thống theo dõi tàu, phát hiện sự cố tràn dầu và sẵn sàng ứng phó, lập bản đồ dưới nước.

Nguồn thông tin hữu ích:

- Hàng hải và Truyền thông - Bộ Giao thông Vận tải: www.ubak.gov.tr
- Tổng cục Thương mại hàng hải - Bộ Giao thông Vận tải.
- Tổng cục Đường cao tốc (KGM): www.kgm.gov.tr.
- Tổng cục Đường sắt Nhà nước (TCDD): www.tcdd.gov.tr.
- Viện thống kê Thổ Nhĩ Kỳ: www.turkstat.gov.tr.

Sự kiện thương mại

- Đường sắt Eurasia Thổ Nhĩ Kỳ - Konya, 03-05 tháng 4 năm 2021, www.eurasiarail.eu.
- Intertraffic Istanbul, tháng 5 năm 2022, www.intertraffic.com/en/istanbul.

Thiết bị Dầu khí - Các thiết bị đầu cuối LNG và LNG, Thượng nguồn, Hạ nguồn và Trung nguồn

	2017	2018	2019	2020 (ước tính)
Tổng sản lượng	1.269	896	910	850
Xuất khẩu	2.284	1.578	1.560	1.200
Nhập khẩu	3.482	2.407	2.580	2.300
Tổng quy mô thị trường	2.467	1.725	1.930	1.950
Tỷ giá hối đoái	3,81	5,26	5,94	6,00

Đơn vị tính: triệu USD.

Nguồn: Bộ Năng lượng và Tài nguyên, Viện Thống kê Nhà nước.

Tổng quy mô thị trường = Tổng sản lượng địa phương + nhập khẩu - xuất khẩu

Lưu ý: Các số liệu trên không bao gồm Nhập khẩu LNG và Khí tự nhiên (chỉ là thiết bị).

Dầu khí

Thổ Nhĩ Kỳ là nhà nhập khẩu ròng dầu và khí đốt với triển vọng tiềm năng ở lưu vực Thrace, ngoài khơi Địa Trung Hải và Biển Đen. Thổ Nhĩ Kỳ chi hơn 40 tỷ USD mỗi năm cho nhập khẩu các nguồn năng lượng như dầu mỏ, khí đốt tự nhiên và than đá. Sản lượng dầu địa phương chỉ đáp ứng được 7% nhu cầu, do đó Thổ Nhĩ Kỳ nhập khẩu khoảng 260 triệu thùng dầu mỗi năm. Khí đá phiến chưa được khám phá rộng rãi. Mặc dù Thổ Nhĩ Kỳ, với dân số hơn 80 triệu người và GDP xấp xỉ 800 tỷ USD, là một nước tiêu thụ dầu và khí đốt lớn, nhưng đây cũng là một quốc gia trung chuyển quan trọng cho khí đốt tự nhiên được sản xuất ở Azerbaijan và Nga với triển vọng từ các nước khác trong khu vực. Các nguồn tài nguyên khác đã được phát hiện trong những năm gần đây ở Đông Địa Trung Hải (nếu một giải pháp chính trị được tìm thấy) có thể được vận chuyển qua các đường ống từ Thổ Nhĩ Kỳ đến châu Âu.

Công ty khai thác dầu khí quốc gia Turkish Petroleum (TP) thực hiện phần lớn các hoạt động thăm dò dầu khí ở Thổ Nhĩ Kỳ. TP cũng đang hoạt động ở các quốc gia

khác hoặc tự mình hoặc liên doanh với các công ty trong nước và quốc tế. TP là nhà mua lớn các thiết bị thượng nguồn cho các chuyên thăm dò trên bờ và ngoài khơi. Các nhà sản xuất khu vực tư nhân khác hoạt động ở Thổ Nhĩ Kỳ thường mua thiết bị từ các công ty Hoa Kỳ, Trung Quốc hoặc châu Âu. Hợp tác với tập đoàn đường ống dẫn dầu khí quốc doanh BOTAS cho LNG và khí đốt sẽ rất quan trọng trong quý đầu tiên của năm 2021 vì một số thỏa thuận dài hạn về khí đốt sẽ hết hiệu lực.

Sản xuất khí đốt trong nước tập trung ở phần châu Âu của Thổ Nhĩ Kỳ (Thrace), trong khi triển vọng khai thác dầu ở phía đông nam Thổ Nhĩ Kỳ và Đông Địa Trung Hải. Việc thăm dò ở Biển Đen cho đến nay đã thu được ít thành công; tuy nhiên, khi so sánh với các cuộc khám phá ở Hoa Kỳ và các nơi khác, các nguồn lực của Thổ Nhĩ Kỳ vẫn chưa được khám phá đầy đủ.

Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG)

Trong nhiều thập kỷ, Thổ Nhĩ Kỳ đã phụ thuộc vào đường ống dẫn khí đốt từ các nước láng giềng - Nga, Iran và Azerbaijan - để đáp ứng nhu cầu của mình. Chỉ bốn năm trước, khí đốt đường ống chiếm 84% tổng lượng nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ, 63% trong số đó đến từ Nga. Thổ Nhĩ Kỳ hiện có ý định nhập khẩu LNG tương thích hơn là khí đốt đường ống dài hạn. Thổ Nhĩ Kỳ nhập khẩu khoảng 45 bcm khí đốt tự nhiên mỗi năm và dự kiến sẽ vẫn là một nước tiêu thụ khí đốt tự nhiên quan trọng. Năm 2019, do sự hấp dẫn của giá LNG tương thích, tỷ lệ khí đường ống và LNG trong tổng nhập khẩu lần lượt là 73% và 27%. BOTAS là nhà nhập khẩu chính của LNG, nhưng các công ty tư nhân khác cũng có giấy phép nhập khẩu. Tuy nhiên, trừ khi thị trường được tự do hóa hoàn toàn, các nhà nhập khẩu khu vực tư nhân này sẽ không phải là người tham gia thị trường. Thổ Nhĩ Kỳ có hai thiết bị đầu cuối LNG và hai cơ sở FSRU. LNG được cung cấp từ Algeria, Nigeria, Hoa Kỳ và Qatar dưới dạng LNG giao ngay.

Thổ Nhĩ Kỳ hiện là nước mua LNG của Hoa Kỳ lớn thứ 10 trên toàn cầu và lớn thứ hai ở châu Âu. LNG của Hoa Kỳ mang lại cho Thổ Nhĩ Kỳ những lợi thế về chất lượng, độ tin cậy, an ninh nguồn cung cấp và khả năng đầu tư thượng nguồn. Việc tăng cường mua LNG của Hoa Kỳ sẽ củng cố vị thế mua hàng của Thổ Nhĩ Kỳ đối với các nhà cung cấp thay thế. BOTAS sở hữu và vận hành hệ thống truyền dẫn khí đốt và hầu hết các cơ sở lưu trữ khí đốt của Thổ Nhĩ Kỳ, đồng thời chiếm gần 80% doanh số bán khí đốt. BOTAS, thay mặt cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, đã có các thỏa thuận dài

hạn với Gazprom của Nga, công ty khí đốt quốc gia IGC của Iran và công ty dầu khí quốc gia SOCAR của Azerbaijan. BOTAS có một cơ sở LNG lớn ở Ereğli, nơi nó nhập khẩu LNG từ Nigeria và Algeria. Một nhà ga quy mô lớn do Egegaz sở hữu và điều hành là một cơ sở tư nhân cung cấp LNG cho thị trường Thổ Nhĩ Kỳ. Trong những năm gần đây, Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã thực hiện các bước nhằm tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân vào thị trường khí đốt tự nhiên. Cơ sở Egri Liman của Tập đoàn Kolin, với đơn vị lưu trữ nổi và tái định hóa (FSRU), đã cung cấp LNG giao ngay cho Botas vào những thời điểm nhu cầu cao điểm. FSRU thứ hai ở Dortyol, Hatay, do BOTAS sở hữu và điều hành. Một FSRU khác được lên kế hoạch xây dựng tại Vịnh Soros.

Thổ Nhĩ Kỳ đã ký các thỏa thuận dài hạn với Nga, Iran, Azerbaijan, Algeria và Nigeria. Một số thỏa thuận sẽ ký kết vào năm 2021 và 2022 và Thổ Nhĩ Kỳ sẽ tìm kiếm các nhà cung cấp mới. Một điểm bất lợi mà Thổ Nhĩ Kỳ gặp phải với các thỏa thuận dài hạn này là giá được tính theo giá dầu chứ không phải theo giá thị trường hiện tại của LNG. Do đó, Thổ Nhĩ Kỳ đang có kế hoạch có các thỏa thuận LNG giao ngay ngắn hạn tùy thuộc vào tình hình cung và cầu.

Thị trường hàng hóa khí đốt tự nhiên: Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã thành lập, dưới thời EXIST, thị trường hàng hóa khí đốt tự nhiên để buôn bán nguồn cung cấp khí đốt tự nhiên. Tuy nhiên, thương mại tại thị trường hàng hóa này sẽ vẫn còn rất hạn chế cho đến khi các thỏa thuận dài hạn của BOTAS chấm dứt và các điều kiện thị trường tự do hóa hơn được thiết lập. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ cũng có ý định thành lập một trung tâm năng lượng ở Istanbul để kinh doanh khí đốt với các nước châu Âu.

Lưu trữ khí đốt tự nhiên: MENR đang nhắm mục tiêu 20% công suất lưu trữ khí đốt tự nhiên. Với mục đích này, BOTAS đang tăng dung lượng lưu trữ 1 bcm hiện có tại Salt Lake (Tuz Golu) lên 5,4 bcm. Dung lượng tại cơ sở lưu trữ Silivri cũng sẽ được tăng lên 4,6 bcm.

Dự án đường ống khí đốt tự nhiên TANAP/ Anatolian (Hành lang khí đốt phía Nam): Đường ống TANAP NG, bắt đầu từ biên giới Georgia-Thổ Nhĩ Kỳ và kéo dài đến biên giới Thổ Nhĩ Kỳ-Hy Lạp, với tổng chiều dài 1.850 km, là một phần của Hành lang khí đốt phía Nam (SGC), sẽ mang khí Azeri đến Liên minh Châu Âu. SGC bao gồm ba đường ống: Mở rộng đường ống Nam Caucasus từ Shah Deniz, sẽ vận chuyển khí đốt

qua Azerbaijan và Georgia, đường ống TANAP qua Thổ Nhĩ Kỳ, và Đường ống xuyên Adriatic (TAP), bắt đầu ở Hy Lạp và sẽ lấy khí đốt qua Albania và sau đó qua một khu vực ngoài khơi ở Adriatic đến Ý. Dòng khí đốt đầu tiên dự kiến sẽ chảy qua SGC đến châu Âu vào năm 2021. Một chi nhánh dự kiến sẽ đưa khí Azeri từ Hy Lạp đến Bulgaria và xa hơn về phía bắc.

Các lĩnh vực hàng đầu

- Cung cấp LNG cho Thổ Nhĩ Kỳ.
- Các cơ sở LNG nhỏ để cung cấp khí đốt cho các vùng nông thôn.
- FSRU (Đơn vị điều chỉnh lưu trữ nổi).
- Thiết bị và dịch vụ lưu trữ khí tự nhiên.
- Máy nén đường ống dẫn khí đốt tự nhiên, máy bơm, van, máy bơm và các thiết bị và dịch vụ liên quan đến đường ống khác.
- Cơ hội nâng cấp nhà máy lọc dầu.
- Đơn vị thu hồi lưu huỳnh.
- Nghiên cứu và thiết bị sử dụng năng lượng hiệu quả cho nhà máy lọc dầu.
- Lò phản ứng sinh học dạng màng (MBR) để xử lý nước thải.
- Truyền thông và quản lý dữ liệu, lưu trữ năng lượng và các hệ thống năng lượng tái tạo được tích hợp vào các nhà máy lọc dầu.
- Hệ thống thu hồi nhiệt thải cho nhà máy lọc dầu.
- Triển khai chu trình rankine hữu cơ (ORC) tại các nhà máy lọc dầu.
- Thu giữ carbon tại các nhà máy lọc dầu.
- Trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu và hệ thống tự động hóa cho các nhà máy lọc dầu.

Cơ hội

Các dự án mở rộng cho các cơ sở lọc hóa dầu, FSRU và các dự án cung cấp thiết bị LNG tại địa phương sẽ là những cơ hội lớn.

Nguồn thông tin hữu ích

- Bộ Năng lượng và Tài nguyên Thiên nhiên: www.enerji.gov.tr.

- PETFORM (Hiệp hội Nền tảng Dầu khí và Khí đốt tự nhiên): www.petform.org.tr/en.
- GAZBIR (Hiệp hội các công ty phân phối khí đốt tự nhiên của Thổ Nhĩ Kỳ): www.gazbir.org.tr/en.
- MAPEG (Tổng cục Khai thác và Các vấn đề Dầu khí): www.mapeg.gov.tr.
- Cơ quan điều tiết thị trường năng lượng: www.epdk.gov.tr.

Đối với tài trợ dự án, hãy xem:

- Ngân hàng EXIM Hoa Kỳ: www.exim.gov.
- Công ty Tài chính Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ: www.dfc.gov.
- Cơ quan Thương mại và Phát triển Hoa Kỳ: www.ustda.gov.
- Trang Thổ Nhĩ Kỳ của Ngân hàng Thế giới: www.worldbank.org/en/country/turkey.
- Công ty tài chính quốc tế: www.ifc.org.
- Trang Thổ Nhĩ Kỳ của Ngân hàng Phát triển Khu vực Châu Âu: www.ebrd.com/turkey.html.
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển TSKB: www.tskb.com.tr/vi.
- Ngân hàng Phát triển Kalkinma của Thổ Nhĩ Kỳ: english.kalkinma.com.tr.

Nông nghiệp

Nền kinh tế nông nghiệp của Thổ Nhĩ Kỳ là một trong mười nền kinh tế hàng đầu thế giới, với một nửa đất nước bao gồm đất nông nghiệp và gần một phần tư dân số làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Thổ Nhĩ Kỳ là nhà sản xuất lớn về lúa mì, củ cải đường, sữa, thịt gia cầm, bông, cà chua và các loại trái cây và rau quả khác, đồng thời là nhà sản xuất mơ và quả phỉ hàng đầu trên thế giới. Thổ Nhĩ Kỳ nhập khẩu các loại hạt có dầu, bao gồm đậu nành và các loại hạt, cũng như các sản phẩm ngũ cốc làm nguyên liệu đầu vào cho thức ăn chăn nuôi cho ngành thịt và gia cầm đang phát triển nhanh chóng của mình. Thổ Nhĩ Kỳ cũng nhập khẩu bông bổ sung làm nguyên liệu đầu vào cho ngành dệt may tiên tiến và nguyên liệu đầu vào cho lĩnh vực chế biến thực phẩm và bánh mì.

Thổ Nhĩ Kỳ là một điểm đến du lịch quan trọng với cơ hội cho các nhà xuất khẩu nước ngoài trong lĩnh vực HRI (Khách sạn, Nhà hàng, Tổ chức). Lĩnh vực thực phẩm bán lẻ của Thổ Nhĩ Kỳ tiếp tục phát triển trong năm 2019, với lĩnh vực bán lẻ có tổ chức được phân chia đồng đều giữa các cửa hàng tạp hóa nhỏ truyền thống và chuỗi bán lẻ hiện đại, phát triển trọng tâm mới là các cửa hàng giảm giá sâu. Dân số trẻ và đang gia tăng tạo cơ hội cho sự phát triển và giới thiệu sản phẩm mới. Thổ Nhĩ Kỳ có ngành chế biến thực phẩm phát triển tốt đang sản xuất cho thị trường nội địa và xuất khẩu trong khu vực.

Nông nghiệp, Nuôi trồng thủy sản và Lâm nghiệp

	2017	2018	2019	2020 (ước tính)
Tổng sản lượng	51781	42177	43310	43500
Xuất khẩu	17245	18048	18342	18525
Nhập khẩu	15741	15340	15033	15634
Tổng quy mô thị trường	50277	39469	40000	40600
Tỷ giá hối đoái (TL/\$)	3,65	4,8	5,67	6,9

Ghi chú: Các đơn vị tính bằng đơn vị triệu đô la Mỹ.

Sản lượng trong nước năm 2018 thực tế đã tăng so với năm 2017 tính theo đồng Lira của Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng tính theo đồng USD thì thấp hơn năm 2017.

Nguồn: Viện Thống kê Thổ Nhĩ Kỳ và Giám sát Dữ liệu Thương mại:

http://www.tuik.gov.tr/PreIstatistikTablo.do?istab_id=2513.

Các lĩnh vực hàng đầu

Bông cho ngành dệt may cũng như các loại hạt cây là những cơ hội xuất khẩu chính cho hàng xuất khẩu của Việt Nam. Ngành dệt may của Thổ Nhĩ Kỳ vẫn quan trọng đối với nền kinh tế về đầu tư, việc làm và xuất khẩu; tuy nhiên, nhu cầu dự kiến sẽ giảm và ngành sẽ thu hẹp lại vào năm 2020 do doanh số bán lẻ quần áo giảm do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Có danh tiếng rất tốt ở Thổ Nhĩ Kỳ là bông của Hoa Kỳ, điều này được phản ánh qua thị phần tiếp tục cao của Hoa Kỳ tại đây. Thổ Nhĩ Kỳ dự kiến sẽ vẫn là một nhà nhập khẩu quan trọng trong những năm tới do chất lượng bông của Hoa Kỳ. Tổng kim ngạch nhập khẩu bông của Thổ Nhĩ Kỳ đạt 648 triệu USD trong năm 2019.

Thổ Nhĩ Kỳ là nước tiêu thụ lớn các loại hạt cây. Các loại hạt và trái cây sấy khô thường được dùng làm đồ ăn nhẹ ở Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng một lượng lớn các loại hạt cũng được sử dụng trong các sản phẩm bánh kẹo và đồ ngọt để sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng trong nước.

Ngoài ra còn có các cơ hội trong việc cung cấp các sản phẩm gạo, đậu và gỗ xẻ, cũng như các sản phẩm thực phẩm chức năng và thực phẩm định hướng cho người tiêu dùng. Thổ Nhĩ Kỳ là nhà nhập khẩu chính nguyên liệu cho thức ăn chăn nuôi, chẳng hạn như đậu nành.

Cơ hội

Để có cơ hội thâm nhập thị trường Thổ Nhĩ Kỳ, các nhà xuất khẩu nên xem xét các báo cáo trong các lĩnh vực liên quan. Dân số trẻ và đang gia tăng của Thổ Nhĩ Kỳ, cũng như xuất khẩu hàng dệt may và thực phẩm chế biến trong khu vực tạo cơ hội cho các nhà xuất khẩu nước ngoài cung cấp đầu vào. Tất cả các báo cáo có thể được tìm thấy trên trang tìm kiếm của Mạng Thông tin Nông nghiệp Toàn cầu FAS: <https://gain.fas.usda.gov/#/>.

Nguồn thông tin hữu ích

Để có thêm thông tin về việc tiếp cận các cơ hội trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ, Dịch vụ Nông nghiệp Nước ngoài của USDA đưa ra các báo cáo hữu ích với thông tin và chi tiết về thị trường. Bắt đầu với Hướng dẫn dành cho nhà xuất khẩu đến Thổ Nhĩ Kỳ, cũng như Báo cáo ngành thực phẩm bán lẻ của Thổ Nhĩ Kỳ, Báo cáo thành phần chế biến thực phẩm và Báo cáo ngành dịch vụ khách sạn, nhà hàng và thực phẩm. Các phiên bản mới nhất của các báo cáo này cũng như các báo cáo theo ngành cụ thể về hàng hóa, chẳng hạn như ngũ cốc và thức ăn chăn nuôi, gia súc và gia cầm, hạt cây và bông luôn có thể được tìm thấy trên trang tìm kiếm của Mạng Thông tin Nông nghiệp Toàn cầu FAS.

Thổ Nhĩ Kỳ có thể là một thị trường phức tạp đối với các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm, vì vậy cần hiểu rõ các yêu cầu nhập khẩu và có một đối tác đáng tin cậy và có kinh nghiệm tại Thổ Nhĩ Kỳ. Thông tin bổ sung có thể được tìm thấy trong Báo cáo Quốc gia Tiêu chuẩn và Quy định Nhập khẩu Thực phẩm và Nông nghiệp mới nhất của FAS cho Thổ Nhĩ Kỳ có trên trang tìm kiếm của Mạng Thông tin Nông nghiệp Toàn

cầu FAS và bằng cách liên hệ với Cơ quan Nông nghiệp Nước ngoài của USDA tại Thổ Nhĩ Kỳ. Hiệp hội Ngoại thương Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ (TUGIDER) có thể được liên hệ để có thông tin về các đại diện địa phương tiềm năng ở Thổ Nhĩ Kỳ vì nó đại diện cho các nhà nhập khẩu thực phẩm lớn ở Thổ Nhĩ Kỳ. Các triển lãm thương mại thực phẩm ở Thổ Nhĩ Kỳ có thể hữu ích, chẳng hạn như Anfas Food Products, World Food Istanbul và Food Materials Fi Istanbul, để gặp gỡ các nhà nhập khẩu và đánh giá thị trường trước khi gia nhập: <https://gain.fas.usda.gov/#/>

Giáo dục

Thổ Nhĩ Kỳ có 47.546 sinh viên đang học tập ở nước ngoài theo UNESCO.

39,08% dân số ở Thổ Nhĩ Kỳ dưới 24 tuổi (theo CIA World Factbook)

Dân số 82 triệu của Thổ Nhĩ Kỳ là tương đối trẻ so với nhiều quốc gia khác. Hơn 30% dân số dưới 18 tuổi. Dân số trẻ này tạo cơ hội đáng kể cho các cơ sở giáo dục quốc tế.

Tính đến tháng 12 năm 2020, có 131 trường đại học công lập và 78 trường đại học cơ sở (tư thục) phục vụ 7,94 triệu sinh viên trong các chương trình học khác nhau. Số liệu năm 2019 tiết lộ rằng 4,54 triệu sinh viên đang theo học các chương trình đại học và dạy nghề, 297.000 trong các chương trình sau đại học, 101.240 trong các chương trình tiến sĩ và 2,20 triệu vào Đại học Mở. Các trường đại học công lập thu một khoản phí nhỏ, trong khi học phí của các trường đại học tư thục dao động từ 2.000 đến 12.000 USD mỗi năm. Nhiều sinh viên xuất sắc với điều kiện hạn chế có thể theo học các trường đại học tư nhân với học bổng phù hợp.

Đầu vào các trường đại học là cạnh tranh do năng lực hạn chế của các chương trình đại học chất lượng cao. Học sinh cần phải vượt qua kỳ thi xếp lớp trên toàn quốc được tổ chức vào tháng 6 hàng năm trong hai ngày với ba buổi. Mỗi năm số lượng học sinh tham gia kỳ thi đại học ngày càng tăng. Vào năm 2020, 2.296.138 học sinh tốt nghiệp trung học đã tham dự các kỳ thi và khoảng 16% trong số này đăng ký theo học chương trình 4 năm, 13,5% vào chương trình 2 năm và 6% vào Đại học Mở (đào tạo từ xa trong các lĩnh vực khác nhau) . Những người còn lại không thể vào bất kỳ chương trình giáo dục đại học nào. Tại Thổ Nhĩ Kỳ, Bộ Giáo dục Quốc gia chịu trách nhiệm quản lý tất cả các dịch vụ giáo dục trong nước, không bao gồm giáo dục đại học. Hội đồng Giáo dục

Đại học (YÖK) là một tổ chức công gồm 22 thành viên chịu trách nhiệm lập kế hoạch, điều phối và giám sát giáo dục đại học.

Những hạn chế về năng lực và chất lượng của các trường đại học Thổ Nhĩ Kỳ thúc đẩy nhu cầu du học của sinh viên Thổ Nhĩ Kỳ. Nhiều sinh viên có nhu cầu đi du học đã đặt các trường đại học Hoa Kỳ lên đầu danh sách do chất lượng giáo dục và triển vọng nghề nghiệp vững chắc. Hơn 46.000 sinh viên Thổ Nhĩ Kỳ ra nước ngoài học đại học. Các trường cao đẳng và đại học của Hoa Kỳ đã thu hút khoảng 1/4 số sinh viên này cho các chương trình đại học và sau đại học, cũng như đào tạo chuyên ngành.

Giáo dục đại học

Số liệu thống kê về những cánh cửa mở rộng đến năm 2020 của Viện Giáo dục Quốc tế cho thấy Thổ Nhĩ Kỳ, với 9.481 sinh viên, là nước có lượng sinh viên nước ngoài nhiều thứ 15 ở Hoa Kỳ. Trong số các quốc gia châu Âu, Thổ Nhĩ Kỳ giữ vị trí thứ hai sau Anh với số lượng sinh viên ở Hoa Kỳ. Mức độ ghi danh của sinh viên Thổ Nhĩ Kỳ như sau:

- Đại học: 3.104.
- Cao học: 4.178.
- Khác (Các chương trình không cấp bằng): 463.
- Tùy chọn: 1.736.

Khoảng một nửa số sinh viên Thổ Nhĩ Kỳ tại các trường đại học Hoa Kỳ đang theo học để lấy bằng sau đại học.

Theo Ủy ban Fulbright Thổ Nhĩ Kỳ, thuộc mạng lưới Giáo dục Hoa Kỳ của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, sau đây là những ngành học phổ biến nhất được sinh viên Thổ Nhĩ Kỳ dự định đi du học lựa chọn:

- Kỹ thuật, khoa học máy tính và các lĩnh vực kỹ thuật khác.
- Quản trị kinh doanh và kinh tế (đặc biệt là các chương trình MBA về tài chính, tiếp thị và kinh doanh quốc tế).
- Tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai.
- Các chương trình chứng chỉ ngắn hạn và/hoặc các chương trình mùa hè (chủ yếu là ESL kinh doanh).

- Khoa học xã hội, nhân văn và nghệ thuật (chủ yếu là tâm lý học, khoa học chính trị, kiến trúc và luật).
- Truyền thông đại chúng (radio-TV, sản xuất phim và video).
- Y khoa và các lĩnh vực y tế khác (đối với hầu hết các lĩnh vực nội trú cấp cao).
- Giáo dục trung học.

Những bất cập trong hệ thống giáo dục trung học của Thổ Nhĩ Kỳ đã là động lực thúc đẩy các bậc phụ huynh Thổ Nhĩ Kỳ gửi con em mình đến các trường nội trú danh tiếng. Tỷ lệ hiện diện của học sinh Thổ Nhĩ Kỳ tại các trường nội trú của Hoa Kỳ đã tăng lên trong những năm gần đây. Năm 2019, hơn 400 sinh viên Thổ Nhĩ Kỳ theo đuổi việc học tại các trường nội trú của Hoa Kỳ, khiến Hoa Kỳ trở thành điểm đến phổ biến thứ hai cho các trường nội trú sau Vương quốc Anh.

Nhiều người Thổ Nhĩ Kỳ nhận thấy thành tích học tập xuất sắc tại các trường nội trú của Hoa Kỳ là vô giá cũng như môi trường khu nội trú độc đáo và các hoạt động ngoại khóa ưu việt. Điều quan trọng đối với sinh viên tiềm năng và gia đình của họ là sinh viên tốt nghiệp được chấp nhận tại một số trường đại học uy tín và cạnh tranh nhất ở Hoa Kỳ và trên thế giới.

Cơ hội

Có nhiều sinh viên quan tâm đến các chương trình giáo dục đại học chất lượng hơn mức có thể được cung cấp bởi các trường đại học nổi tiếng của Thổ Nhĩ Kỳ. Do đó, các trường đại học và cao đẳng nước ngoài có cơ hội khám phá khả năng tuyển sinh từ Thổ Nhĩ Kỳ. Kết quả của kỳ thi xếp lớp đại học trung ương ở Thổ Nhĩ Kỳ được công bố vào giữa tháng Bảy. Các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài có thể liên hệ với những sinh viên chưa phù hợp hoặc không hài lòng nếu họ có thể nhận sinh viên bắt đầu từ học kỳ/quý thứ hai của năm học.

Bộ Giáo dục Quốc gia, Hội đồng Giáo dục Đại học và nhiều Bộ cấp học bổng cho hàng trăm sinh viên thành công mỗi năm mong muốn tiếp tục học tập ở nước ngoài. Những sinh viên này thường nộp đơn vào “các trường đại học hàng đầu” nổi tiếng được chọn từ một Danh sách cụ thể được cung cấp cho họ. Chi phí không phải là một yếu tố quan trọng trong quá trình ra quyết định của họ vì các nhà tài trợ học bổng sẽ chi trả cho toàn

bộ quá trình học và những người được nhận học bổng thường được ràng buộc làm việc với các tổ chức tài trợ của họ trong khoảng 4-8 năm sau khi tốt nghiệp.

Do tính chất cạnh tranh của thị trường lao động Thổ Nhĩ Kỳ và mức độ thất nghiệp đáng kể, nhiều sinh viên cảm thấy cần phải có bằng sau đại học/thạc sĩ để tăng cơ hội tìm được việc làm tốt hơn. Các chương trình này thậm chí còn cạnh tranh hơn, vì vậy sinh viên tìm kiếm vị trí tại các trường đại học quốc tế. Nghiên cứu sau đại học là cấp độ tuyển sinh phổ biến nhất của sinh viên Thổ Nhĩ Kỳ; hơn 50% sinh viên Thổ Nhĩ Kỳ ở Hoa Kỳ đang theo học các bằng cấp sau đại học.

Một số trường đại học Thổ Nhĩ Kỳ có các chương trình hợp tác (chẳng hạn như văn bằng kép, chương trình ngôn ngữ) với các trường đại học nước ngoài, cho phép sinh viên của họ tiếp tục học tại các cơ sở ở nước ngoài. Các trường đại học khác ở nước ngoài có thể mong muốn theo đuổi các thỏa thuận hợp tác như vậy cũng như các chương trình trao đổi sinh viên để thu hút sinh viên Thổ Nhĩ Kỳ có trình độ.

Các sự kiện

- EURIE- Hội nghị thượng đỉnh về giáo dục đại học Á – Âu:

Ngày 3-5 tháng 3 năm 2021 - Istanbul (Ảo): <https://www.eurieeducationsummit.com/>

- Hội chợ du học Study Expo:

Chương trình Trực tuyến Hội chợ Ảo - Ngày 19 tháng 1 năm 2021.

- Hội chợ ảo về giáo dục trung học - ngày 13 tháng 2 năm 2021:

<https://www.studyexpo.com>.

- Hội chợ du học IEFT: <https://www.ieft.net>

Ngày 18-24 tháng 5 năm 2021 - Ankara, Izmir, Istanbul (Hội chợ kết hợp).

- Hội chợ du học A2:

Ngày 10-11 tháng 4 năm 2021 - Istanbul (Hội chợ kết hợp): <http://www.a2fairs.com/>

Nguồn thông tin hữu ích

- Bộ Giáo dục Quốc gia Thổ Nhĩ Kỳ: <http://meb.gov.tr>.
- Hội đồng giáo dục đại học của Thổ Nhĩ Kỳ: <http://www.yok.gov.tr/>.

- Ủy ban Fulbright Thổ Nhĩ Kỳ: <http://fulbright.org.tr/en/>.
- Viện Giáo dục Quốc tế: <http://www.ije.org>.

Chương 6: Quy định thương mại, hải quan và các tiêu chuẩn

Rào cản thương mại

Thổ Nhĩ Kỳ và EU đã thành lập một Liên minh thuế quan vào năm 1995, bao gồm các sản phẩm công nghiệp và hàng nông sản chế biến.

Thổ Nhĩ Kỳ đã thông qua cơ chế thuế quan bên ngoài chung của EU (CET) đối với hầu hết các sản phẩm công nghiệp và đối với các thành phần công nghiệp của sản phẩm nông nghiệp. Cả EU và Thổ Nhĩ Kỳ đã đồng ý loại bỏ tất cả các loại thuế hải quan, các hạn chế định lượng và các khoản phí có ảnh hưởng tương đương đối với thương mại song phương của họ. Việc Thổ Nhĩ Kỳ thông qua CET của EU cũng dẫn đến việc giảm thuế đối với hàng hóa nhập khẩu từ các nước thứ ba. Liên minh Hải quan cho phép áp dụng mức thuế suất bằng 0 và không có hạn ngạch đối với các mặt hàng phi nông nghiệp có xuất xứ từ EU và Hiệp hội Thương mại Tự do Châu Âu (EFTA). Thổ Nhĩ Kỳ và EU đã bày tỏ quan tâm đến việc hiện đại hóa Liên minh thuế quan để bao gồm các lĩnh vực bổ sung như dịch vụ và hàng hóa nông nghiệp, mặc dù những lo ngại về chính trị đã làm trì hoãn các cuộc thảo luận.

Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ ước tính rằng, theo kết quả của Liên minh Hải quan Châu Âu, thuế suất trung bình đối với hàng hóa nhập khẩu từ các nước EU và EFTA giảm từ khoảng 10% xuống còn 0. Thổ Nhĩ Kỳ đã dành một số danh mục được miễn trừ cho các sản phẩm nhạy cảm với mức thuế đối với các mặt hàng này nhìn chung cao hơn nhiều so với Biểu thuế hải quan chung (CCT). Một số mặt hàng nông nghiệp vẫn được bảo hộ bởi mức thuế cao.

Thổ Nhĩ Kỳ là thành viên của WTO và quy định hải quan của nước này phù hợp với các yêu cầu của Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT). Mặc dù nói chung tuân thủ hiệp định WTO, nhưng Thổ Nhĩ Kỳ thường không thông báo cho WTO về những thay đổi đối với các yêu cầu nhập khẩu. Khi điều này xảy ra, quan điểm của các công ty thường không được xem xét, cũng như không được cung cấp đủ thời gian để tuân thủ và thích ứng với những thay đổi trong cách họ kinh doanh. Những thay đổi này đối với các yêu cầu nhập khẩu có thể là hàng rào phi thuế quan, chẳng hạn như áp dụng hệ thống giá tham chiếu, thiếu chứng chỉ kiểm soát, các yêu cầu về tài liệu mới và các cuộc kiểm tra không cần thiết và xâm phạm. Mặc dù luật hải quan là bản dịch

trực tiếp luật của EU, nhưng có thể có sự khác biệt về cách giải thích và do đó, chúng được thực hiện.

Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tuân thủ mô hình "định giá tham chiếu" cho dược phẩm, theo đó giá dược phẩm ở Pháp, Tây Ban Nha, Ý, Bồ Đào Nha và Hy Lạp được tham khảo và giá được xác định dựa trên giá tham chiếu thấp nhất hiện có tại các thị trường đó. Nếu một sản phẩm là sản phẩm gốc, giá được đặt bằng 100% giá thấp nhất trong số năm quốc gia đó. Tuy nhiên, nếu nó là một sản phẩm chung, nó được đặt thành 60%. Do việc hoàn trả được xác định theo giá tính bằng euro, tỷ giá TRY-EUR rất quan trọng đối với tính khả thi của các sản phẩm dược phẩm tại thị trường Thổ Nhĩ Kỳ. Kể từ năm 2015, vào đầu mỗi năm, GOT công bố tỷ giá TRY-EUR cố định để sử dụng trong năm đó. Vào năm 2015, tỷ giá này được xác định bằng cách lấy 70% tỷ giá hối đoái TRY-EUR trung bình của năm trước. Nó đã được sửa đổi vào đầu năm 2019 thành 60% mức trung bình của năm trước. Chính sách này đã gây khó khăn cho việc duy trì khả năng tồn tại của các công ty dược phẩm không thuộc Thổ Nhĩ Kỳ trên thị trường quốc gia này. Do đó, một số sản phẩm dược phẩm mới, sáng tạo đã bị trì hoãn hoặc thậm chí bị loại khỏi thị trường hoàn toàn.

Thương mại nông sản phải chịu hạn ngạch thuế quan và quy định về giá cả và do đó mức độ bảo hộ đáng kể. Các ngành nông nghiệp và dược phẩm, đặc biệt là dưới một số biện pháp bảo hộ, chẳng hạn như nội địa hóa, cũng đã mở rộng sang các ngành khác như may mặc và thiết bị y tế. Hơn nữa, hệ thống mua sắm của Thổ Nhĩ Kỳ vẫn có xu hướng dẫn đến các quy trình đấu thầu kéo dài và không rõ ràng, các điều khoản và điều kiện phức tạp và sự chậm trễ đáng kể, có thể cản trở khả năng tham gia và cạnh tranh hiệu quả của nhà thầu.

Thuế nhập khẩu

EU và Thổ Nhĩ Kỳ được liên kết bởi một hiệp định của Liên minh Hải quan từ năm 1995 và Thổ Nhĩ Kỳ là nước ứng cử viên gia nhập EU từ năm 1999 và là thành viên của Hiệp định Đối tác Euro-Địa Trung Hải.

Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng Biểu thuế đối ngoại chung của Liên minh thuế quan (CET) đối với hàng công nghiệp và thuế quan Tối huệ quốc (MFN) đối với các sản phẩm phi nông nghiệp thấp, trung bình là 5%. Tuy nhiên, sự cởi mở tương đối này không được phản ánh trong các cam kết WTO của Thổ Nhĩ Kỳ vì nước này đã để 66% số dòng

thuế phi nông nghiệp của mình không bị ràng buộc. Nước này bảo hộ thuế quan cao đối với các sản phẩm nông nghiệp. Liên minh thuế quan với EU và các hiệp định thương mại tự do cung cấp quyền tiếp cận miễn thuế cho nhiều đối tác thương mại quan trọng nhất của Thổ Nhĩ Kỳ. Ngoài ra, Thổ Nhĩ Kỳ có khả năng mở hạn ngạch thuế quan đối với hàng hóa phi nông nghiệp, các chương trình khuyến khích đầu tư cung cấp các ưu đãi về thuế và thuế đối với hàng nhập khẩu, các nhà xuất khẩu được hưởng lợi từ cơ chế gia công nội địa và “danh sách tạm dừng” cho phép các nhà sản xuất nhập khẩu một số nguyên liệu thô và đầu vào trung gian với thuế suất thấp hoặc được miễn thuế.

Trong thời gian diễn ra đại dịch COVID-19, Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã tăng thuế nhập khẩu đối với khoảng 4.000 sản phẩm lên tới 50% cho đến cuối tháng 9 năm 2020, sau đó thuế quan sẽ giảm, nhưng đối với nhiều hàng hóa, thuế đã không trở lại mức trước đó.

Phụ phí hải quan bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) đánh vào hầu hết hàng hóa và dịch vụ nhập khẩu, cũng như nội địa. Người nhập khẩu có trách nhiệm nộp thuế giá trị gia tăng. VAT được tính trên cơ sở Phí bảo hiểm Chi phí (CIF) cộng với thuế suất và bất kỳ khoản phí áp dụng nào khác được tính trước khi hàng hóa được thông quan. Thuế VAT đối với hầu hết các mặt hàng nông sản (thực phẩm cơ bản) dao động từ 1% đến 8% và có thể lên tới 18% đối với một số sản phẩm chế biến. Hàng hóa cơ bản, một số nguyên liệu thô, hàng hóa nhập khẩu của các cơ quan chính phủ và doanh nghiệp nhà nước và các sản phẩm đầu tư có giấy chứng nhận khuyến khích được miễn lệ phí nhập khẩu.

Thổ Nhĩ Kỳ thường dựa vào thuế nội địa đối với hàng hóa và dịch vụ hơn là thuế thương mại như thuế hải quan để nâng cao thu ngân sách của chính phủ. VAT và thuế tiêu thụ đặc biệt cung cấp hơn một nửa nguồn thu ngân sách của chính phủ. Về nguyên tắc, thuế VAT và thuế tiêu thụ đặc biệt (SCT) của Thổ Nhĩ Kỳ không có sự phân biệt giữa hàng hóa nhập khẩu và hàng hóa sản xuất trong nước. Tuy nhiên, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có cồn thay đổi đáng kể tùy thuộc vào loại sản phẩm và năm 2018 chứng kiến mức thuế nhập khẩu đối với một số sản phẩm rượu tăng lên rõ rệt. Nhìn chung, hệ thống thuế có khả năng ưu tiên tiêu dùng một số sản phẩm so với những sản phẩm khác. Các sản phẩm khác bị ảnh hưởng bởi thuế tiêu thụ đặc biệt bao gồm các sản phẩm dầu mỏ, xe có động cơ, máy bay, tàu thuyền và hàng tiêu dùng lâu bền.

Cả nhập khẩu và xuất khẩu đều phải tuân theo các biện pháp biên giới nhất định ở Thổ Nhĩ Kỳ, bao gồm các lệnh cấm hoàn toàn, cấp phép, kiểm soát và hạn chế. 11 loại hàng hóa yêu cầu giấy phép nhập khẩu và 26 loại hàng hóa yêu cầu giấy phép xuất khẩu. Về mặt xuất khẩu, Thổ Nhĩ Kỳ tuân thủ các hiệp định quốc tế về việc cấm hoặc kiểm soát các mặt hàng chiến lược và có các quy định về kiểm tra chất lượng xuất khẩu đối với một số sản phẩm nông nghiệp.

Yêu cầu và chứng từ nhập khẩu

Giấy phép nhập khẩu

Nhà nhập khẩu chỉ cần có mã số thuế để nhập khẩu tất cả các loại hàng hóa, trừ các mặt hàng bị hạn chế, bao gồm súng cầm tay, vật liệu nguy hiểm và các sản phẩm khác chỉ có thể được nhập khẩu bởi các cơ sở được ủy quyền hoặc phải có sự chấp thuận của các cơ quan hữu quan thuộc chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ. Chứng chỉ Kiểm soát chỉ được yêu cầu đối với động vật, sản phẩm động vật và một số loại thực vật nhất định như hạt giống, cây con, cây non và củ hoa.

Chứng từ nhập khẩu

Thủ tục chứng từ Thổ Nhĩ Kỳ yêu cầu phải có hóa đơn thương mại và vận đơn hoặc vận đơn đường hàng không đi kèm với tất cả các chuyến hàng thương mại. Tùy thuộc vào loại sản phẩm, nhà nhập khẩu có thể được yêu cầu nộp Giấy chứng nhận xuất xứ. Giấy phép nhập khẩu và giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật là cần thiết cho nhập khẩu hàng hóa nông sản và thực phẩm.

Tuân thủ sự phù hợp (Nhãn CE)

Các công ty bán hàng vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ phải nộp bằng chứng về sự tuân thủ sự phù hợp (CE Mark) bằng cách cung cấp chứng chỉ hợp quy từ một cơ quan được thông báo hoặc một tuyên bố về sự phù hợp do nhà sản xuất cấp, tuyên bố tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn và phụ lục chỉ thị có liên quan. Tuyên bố về sự phù hợp phải đề cập đến (các) chỉ thị áp dụng, tên của nhà sản xuất hoặc đại diện được ủy quyền của họ, tên của cơ quan được thông báo (nếu có), thông tin sản phẩm và tham chiếu đến các tiêu chuẩn hài hòa. Nếu cơ quan được thông báo cũng tham gia vào quá trình này, thì loại chứng chỉ kiểm tra cũng phải được nộp.

Hồ sơ kỹ thuật là hồ sơ bao gồm hướng dẫn sử dụng, thông số kỹ thuật của sản phẩm, bản vẽ kỹ thuật và các tiêu chuẩn áp dụng theo các chỉ thị phù hợp và các phụ lục tương ứng. Mặc dù chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ có thể không thực thi quy định này đối với mọi sản phẩm nhập khẩu có nhãn CE, nhưng các nhà sản xuất được cho là đã chuẩn bị hồ sơ kỹ thuật. Một số công ty nước ngoài đã báo cáo những khó khăn khi nộp hồ sơ kỹ thuật sau khi sản phẩm của họ được chuyển đến Thổ Nhĩ Kỳ. Các công ty khác có mối quan tâm liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (IPR) và đã miễn cưỡng cung cấp bản vẽ hoặc thông tin chuyên sâu về các thông số kỹ thuật của (các) sản phẩm của họ. Để tránh sự chậm trễ của hải quan, nhà nhập khẩu nên hiểu biết về các thủ tục liên quan và các giấy tờ cần thiết.

Hóa đơn thương mại

Hóa đơn thương mại phải được nộp ba lần, bao gồm cả bản chính và phải có mô tả đầy đủ, số lượng, đơn giá, mã HS, phương thức giao hàng của hàng hóa và nước xuất xứ cũng như tất cả các điều khoản thanh toán và thư tín dụng bắt buộc, nếu giao dịch đã được thực hiện thông qua phương thức thanh toán này.

Giấy chứng nhận xuất xứ

Một số quốc gia nước ngoài yêu cầu phải có Giấy chứng nhận xuất xứ cho các mục đích thuế quan, chứng nhận quốc gia xuất xứ của hàng hóa cụ thể. Giấy chứng nhận xuất xứ phải được lập thành bản sao. Tài liệu này không được phép sửa chữa và nó phải bằng tiếng Anh. Giấy chứng nhận xuất xứ thường do nhà xuất khẩu hoặc nhà giao nhận lập và được Phòng Thương mại địa phương hoặc Trung tâm Thương mại Thế giới công chứng và chứng thực. Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Thổ Nhĩ Kỳ tại Việt Nam phải chứng nhận Giấy chứng nhận xuất xứ. Một bản sao của chứng từ phải được giao nộp cho cơ quan hải quan tại thời điểm nhập khẩu.

Vận đơn/Vận đơn đường hàng không

Các chi tiết trong vận đơn phải tương ứng chính xác với các chi tiết được nêu trong các chứng từ vận chuyển khác. Vận đơn gốc phải được nộp cùng với ba bản sao.

Hoá đơn chiếu lệ

Hóa đơn chiếu lệ không được quá sáu tháng tại thời điểm nộp đơn. Các từ “chiếu lệ” phải được thể hiện trên tài liệu. Nó phải có tùy chọn chưa hết hạn (nếu thích hợp), chỉ

rõ phí vận chuyển và phí bảo hiểm riêng biệt, đồng thời mang tên nhà nhập khẩu cũng như mô tả, đơn giá, số lượng và phương thức giao hàng/thanh toán của hàng hóa cụ thể. Các sản phẩm thuộc Chỉ thị Tiếp cận Mới của Liên minh Châu Âu phải kèm theo bản tự công bố sự phù hợp hoặc giấy chứng nhận sự phù hợp do cơ quan được thông báo cấp để được phép thâm nhập vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ. Xem phần Tiêu chuẩn và Dấu CE bên dưới.

Giấy chứng nhận y tế

Giấy chứng nhận y tế đặc biệt được yêu cầu đối với nhập khẩu thực vật, hạt giống, động vật sống và sản phẩm động vật. Thực vật, bao gồm cả trái cây và rau quả, về cơ bản phải sạch sâu bệnh và phải được trồng trong khu vực không có sâu bệnh bị cấm. Thông tin bổ sung có thể được lấy từ Dịch vụ Kiểm tra Sức khỏe Động thực vật (APHIS) của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ. APHIS kiểm tra và chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật và động vật sống và sản phẩm động vật phù hợp với các yêu cầu về sức khỏe và vệ sinh/kiểm dịch thực vật theo quy định của Thổ Nhĩ Kỳ. Các nhà xuất khẩu nước ngoài được khuyến khích lấy thông tin từ nhà nhập khẩu trước khi giao hàng vì sự phức tạp của các quy định vệ sinh và kiểm dịch động thực vật.

Yêu cầu nhập khẩu đặc biệt

Rượu có thể được nhập khẩu bởi khu vực tư nhân bằng cách lấy giấy phép và sự cho phép của các sản phẩm thuốc lá và cơ quan quản lý quy định của thị trường đồ uống có cồn (TAPDK), một cơ quan quản lý độc lập. Kiểm tra các sản phẩm nhập khẩu được quy định bởi thông cáo về kiểm tra nhập khẩu thuốc lá, sản phẩm thuốc lá, rượu và đồ uống có cồn (Quy định về an toàn và kiểm tra sản phẩm: 2018/19). Tuy nhiên, các rào cản phi thuế quan, yêu cầu tài liệu phức tạp, và tỷ lệ thuế cao tiếp tục hạn chế thương mại trong đồ uống có cồn. Thuốc lá chỉ có thể được nhập khẩu bởi các nhà sản xuất thuốc lá, được Chính phủ cấp phép theo Nghị định đặc biệt.

Nhập khẩu kim loại/đá quý

Kim loại quý (ví dụ, vàng và bạch kim) chỉ có thể được nhập khẩu bởi các thành viên của giao dịch kim loại quý Istanbul hoạt động theo Borsa Istanbul (Sở giao dịch chứng khoán Istanbul). Sàn giao dịch chứng khoán Istanbul bao gồm các ngân hàng trong hoặc ngoài nước, các công ty kim loại quý, văn phòng tiền tệ, công ty sản xuất và tiếp

thị kim loại quý và nhà máy lọc kim loại quý. Thổ Nhĩ Kỳ chính thức trở thành thành viên của Chương trình chứng nhận quy trình Kimberley vào năm 2007, chính phủ, ngành công nghiệp kim cương quốc tế và chủ động xã hội dân sự để ngăn chặn dòng chảy của kim cương xung đột.

Nhập khẩu sản phẩm như dược phẩm; hóa chất hữu cơ, đặc biệt là những loại dùng để sản xuất thuốc và các sản phẩm y tế; Vắc xin cho cả người và động vật; hóa chất dùng trong làm sạch và công nghiệp thực phẩm; động vật sống và thực vật; ngũ cốc và hạt giống cây trồng; và hormone yêu cầu chứng chỉ kiểm soát từ Bộ Y tế và Bộ Nông nghiệp. Sau khi nhập khẩu thực phẩm và nông sản cụ thể, nhà nhập khẩu phải được chuẩn bị để trình bày chứng chỉ kiểm soát được phê duyệt (nếu cần) cùng với bản gốc của hóa đơn, danh sách thành phần, giấy chứng nhận xuất xứ, chứng chỉ sức khỏe thú y hoặc giấy chứng nhận sức khỏe thực vật, v.v. và các tài liệu nhập khẩu khác như vận đơn. Nhập khẩu các sản phẩm thực phẩm vào Thổ Nhĩ Kỳ chỉ được phép nếu chúng phù hợp với các quy định liên quan đến kiểm soát nhập khẩu và Codex thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ. Thổ Nhĩ Kỳ đang hài hòa các quy định nhập khẩu thực phẩm và quy định Codex thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ với các quy định của EU. Nếu sản phẩm được đề cập không được bảo vệ bởi Codex thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ, các quan chức có thể đề cập đến các quy định quốc tế như Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO), Codex Alimentarius hoặc Chỉ thị EU có liên quan nếu nó chưa được hài hòa.

Tất cả các tài liệu phải được lấy từ và/hoặc được phê duyệt bởi các cơ quan có liên quan trong nước xuất xứ. Tài liệu phải được gửi bằng ngôn ngữ gốc với bản dịch sang tiếng Thổ Nhĩ Kỳ. Chứng chỉ kiểm soát phải được trình bày cho cơ quan hải quan khi nhập khẩu.

Sản phẩm yêu cầu dịch vụ hậu mãi như xe cơ giới, hàng điện gia dụng, thiết bị văn phòng và máy tính, máy tính tiền, thiết bị truyền hình và video, máy sủi, đầu đốt khí, máy móc công nghiệp, ô tô và thiết bị không dây yêu cầu một giấy phép nhập khẩu từ Bộ Thương mại. Để có được giấy phép như vậy, các nhà nhập khẩu phải đảm bảo rằng họ sẽ cung cấp dịch vụ và phụ tùng bằng cách thành lập văn phòng hoặc bằng cách ký thỏa thuận với các công ty dịch vụ/bộ phận hiện có. Số lượng cơ sở bảo trì trong cả nước phụ thuộc vào loại sản phẩm. Một số nhóm sản phẩm, bao gồm cả phương tiện, yêu cầu một mạng lưới các cơ sở bảo trì rộng rãi trong mỗi khu vực địa lý của Thổ Nhĩ Kỳ.

Kỳ. Đối với các phương tiện, chế độ nhập khẩu hiện tại hướng dẫn một nhà nhập khẩu cung cấp dịch vụ và duy trì các bộ phận cần thiết trong ít nhất 10 năm, sau khi nhập khẩu xe cuối cùng.

Sự phê duyệt không còn cần thiết cho các thiết bị viễn thông nhập khẩu. Dưới khung của Liên minh Hải quan EU, thiết bị viễn thông đáp ứng các điều kiện nhất định như tần số hài hòa ở Thổ Nhĩ Kỳ có thể được nhập khẩu mà không cần sự chấp thuận của cơ quan quản lý viễn thông. Nếu tần số của thiết bị không được hài hòa (mà nó thường xảy ra) thì cần phải áp dụng cho cơ quan phê duyệt.

Các nhà nhập khẩu được yêu cầu phải có được chứng chỉ kiểm soát từ Bộ Môi trường đối với các vật liệu được coi là gây bất lợi cho môi trường. Các vật liệu như vậy bao gồm than cứng, than non, than cốc, dầu mỏ, asen, thủy ngân, sunfua chì và cacbonat, fluorocarbon, hóa chất khác và kim loại phế liệu khác.

Hệ thống kiểm soát thương mại dựa trên rủi ro (Tarks)

Bộ Thương mại đã phát động một hệ thống kiểm soát dựa trên rủi ro (Tarks) trong năm 2010 để thực hiện kiểm tra an toàn và chất lượng đối với hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu điện tử và trên cơ sở rủi ro. Được thiết kế để có thể truy cập trực tuyến bằng chữ ký điện tử, mục đích chính của hệ thống kiểm soát này là để tăng hiệu quả của ngoại thương, để cung cấp các sản phẩm an toàn và chất lượng cho người tiêu dùng và công ty bằng cách kiểm soát việc gia nhập các sản phẩm và thương nhân "rủi ro" đến thị trường và để giảm thời gian chờ đợi tại hải quan.

Tarks bao gồm hàng hóa như đồ chơi, thiết bị y tế, sản phẩm viễn thông, thiết bị bảo vệ cá nhân, máy móc, thiết bị điện, thiết bị gas và một số nguyên liệu thô công nghiệp và nông sản.

Yêu cầu về nhãn hiệu và tiếp thị

Tất cả các gói, thùng và kiện phải có nhãn hiệu vận chuyển, số, kích thước và tổng trọng lượng của hàng hóa.

Các gói hàng cùng với vận đơn đi kèm để vận chuyển hàng hóa qua Thổ Nhĩ Kỳ phải được đánh dấu "Đang quá cảnh - In Transit". Tất cả hàng hóa vào Istanbul hoặc bất kỳ cảng nhập cảnh nào khác ở Thổ Nhĩ Kỳ (Ankara, Iskenderun, Izmir, Antalya, Mersin, Sinop, Samsun và Trabzon) đều được thông quan và phải thanh toán đầy đủ thuế trừ

khi các gói hàng và vận đơn được đánh dấu là "Đang quá cảnh - In Transit." Hàng hóa được đánh dấu "Đang quá cảnh - In Transit" có thể được thông quan để nhập cảnh và chuyển hàng.

Đối với một số hàng hóa nhất định, có thể cần các nhãn cụ thể, tức là một số sản phẩm có thể cần được Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp (www.tarimorman.gov.tr) thông quan và một số do Viện Tiêu chuẩn Thổ Nhĩ Kỳ (TSE) (www.tse.org.tr). Các yêu cầu về ghi nhãn được nêu trên trang web của các tổ chức có liên quan.

Mặc dù Thổ Nhĩ Kỳ không phải là thành viên EU, nhưng nước này đã thực hiện đầy đủ nhiều chỉ thị đánh dấu CE của Châu Âu.

Tạm nhập tái xuất

Hàng hóa có thể được tạm thời nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ mà không phải chịu thuế nếu chúng được sử dụng để sản xuất một sản phẩm xuất khẩu. Các giấy phép cần thiết cho hàng hóa tạm nhập tái xuất có thể được nhận từ cơ quan hải quan. Chế độ Hải quan có Đơn đăng ký Tác động Kinh tế phải được nộp cùng với một hoặc hai trong số các tài liệu sau:

Hóa đơn chiếu lệ và hai bản sao của hóa đơn, danh mục và/hoặc tài liệu kỹ thuật đã dịch mô tả các tính năng kỹ thuật của hàng hóa - nếu cần, hợp đồng giữa công ty người gửi và người nhận về mục đích vận chuyển và thời gian lưu trú của hàng hóa - nếu có, giá trị của lô hàng và bản dịch của hợp đồng.

Khi xuất khẩu thành phẩm, tiền bảo lãnh sẽ được chuyển đi. Được phép tạm nhập hàng hóa tái xuất dưới dạng nguyên bản, miễn thuế nhập khẩu và các loại thuế khi có sự chấp thuận của Bộ Thương mại. Thổ Nhĩ Kỳ là một bên ký kết Công ước quốc tế về tạo thuận lợi cho việc nhập khẩu các mẫu thương mại và tài liệu quảng cáo. Các mẫu không có giá trị thương mại được miễn thuế. Các mẫu khác được đánh thuế tại thời điểm nhập khẩu, nhưng sẽ được hoàn lại nếu các mẫu đó được tái xuất trong vòng sáu tháng kể từ ngày nhập khẩu. Một thư bảo lãnh sẽ được cung cấp cho Hải quan Thổ Nhĩ Kỳ để tạm nhập, với tiền bảo lãnh sẽ được trả lại vào thời điểm tái xuất. Các mẫu phải được liệt kê trên một hóa đơn. Sách, báo, tạp chí, danh mục, tờ rơi, tài liệu quảng cáo và các tài liệu quảng cáo tương tự được miễn thuế hải quan. Hàng hóa tạm nhập không được phép nhập cảnh bao gồm:

- Sản phẩm bị cấm.
- Sản phẩm tiêu dùng.
- Hàng hóa không thể bị phát hiện giống nhau.
- Hàng hóa có thể tạo ra trở ngại kinh tế.

Các thương nhân nước ngoài cũng có thể muốn xem xét một thủ tục đơn giản hơn dưới dạng “ATA Carnet”. Carnet là chứng từ hải quan quốc tế cho phép chủ sở hữu tạm thời nhập khẩu các sản phẩm làm hàng mẫu mà không phải trả thuế hải quan hoặc gửi trái phiếu. Hầu như tất cả hàng hóa, cá nhân và tổ chức, bao gồm các mẫu thương mại, thiết bị chuyên nghiệp, hàng hóa được sử dụng tại các cuộc triển lãm và triển lãm thương mại, máy tính, công cụ, máy ảnh và thiết bị video, máy móc công nghiệp, ô tô, quần áo và đồ trang sức đều được bảo hộ dưới một mạng lưới carnet.

Người đọc có thể muốn kiểm tra “Danh sách chung” để xem hàng hóa có tuân theo các nguyên tắc của ATA Carnet hay không (<https://www.uscib.org/ata-carnet-export-service-ud-718/>) hoặc gọi Carnet-Help-Line theo số (800) 5-DUTYFREE.

Các mặt hàng cấm và hạn chế nhập khẩu

Bộ Thương mại đưa ra danh sách các mặt hàng bị cấm và hạn chế nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ. Nó đã được cập nhật đáng kể vào năm 2020 sau khi bùng phát COVID-19 theo Thông báo nhập khẩu ban hành vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Có ba nhóm sản phẩm bị cấm nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ:

- Một số chất thải được quy định bởi "Quy định về Kiểm tra và An toàn Sản phẩm 2020/3".
- Một số hóa chất được quy định bởi "Quy định về Kiểm tra và An toàn Sản phẩm 2020/6".
- Phế liệu kim loại được điều chỉnh bởi “Quy định về Kiểm tra và An toàn Sản phẩm 2020/23”.

Trong trường hợp có thể nhập khẩu những mặt hàng này, nhà nhập khẩu chỉ có thể là một tổ chức công nghiệp có ý định sử dụng những nguyên liệu này trong quá trình sản xuất của mình. Đơn vị nhập khẩu phải có giấy phép của Bộ Thương mại. Đối với các sản phẩm không thuộc các nhóm trên, không có giới hạn trong bán hàng.

Nhập khẩu một số sản phẩm khác không bị cấm, nhưng bị hạn chế, nếu chúng không đáp ứng các yêu cầu đặt ra để bảo vệ con người, động vật và môi trường. Ví dụ, nhập khẩu các thiết bị điện tử không bị cấm; tuy nhiên, nếu các thiết bị này không tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật do Viện tiêu chuẩn Thổ Nhĩ Kỳ (<https://en.tse.org.tr/>) thiết lập, chúng có thể không được nhập khẩu. Tương tự, các sản phẩm thực phẩm không phù hợp với các yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp cũng không được nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ.

Ngoài ra còn có một nhóm sản phẩm khác, bao gồm kim loại quý chưa qua chế biến, tẩy rửa kim loại, xăng dầu ... do tính chất của chúng chỉ được nhập khẩu bởi một số tổ chức và cá nhân được chỉ định.

Quy định hải quan

Các quy định hải quan của Thổ Nhĩ Kỳ do Bộ Thương mại (<https://www.trade.gov.tr/>) điều chỉnh. Luật hải quan liên quan đến 8 chế độ hải quan có hiệu lực và các quy định liên quan:

- Vào cửa lưu hành tự do.
- Chế độ quá cảnh.
- Chế độ hải quan và kho.
- Chế độ gia công nội địa.
- Chế biến dưới sự kiểm soát của hải quan.
- Nhập khẩu tạm thời.
- Gia công bên ngoài.
- Chế độ xuất khẩu.

Mỗi chế độ được liệt kê ở trên có một bộ quy tắc riêng và các thủ tục liên quan.

Thổ Nhĩ Kỳ là một bên của Liên minh thuế quan với EU và có nghĩa vụ điều chỉnh luật của mình phù hợp với các quy định của EU trong các lĩnh vực chính sách cạnh tranh, sở hữu trí tuệ và thương mại chung cũng như tự do di chuyển hàng hóa trong khu vực. Liên minh thuế quan Thổ Nhĩ Kỳ-EU chỉ bao gồm các sản phẩm công nghiệp và nông sản chế biến. Một số quyết định của hội đồng hiệp hội được áp dụng đối với các sản phẩm nông nghiệp và đối với các sản phẩm than và thép, một hiệp định ưu đãi

được áp dụng Hiệp định của Liên minh thuế quan không chỉ bao gồm việc bãi bỏ thuế hải quan và tất cả các biện pháp khác có hiệu lực tương đương và việc áp dụng Biểu thuế hải quan chung của Cộng đồng mà còn quy định việc bãi bỏ tất cả các cơ chế gây méo mó dẫn đến lợi thế không công bằng so với cơ chế khác.

Tiêu chuẩn thương mại

Các sản phẩm được kiểm tra và chứng nhận tại quốc gia khác theo các quy định và tiêu chuẩn của quốc gia đó có thể phải được thử nghiệm lại và chứng nhận lại theo các yêu cầu của Thổ Nhĩ Kỳ. Do thỏa thuận của Liên minh thuế quan của Thổ Nhĩ Kỳ với EU và nỗ lực thích ứng với tất cả các quy định của EU, cách tiếp cận để bảo vệ sức khỏe và an toàn của người tiêu dùng và môi trường có phần khác nhau.

Nhãn CE được lập ra bởi EU để đảm bảo lưu hành tự do các sản phẩm ở Châu Âu. Các chỉ thị có hiệu lực được thiết lập để đảm bảo sức khỏe, an toàn, người tiêu dùng và bảo vệ môi trường. Các phụ lục của các chỉ thị khác nhau của EU nêu rõ các mức độ rủi ro và các loại sản phẩm phải được cơ quan được thông báo hoặc nhà sản xuất chứng nhận là phù hợp với (các) chỉ thị cụ thể. Luật và quy định của Liên minh Châu Âu bắt buộc phải tuân thủ các chỉ thị khi hàng hóa được bán trong lãnh thổ của Liên minh Châu Âu và Khu vực Kinh tế Châu Âu (EEA). Các công ty phải thể hiện bằng chứng về sự tuân thủ của sản phẩm bằng cách duy trì hoặc trình bày một hồ sơ kỹ thuật bao gồm các thông số kỹ thuật của sản phẩm, bản vẽ kỹ thuật và các tiêu chuẩn được áp dụng theo các chỉ thị thích hợp và các phụ lục tương ứng. Về giám sát sau thị trường, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm kiểm tra an toàn sản phẩm tùy thuộc vào loại sản phẩm được đề cập.

Cả các công ty nước ngoài và các quan chức Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đều thừa nhận rằng các sản phẩm có xuất xứ từ EU mang nhãn hiệu CE, bất kể điểm xuất xứ, đều không bị kiểm tra. Trong một số trường hợp, các sản phẩm của nước ngoài, mặc dù có nhãn CE, đã phải trải qua các thử nghiệm bổ sung. Trong một số trường hợp nhất định, các bộ phận và thành phần của thiết bị cuối cùng, theo quy định của EU, sẽ không được đánh dấu CE, được giữ tại Hải quan sau khi Viện Tiêu chuẩn Thổ Nhĩ Kỳ (TSE) kiểm tra do thiếu dấu CE. Các nhà sản xuất đã được yêu cầu chứng minh sự tuân thủ với các tiêu chuẩn liên quan hoặc cung cấp bằng chứng kỹ thuật rằng họ sẽ không thuộc các Chỉ thị Tiếp cận Mới có liên quan. TSE đã lập luận rằng chính sách này là

cần thiết vì Thổ Nhĩ Kỳ không có hệ thống giám sát sau thị trường để đảm bảo bảo vệ người tiêu dùng.

Tiêu chuẩn

TSE, cơ quan được ủy quyền duy nhất về tiêu chuẩn hóa ở Thổ Nhĩ Kỳ, là một tổ chức công được thành lập vào năm 1960. Để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, tất cả các đơn vị TSE được cấu trúc theo cách đảm bảo sự độc lập về tài chính và hành chính.

TSE là một thành viên tích cực của cộng đồng tiêu chuẩn hóa thế giới; với tư cách thành viên đầy đủ trong Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) và Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế (IEC) từ năm 1956, trong Viện Tiêu chuẩn và Đo lường cho các Quốc gia Hồi giáo (SMIIC) từ năm 2010, trong Ủy ban Tiêu chuẩn hóa Châu Âu (CEN), và trong Ủy ban Châu Âu về Tiêu chuẩn Kỹ thuật Điện (CENELEC) từ năm 2012.

TSE cung cấp các tiêu chuẩn nhằm cho phép các công ty sản xuất hàng hóa và cung cấp dịch vụ tuân thủ các quy tắc, luật, quy tắc và tiêu chuẩn áp dụng trên thị trường toàn cầu. Là một cơ quan được thông báo, TSE cho phép khách hàng tiếp cận thị trường Châu Âu và Vùng Vịnh bằng cách đảm bảo sản phẩm của họ đáp ứng tất cả các yêu cầu về nhãn hiệu CE theo chỉ thị/quy định của EU và tất cả các yêu cầu về nhãn hiệu G theo quy định của GSO. Các dịch vụ kiểm tra và giám sát, thử nghiệm, chứng nhận, hiệu chuẩn, đánh dấu CE và tiêu chuẩn là một trong những dịch vụ do TSE cung cấp.

Thử nghiệm, Kiểm tra và Chứng nhận

Đánh giá sự phù hợp là một bước bắt buộc đối với nhà sản xuất để tuân thủ luật cụ thể của Liên minh Châu Âu. Mục đích của đánh giá sự phù hợp là để đảm bảo sự tuân thủ nhất quán trong tất cả các giai đoạn, từ thiết kế đến sản xuất và tạo điều kiện chấp nhận sản phẩm cuối cùng. Các sản phẩm đáp ứng định nghĩa trong chỉ thị mà Thổ Nhĩ Kỳ thực hiện đối với một sản phẩm phù hợp với quy định kỹ thuật của EU phải có bằng chứng về việc đáp ứng các yêu cầu thông qua thử nghiệm trong phòng thí nghiệm đã được xác minh do cơ quan được EU phê duyệt hoặc do nhà sản xuất tự công bố (nếu chỉ thị có quy định). Các công ty bán hàng vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ phải gửi bằng chứng về sự phù hợp (Nhãn CE) bằng cách cung cấp chứng chỉ hợp quy có công chứng từ một cơ quan được thông báo hoặc chứng chỉ phù hợp do nhà sản

xuất cấp, chứng chỉ này tuyên bố tuân thủ tất cả các chỉ thị liên quan. Các cơ quan đánh giá sự phù hợp ở Thổ Nhĩ Kỳ có thể được tìm thấy tại đây:

https://ec.europa.eu/growth/tools-databases/nando/index.cfm?fuseaction=country.notifiedbody&country_id=792

Ngoài ra, trong phạm vi của Thông báo về việc kiểm tra nhập khẩu đối với một số sản phẩm nhất định phải có nhãn CE (số 2017/9), TSE là cơ quan có liên quan để kiểm tra nhập khẩu. Trong khuôn khổ này, việc kiểm tra các sản phẩm thuộc một số thông báo nhất định được thực hiện bằng phương thức điện tử thông qua Hệ thống Kiểm soát Dựa trên Rủi ro trong Ngoại thương, còn được gọi là “TAREKS”. Hệ thống giám sát điện tử này cho phép chia sẻ thông tin tức thì về kết quả kiểm tra và theo dõi các sản phẩm/nhà sản xuất không đáp ứng các ngưỡng an toàn bắt buộc.

Đối với các sản phẩm nằm ngoài phạm vi của các chỉ thị của EU và khi Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã thiết lập một chỉ thị hoặc tiêu chuẩn, thì tiêu chuẩn hoặc chỉ thị hiện tại sẽ được áp dụng. Tại thời điểm này, chứng nhận tuân thủ các tiêu chuẩn TSE sẽ được yêu cầu.

TSE cấp một thư phù hợp khi “Tuyên bố phù hợp” được nộp trước khi nhập khẩu. Tuy nhiên, TSE vẫn có thể yêu cầu hồ sơ kỹ thuật và kiểm tra các sản phẩm, nếu được yêu cầu, để xác nhận rằng các chứng chỉ và/hoặc nhãn hiệu (Nhãn CE) đã được cấp phù hợp với các quy định tương đối.

Công bố Quy chuẩn kỹ thuật

“Nghị định về Chế độ Quy chuẩn Kỹ thuật và Tiêu chuẩn hóa Ngoại thương” phù hợp với các yêu cầu quy định trong Hiệp định về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại của WTO. Nó nghiêm cấm sự phân biệt đối xử giữa các đối tác thương mại và đảm bảo rằng các sản phẩm nhập khẩu tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ sức khỏe và an toàn con người, đời sống hoặc sức khỏe động vật hoặc thực vật, hoặc môi trường. Chế độ này đã được sửa đổi thường xuyên kể từ năm 2004 để hài hòa với luật kỹ thuật của EU.

TSE xuất bản tất cả các tiêu chuẩn và chỉ thị trên Công báo hàng ngày. Tài liệu Công báo có trên mạng: <https://www.resmigazete.gov.tr/>.

Thông tin liên lạc

Các Thành viên WTO được yêu cầu theo Hiệp định về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại (Hiệp định TBT) phải thông báo cho WTO các quy định kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp có thể ảnh hưởng đến thương mại.

- Tổ chức tiêu chuẩn Thổ Nhĩ Kỳ (Turk Standartlari Enstitusu)

Necatibey Caddesi 112

Standart Hazirlama Baskanligi

06100 Bakanliklar

Ankara, Thổ Nhĩ Kỳ

ĐT: + 90-312-416-6200

Số fax: + 90-312-416-6611

<https://en.tse.org.tr>.

- Bộ Thương mại

Sogutozu Mh. Năm 2176. Sk. Không: 63

06530 Cankaya

Ankara, Thổ Nhĩ Kỳ

Điện thoại: + 90-312-204-7500

Tổng đài: + 90-312-444-8482

<https://www.trade.gov.tr>.

Các hiệp định thương mại

Thổ Nhĩ Kỳ, với tư cách là một bên của Hiệp định chung WTO về Thuế quan và Thương mại (GATT), tiến hành các Hiệp định Thương mại Tự do phù hợp với Điều XXIV của GATT 1947. Theo Điều này, Thổ Nhĩ Kỳ có thể dành sự đối xử thuận lợi cho các đối tác thương mại của mình trong một liên minh thuế quan hoặc một khu vực thương mại tự do mà không mở rộng đối xử như vậy đối với tất cả các Thành viên WTO, với những điều kiện nhất định.

Không ảnh hưởng đến các quy định của WTO, Liên minh thuế quan Thổ Nhĩ Kỳ-EU là cơ sở pháp lý chính của các hiệp định thương mại tự do (FTA) của Thổ Nhĩ Kỳ.

Theo Liên minh thuế quan, Thổ Nhĩ Kỳ điều chỉnh chính sách thương mại của mình với Chính sách thương mại chung của EU. Sự liên kết này liên quan đến cả các chế độ tự trị và các thỏa thuận ưu đãi với các nước thứ ba. Thổ Nhĩ Kỳ đàm phán và ký kết các hiệp định thương mại tự do với các nước thứ ba song song với EU. Cùng với Biểu thuế hải quan chung của EU, các chế độ ưu đãi thương mại là bộ phận quan trọng nhất của chính sách thương mại áp dụng đối với các nước thứ ba.

Thổ Nhĩ Kỳ đã ký kết các FTA với 36 quốc gia; tuy nhiên, 11 đã bị bãi bỏ khi họ gia nhập EU. 20 FTA còn lại có hiệu lực với EFTA, Israel, Macedonia, Bosnia-Herzegovina, Palestine, Tunisia, Kosovo, Morocco, Ai Cập, Albania, Georgia, Montenegro, Serbia, Chile, Mauritius, Hàn Quốc, Malaysia, Moldova, Quần đảo Faroe, Singapore và Kosovo. Các FTA bổ sung đã ký với Lebanon, Sudan, Qatar, Ghana và Venezuela vẫn chưa được phê chuẩn. Thổ Nhĩ Kỳ cũng đã cập nhật và làm sâu sắc thêm phạm vi các FTA hiện có của mình với EFTA, Serbia, Bosnia và Herzegovina và Montenegro. Các cuộc đàm phán để làm điều tương tự với Gruzia và Malaysia đang diễn ra.

Cuối cùng, Thổ Nhĩ Kỳ và Vương quốc Anh đã thành lập Nhóm công tác sau khi nước này rút khỏi EU để duy trì cấu trúc tiếp cận thị trường song phương hiện tại trong ngắn hạn và thiết lập một FTA sâu sắc và toàn diện trong trung và dài hạn.

Liên minh thuế quan Thổ Nhĩ Kỳ-EU đã loại bỏ thuế hải quan, hạn chế định lượng và các biện pháp có tác dụng tương đương trong thương mại hàng hóa công nghiệp để đảm bảo hàng hóa tự do di chuyển. Theo kết quả của Liên minh thuế quan, Thổ Nhĩ Kỳ đã mở cửa thị trường nội địa của mình cho EU và các nước thứ ba cạnh tranh, đồng thời đảm bảo cho các nhà xuất khẩu của mình tiếp cận tự do vào thị trường EU. Ngoài ra, Thổ Nhĩ Kỳ đã cam kết tuân thủ các chế độ ưu đãi mà EU áp dụng cho các nước thứ ba và hài hòa hóa luật pháp của mình với các quy định của EU trong nhiều lĩnh vực, bao gồm tiêu chuẩn và luật kỹ thuật, cũng như các chính sách cạnh tranh. Tuy nhiên, thương mại nông sản được quản lý trong khuôn khổ hệ thống ưu đãi giữa các Bên; trong khi thương mại các sản phẩm sắt thép chịu sự điều chỉnh của Hiệp định Thương mại Tự do giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Cộng đồng Than và Thép Châu Âu.

Trong khi các cuộc đàm phán để cập nhật Liên minh thuế quan đã được khởi động cách đây vài năm, các cuộc đàm phán đang bị đình trệ do căng thẳng chính trị đang diễn ra.

Yêu cầu cấp phép cho các dịch vụ chuyên nghiệp

Không có yêu cầu cấp phép cụ thể nào để thành lập một công ty dịch vụ chuyên nghiệp ở Thổ Nhĩ Kỳ. Điều kiện tiêu chuẩn để thành lập công ty là đăng ký tại Phòng đăng ký thương mại, được cơ quan công chứng chứng nhận sổ sách pháp lý và có mã số thuế. Để mở một công ty dịch vụ pháp lý, một người cần phải có bằng luật sư và là thành viên của Đoàn luật sư.

Để biết thêm thông tin về việc thành lập doanh nghiệp tại Thổ Nhĩ Kỳ, vui lòng truy cập:

<https://www.invest.gov.tr/en/InvestmentGuide/Pages/establishing-a-business.aspx>.

Chương 7: Môi trường đầu tư

Thổ Nhĩ Kỳ đã trải qua tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ nhờ nhiều cải cách tích cực về kinh tế và ngân hàng mà nước này thực hiện từ năm 2002 đến năm 2007. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu 2008-2009, Thổ Nhĩ Kỳ tiếp tục thu hút đầu tư đáng kể như một thị trường mới nổi tương đối ổn định với lộ trình cải cách đầy hứa hẹn và một hệ thống ngân hàng mạnh mẽ. Thổ Nhĩ Kỳ đã chứng kiến sự tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trong 9 năm từ năm 2011 đến năm 2018. Tuy nhiên, trong vài năm qua, các cải cách kinh tế và dân chủ đã bị đình trệ và một số biện pháp, đã thụt lùi. Tăng trưởng GDP là 2,6% trong năm 2018 do nền kinh tế bước vào giai đoạn suy thoái trong nửa cuối năm. Bị thách thức bởi cuộc khủng hoảng tiền tệ, đặc biệt là trong nửa đầu năm 2019, nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ chỉ tăng trưởng 0,9% trong năm 2019. Trong khi Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ ban đầu dự kiến tăng trưởng GDP 5,0% vào năm 2020, đại dịch COVID-19 đã làm chậm lại đáng kể hoạt động kinh tế và phần lớn các nhà kinh tế dự đoán tỷ lệ tăng trưởng là âm hoặc gần bằng 0 trong năm. Vào tháng 4 năm 2020, Ngân hàng Thế giới đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế của Thổ Nhĩ Kỳ xuống 0,5% cho năm 2020, trong khi IMF dự đoán mức giảm 5%.

Việc hoạch định chính sách kinh tế của chính phủ vẫn không rõ ràng, thất thường và bị chính trị hóa, góp phần làm giảm giá trị của đồng lira. Lạm phát đạt hơn 11% và tỷ lệ thất nghiệp trên 13% vào cuối năm 2019. Cuộc khủng hoảng COVID-19 có thể sẽ làm giảm lạm phát do nhu cầu giảm, nhưng sẽ gây áp lực tăng lên đối với số thất nghiệp.

Chính phủ thúc đẩy yêu cầu sản xuất và địa phương hóa dữ liệu trong nhiều lĩnh vực và việc áp dụng thuế dịch vụ kỹ thuật số gần đây đã tác động tiêu cực đến đầu tư nước ngoài vào quốc gia này. Các vấn đề khác của nhập khẩu bao gồm cải cách thuế và sự độc lập ngày càng giảm của cơ quan tư pháp và Ngân hàng Trung ương. Thổ Nhĩ Kỳ tiếp nhận 3,7 triệu người tị nạn Syria, điều này tạo thêm gánh nặng kinh tế cho đất nước khi chính phủ cung cấp cho họ các dịch vụ như giáo dục và chăm sóc sức khỏe.

Các luật gần đây nhắm vào lĩnh vực Công nghệ Thông tin và Truyền thông (ICT) đã tăng cường các quy định về dữ liệu, phát sóng trực tuyến, thu thuế và các nền tảng thanh toán. Đặc biệt, ICT và các công ty khác báo cáo áp lực của GOT trong việc bản địa hóa dữ liệu, điều mà nó coi là tiền thân của việc GOT tiếp cận thông tin người dùng và mã nguồn nhiều hơn. Luật # 6493 về Hệ thống Thanh toán và Bảo mật, Dịch

vụ Thanh toán và Tổ chức tiền điện tử, cũng yêu cầu các tổ chức tài chính thiết lập máy chủ ở Thổ Nhĩ Kỳ để bản địa hóa dữ liệu. Cơ quan Giám sát và Quy định Ngân hàng Thổ Nhĩ Kỳ (BDDK) là cơ quan cấp giấy phép kinh doanh miễn là các công ty 1) bản địa hóa hệ thống CNTT của họ ở Thổ Nhĩ Kỳ và 2) giữ dữ liệu gốc, không phải bản sao, ở Thổ Nhĩ Kỳ. Các quy định về bản địa hóa dữ liệu, nội dung internet và thuế/cấp phép đã dẫn đến việc một số công ty công nghệ của Hoa Kỳ rời khỏi thị trường Thổ Nhĩ Kỳ và khiến các công ty có khả năng khác tham gia vào lĩnh vực thương mại điện tử và thanh toán điện tử phải cân nhắc đầu tư. Luật có thể ảnh hưởng đến tất cả các công ty thu thập dữ liệu người dùng riêng tư, chẳng hạn như thông tin thanh toán được cung cấp trực tuyến cho một giao dịch mua của người tiêu dùng.

Thổ Nhĩ Kỳ đã chuyển đổi từ chế độ nghị viện sang chế độ tổng thống vào tháng 7 năm 2018, sau cuộc trưng cầu dân ý vào năm 2017 và cuộc bầu cử tổng thống vào tháng 6 năm 2018. Sự mờ nhạt trong việc ra quyết định của chính phủ, sự thiếu độc lập của ngân hàng trung ương và lo ngại về cam kết của chính phủ đối với quy tắc của luật pháp, kết hợp với mức nợ cao bằng ngoại hối do các ngân hàng và doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ nắm giữ, đã dẫn đến mức đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở mức thấp trong lịch sử.

Các biện pháp bảo hộ gia tăng làm tăng thêm thách thức khi đầu tư vào Thổ Nhĩ Kỳ, vốn đã chứng kiến dòng vốn đầu tư từ thế giới trong năm 2018-2019 lần lượt giảm 21% và 17%. Mặc dù vẫn có triển vọng tăng trưởng tích cực và một số công ty thành lập đã tăng cường đầu tư, nhưng các dự báo trong ngắn hạn cho thấy đầu tư nước ngoài sẽ tiếp tục chậm lại.

Các khía cạnh tích cực nhất trong môi trường đầu tư của Thổ Nhĩ Kỳ là nhân khẩu học thuận lợi và vị trí địa lý đặc địa, giúp tiếp cận nhiều thị trường trong khu vực. Thổ Nhĩ Kỳ là một hòn đảo tương đối ổn định trong một khu vực đầy biến động, khiến nó trở thành một trung tâm phổ biến cho các hoạt động trong khu vực. Thổ Nhĩ Kỳ có một lực lượng lao động tương đối có trình độ học vấn, cơ sở hạ tầng phát triển tốt và nền kinh tế dựa vào tiêu dùng.

Trong vài năm qua, chính phủ ngày càng có nhiều chỉ trích, tịch thu hơn 1.100 công ty trị giá hơn 11 tỷ USD và thanh trừng hơn 130.000 công chức, thường xuyên bị cáo buộc liên quan đến khủng bố mang tên Fethullah Gulen, người mà chính phủ Thổ Nhĩ

Kỳ cáo buộc là đảng sau âm mưu đảo chính năm 2016. Trọng tâm chính trị về việc chuyển đổi sang chế độ tổng thống, các hoạt động quân sự xuyên biên giới ở Syria, tình hình kinh tế ngày càng tồi tệ và những câu hỏi dai dẳng về mối quan hệ giữa Hoa Kỳ và Thổ Nhĩ Kỳ cũng như mối quan hệ của Thổ Nhĩ Kỳ với Liên minh châu Âu (EU), tất cả đều có thể ảnh hưởng tiêu cực đến niềm tin và đầu tư của người tiêu dùng trong tương lai.

Tiêu chí	Năm	Chỉ số/ Xếp hạng	Địa chỉ tham khảo
Chỉ số nhận thức tham nhũng (TI)	2019	91/180	https://www.transparency.org/cpi2019
Thuận lợi trong kinh doanh theo Báo cáo Kinh doanh của Ngân hàng thế giới	2019	33/190	http://www.doingbusiness.org/en/rankings
Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu	2019	49/129	https://www.globalinnovationindex.org/analysis-indicator
Thu nhập bình quân đầu người (USD) (World Bank)	2020	9.050	https://databank.worldbank.org/view/s/reports/reportwidget.aspx?Report_Name=CountryProfile&Id=b450fd57&tbar=y&dd=y&inf=n&zm=n&country=TUR

Mở cửa và những hạn chế đối với đầu tư nước ngoài

□ Các chính sách đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thổ Nhĩ Kỳ thừa nhận rằng họ cần thu hút đáng kể vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) mới để đáp ứng các mục tiêu phát triển đầy tham vọng của mình. Do đó, Thổ Nhĩ Kỳ có một trong những chế độ pháp lý tự do nhất đối với FDI trong số các thành viên của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). Theo số liệu cán cân thanh toán của Ngân hàng Trung ương Thổ Nhĩ Kỳ, Thổ Nhĩ Kỳ đã thu hút tổng cộng 5,6 tỷ USD vốn FDI trong năm 2019, giảm gần 1 tỷ USD so với mức 6,7 tỷ USD trong năm 2018. Đây là con số FDI thấp nhất của Thổ Nhĩ Kỳ trong 15 năm qua. Để thu hút thêm vốn FDI, Thổ Nhĩ Kỳ cần cải thiện việc thực thi các quy tắc thương mại quốc tế, đảm bảo tính minh bạch và thực thi kịp thời các phán quyết của tòa án, tăng cường tham gia

với các nhà đầu tư nước ngoài về các vấn đề chính sách và theo đuổi các chính sách thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ, bền vững và cân bằng. Nó cũng cần thực hiện các biện pháp chính trị khác để tăng tính ổn định và khả năng dự đoán cho các nhà đầu tư. Một khu vực ngân hàng ổn định, kiểm soát tài khóa chặt chẽ, nỗ lực giảm quy mô của nền kinh tế phi chính thức, tăng tính linh hoạt của thị trường lao động, cải thiện kỹ năng lao động và tiếp tục tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước, nếu được theo đuổi, sẽ có tiềm năng cải thiện môi trường đầu tư ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Hầu hết các lĩnh vực mở cửa cho đầu tư tư nhân của Thổ Nhĩ Kỳ cũng mở cửa cho sự tham gia và đầu tư của nước ngoài. Tất cả các nhà đầu tư, bất kể quốc tịch, đều phải đối mặt với những thách thức tương tự: bộ máy quan liêu quá mức, hệ thống tư pháp chậm chạp, thuế áp dụng tương đối cao và không nhất quán, và những thay đổi thường xuyên trong môi trường pháp lý và quy định. Những cải cách cơ cấu nhằm tạo ra một môi trường đầu tư và kinh doanh minh bạch, bình đẳng, công bằng và hiện đại hơn vẫn còn bị đình trệ. Đầu tư mạo hiểm và đầu tư thiên thần vẫn còn tương đối mới ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Thổ Nhĩ Kỳ không sàng lọc, xem xét hoặc phê duyệt cụ thể FDI. Tuy nhiên, chính phủ đã thành lập các cơ quan quản lý và giám sát để điều chỉnh các loại thị trường khác nhau. Các cơ quan quản lý quan trọng ở Thổ Nhĩ Kỳ bao gồm Cơ quan Cạnh tranh; Cơ quan quản lý thị trường năng lượng; Cơ quan quản lý và giám sát ngân hàng; Cơ quan Công nghệ Thông tin và Truyền thông; Ban quản lý thị trường thuốc lá, sản phẩm thuốc lá và đồ uống có cồn; Quản lý Tư nhân hóa; Cơ quan quản lý mua sắm công; Hội đồng tối cao phát thanh và truyền hình; và Cơ quan Giám sát Công chúng, Cơ quan Tiêu chuẩn Kế toán và Kiểm toán. Một số cơ quan chức năng đã đề cập ở trên sàng lọc khi cần thiết mà không phân biệt đối xử, chủ yếu để kiểm tra thuế. Các cơ chế sàng lọc được thực hiện để duy trì cạnh tranh bình đẳng và vì các lợi ích kinh tế khác. Nếu một khoản đầu tư không được xem xét lại, các kết quả xảy ra có thể thay đổi từ thông báo đến biện pháp khắc phục, cho phép một khoảng thời gian cụ thể để khắc phục vấn đề, cho đến phạt. Hệ thống tư pháp Thổ Nhĩ Kỳ cho phép kháng nghị bất kỳ quyết định hành chính nào, bao gồm cả các tòa án thuế giải quyết các tranh chấp về thuế.

Các giới hạn đối với quyền kiểm soát của nước ngoài, quyền sở hữu tư nhân và thành lập doanh nghiệp

Không có giới hạn chung nào về quyền sở hữu hoặc quyền kiểm soát của người nước ngoài. Tuy nhiên, trong một số lĩnh vực, áp lực ngày càng tăng đối với các nhà đầu tư nước ngoài trong việc hợp tác với các công ty trong nước và chuyển giao công nghệ, và một số rào cản phân biệt đối xử đối với các công ty nước ngoài, trên cơ sở “các hành vi chống cạnh tranh”, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) hoặc dược phẩm. Trong nhiều lĩnh vực, môi trường pháp lý của Thổ Nhĩ Kỳ thân thiện với doanh nghiệp. Các nhà đầu tư có thể thành lập doanh nghiệp tại Thổ Nhĩ Kỳ không phân biệt quốc tịch hay nơi cư trú. Không có hạn chế theo lĩnh vực cụ thể nào phân biệt đối xử chống lại sự tiếp cận của nhà đầu tư nước ngoài, vốn bị cấm theo Quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

□ **Các đánh giá chính sách đầu tư khác**

OECD đã công bố Đánh giá hoạt động môi trường cho Thổ Nhĩ Kỳ vào tháng 2 năm 2019, lưu ý rằng quốc gia này là quốc gia phát triển nhanh nhất trong số các thành viên OECD. Việc xem xét chính sách đầu tư gần đây nhất của Thổ Nhĩ Kỳ thông qua Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) được thực hiện vào tháng 3 năm 2016. Thổ Nhĩ Kỳ đã hợp tác với Ngân hàng Thế giới để đưa ra một số báo cáo về môi trường đầu tư chung có thể tìm thấy tại: <http://www.worldbank.org/en/country/turkey/research>.

□ **Tạo điều kiện kinh doanh**

Văn phòng Đầu tư của Tổng thống Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ là tổ chức chính thức thúc đẩy các cơ hội đầu tư của Thổ Nhĩ Kỳ tới cộng đồng doanh nghiệp toàn cầu và hỗ trợ các nhà đầu tư trước, trong và sau khi họ gia nhập thị trường Thổ Nhĩ Kỳ. Trang web của nó rõ ràng và dễ sử dụng, với thông tin về luật pháp và thành lập công ty.

<http://www.invest.gov.tr/en-US/investmentguide/investorguide/Pages/EstablishingABusinessInTR.aspx>).

Trang web cũng là nơi người nước ngoài có thể đăng ký kinh doanh.

Điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài thành lập doanh nghiệp và chuyển nhượng cổ phần thực hiện như đối với nhà đầu tư trong nước. Các nhà đầu tư quốc tế có thể thành lập bất kỳ hình thức công ty nào được quy định trong Bộ luật Thương mại Thổ Nhĩ Kỳ (TCC), cung cấp cách tiếp cận quản trị công ty đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, thúc đẩy cổ phần tư nhân và các hoạt động chào bán ra công chúng, tạo ra sự minh bạch

trong quản lý hoạt động và điều chỉnh môi trường kinh doanh Thổ Nhĩ Kỳ với luật pháp của EU cũng như với quá trình gia nhập EU.

Thổ Nhĩ Kỳ định nghĩa doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa theo Quyết định số 2018/11828 của Công báo ngày 02 tháng 6 năm 2018:

- Doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ: ít hơn 10 nhân viên và ít hơn hoặc bằng 3 triệu lira Thổ Nhĩ Kỳ trong doanh thu ròng hàng năm hoặc báo cáo tài chính.
- Doanh nghiệp quy mô nhỏ: ít hơn 50 nhân viên và ít hơn hoặc bằng 25 triệu lira Thổ Nhĩ Kỳ trong doanh thu ròng hàng năm hoặc báo cáo tài chính.
- Doanh nghiệp quy mô vừa: ít hơn 250 nhân viên và nhỏ hơn hoặc bằng 125 triệu lira Thổ Nhĩ Kỳ trong doanh thu ròng hàng năm hoặc báo cáo tài chính.

Đầu tư ra nước ngoài

Chính phủ thúc đẩy đầu tư ra nước ngoài thông qua các cơ quan xúc tiến đầu tư và các nền tảng khác. Không hạn chế các nhà đầu tư trong nước đầu tư ra nước ngoài.

Các Hiệp ước Thuế quan và Hiệp định đầu tư song phương

Kể từ năm 1962, Thổ Nhĩ Kỳ đã đàm phán và ký kết các thỏa thuận để thúc đẩy lợi ích song phương và bảo vệ các khoản đầu tư. Tính đến năm 2019, Thổ Nhĩ Kỳ có 76 thỏa thuận đầu tư song phương có hiệu lực với: Afghanistan, Albania, Argentina, Áo, Australia, Azerbaijan, Bangladesh, Belarus, Bỉ, Bosnia và Herzegovina, Bulgaria, Trung Quốc, Croatia, Cuba, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Ai Cập, Estonia, Ethiopia, Phần Lan, Pháp, Georgia, Đức, Hy Lạp, Hungary, Ấn Độ, Indonesia, Iran, Israel, Ý, Nhật Bản, Jordan, Kazakhstan, Kuwait, Kyrgyzstan, Latvia, Lebanon, Libya, Lithuania, Luxembourg, Macedonia, Malaysia, Malta, Moldova, Mông Cổ, Maroc, Hà Lan, Oman, Ả Rập Xê Út, Pakistan, Philippines, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Qatar, Romania, Liên bang Nga, Serbia, Senegal, Singapore, Slovakia, Slovenia, Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Syria, Tajikistan, Thái Lan, Tunisia, Turkmenistan, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Vương quốc Anh, Hoa Kỳ, Ukraine, Uzbekistan và Yemen.

Chế độ pháp lý

- Tính minh bạch của hệ thống quy định**

Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ (GOT) đã thông qua các chính sách và luật, về nguyên tắc, phải thúc đẩy cạnh tranh và minh bạch. GOT cung cấp các báo cáo chi tiêu ngân sách của mình trực tuyến. Bản sao của các dự thảo luật thường được cung cấp cho công chúng bằng cách đăng chúng lên các trang web của bộ liên quan, Quốc hội hoặc Công báo. Tuy nhiên, các công ty nước ngoài trong một số lĩnh vực tuyên bố rằng các quy định được áp dụng một cách không công khai. Đặc biệt, các quyết định đấu thầu công khai và cập nhật quy định có thể không rõ ràng và có định hướng chính trị.

Các thủ tục kế toán, pháp lý và quy định dường như nhất quán với các chuẩn mực quốc tế, bao gồm các tiêu chuẩn do Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS), EU và OECD đưa ra. Các công ty giao dịch đại chúng tuân thủ các chuẩn mực kế toán quốc tế và được kiểm toán bởi các công ty quốc tế có uy tín.

□ **Cần nhắc các quy định quốc tế**

Thổ Nhĩ Kỳ là một ứng cử viên cho tư cách thành viên EU, tuy nhiên, quá trình gia nhập đã bị đình trệ, với việc mở các chương mới bị tạm dừng. Một số, mặc dù không phải tất cả, các quy định của Thổ Nhĩ Kỳ đã được hài hòa với EU và quốc gia này đã áp dụng nhiều tiêu chuẩn và quy chuẩn quản lý của châu Âu. Thổ Nhĩ Kỳ là một thành viên của WTO, mặc dù nước này không thông báo tất cả các dự thảo quy định kỹ thuật cho Ủy ban WTO về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại (TBT).

□ **Hệ thống pháp luật và sự độc lập về tư pháp**

Hệ thống pháp luật của Thổ Nhĩ Kỳ dựa trên luật dân sự, cung cấp các phương tiện để thực thi các quyền tài sản và hợp đồng, đồng thời có các luật về thương mại và phá sản. Tuy nhiên, hệ thống tòa án của Thổ Nhĩ Kỳ quá tải, đôi khi dẫn đến các quyết định chậm chạp và các thẩm phán không đủ thời gian để xem xét các vấn đề phức tạp. Các phán quyết của các tòa án nước ngoài, trong một số trường hợp nhất định, cần phải được các tòa án địa phương giữ nguyên trước khi chúng được chấp nhận và thi hành. Những phát triển gần đây củng cố hệ thống tư pháp Thổ Nhĩ Kỳ cần tiến hành những cải cách đáng kể để áp dụng các tiêu chuẩn công bằng, dân chủ và không thiên vị. Chính phủ hiện đang thực hiện vòng cải cách tư pháp đầu tiên được thông qua vào năm 2019. Một số nhà phê bình đã quan sát thấy các dấu hiệu cho thấy cơ quan tư pháp vẫn chịu ảnh hưởng, đặc biệt là từ cơ quan hành pháp và phải đối mặt với một số thách thức hạn chế tính độc lập của tư pháp.

□ **Quy định của luật pháp về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)**

Luật đầu tư của Thổ Nhĩ Kỳ rất đơn giản và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, cung cấp đối xử bình đẳng cho tất cả các nhà đầu tư. Bộ luật Thương mại Thổ Nhĩ Kỳ mới số 6102 (“TCC mới”) đã được xuất bản trên Công báo vào ngày 14 tháng 2 năm 2011. Xương sống của luật đầu tư được tạo thành từ Luật khuyến khích đầu tư và việc làm số 5084, Đầu tư trực tiếp nước ngoài Luật số 4875, các điều ước quốc tế và nhiều luật khác nhau cùng các quy định có liên quan về khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực công nghệ. Các quy định liên quan đến sáp nhập và mua lại bao gồm: a) Quy tắc nghĩa vụ của Thổ Nhĩ Kỳ: Điều 202 và Điều 203, b) Bộ luật Thương mại Thổ Nhĩ Kỳ: Điều 134-158, c) Luật Thi hành và Phá sản: Điều 280, d) Luật Thủ tục Thu các khoản phải thu: Điều 30 và e) Luật Cạnh tranh: Điều 7. Trang web chính của chính phủ dành cho các nhà đầu tư là <http://www.invest.gov.tr/en-US/Pages/Home.aspx>

□ **Luật Cạnh tranh và Chống độc quyền**

Cơ quan Cạnh tranh là cơ quan duy nhất về các vấn đề cạnh tranh ở Thổ Nhĩ Kỳ và xử lý các giao dịch của khu vực tư nhân. Các tổ chức công được miễn trừ khỏi thẩm quyền của nó. Tòa án Hiến pháp có thể bỏ qua phán quyết của Cơ quan Cạnh tranh về sự vô tội trong một vụ việc cạnh tranh. Đã có một số trường hợp tòa án Thổ Nhĩ Kỳ ngăn chặn hoạt động của các công ty nước ngoài trên cơ sở các tuyên bố chống cạnh tranh, với một số cuộc điều tra đối với các công ty nước ngoài được khởi xướng. Những trường hợp như vậy có thể mất hơn một năm để giải quyết, trong thời gian đó các công ty có thể bị cấm kinh doanh ở Thổ Nhĩ Kỳ, điều này có lợi cho các đối thủ cạnh tranh (địa phương) của họ.

□ **Tước quyền sở hữu và bồi thường**

Theo Hiệp ước đầu tư song phương giữa Thổ Nhĩ Kỳ và các quốc gia đối tác, việc trưng thu tài sản chỉ có thể xảy ra theo đúng quy trình của pháp luật, chỉ có thể vì mục đích công cộng và không được phân biệt đối xử. Việc bồi thường phải nhanh chóng, đầy đủ và hiệu quả. GOT đôi khi trưng thu tài sản bất động sản tư nhân cho các công trình công cộng hoặc cho các dự án công nghiệp của nhà nước. Cơ quan GOT trưng thu tài sản thương lượng giá mua. Nếu chủ sở hữu tài sản không đồng ý với giá đề xuất, họ có thể phản đối việc trưng thu tại tòa và yêu cầu bồi thường thêm. Mặc dù không có hình thức phân biệt đối xử với các công ty nước ngoài, GOT đã tích cực

nhằm mục tiêu vào các doanh nghiệp, ngân hàng, cơ quan truyền thông và các công ty khai thác và năng lượng có quan hệ bị cáo buộc với cái gọi là “Tổ chức khủng bố Fethullah (FETO)” và/hoặc nỗ lực đảo chính tháng Bảy năm 2016, bao gồm việc tịch thu hơn 1.100 công ty tư nhân trị giá hơn 11 tỷ USD.

Giải quyết tranh chấp

Công ước ICSID và Công ước New York

Thổ Nhĩ Kỳ là thành viên của Trung tâm Quốc tế về Giải quyết Tranh chấp Đầu tư (ICSID) và là một bên ký kết Công ước New York năm 1958 về Công nhận và Thực thi các Phán quyết của Trọng tài nước ngoài. Phán quyết của trọng tài nước ngoài sẽ được thi hành nếu quốc gia xuất phát của phán quyết là một quốc gia thuộc Công ước New York, nếu tranh chấp là thương mại theo luật Thổ Nhĩ Kỳ và miễn là không có căn cứ nào theo Điều V của Công ước New York được chứng minh bởi đối lập.

Giải quyết tranh chấp đầu tư giữa nhà nước và nhà đầu tư

Các nhà đầu tư nước ngoài thường có toàn quyền khởi kiện tại các tòa án địa phương của Thổ Nhĩ Kỳ và khả năng đưa chính phủ trực tiếp ra trọng tài ràng buộc quốc tế nếu vi phạm Hiệp ước đầu tư song phương được ký kết với Thổ Nhĩ Kỳ đã xảy ra.

Tòa án Nước ngoài và Trọng tài Thương mại quốc tế

Thổ Nhĩ Kỳ đã thông qua Luật Trọng tài Quốc tế, dựa trên luật mẫu UNCITRAL, vào năm 2001. Các tòa án địa phương chấp nhận trọng tài quốc tế ràng buộc về các tranh chấp đầu tư giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà nước. Tuy nhiên, trên thực tế, các tòa án Thổ Nhĩ Kỳ đôi khi không duy trì các phán quyết của trọng tài quốc tế liên quan đến các công ty tư nhân và có lợi cho các công ty Thổ Nhĩ Kỳ. Có hai cơ quan trọng tài chính ở Thổ Nhĩ Kỳ: Liên minh các Phòng và Sở giao dịch hàng hóa Thổ Nhĩ Kỳ (www.tobb.org.tr) và Trung tâm Hòa giải và Trọng tài Phòng Thương mại Istanbul (www.itotam.com/en). Hầu hết các tranh chấp thương mại có thể được giải quyết thông qua trọng tài, bao gồm cả các tranh chấp liên quan đến dịch vụ công. Các bên quyết định thủ tục trọng tài, thiết lập các quy tắc trọng tài và lựa chọn ngôn ngữ của thủ tục tố tụng. Trung tâm Trọng tài Istanbul được thành lập vào tháng 10 năm 2015 với tư cách là một tổ chức độc lập, trung lập và công bằng để hòa giải các tranh chấp trong nước và quốc tế thông qua trọng tài nhanh, trọng tài khẩn cấp và chỉ định cho

các thủ tục đột xuất. Các quyết định của nó có giá trị ràng buộc và tuân theo sự thực thi của quốc tế. (www.istac.org.tr/en).

Kể từ tháng 1 năm 2019, một số tranh chấp thương mại có thể được hòa giải bắt buộc; nếu các bên không thể giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, vụ án chuyển sang phiên tòa xét xử.

Quy định phá sản

Thổ Nhĩ Kỳ hình sự hóa phá sản và có luật phá sản dựa trên Bộ luật Thi hành án và Phá sản số 2004 (“EBL”), được công bố trên Công báo vào ngày 19 tháng 6 năm 1932 và được đánh số là 2128. Chỉ số Kinh doanh năm 2019 của Ngân hàng Thế giới đã xếp hạng cho Thổ Nhĩ Kỳ 120 trong số 190 quốc gia để dễ dàng giải quyết tình trạng vỡ nợ. Xem thêm tại: <http://www.doingbusiness.org/data/exploretopics/resolving-insolvency>.

Chính sách công nghiệp

□ Ưu đãi đầu tư

Chương trình ưu đãi khu vực của Thổ Nhĩ Kỳ chia đất nước thành sáu khu vực khác nhau, cung cấp các lợi ích sau cho các nhà đầu tư: giảm thuế doanh nghiệp; miễn thuế hải quan; miễn thuế giá trị gia tăng (GTGT) và hoàn thuế GTGT; hỗ trợ chia sẻ an sinh xã hội của người sử dụng lao động; trợ cấp khấu trừ thuế thu nhập; giao đất; và hỗ trợ lãi suất vay đầu tư. Chương trình được khởi động vào năm 2012; thông tin chi tiết hơn có thể được tìm thấy tại trang web của Văn phòng Đầu tư của Tổng thống Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ: <http://www.invest.gov.tr/en-US/investmentguide/investorsguide/Pages/Incilities.aspx>.

Chương trình khuyến khích ưu tiên cho các lĩnh vực công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, có tính cạnh tranh toàn cầu và bao gồm các chương trình khuyến khích khu vực nhằm giảm chênh lệch kinh tế giữa các khu vực và tăng khả năng cạnh tranh. Hệ thống “phân cấp” khuyến khích đầu tư cung cấp các động lực lớn hơn để đầu tư vào các khu vực kém phát triển hơn của đất nước và được thiết kế để khuyến khích đầu tư với tiềm năng giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu hàng hóa trung gian được coi là quan trọng đối với các lĩnh vực chiến lược của quốc gia. Các mục tiêu chính khác là giảm thâm hụt tài khoản vãng lai và tỷ lệ thất nghiệp, tăng mức độ của các công cụ hỗ trợ, thúc đẩy các hoạt động phân cụm và hỗ trợ đầu tư để thúc đẩy chuyển giao công nghệ. Bản đồ và

giải thích của chương trình có thể được tìm thấy tại: www.invest.gov.tr/en-US/Maps/Pages/InteractiveMap.aspx

Các công ty nước ngoài đủ điều kiện nhận các ưu đãi về nghiên cứu và phát triển (R&D) nếu R&D được tiến hành ở Thổ Nhĩ Kỳ. Tuy nhiên, các nhà đầu tư, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ, nói rằng Thổ Nhĩ Kỳ có một định nghĩa hoàn toàn ngược về R&D mà coi nhẹ các loại hình đầu tư R&D khác (chẳng hạn như vào các công nghệ nền tảng internet). Thổ Nhĩ Kỳ đang tìm cách thúc đẩy tinh thần kinh doanh và các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME). Thông qua Tổ chức Phát triển Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ (KOSGEB), Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ cung cấp nhiều ưu đãi khác nhau cho các ý tưởng sáng tạo và công nghệ tiên tiến, ngoài việc cung cấp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ khả năng tiếp cận nguồn vốn trung và dài hạn dễ dàng hơn. Cũng có một số khu phát triển công nghệ (TDZ) ở Thổ Nhĩ Kỳ, nơi các doanh nhân được hỗ trợ trong việc thương mại hóa các ý tưởng kinh doanh. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ cung cấp hỗ trợ cho TDZ, bao gồm cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất, miễn thu nhập và thuế doanh nghiệp đối với lợi nhuận thu được từ phần mềm và hoạt động R&D, miễn tất cả các loại thuế đối với tiền lương của các nhà nghiên cứu, phần mềm và nhân viên R&D làm việc trong TDZ; VAT, thuế doanh nghiệp miễn trừ cho các lĩnh vực cụ thể về CNTT, và miễn thuế hải quan.

Hội đồng Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Thổ Nhĩ Kỳ (TUBITAK) có các chương trình đặc biệt dành cho các doanh nhân trong lĩnh vực công nghệ và Quỹ Phát triển Công nghệ Thổ Nhĩ Kỳ (TTGV) có các chương trình cung cấp các khoản vay vốn cho các dự án R&D và/hoặc trang trải các chi phí liên quan đến R&D. Các dự án được hưởng các ưu đãi này bao gồm phát triển ý tưởng, nghiên cứu công nghệ, nghiên cứu khả thi kỹ thuật, nghiên cứu trong phòng thí nghiệm để chuyển đổi khái niệm thành thiết kế, nghiên cứu thiết kế và phác thảo, sản xuất nguyên mẫu, xây dựng cơ sở thí điểm, sản xuất thử nghiệm, nghiên cứu bằng sáng chế và giấy phép và các hoạt động liên quan đến bu chính-các vấn đề về quy mô bắt nguồn từ thiết kế sản phẩm. TUBITAK cũng có Chương trình Hỗ trợ Văn phòng Chuyển giao Công nghệ, cung cấp các khoản tài trợ để thành lập Văn phòng Chuyển giao Công nghệ (TTO) tại Thổ Nhĩ Kỳ.

Khu ngoại thương/Cảng tự do/Tạo thuận lợi thương mại

Không có hạn chế nào đối với các công ty nước ngoài hoạt động tại bất kỳ khu vực tự do nào trong số 21 khu vực tự do của Thổ Nhĩ Kỳ. Các khu vực mở cửa cho một loạt các hoạt động, bao gồm sản xuất, lưu trữ, đóng gói, giao dịch, ngân hàng và bảo hiểm. Sản phẩm nước ngoài ra vào khu vực tự do mà không bị áp thuế hoặc hải quan nếu sản phẩm được xuất khẩu sang thị trường nước thứ ba. Thu nhập tạo ra trong các khu được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và thuế giá trị gia tăng, nhưng các doanh nghiệp phải đóng góp an sinh xã hội cho nhân viên của họ. Ngoài ra, các quy định tiêu chuẩn hóa ở Thổ Nhĩ Kỳ không áp dụng cho các hoạt động trong các khu vực tự do, trừ khi các sản phẩm được nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ. Bán hàng cho thị trường nội địa Thổ Nhĩ Kỳ được phép với hàng hóa và doanh thu được vận chuyển từ các khu vực vào Thổ Nhĩ Kỳ tuân theo tất cả các quy định nhập khẩu có liên quan.

Những người nộp thuế có giấy phép hoạt động kể từ ngày 6 tháng 2 năm 2004, không phải trả thu nhập hoặc thuế doanh nghiệp đối với thu nhập của họ trong các vùng tự do trong suốt thời hạn của giấy phép. Thu nhập dựa trên việc bán hàng hóa được sản xuất tại các khu vực tự do được miễn thuế thu nhập và doanh nghiệp cho đến cuối năm mà Thổ Nhĩ Kỳ trở thành thành viên của Liên minh châu Âu. Thu nhập được bảo đảm trong khu vực tự do theo quy định miễn trừ thuế doanh nghiệp và được trả dưới dạng cổ tức cho các cổ đông là người ở Thổ Nhĩ Kỳ, hoặc cho các cổ đông hoặc pháp nhân ở nước ngoài, phải chịu thuế khấu lưu 10%.

Xem trang web của Bộ Thương mại: <https://www.ticaret.gov.tr/serbest-bolgeler>.

Yêu cầu về hiệu suất và nội địa hóa dữ liệu

Chính phủ quy định tỷ lệ việc làm địa phương là năm công dân Thổ Nhĩ Kỳ trên mỗi lao động nước ngoài. Các chương trình này không áp dụng như nhau cho ban giám đốc và ban giám đốc cấp cao, nhưng con số của chúng được đưa vào các tính toán tổng thể về việc làm tại địa phương. Các công ty luật nước ngoài bị cấm làm việc tại Thổ Nhĩ Kỳ ngoại trừ với tư cách là nhà tư vấn; họ không thể trực tiếp đại diện cho khách hàng và phải hợp tác với một công ty luật địa phương. Không có thị thực khó khăn, cư trú, giấy phép lao động hoặc các yêu cầu tương tự ngăn cản sự di chuyển của các nhà đầu tư nước ngoài và nhân viên của họ. Không có điều kiện nào do chính phủ áp đặt về quyền đầu tư.

Các luật gần đây nhằm vào lĩnh vực Công nghệ Thông tin và Truyền thông (ICT) đã tăng cường các quy định về dữ liệu, phát sóng trực tuyến, thu thuế và các nền tảng thanh toán. Đặc biệt, ICT và các công ty khác báo cáo áp lực của GOT trong việc bản địa hóa dữ liệu, điều mà nó coi là tiên thân của việc GOT truy cập nhiều hơn vào thông tin người dùng và mã nguồn. Luật # 6493 về Hệ thống Thanh toán và Bảo mật, Dịch vụ Thanh toán và Tổ chức tiền điện tử, cũng yêu cầu các tổ chức tài chính thiết lập máy chủ ở Thổ Nhĩ Kỳ để bản địa hóa dữ liệu. Cơ quan Giám sát và Quy định Ngân hàng Thổ Nhĩ Kỳ (BDDK) là cơ quan cấp giấy phép kinh doanh miễn là các công ty 1) bản địa hóa hệ thống CNTT của họ ở Thổ Nhĩ Kỳ và 2) giữ dữ liệu gốc, không phải bản sao, ở Thổ Nhĩ Kỳ. Các quy định về bản địa hóa dữ liệu, nội dung internet và thuế/cấp phép đã dẫn đến việc một số công ty công nghệ nước ngoài rời khỏi thị trường Thổ Nhĩ Kỳ, đồng thời khiến những người tham gia vào lĩnh vực thương mại điện tử và thanh toán điện tử bị ảnh hưởng. Các luật này có thể ảnh hưởng đến tất cả các công ty thu thập dữ liệu người dùng riêng tư, chẳng hạn như thông tin thanh toán được cung cấp trực tuyến cho một giao dịch mua của người tiêu dùng.

Thổ Nhĩ Kỳ đã ban hành Luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân vào tháng 4 năm 2016. Luật điều chỉnh tất cả các hoạt động được thực hiện trên dữ liệu cá nhân bao gồm thu thập, ghi lại, lưu trữ và chuyển giao cho bên thứ ba hoặc nước ngoài. Đối với tất cả dữ liệu đã được xử lý trước đó trước khi luật có hiệu lực, có một khoảng thời gian chuyển tiếp hai năm. Sau hai năm, tất cả dữ liệu phải tuân thủ các yêu cầu luật mới, bị xóa hoặc ẩn danh. Tất cả các doanh nghiệp được khuyến khích đánh giá cách họ hiện đang thu thập và lưu trữ dữ liệu để xác định các lỗ hổng và rủi ro liên quan đến các nghĩa vụ pháp lý. Luật đã tạo ra Cơ quan bảo vệ dữ liệu mới, cơ quan này có nhiệm vụ giám sát và thực thi việc sử dụng dữ liệu của các công ty.

Không có yêu cầu về hiệu suất được áp đặt như một điều kiện để thiết lập, duy trì hoặc mở rộng đầu tư ở Thổ Nhĩ Kỳ. Các yêu cầu của GOT đối với việc tiết lộ thông tin độc quyền như một phần của quy trình phê duyệt theo quy định là phù hợp với các thông lệ được quốc tế chấp nhận, mặc dù một số công ty, đặc biệt là trong lĩnh vực dược phẩm, lo lắng về việc bảo vệ dữ liệu trong quá trình xem xét theo quy định. Các doanh nghiệp có vốn nước ngoài phải gửi báo cáo hoạt động của mình cho các cổ đông, báo cáo kiểm toán và bảng cân đối kế toán của họ cho Bộ Thương mại, Khu tự do, Tổng

cục Đầu tư và Dịch vụ ở nước ngoài vào tháng 5 hàng năm. Thổ Nhĩ Kỳ trao hầu hết các quyền, ưu đãi, miễn trừ và đặc quyền dành cho các doanh nghiệp trong nước cho doanh nghiệp nước ngoài trên cơ sở tối huệ quốc (MFN). Các công ty nước ngoài có thể tham gia vào các chương trình nghiên cứu và phát triển do chính phủ tài trợ và/hoặc được trợ cấp trên cơ sở đối xử quốc gia.

Máy bay chiến đấu là một khía cạnh quan trọng trong mua sắm quân sự của Thổ Nhĩ Kỳ và ngày càng tăng trong các lĩnh vực khác, và các hướng dẫn như vậy đã được sửa đổi để khuyến khích đầu tư trực tiếp và chuyển giao công nghệ. GOT nhắm mục tiêu vào các lĩnh vực năng lượng, giao thông vận tải, thiết bị y tế và viễn thông để sử dụng hiệu số. Vào tháng 2 năm 2014, Quốc hội đã thông qua luật yêu cầu Bộ Khoa học, Công nghiệp và Công nghệ, hiện có tên là Bộ Công nghiệp và Công nghệ, thiết lập một khuôn khổ để kết hợp các khoản bù trừ dân sự vào các hợp đồng mua sắm lớn của chính phủ. Bộ Y tế (MOH) đã thành lập một văn phòng để kiểm tra xem các khoản bù đắp có thể được đưa vào các hợp đồng mới như thế nào. Luật quy định rằng đối với các hợp đồng đại chúng trên 5 triệu USD, các công ty phải đầu tư tối đa 50% giá trị hợp đồng vào Thổ Nhĩ Kỳ và “gia tăng giá trị” cho lĩnh vực này. Nói chung, luật lao động, sức khỏe và an toàn không làm sai lệch hoặc cản trở đầu tư, mặc dù các hạn chế pháp lý về việc sa thải nhân viên có thể gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động sử dụng nhiều lao động trong nền kinh tế chính thức.

Bảo vệ quyền sở hữu

□ Bất động sản

Các quyền lợi được bảo đảm bằng tài sản, cả động sản và bất động sản, thường được công nhận và thực thi, và có một hệ thống đáng tin cậy để ghi nhận các quyền lợi bảo đảm đó. Ví dụ, bất động sản được đăng ký với văn phòng đăng ký đất đai. Hệ thống pháp luật của Thổ Nhĩ Kỳ bảo vệ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc mua lại và xử lý các quyền tài sản, bao gồm đất đai, tòa nhà và thế chấp, mặc dù một số bên đã phàn nàn rằng tòa án chậm đưa ra quyết định và dễ bị ảnh hưởng từ bên ngoài. Tuy nhiên, sau nỗ lực đảo chính vào tháng 7 năm 2016, GOT đã tịch thu hơn 1.100 công ty cũng như tài sản bất động sản đáng kể vì bị cáo buộc có quan hệ với khủng bố. Mặc dù các vụ tịch thu không ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều công ty nước ngoài, nhưng nó vẫn làm dấy lên lo ngại của nhà đầu tư về việc bảo vệ tài sản tư nhân.

Bộ Môi trường và Đô thị hóa đã ban hành luật về đăng ký chứng thư quyền sở hữu vào năm 2012, loại bỏ yêu cầu trước đó rằng người nước ngoài mua bất động sản ở Thổ Nhĩ Kỳ phải hợp tác với một cá nhân hoặc công ty Thổ Nhĩ Kỳ sở hữu ít nhất 50% cổ phần trong tài sản, có nghĩa là người nước ngoài bây giờ có thể sở hữu đất đai của riêng họ. Luật pháp cũng linh hoạt hơn nhiều trong việc cho phép các công ty quốc tế mua bất động sản. Luật cũng tăng giới hạn mua bất động sản của các cá nhân nước ngoài lên 30 ha và cho phép tăng thêm lên đến 60 ha với sự cho phép của Chính phủ. Kể từ tháng 3 năm 2020, một báo cáo định giá dựa trên giá trị thị trường thực phải được chuẩn bị cho các giao dịch mua bán bất động sản liên quan đến người mua là công dân nước ngoài. Để đảm bảo đất có chủ quyền rõ ràng, các bên liên quan có thể gửi câu hỏi thông qua Tổng cục Đăng ký đất đai và Địa chính (www.tkgm.gov.tr).

Chỉ số Kinh doanh của Ngân hàng Thế giới đã xếp Thổ Nhĩ Kỳ xếp hạng 27 trong số 190 quốc gia về mức độ dễ dàng đăng ký tài sản vào năm 2019.

Xem tại: <http://doingbusiness.org/en/rankings#>

□ **Quyền sở hữu trí tuệ**

Thổ Nhĩ Kỳ tiếp tục thực hiện luật quyền sở hữu trí tuệ (IPR), Bộ luật Sở hữu công nghiệp số 6769, có hiệu lực vào năm 2017. Luật này tập hợp một loạt các “nghị định” thành một cấu trúc pháp lý hiện đại, thống nhất và duy nhất. Nó cũng làm tăng đáng kể năng lực của văn phòng cấp bằng sáng chế của quốc gia và cải thiện khuôn khổ cho thương mại hóa và chuyển giao công nghệ. Thổ Nhĩ Kỳ là thành viên của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) và là thành viên của nhiều hiệp ước của tổ chức này, bao gồm Công ước Berne, Công ước Paris, Hiệp ước Hợp tác Sáng chế, Hiệp ước Bản quyền WIPO và Hiệp ước Bản ghi âm và Biểu diễn WIPO.

Tuy nhiên, trong khi các khuôn khổ lập pháp đang được cải thiện, việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ vẫn còn mờ nhạt. Thổ Nhĩ Kỳ vẫn nằm trong Danh sách theo dõi 301 đặc biệt của USTR cho năm 2020. Vẫn còn lo ngại về các chính sách yêu cầu sản xuất được phẩm tại địa phương, bảo vệ không đầy đủ dữ liệu thử nghiệm và thiếu minh bạch trong định giá quốc gia và bồi hoàn. Việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ còn thiếu nhận thức và đào tạo giữa các thẩm phán và sĩ quan, cũng như thiếu ưu tiên liên quan đến khủng bố và các mối quan tâm khác. Các nhân viên thực thi pháp luật không có thẩm quyền đương nhiên để thu giữ và tiêu hủy hàng giả đang phổ biến ở các thị

trường địa phương. Vi phạm bản quyền phần mềm cũng cao. Istanbul Grand Bazaar ở Thổ Nhĩ Kỳ được đưa vào Danh sách các thị trường khét tiếng năm 2019 của USTR.

Ngoài ra, thực tiễn ban hành lệnh khám xét và tịch thu khác nhau đáng kể. Các tòa án về quyền sở hữu trí tuệ và các thẩm phán chuyên trách về quyền sở hữu trí tuệ chỉ tồn tại ở các thành phố lớn. Bên ngoài những khu vực này, đơn xin lệnh khám xét phải được nộp tại một tòa án hình sự thông thường (Tòa án Hòa bình) và/hoặc với một công tố viên thông thường. Các Tòa án Hòa bình rất miễn cưỡng ban hành lệnh khám xét. Mặc dù theo luật, “ngghi ngờ hợp lý” là cơ sở thích hợp để ban hành lệnh khám xét và thu giữ, các thẩm phán thường đặt ra các yêu cầu bổ sung, bao gồm tài liệu hỗ trợ, ảnh và thậm chí lời khai của nhân chứng, có nguy cơ làm lộ nguồn tin tình báo của các công ty. Ở một số vùng, các thẩm phán của Tòa án Hòa bình hiếm khi cấp lệnh khám xét, ví dụ như ở các điểm du lịch nổi tiếng. Nhìn chung, theo một số nhà đầu tư, rất khó để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và việc thực thi chung đang xấu đi. Để biết thêm thông tin về các nghĩa vụ hiệp ước và đầu mối liên hệ tại các văn phòng sở hữu trí tuệ địa phương, vui lòng xem hồ sơ quốc gia của WIPO tại <http://www.wipo.int/directory/en>.

Thị trường vốn hiệu quả và đầu tư tài chính

Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ khuyến khích và đưa ra một hệ thống quản lý hiệu quả để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư theo danh mục đầu tư. Kể từ đầu năm 2020, một cuộc khủng hoảng tiền tệ đã trở nên trầm trọng hơn do đại dịch COVID-19 và mức độ đô la hóa cao đã làm dấy lên lo ngại về thanh khoản. Các chính sách hiện hành tạo điều kiện thuận lợi cho dòng chảy tự do của các nguồn tài chính vào các thị trường sản phẩm và yếu tố sản xuất. Chính phủ tôn trọng Điều VIII của IMF bằng cách không hạn chế đối với thanh toán và chuyển khoản đối với các giao dịch quốc tế. Tín dụng thường được phân bổ theo điều kiện thị trường, mặc dù GOT đã tăng các khoản cho vay với lãi suất thấp và không lãi suất cho một số bên, đồng thời gây áp lực buộc các ngân hàng quốc doanh và thậm chí cả tư nhân phải tăng cho vay, đặc biệt là để kích thích tăng trưởng kinh tế và các dự án công. Các nhà đầu tư nước ngoài có thể nhận được tín dụng trên thị trường trong nước. Khu vực tư nhân được tiếp cận với nhiều loại công cụ tín dụng.

Khu vực ngân hàng Thổ Nhĩ Kỳ, một hệ thống ngân hàng trung ương, vẫn tương đối lành mạnh. Tổng tài sản ước tính của các ngân hàng lớn nhất của đất nước như sau: Ziraat Bankasi A.S. - 109,43 tỷ USD, Is Bankasi - 78,81 tỷ USD, Halk Bankasi - 76,94 tỷ USD, Garanti - 72,14 tỷ USD, Turkiye Vakiflar Bankasi - 70,54 tỷ USD, Yapi ve Kredi Bankasi - 69,23 tỷ USD, Akbank - 65,19 tỷ USD. (Tỷ giá quy đổi: 5,94 TL/1 USD). Theo Cơ quan Giám sát và Quy định Ngân hàng Thổ Nhĩ Kỳ (BDDK), tỷ lệ các khoản nợ xấu trong lĩnh vực này là khoảng 5,35% vào cuối năm 2019. Yêu cầu duy nhất để người nước ngoài mở tài khoản ngân hàng ở Thổ Nhĩ Kỳ là bản sao hộ chiếu và mã số nhận dạng của Bộ Ngoại giao hoặc mã số thuế Thổ Nhĩ Kỳ.

Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã thông qua Luật khung về thị trường vốn vào năm 2012, nhằm nâng cao trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp, bảo vệ cổ đông thiểu số và minh bạch báo cáo tài chính.

BDDK theo dõi và giám sát các ngân hàng của Thổ Nhĩ Kỳ. BDDK được đứng đầu bởi một hội đồng có bảy thành viên được bổ nhiệm với nhiệm kỳ sáu năm. Tiền gửi ngân hàng được bảo vệ bởi một cơ quan bảo hiểm tiền gửi độc lập là Quỹ Bảo hiểm tiền gửi tiết kiệm (TMSF). Do chi phí vay trong nước cao và thời gian trả nợ ngắn, các công ty nước ngoài và trong nước thường xuyên tìm kiếm tín dụng từ thị trường quốc tế để tài trợ cho các hoạt động của họ. Ngân hàng nước ngoài được phép thành lập hoạt động trong nước.

Ngoại hối và Kiềm hối

□ Ngoại hối

Luật Thổ Nhĩ Kỳ đảm bảo việc chuyển nhượng tự do lợi nhuận, phí và tiền bản quyền, và hồi hương vốn. Sự đảm bảo này được phản ánh trong Hiệp ước đầu tư song phương giữa Thổ Nhĩ Kỳ với các nước đối tác, quy định bắt buộc chuyển khoản không hạn chế và nhanh chóng bằng đơn vị tiền tệ có thể sử dụng tự do với tỷ lệ thanh toán bù trừ thị trường hợp pháp cho tất cả các quỹ liên quan đến đầu tư. Có rất ít khó khăn trong việc thu được ngoại hối ở Thổ Nhĩ Kỳ và không có hạn chế ngoại hối nào, mặc dù vào năm 2019, GOT tiếp tục khuyến khích các doanh nghiệp tiến hành giao dịch bằng đồng lira. Một sửa đổi đối với Quyết định Bảo vệ Giá trị của Đồng tiền Thổ Nhĩ Kỳ đã được thực hiện cùng với Nghị định số 85 của Tổng thống vào tháng 9 năm 2018, trong đó GOT thắt chặt các hạn chế đối với các doanh nghiệp có trụ sở tại Thổ Nhĩ Kỳ thực

hiện nhiều loại giao dịch sử dụng ngoại tệ. Tuy nhiên, Bộ Tài chính và Ngân khố Thổ Nhĩ Kỳ có thể đưa ra các trường hợp ngoại lệ. Các quỹ liên quan đến bất kỳ hình thức đầu tư nào có thể được tự do chuyển đổi thành bất kỳ loại tiền tệ nào trên thế giới. Tỷ giá hối đoái được quản lý chặt chẽ bởi Ngân hàng Trung ương Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ. Các quy định ngân hàng Thổ Nhĩ Kỳ và các chỉ thị không chính thức của chính phủ đối với các ngân hàng Thổ Nhĩ Kỳ hạn chế việc cung cấp đồng lira của Thổ Nhĩ Kỳ cho thị trường hoán đổi qua đêm ở London.

Không có giới hạn về số lượng ngoại tệ có thể được mang vào Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng không quá 25.000 lira Thổ Nhĩ Kỳ hoặc số ngoại tệ trị giá €10.000 có thể được mang ra ngoài mà không cần khai báo. Mặc dù Lira Thổ Nhĩ Kỳ (TL) có thể chuyển đổi hoàn toàn, hầu hết các giao dịch quốc tế được tính bằng USD hoặc Euro do chúng được chấp nhận phổ biến. Các ngân hàng kinh doanh ngoại hối, vay và cho vay bằng ngoại tệ. Trong khi phần lớn, ngoại hối được giao dịch tự do và phổ biến rộng rãi, thì một nghị định của chính phủ vào tháng 5 năm 2019 đã áp đặt thời gian hoãn thanh toán đối với các giao dịch mua ngoại hối của các cá nhân trên 100.000 USD. Các nhà đầu tư nước ngoài có thể tự do chuyển đổi và hồi hương lợi nhuận từ đồng Lira Thổ Nhĩ Kỳ của họ.

Vào đầu năm 2020, Thổ Nhĩ Kỳ phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng tiền tệ đang diễn ra do đại dịch COVID-19 trở nên trầm trọng hơn. Không thể dự đoán chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ sẽ đưa ra những biện pháp nào để giải quyết cuộc khủng hoảng này, cũng như những biện pháp này sẽ có tác động gì đến ngoại hối.

Tỷ giá hối đoái được quản lý chặt chẽ bởi CBRT trong chế độ “thả nổi có can thiệp” (“thả nổi một phần”). BDDK đã công bố các giới hạn mới đối với các giao dịch ngoại hối vào ngày 12 tháng 4 năm 2020. Cơ quan này đã cắt giảm giới hạn đối với các giao dịch hoán đổi, giao ngay và kỳ hạn của các ngân hàng Thổ Nhĩ Kỳ với các pháp nhân nước ngoài xuống còn 1% vốn chủ sở hữu của ngân hàng, một động thái nhằm hạn chế các giao dịch có thể làm tăng giá ngoại tệ một cách hiệu quả. Giới hạn đã được giảm một nửa xuống 25% vào tháng 8 năm 2018, khi cuộc khủng hoảng tiền tệ xảy ra. Những động thái này nhằm che chắn đồng lira có nghĩa là trên thực tế đã dỡ bỏ chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi của Thổ Nhĩ Kỳ trong năm qua.

□ **Chính sách chuyển tiền**

Ở Thổ Nhĩ Kỳ, gần đây không có thay đổi hoặc kế hoạch thay đổi chính sách chuyển tiền đầu tư, và thực sự GOT vào năm 2018 đã tích cực khuyến khích các quỹ hồi hương. GOT đã công bố "Assets Peace" vào tháng 5 năm 2018, khuyến khích công dân mang tài sản đến Thổ Nhĩ Kỳ dưới dạng tiền, vàng hoặc ngoại tệ bằng cách loại bỏ bất kỳ gánh nặng thuế nào đối với các tài sản hồi hương. "Assets Peace" đã được gia hạn cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2020. Cũng không có giới hạn về thời gian đối với việc chuyển tiền. Thời gian chờ đợi đối với cổ tức, lợi tức đầu tư, lãi và gốc của khoản nợ tư nhân nước ngoài, thanh toán tiền thuê, tiền bản quyền và phí quản lý không quá 60 ngày. Không có giới hạn về dòng tiền vào hoặc ra để chuyển lợi nhuận hoặc doanh thu.

Theo Sắc lệnh của Tổng thống số 1948 đăng trên Công báo số 30994 ngày 30 tháng 12 năm 2019, thời hạn thông báo và tuyên bố nêu trên đối với các hoạt động liên quan đến "Khuyến khích Assets Peace" được quy định tại các Đoạn 1, 3 và 6, Điều 90 của Bộ luật thuế thu nhập đã được gia hạn thêm sáu tháng kể từ ngày hết hạn trước đó.

Thổ Nhĩ Kỳ đã ban hành Luật 7244 về việc đi lại do sự bùng phát của dịch bệnh COVID-19 ảnh hưởng tới đời sống kinh tế và xã hội và sửa đổi một số luật vào ngày 17 tháng 4 năm 2020. Luật tạm thời hạn chế việc phân phối cổ tức của doanh nghiệp cho đến ngày 30 tháng 9 năm 2020. Theo luật, các công ty chỉ được phân phối 25% lợi nhuận ròng thu được trong năm tài chính 2019, không được phân phối lợi nhuận của các năm trước và không được cấp cho hội đồng quản trị quyền chia cổ tức tạm ứng. Tổng thống Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ được phép gia hạn hoặc rút ngắn kỳ hạn trong ba tháng.

Quỹ tài trợ của nhà nước

GOT đã công bố thành lập quỹ tài sản có chủ quyền (SWF) vào tháng 8 năm 2016. Không giống như các quỹ tài sản có chủ quyền truyền thống, quỹ gây tranh cãi bao gồm cổ phần của các doanh nghiệp nhà nước (SOEs) và được thiết kế làm tài sản thế chấp để huy động vốn nước ngoài. Tuy nhiên, SWF đã không đưa ra bất kỳ dự án lớn nào kể từ khi thành lập. Vào tháng 9 năm 2018, Tổng thống trở thành Chủ tịch của SWF. Một số doanh nghiệp nhà nước hàng đầu như nhà phân phối khí đốt tự nhiên BOTAS, Turkish Airlines và Ziraat Bank đã được chuyển giao cho SWF. Các nhà phê bình lo lắng việc quản lý quỹ không rõ ràng và bị chính trị hóa. Bản kiểm toán năm 2018 của quỹ vẫn chưa được đệ trình lên Nghị viện và các công ty trong danh mục đầu tư của quỹ dường như đã tăng đáng kể số nợ kể từ năm 2016. Quỹ đã được miễn trừ

hiều quy định của luật thương mại trong nước và luật mới được thông qua ngày 16 tháng 4 đã cấp cho quỹ này thêm quyền miễn trừ đối với Luật Thị trường vốn và Bộ luật Thương mại Thổ Nhĩ Kỳ, đồng thời cho phép quỹ này nắm quyền sở hữu các công ty gặp khó khăn trong các lĩnh vực chiến lược. Là một phần trong hoạt động ứng phó với đại dịch COVID-19, Thổ Nhĩ Kỳ gần đây đã cho phép SWF nắm giữ các vị trí cổ phần trong các công ty tư nhân gặp khó khăn.

Doanh nghiệp nhà nước

Tính đến năm 2019, các lĩnh vực có các doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động bao gồm khai khoáng, ngân hàng, viễn thông và giao thông vận tải. Danh sách đầy đủ có thể được tìm thấy tại đây: <https://www.hmb.gov.tr/kamu-sermayeli-kurulus-ve-isletme-raporlari>.

Các cáo buộc về các hành vi không công bằng của các doanh nghiệp nhà nước là rất ít. Thổ Nhĩ Kỳ không phải là một bên trong Hiệp định Mua sắm Chính phủ của Tổ chức Thương mại Thế giới. Thổ Nhĩ Kỳ là thành viên của Ban công tác OECD về thực tiễn tư nhân hóa và sở hữu nhà nước, đồng thời các quy định tuân thủ của OECD cũng như luật mới do Cơ quan cạnh tranh Thổ Nhĩ Kỳ ban hành năm 2012 điều chỉnh chặt chẽ hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

□ Chương trình tư nhân hóa

GOT đã đạt được một số tiến bộ về quá trình tư nhân hóa trong thập kỷ qua. Trong số 278 công ty mà nhà nước từng sở hữu, 210 công ty đã được tư nhân hóa hoàn toàn. Theo Cục Tư nhân hóa của Bộ Tài chính và Tài chính, các giao dịch được hoàn thành theo chương trình tư nhân hóa của Thổ Nhĩ Kỳ đã tạo ra 1,336 triệu USD vào năm 2018 và 609 triệu USD vào năm 2019. Xem: <https://www.oib.gov.tr/>.

GOT đã thể hiện cam kết tiếp tục quá trình tư nhân hóa bất chấp sự thu hẹp dòng vốn toàn cầu. Tuy nhiên, các biện pháp khác, chẳng hạn như thành lập SWF với quyền kiểm soát đối với các doanh nghiệp nhà nước lớn, cho thấy rằng chính phủ hiện nhận thấy lợi ích lớn hơn trong việc sử dụng một số tài sản công để tăng thêm nợ thay vì tư nhân hóa chúng. Theo đó, GOT đã gác lại kế hoạch đẩy mạnh tư nhân hóa Turkish Airlines và thay vào đó chuyển doanh nghiệp này và các doanh nghiệp nhà nước khác

vào SWF. Thông tin bổ sung có thể được tìm thấy tại trang web của Bộ Tài chính và Tư nhân hóa của Bộ Tài chính: <https://www.oib.gov.tr/>.

Hành vi kinh doanh có trách nhiệm

Ở Thổ Nhĩ Kỳ, hành vi kinh doanh có trách nhiệm (RBC) đang được quan tâm. Các cải cách được thực hiện như một phần của quá trình hài hòa hóa với các quy định của EU đã có tác động tích cực đến luật quản lý các hiệp hội Thổ Nhĩ Kỳ, đặc biệt là các tổ chức phi chính phủ (NGO). Mặc dù là Thành viên của OECD và tuân thủ Hướng dẫn của OECD về Doanh nghiệp đa quốc gia, nhưng Thổ Nhĩ Kỳ vẫn chưa thành lập Đầu mối liên hệ quốc gia hoặc văn phòng điều phối trung tâm để hỗ trợ các công ty trong nỗ lực áp dụng phương pháp tiếp cận thẩm định để thực hiện có trách nhiệm. Đúng hơn, chủ đề về RBC do các bộ khác nhau phụ trách. Một số công ty nước ngoài đã tập trung vào các hoạt động 'trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp' truyền thống như việc cải thiện giáo dục cộng đồng.

Các tổ chức phi chính phủ đang hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, chẳng hạn như Liên minh các phòng giao dịch và hàng hóa Thổ Nhĩ Kỳ (TOBB) và Hiệp hội các nhà công nghiệp và doanh nhân Thổ Nhĩ Kỳ (TÜSIAD), phát hành các báo cáo và nghiên cứu thường xuyên, đồng thời tổ chức các sự kiện nhằm khuyến khích các công ty Thổ Nhĩ Kỳ tham gia vào các vấn đề chính sách. Ngoài việc tác động đến tiến trình chính trị, hai tổ chức phi chính phủ này còn hỗ trợ các thành viên của họ tham gia vào các hoạt động dân sự. Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững Thổ Nhĩ Kỳ (<http://www.skdturkiye.org/en>) và Hiệp hội Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp ở Thổ Nhĩ Kỳ (www.csrturkey.org), được thành lập vào năm 2005, là hai tổ chức phi chính phủ dành riêng cho các vấn đề kinh doanh có trách nhiệm. Quỹ Trung tâm Giá trị Đạo đức Thổ Nhĩ Kỳ, Hiệp hội Tình nguyện viên Khu vực Tư nhân (www.osgd.org) và Quỹ Khu vực Thứ ba của Thổ Nhĩ Kỳ (www.tusev.org.tr) cũng đóng một vai trò quan trọng.

Tham nhũng

Tham nhũng vẫn là một vấn đề đáng lo ngại, một thực tế được phản ánh qua việc Thổ Nhĩ Kỳ trượt điểm trong những năm gần đây trong Chỉ số Nhận thức Tham nhũng hàng năm của Tổ chức Minh bạch Quốc tế, nơi nước này xếp hạng 91 trong số 180 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới vào năm 2019. Cơ chế của chính phủ để điều tra và trừng phạt các cáo buộc lạm dụng và tham nhũng của các quan chức nhà nước còn thiếu sót, và việc trừng phạt

vẫn còn là một vấn đề. Mặc dù độc lập về nguyên tắc, cơ quan tư pháp vẫn chịu sự can thiệp của chính phủ, và đặc biệt là cơ quan hành pháp, bao gồm cả việc điều tra và truy tố các vụ án tham nhũng lớn. Trong một số trường hợp, tình trạng khẩn cấp COVID-19 đã làm tăng thêm những lo ngại tồn tại từ trước về tính độc lập của tư pháp. (Xem Báo cáo Quốc gia hàng năm của Bộ Ngoại giao về Thực tiễn Nhân quyền để biết thêm chi tiết: <https://www.state.gov/j/drl/rls/hrrpt/humanrightsreport/index.htm#wrapper>). Thổ Nhĩ Kỳ là nước tham gia vào các sáng kiến chống tham nhũng trong khu vực, đặc biệt là đồng đứng đầu nhóm công tác Chống tham nhũng G20 với Hoa Kỳ. Theo hệ thống tổng thống mới, Hội đồng Giám sát Nhà nước của Tổng thống chịu trách nhiệm chống tham nhũng.

Các cải cách mua sắm công được thực hiện ở Thổ Nhĩ Kỳ nhằm làm cho hoạt động mua sắm minh bạch hơn và ít bị can thiệp chính trị hơn, bao gồm cả việc thông qua việc thành lập một hội đồng mua sắm công độc lập có quyền hủy bỏ các hợp đồng.

Luật pháp Thổ Nhĩ Kỳ cấm hối lộ, nhưng việc thực thi không đồng đều. Bộ luật Hình sự của Thổ Nhĩ Kỳ quy định việc hứa hẹn hoặc dành bất kỳ lợi thế nào cho các quan chức chính phủ nước ngoài để đổi lấy sự hỗ trợ của họ trong việc cung cấp lợi thế không chính đáng trong hoạt động kinh doanh quốc tế là trái pháp luật.

Các quy định của Luật Hình sự về hối lộ các quan chức chính phủ nước ngoài phù hợp với các quy định của Đạo luật về Hành vi Tham nhũng Nước ngoài năm 1977 của Hoa Kỳ (FCPA). Tuy nhiên, có một số khác biệt giữa luật Thổ Nhĩ Kỳ và FCPA. Ví dụ: không có ngoại lệ theo luật Thổ Nhĩ Kỳ đối với các khoản thanh toán để tạo điều kiện hoặc đẩy nhanh việc thực hiện “hành động thông thường của chính phủ” theo FCPA. Một điểm khác biệt nữa là FCPA không quy định hình phạt bằng hình phạt tù, trong khi luật Thổ Nhĩ Kỳ quy định hình phạt bằng hình phạt tù từ 4 đến 12 năm. Hội đồng Giám sát Nhà nước Phủ Tổng thống, cơ quan tư vấn cho Ủy ban Điều tra Tham nhũng, chịu trách nhiệm điều tra các vụ án tham nhũng lớn do Ủy ban này lưu ý. Gần như mọi cơ quan nhà nước đều có đoàn thanh tra riêng chịu trách nhiệm điều tra tham nhũng nội bộ. Nghị viện có thể thành lập các ủy ban điều tra để xem xét các cáo buộc tham nhũng liên quan đến các bộ trưởng trong nội các; cần có đa số phiếu để chuyển những trường hợp này lên Tòa án Tối cao để có hành động tiếp theo.

Thổ Nhĩ Kỳ đã phê chuẩn Công ước của OECD về Chống hối lộ công chức và thông qua luật thực thi vào năm 2003 quy định rằng hối lộ của các quan chức nước ngoài

cũng như trong nước là bất hợp pháp. Năm 2006, Quốc hội Thổ Nhĩ Kỳ đã phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

Nguồn để Báo cáo Tham nhũng

Liên hệ tại cơ quan chính phủ hoặc các cơ quan có trách nhiệm chống tham nhũng:

- Hội đồng Giám sát Nhà nước Phủ Tổng thống

Địa chỉ: Beştepe Mahallesi, Alparslan Türkeş Caddesi, Devlet Denetleme Kurulu, Yenimahalle.

Số điện thoại: Điện thoại: +90 312 470 25 00 Fax: +90 312 470 13 03.

- Tổ chức Thanh tra

Địa chỉ: Kavaklıdere Mah. Zeytin Dali Caddesi No: 4 Cankaya ANKARA.

Số điện thoại: +90 312 465 22 00.

Địa chỉ email: iletisim@ombudsman.gov.tr.

Môi trường chính trị và an ninh

Giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2016 là một trong những thời kỳ bạo lực leo thang ở Thổ Nhĩ Kỳ kể từ những năm 1970. Tuy nhiên, kể từ tháng 1 năm 2017, Thổ Nhĩ Kỳ mức độ bạo lực đã thuyên giảm, ở mức thấp trong lịch sử ngay cả khi so với giai đoạn yên bình trước đây và nước này đã tăng cường rất nhiều các biện pháp an ninh nội bộ. Thổ Nhĩ Kỳ có thể trải qua bạo lực có động cơ chính trị, nhìn chung ở mức độ gây hấn với các chính trị gia và đảng phái chính trị đối lập. Trong một ví dụ rõ ràng hơn, một nỗ lực đảo chính vào tháng 7 năm 2016 đã dẫn đến cái chết của hơn 240 người và hơn 2.100 người khác bị thương. Kể từ sự sụp đổ vào tháng 7 năm 2015 sau khi chấm dứt thù địch giữa chính phủ và Đảng Công nhân Kurdistan (PKK) khủng bố, cùng với các tổ chức như Điều hâu Tự do Kurdistan (TAK), đã thường xuyên nhắm mục tiêu vào các lực lượng an ninh, với thường dân thường bị thương hoặc bị giết bằng các cuộc tấn công. (Cả PKK và TAK đều được Hoa Kỳ chỉ định là tổ chức khủng bố.)

Các tổ chức khủng bố khác do Hoa Kỳ chỉ định như Nhà nước Hồi giáo Iraq và Syria Mở rộng (ISIS) và Đảng/Mặt trận Giải phóng Nhân dân Cách mạng cánh tả (DHKP/C) đang hiện diện ở Thổ Nhĩ Kỳ và đã tiến hành các cuộc tấn công vào các năm 2013, 2015, 2016 và sớm 2017. Ví dụ như DHKP/C bản địa, được thành lập vào những năm

1970 và được Hoa Kỳ chỉ định là một tổ chức khủng bố vào năm 1997, chịu trách nhiệm về một số cuộc tấn công nhằm vào Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Ankara và Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ ở Istanbul trong những năm gần đây, bao gồm một vụ đánh bom liều chết tại đại sứ quán năm 2013 khiến một nhân viên địa phương thiệt mạng. DHKP/C đã tuyên bố ý định thực hiện thêm các cuộc tấn công chống lại Hoa Kỳ, NATO và Thổ Nhĩ Kỳ. Tuy nhiên, các biện pháp an ninh nội bộ phổ biến, đặc biệt là sau cuộc đảo chính thất bại vào tháng 7 năm 2016, dường như đã cản trở thành công của nó. Ngoài ra, các phần tử cực đoan bạo lực liên kết với ISIS và các nhóm khác đã quá cảnh Thổ Nhĩ Kỳ trên đường đến Syria trong quá khứ, mặc dù các quan chức chính phủ tăng cường giám sát và nhấn mạnh chung vào việc tăng cường an ninh đã hạn chế đáng kể con đường tiếp cận này đến Syria, đặc biệt là so với những năm trước đó.

Đã có những trường hợp bạo lực trước đây đối với những người truyền giáo và những người khác được coi là không theo đạo Hồi ở Thổ Nhĩ Kỳ, mặc dù không có trong những năm gần đây. Trong những dịp trước đây, thủ phạm đã đe dọa và tấn công các cá nhân, nhóm người và nơi thờ tự Cơ đốc giáo và Do Thái, nhiều người trong số họ nhận được sự bảo vệ đặc biệt của cảnh sát, cho cả các tổ chức và giới lãnh đạo. Tư tưởng chống Israel vẫn ở mức cao, diễn ngôn bài Do Thái thường xuyên xuất hiện trên các phương tiện truyền thông đại chúng và hùng biện phổ biến, và các hoạt động truyền đạo của người nước ngoài có xu hướng bị bộ máy an ninh của đất nước xem xét như một hành vi đáng ngờ. Tuy nhiên, các quan chức chính phủ cũng thường chỉ ra những người thiểu số tôn giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ một cách tích cực, như một dấu hiệu cho thấy sự đa dạng của đất nước và các nhân vật thiểu số tôn giáo gặp gỡ định kỳ với tổng thống của đất nước và các thành viên cấp cao khác của ban lãnh đạo chính trị quốc gia.

Lao động

Thổ Nhĩ Kỳ có dân số 83,1 triệu người, với 23,1% dân số dưới 14 tuổi tính đến năm 2019. 92,8% dân số sống ở các khu vực thành thị. Các số liệu chính thức cho biết lực lượng lao động ở mức 32,6 triệu người vào tháng 12 năm 2019. Khoảng 1/5 lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp (17,9%) trong khi 1/5 khác làm việc trong các lĩnh vực công nghiệp (20,0%). Nước này vẫn duy trì một khu vực kinh tế phi chính thức đáng kể ở mức 34,9%. Năm 2019, tỷ lệ thất nghiệp chính thức ở mức 13,7%, với 25,4% thất nghiệp ở những người 15-24 tuổi. Thổ Nhĩ Kỳ cung cấp

chương trình giáo dục bắt buộc, miễn phí cho trẻ em ở cả hai giới trong các trường học của nhà nước. Các nhà chức trách tiếp tục nỗ lực trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho việc làm hợp pháp cho những người Syria trong độ tuổi lao động, một nhóm nhỏ trong số 3,6 triệu đàn ông, phụ nữ và trẻ em Syria phải di cư — chưa rõ số người trong số họ đang làm việc phi chính thức — tại quốc gia này vào năm 2019.

Thổ Nhĩ Kỳ có rất nhiều lao động phổ thông và bán kỹ năng, đồng thời có các trường đào tạo nghề ở cấp trung học. Vẫn còn thiếu lao động công nghệ cao. Các công ty công nghệ cao riêng lẻ, cả trong nước và nước ngoài, thường tiến hành các chương trình đào tạo của riêng họ. Trong phạm vi vận động việc làm, Bộ Gia đình, Lao động và Dịch vụ Xã hội, Cơ quan Việc làm Thổ Nhĩ Kỳ (ISKUR) và Hiệp hội các Sở Giao dịch Hàng hóa và Giáo dục Nghề nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ (TOBB) đã khởi động Nghị định thư Hợp tác Phát triển Kỹ năng và Giáo dục Nghề nghiệp (MEGIP). Thổ Nhĩ Kỳ cũng đã mở rộng đáng kể các chương trình đại học, xây dựng hàng chục trường cao đẳng và đại học mới trong thập kỷ qua.

Việc sử dụng lao động theo hợp đồng phụ cho những công việc không có tính chất tạm thời vẫn phổ biến, bao gồm cả các doanh nghiệp thực hiện hợp đồng cho nhà nước. Nhìn chung, không đủ điều kiện để hưởng các quyền lợi bình đẳng hoặc quyền thương lượng tập thể, những người lao động theo hợp đồng phụ — thường được thuê thông qua hợp đồng quay vòng có thời hạn dưới một năm — vẫn dễ bị chủ lao động chấm dứt hợp đồng đột ngột và trong một số trường hợp, điều kiện làm việc kém. Người sử dụng lao động thường sử dụng lao động hợp đồng phụ để giảm thiểu chi phí tiền lương/phúc lợi và, theo các nhà phê bình, để ngăn chặn sự đoàn kết của nhân viên.

Luật pháp quy định quyền của người lao động thành lập và tham gia các công đoàn độc lập, thương lượng tập thể và tiến hành đình công hợp pháp. Cần có tối thiểu bảy công nhân để thành lập công đoàn mà không cần sự chấp thuận trước. Để trở thành đại diện thương lượng, công đoàn phải đại diện cho 40% số nhân viên tại một địa điểm làm việc nhất định và 1% tổng số công nhân trong ngành cụ thể đó. Một số nhân viên công quyền, chẳng hạn như quan chức cấp cao, thẩm phán, thành viên của lực lượng vũ trang và cảnh sát, không thể thành lập công đoàn. Những người lao động phi công đoàn, chẳng hạn như lao động nông nghiệp thời vụ nhập cư, người giúp việc gia đình

và những người làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức, cũng không thuộc phạm vi điều chỉnh của luật thương lượng tập thể.

Tỷ lệ thống nhất nhìn chung vẫn ở mức thấp. Các công đoàn lao động độc lập — khác biệt với các công đoàn đối tác thân thiện với chính phủ — đã báo cáo rằng người sử dụng lao động tiếp tục sử dụng các hình thức đe dọa, bạo lực và sa thải ở những nơi làm việc tập thể trong các lĩnh vực. Các nhà tổ chức công đoàn khu vực dịch vụ báo cáo rằng những người sử dụng lao động trong khu vực tư nhân đôi khi phớt lờ luật pháp và sa thải người lao động để không khuyến khích hoạt động của công đoàn. Luật Thổ Nhĩ Kỳ quy định quyền đình công nhưng nghiêm cấm các cuộc đình công của công nhân tham gia bảo vệ tính mạng và tài sản cũng như của công nhân trong ngành khai thác than và dầu khí, bệnh viện và ngành tang lễ, giao thông đô thị và quốc phòng. Luật cho phép chính phủ từ chối quyền đình công trong bất kỳ tình huống nào mà nó xác định là mối đe dọa đối với an ninh quốc gia. Thổ Nhĩ Kỳ có các cơ chế giải quyết tranh chấp lao động, bao gồm cả Hội đồng Trọng tài Tối cao, cơ chế giải quyết các tranh chấp giữa người sử dụng lao động và người lao động theo thỏa thuận thương lượng tập thể. Tòa án lao động hoạt động tương đối hiệu quả. Kháng cáo, tuy nhiên, có thể kéo dài trong nhiều năm. Nếu tòa án phán quyết rằng chủ lao động sa thải một cách bất công một công nhân và phải phục hồi hoặc bồi thường cho người đó, thì chủ lao động thường trả tiền bồi thường cho người lao động cùng với một khoản tiền phạt.

Thổ Nhĩ Kỳ đã phê chuẩn các công ước chính của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) bảo vệ quyền của người lao động, bao gồm các công ước về Tự do Hiệp hội và Bảo vệ Quyền Tổ chức; Quyền Tổ chức và Thương lượng Tập thể; Bãi bỏ Lao động Cường bức; Tuổi tối thiểu; Sức khỏe và an toàn lao động; Chấm dứt việc làm; và Xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất. Việc thực hiện một số trong số này, bao gồm Công ước 87 của ILO (Công ước về quyền tự do hiệp hội và bảo vệ quyền tổ chức) và Công ước 98 (Công ước về việc áp dụng các nguyên tắc của quyền tổ chức và mặc cả tập thể), vẫn chưa đồng đều. Tương tự như vậy, việc thực thi pháp luật liên quan đến sức khỏe và an toàn tại nơi làm việc vẫn chưa đồng đều. Lao động trẻ em vẫn tiếp tục được sử dụng, kể cả ở những hình thức tồi tệ nhất và đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp theo mùa vụ, mặc dù chính phủ đang nỗ lực giải quyết vấn đề này.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Top 5 quốc gia nhận đầu tư trực tiếp nhiều nhất từ Thổ Nhĩ Kỳ và Top 5 quốc gia đầu tư trực tiếp nhiều nhất vào Thổ Nhĩ Kỳ năm 2018

Đơn vị tính: tỷ USD.

5 quốc gia đầu tư trực tiếp nhiều nhất vào Thổ Nhĩ Kỳ			5 quốc gia nhận FDI nhiều nhất từ Thổ Nhĩ Kỳ		
Tổng	\$103,176	100%	Tổng	\$44,449	100%
Hà Lan	\$19,072	18%	Hà Lan	\$17,571	40%
Liên Bang Nga	\$16,248	16%	Vương quốc Anh	\$4,113	9%
Đức	\$7,339	7%	Jersey	\$3,419	8%
Qatar	\$6,448	6%	Áo	\$1,917	4%
Azerbaijan	\$5,915	5%	Hoa Kỳ	\$1,815	4%

Chương 8: Đi lại

Tập quán kinh doanh

Người dân Thổ Nhĩ Kỳ tự hào về truyền thống và văn hóa của họ. Tuy nhiên, nhờ giao lưu với các nước phương Tây, người Thổ Nhĩ Kỳ ở các thành phố lớn đã áp dụng một lối sống quốc tế hơn. Một người nước ngoài đến thăm bất kỳ thành phố lớn nào ở Thổ Nhĩ Kỳ sẽ thấy họ đang ở trong một bầu không khí tương tự như ở một thành phố châu Âu đương đại. Người Thổ Nhĩ Kỳ là những người cực kỳ hiếu khách và những doanh nhân đến thăm nên chào hỏi lịch sự và tôn trọng, cũng như dành thời gian để hiểu về những người đồng cấp người Thổ Nhĩ Kỳ của mình. Nói chung, mối quan hệ cá nhân là cơ sở quan trọng cho một mối quan hệ kinh doanh thành công ở Thổ Nhĩ Kỳ. Thông thường, điều quan trọng là dành thời gian trò chuyện thân thiện trước khi bắt đầu với kế hoạch kinh doanh. Danh thiếp hầu như luôn được trao đổi và du khách thường được mời một ly trà hoặc một tách cà phê Thổ Nhĩ Kỳ. Theo thói quen, bạn nên chấp nhận những lời đề nghị này.

Ngôn ngữ

Ngôn ngữ chính thức được sử dụng bởi hơn 90% dân số là tiếng Thổ Nhĩ Kỳ. Nhiều người Thổ Nhĩ Kỳ có trình độ học vấn có thể thông thạo ít nhất một ngoại ngữ, đủ khả năng để thực hiện các giao dịch kinh doanh. Nhiều giám đốc điều hành công ty đã được đào tạo ở các nước phương Tây. Tiếng Anh là ngôn ngữ chủ đạo trong kinh doanh quốc tế, mặc dù tỷ lệ sử dụng tiếng Anh nói chung trong nước tương đối thấp.

Văn hóa giao tiếp

Sự hiếu khách truyền thống của người Thổ Nhĩ Kỳ ảnh hưởng quyết định đến nghi thức kinh doanh của họ. Mặc dù đặt hẹn trước cho các cuộc gặp là điều cần thiết khi có thể, nhưng trong nhiều trường hợp, nhiều người điều hành các công ty tại Thổ Nhĩ Kỳ có thể gặp gỡ khách hàng mà không cần đặt hẹn trước.

Trong những cuộc gặp gỡ đầu tiên, cái bắt tay chắc chắn được coi là quy chuẩn. Đàn ông Thổ Nhĩ Kỳ thường nắm cánh tay bạn bằng tay trái của họ để thể hiện sự thân thiện. Trong bối cảnh quan hệ kinh doanh, hầu hết phụ nữ Thổ Nhĩ Kỳ sẽ bắt tay với đối tác là đàn ông. Tuy nhiên, hành động này không phổ biến tại vùng phía Đông Thổ Nhĩ Kỳ và vùng nông thôn vì những người dân nơi đây thường có suy nghĩ bảo thủ

hơn. Để chắc chắn, hãy chờ người phụ nữ chủ động bắt tay trước. Đôi khi, ở mức độ thân thiết, người Thổ Nhĩ Kỳ thường chào lúc gặp mặt và tạm biệt bằng cách chạm hai má.

Khi nói chuyện nên tập trung sự chú ý bằng ánh mắt đối với khách, vì đây là dấu hiệu của sự trân trọng. Câu cửa miệng khi chào hỏi của người Thổ Nhĩ Kỳ là: ‘Asalamu alaykum (“Peace be with you”)’ hoặc ‘nasilsiniz’ (“How are you?”) – phát âm là ‘na-sul-sun-nuz’.

Các cuộc gặp gỡ với mục đích kinh doanh là khoảng thời gian thích hợp để nêu những đề xuất của công ty và nói chuyện làm ăn một cách nghiêm túc. Trong các cuộc gặp gỡ nên trao đổi danh thiếp với đối tác. Mặc dù có thể không phải là cuộc gặp gỡ, trao đổi trang trọng nhưng bạn nên đưa danh thiếp cho đối tác bằng 2 tay và nếu có thể, một mặt của danh thiếp nên được dịch sang tiếng Thổ Nhĩ Kỳ. Hãy đưa danh thiếp cho tất cả những người bạn gặp, đặc biệt là những người bạn muốn thiết lập quan hệ thương mại.

Bất cứ vị khách nào đến sẽ ngay lập tức được mời dùng trà hoặc cà phê; việc từ chối sẽ bị coi là không lịch sự. Cà phê được pha theo hai kiểu: “sade” (không đường) và “orta” (có một chút đường).

Người Thổ Nhĩ Kỳ có quan niệm “lời chào dài ngắn phụ thuộc vào khách khi họ đến, còn khi ra về thì do chủ nhà”. Vì nơi này có văn hóa chào đón khách đến nhà là một vinh dự lớn, chủ nhà sẽ không để rời đi một cách dễ dàng. Một buổi viếng thăm nhà vào buổi tối sẽ có trà, kẹo, và khi đĩa hoa quả được mang ra là dấu hiệu cho chúng ta biết để nói lời ra về. Tuy vậy, quá trình nói lời tạm biệt diễn ra khá dài trước khi bạn thật bước chân ra khỏi nhà chủ.

Mở đầu lời tạm biệt là khi khách nói “yavaş yavaş kalkalım”, có ý nghĩa là từ từ đứng dậy ra về nào. Tiếp theo sau là sự đáp lại của chủ nhà “nhưng chúng ra đang nói chuyện rất vui vẻ” hoặc “còn sớm, hãy ngồi thêm lúc nữa”. Sau những lời lịch thiệp, chủ nhà chỉ ra cửa cho khách, nơi giày dép được xếp một cách gọn gàng để khách xỏ vào. Tiếp đó, khách và chủ nhà trao cho nhau những nụ hôn tạm biệt lên má và nói lời gặp lại họ vào lần gặp mặt tới cũng như xin lỗi vì những sai sót trong lần đón tiếp này. Nếu chúng ta không gặp lại họ trong một quãng thời gian dài vì đi xa, chủ nhà sẽ nói câu “ Su gibi git, su gibi gel” có nghĩa là cả đi và trở về nhanh như nước. Đồng thời

sau đó họ sẽ lắc một bình nước sau khi cầu mong cho chúng ta có chuyến đi thượng lộ bình an.

Cách ăn mặc

Trang phục kinh doanh tại Thổ Nhĩ Kỳ thường theo trường phái bảo thủ. Đối với môi trường kinh doanh, người đàn ông với bộ comple màu sẫm, còn người nữ sẽ là bộ vest, giày cao gót và vớ. Tất nhiên, Thổ Nhĩ Kỳ rất nóng vào mùa hè. Bộ vest và thậm chí cả caravat có thể được tháo ra trong lúc nóng nực. Quần áo của phụ nữ có thể thoải mái hơn nhưng cần duy trì mức độ phải chăng; thậm chí khi thời tiết nóng nực, đường viền cổ áo cũng không được quá trễ và váy không được quá ngắn.

Phong cách làm việc

Các buổi tiếp xúc với khách nên được thu xếp trước vài tuần. Người Thổ Nhĩ Kỳ khi trao đổi thông tin, thường muốn nghe tận tai, thấy tận mắt, vì vậy, khi trình bày, ngoài thông tin bằng văn bản, cần chuẩn bị đủ slides, hình ảnh, máy chiếu, bản đồ, bảng biểu, giấy ghi chép bằng cả tiếng Thổ Nhĩ Kỳ và tiếng Anh. Tránh thu xếp các cuộc gặp trùng vào kỳ nghỉ (tháng bảy và tháng tám), đặc biệt là trong tháng Ramadan. Cần ghi nhớ kỳ nghỉ “Kurban Bayrani” có thể kéo dài 5 ngày.

Người Thổ Nhĩ Kỳ thích làm việc với những người họ cảm thấy quý mến, tin tưởng, và có thể duy trì quan hệ lâu dài. Vì vậy, việc đầu tư thời gian và nỗ lực ngay từ đầu nhằm tạo lập mối quan hệ tin tưởng, thân thiện là rất quan trọng để đi tới thành công. Phong cách làm việc “đi thẳng vào vấn đề” không phù hợp với người Thổ Nhĩ Kỳ. Trong giao dịch kinh doanh, trước khi bàn đến công việc, nên hỏi thêm về gia đình (chẳng hạn như con cái) của khách hàng, hoặc thông báo những kết quả/thành tựu mà mình (công ty mình) đã đạt được. Người Thổ Nhĩ Kỳ rất tự hào về đất nước của mình và rất thích trả lời những câu hỏi liên quan đến văn hóa Thổ Nhĩ Kỳ, thể thao (đặc biệt là bóng đá), hoặc lịch sử. Tuy nhiên, cần tránh các câu hỏi về chính trị hoặc các vấn đề nhạy cảm như đảo Cyprus hoặc vấn đề nhân quyền.

Để đạt được thoả thuận cuối cùng sẽ mất nhiều thời gian. Người Thổ Nhĩ Kỳ thích đàm phán, một quá trình chịu nhiều tác động của các yếu tố như sự tôn trọng, ảnh hưởng hoặc các vấn đề về kinh tế học. Khi đàm phán, không nhất thiết phải tập trung

vào lợi ích tài chính. Bạn có thể trao đổi thêm về các vấn đề liên quan như quyền lực, ảnh hưởng, danh dự, sự tôn trọng hoặc những lợi ích phi tài chính khác.

Trước khi đàm phán, cần nắm rõ mục tiêu cần đạt được của mình, tiến từ từ đến mục tiêu đó song song với việc đưa ra những nhân nhượng nhất định. Khi nhân nhượng, cần tỏ cho đối tác thấy đó là một thuận lợi thực sự mà mình dành cho đối tác, theo ý của đối tác. Chỉ nhân nhượng khi mình đã đạt được thỏa thuận trên cơ sở có đi có lại. Cần hết sức kiên trì trong suốt quá trình đàm phán. Không nên đưa ra áp lực về thời gian như “thời hạn chót”, “thời hạn cuối cùng” trong đàm phán. Quyết định cuối cùng thường được đưa ra bởi người có địa vị cao nhất trong tổ chức của đối tác, dù bạn đàm phán với cấp dưới của họ.

Người Thổ Nhĩ Kỳ thể hiện sự đồng ý bằng cách gật đầu về phía trước hướng xuống dưới, thể hiện sự không đồng ý bằng cách hất đầu lên về phía sau đồng thời nhướn lông mày. Việc lắc đầu sang hai bên không có nghĩa là “không” trong tiếng Thổ mà thể hiện ý là “tôi không hiểu”.

Người Thổ Nhĩ Kỳ thích giao tiếp trực tiếp, vì thế bạn nên gọi điện trực tiếp cho đối tác thay vì viết thư hoặc email. Người Thổ Nhĩ Kỳ thường trả lời điện thoại bằng câu nói đặc trưng “Alo” (khi phát âm, từ này sẽ nghe ra là “Aylu”). Trong một số trường hợp, họ cũng có thể dùng từ ngữ Buyurun có nghĩa là “tôi có thể giúp gì không” (at your service). Người Thổ Nhĩ Kỳ có xu hướng sử dụng biểu cảm “hah!” để thể hiện sự đồng ý.

Trong tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, thông thường địa chỉ được ghi theo thứ tự như sau: tên của đường phố chính trước, sau đó đến phố nhỏ và tiếp theo là số nhà.

“Bey” có nghĩa là “Mr.” và “Bayan” có nghĩa là “Mrs.” Hoặc “Miss”. Theo tập quán kinh doanh tại Thổ Nhĩ Kỳ, việc gọi tên một chuyên gia bằng danh xưng chuyên môn công việc (nếu có) của người đó thể hiện sự tôn trọng, ví dụ như “bác sĩ” hay “luật sư”. Tuy nhiên, khi gặp gỡ ai lần đầu, họ thường gọi “Mr” hoặc “Mrs” trước tên của người đó.

Giải trí

Việc ăn uống tại nhà hàng được coi là phần tất yếu trong văn hóa kinh doanh tại Thổ Nhĩ Kỳ. Khi thiết lập quan hệ kinh doanh với đối tác Thổ Nhĩ Kỳ, chắc chắn bạn sẽ được mời đi ăn và nếu từ chối sẽ bị coi là không lịch sự.

Thời gian dùng bữa là thời gian thư giãn và phù hợp để trò chuyện với đối tác, không nên đề cập ngay đến vấn đề kinh doanh mà nên coi đây là khoảng thời gian phù hợp để củng cố quan hệ với đối tác.

Theo nghi thức ngoại giao tại Thổ Nhĩ Kỳ, người chủ trì sẽ luôn là người trả tiền cho bữa ăn, họ không có khái niệm về việc chia tiền và cho rằng như vậy là kỳ quặc. Nếu bạn đề nghị trả tiền, họ nhất định sẽ không đồng ý và cho rằng lời đề nghị đó là thiếu lịch sự. Hành động tốt nhất là bày tỏ sự cảm ơn chân thành và sau đó vài ngày mời họ đi ăn tại một nhà hàng khác.

Mặc dù đa số người Thổ Nhĩ Kỳ theo đạo Hồi, tuy nhiên không phải tất cả đều không dùng đồ uống có cồn. Tuy nhiên, bạn nên chờ đến khi đối tác/khách hàng của bạn gọi đồ uống có cồn trước khi bạn gọi vì sẽ là không hay nếu đối tác/khách hàng của bạn không uống đồ có cồn hoặc phải trả tiền cho đồ họ không uống.

Tiền tệ

Đơn vị tiền tệ của Thổ Nhĩ Kỳ là Lira của Thổ Nhĩ Kỳ. Có các loại tiền giấy mệnh giá 5, 10, 20, 50, 100 và 200 lira Thổ Nhĩ Kỳ đang được lưu hành. Ngoài ra còn có tiền xu, trong đó cao nhất là 1 lira Thổ Nhĩ Kỳ, bằng 100 kurus.

Các loại ngoại tệ chính như USD và đồng euro có thể dễ dàng đổi thành lira của Thổ Nhĩ Kỳ tại tất cả các ngân hàng, bưu điện (PTT) và văn phòng ngoại hối.

Máy ATM có mặt khắp nơi ở các thành phố và thị trấn của Thổ Nhĩ Kỳ. Hầu hết các ngân hàng đều có máy ATM bên cạnh nhiều máy ATM hoạt động miễn phí tại các vị trí chiến lược. Có thể rút tiền mặt từ MasterCard, Visa, hoặc các thẻ tín dụng quốc tế lớn khác cũng như thẻ ghi nợ quốc tế. Máy ATM hoạt động giống như ở các nơi khác trên thế giới.

Thẻ tín dụng chính được chấp nhận tại hầu hết các khách sạn, hầu hết các nhà hàng, cửa hàng bách hóa, cửa hàng tạp hóa và các nhà bán lẻ lớn. Thẻ tín dụng của Thổ Nhĩ Kỳ thường hoạt động với mã PIN.

Giờ làm việc của ngân hàng ở Thổ Nhĩ Kỳ là 9:00 sáng đến 5:00 chiều, từ Thứ Hai đến Thứ Sáu. Bạn cũng có thể tìm thấy các chi nhánh ngân hàng mở cửa vào cuối tuần tại các trung tâm mua sắm lớn ở các thành phố lớn.

Điện tử, viễn thông

Vùng phủ sóng điện thoại và điện thoại di động ở Thổ Nhĩ Kỳ là rộng khắp và trên toàn quốc. Các nhà khai thác điện thoại di động của Thổ Nhĩ Kỳ là Turkcell (900 Mhz), Vodafone (900 Mhz) và Turk Telekom (1800 Mhz). Tất cả đều cung cấp mạng 3G và 4,5G LTE. Để tránh chi phí chuyển vùng quốc tế, khách du lịch và doanh nhân nên sử dụng thẻ trả trước dịch vụ di động GSM. Vui lòng liên hệ với nhà cung cấp hiện tại của bạn trước khi đến Thổ Nhĩ Kỳ để đảm bảo rằng điện thoại di động của bạn có thể sử dụng được ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Truy cập Internet WiFi phổ biến trên khắp Thổ Nhĩ Kỳ. Hầu hết các khách sạn, nhà hàng, quán cà phê và doanh nghiệp cũng như các trung tâm giao thông đều cung cấp Wi-Fi miễn phí. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, việc sử dụng WiFi yêu cầu đăng ký bằng số điện thoại di động Thổ Nhĩ Kỳ.

Ở Thổ Nhĩ Kỳ, điện áp tiêu chuẩn là 220 Volts và tần số tiêu chuẩn là 50 Hz. Các cửa hàng mang phong cách Châu Âu nên khách du lịch đến từ một số nước sẽ cần một bộ chuyển đổi phích cắm cho các thiết bị của mình.

Giao thông vận tải.

Hãng hàng không mang cờ quốc gia, Turkish Airlines (THY), cùng với các công ty con của mình, thống trị dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và bay thẳng hàng ngày đến hầu hết các thành phố lớn của Châu Âu, Trung Đông, Châu Á và các cửa ngõ của Hoa Kỳ. Các hãng hàng không châu Âu cũng thường xuyên có các chuyến bay thẳng đến Thổ Nhĩ Kỳ. Lufthansa cung cấp dịch vụ đến Istanbul, Izmir và Ankara từ các trung tâm Star Alliance Frankfurt và Munich. Mặc dù THY thống trị việc đi lại bằng đường hàng không trong nước Thổ Nhĩ Kỳ, chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã tự do hóa dịch vụ hàng không nội địa và các hãng hàng không mới cũng phục vụ thị trường nội địa. Pegasus và Sun Express nằm trong số này và họ cũng có các chuyến bay thẳng, chủ yếu đến các nước châu Âu, đặc biệt là trong những tháng mùa hè.

Giao thông đường sắt, gần đây đã được cải tiến với các tuyến tàu cao tốc giữa các thành phố lớn của Thổ Nhĩ Kỳ.

Mạng lưới xe buýt đường dài toàn diện hoạt động giữa nhiều thành phố lớn. Giá thuê xe hợp lý và phù hợp với giá châu Âu. Giao thông công cộng có sẵn ở các thành phố lớn; tuy nhiên, các doanh nhân nên sử dụng taxi. Giao thông vận tải bằng tàu điện ngầm, mặc dù bị giới hạn trong các tuyến đường cụ thể, cũng có sẵn ở một số thành phố lớn. Đặc biệt ở Istanbul, do giao thông rất đông đúc, nên sử dụng tàu điện ngầm (tàu điện ngầm) trên các tuyến đường cụ thể, như Taksim-Levent, nếu không có thể mất hàng giờ để di chuyển bằng phương tiện.

Y tế

Các cơ sở y tế có sẵn nhưng có thể bị hạn chế ở bên ngoài khu vực đô thị. Dịch vụ chăm sóc được cung cấp tại các bệnh viện Thổ Nhĩ Kỳ rất khác nhau. Các bệnh viện tư nhân mới ở Istanbul, Ankara, Izmir và Antalya có cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại, nhiều chuyên gia được đào tạo tại Hoa Kỳ và được công nhận quốc tế.

Bất kỳ ai đến Thổ Nhĩ Kỳ nên có bảo hiểm y tế toàn diện. Thông tin hữu ích về các trường hợp khẩn cấp y tế ở nước ngoài, bao gồm cả các chương trình bảo hiểm ở nước ngoài, có thể được tìm thấy tại trang web của Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao.

Bạn nên uống nước đóng chai hoặc nước đã được lọc và đun sôi. Đồ uống đóng chai an toàn để uống.

Có thể xem các loại vắc xin được khuyến nghị cho Thổ Nhĩ Kỳ và các biện pháp phòng ngừa sức khỏe khác tại trang web của Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh (CDC).

Giờ địa phương, giờ hành chính và các ngày nghỉ lễ.

Giờ ở Thổ Nhĩ Kỳ là UTC/GMT + 3 giờ và theo một nghị định được thông qua vào năm 2016, điều này không thay đổi. Do đó, Thổ Nhĩ Kỳ đi sau 04 giờ so với Việt Nam.

Giờ làm việc thường từ 08:30 sáng đến 5:30 chiều, từ Thứ Hai đến Thứ Sáu.

Các ngày lễ hàng năm của Thổ Nhĩ Kỳ:

- Ngày 1 tháng 1 - Ngày đầu năm mới (Yeni Yil).

- 23 tháng 4 - Ngày Chủ quyền Quốc gia và Trẻ em (Milli Egemenlik ve Cocuk Bayrami).
- Ngày 1 tháng 5 - Ngày Lao động & Đoàn kết (Emek ve Dayanisma Gunu).
- Ngày 19 tháng 5 - Ngày tưởng niệm Ataturk, Thanh niên & Thể thao (Ataturk'u Anma, Genclik ve Spor Bayrami).
- Ngày 15 tháng 7 - Ngày Dân chủ và Đoàn kết Quốc gia (Demokrasi ve Milli Birlik Gunu).
- Ngày 30 tháng 8 - Ngày Chiến thắng (Zafer Bayrami).
- 28 tháng 10 (1/2) & 29 tháng 10 - Ngày quốc khánh Thổ Nhĩ Kỳ (Cumhuriyet Bayrami).
- Lễ Ramadan (Ramazan Bayrami) - Ngày lễ tôn giáo kéo dài 3,5 ngày vào cuối tháng Ramadan (các ngày khác nhau).
- Lễ tế thần (Kurban Bayrami) - Ngày lễ tôn giáo 4,5 ngày bắt đầu từ 70 ngày sau tháng Ramadan (các ngày khác nhau).

Chính sách thuế quan của Thổ Nhĩ Kỳ

Đặc điểm chính của Liên minh thuế quan là hàng hóa được chuyển dịch tự do giữa EU và Thổ Nhĩ Kỳ mà không phải chịu thuế nhập khẩu hay hạn chế số lượng. Thổ Nhĩ Kỳ bãi bỏ toàn bộ các loại thuế và lệ phí nhập khẩu cũng như hạn chế số lượng đối với hàng công nghiệp của EU.

Thông tin chung

Đặc điểm chính của Liên minh thuế quan là hàng hóa được chuyển dịch tự do giữa EU và Thổ Nhĩ Kỳ mà không phải chịu thuế nhập khẩu hay hạn chế số lượng. Thổ Nhĩ Kỳ bãi bỏ toàn bộ các loại thuế và lệ phí nhập khẩu cũng như hạn chế số lượng đối với hàng công nghiệp của EU. Đối với các sản phẩm được nhập khẩu từ các nước thứ 3, Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng mức thuế bảo hộ quy định trong biểu thuế quan chung của EU, trừ một số sản phẩm được xếp vào diện nhạy cảm.

Liên minh thuế quan ban đầu mới điều chỉnh các sản phẩm công nghiệp và sản phẩm nông sản chế biến. Các sản phẩm nông nghiệp truyền thống sẽ được đưa vào thực hiện trong Liên minh thuế quan chỉ sau khi Thổ Nhĩ Kỳ chấp nhận thực hiện chính sách nông

nghiệp chung của EU. Do vậy, thực tế là Thổ Nhĩ Kỳ loại bỏ các khoản thuế quan và lệ phí đối với các sản phẩm công nghiệp nhập khẩu từ EU. Đối với các sản phẩm nông nghiệp, Thổ Nhĩ Kỳ và EU thiết lập một hệ thống đối với các sản phẩm nông sản chế biến, qua đó có sự phân biệt giữa các sản phẩm có yếu tố cấu thành từ nông nghiệp và yếu tố công nghiệp để áp dụng đánh thuế đối với yếu tố cơ cấu nông nghiệp và miễn thuế đối với yếu tố cơ cấu công nghiệp hợp thành có trong sản phẩm này.

Sau khi Liên minh thuế quan có hiệu lực, giá trị trung bình của tỷ suất bảo hộ bình quân thông qua thuế nhập khẩu áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp nhập khẩu từ Liên minh Châu Âu và các nước EFTA giảm từ khoảng 10% xuống 0%. Đối với nhập khẩu từ các nước thứ 3, giảm từ khoảng 15% xuống 5,6%. Thổ Nhĩ Kỳ thực hiện việc cắt giảm thuế nhập khẩu cho các nước thứ 3 khi Liên minh Châu Âu tiếp tục cắt giảm thuế nhập khẩu theo quy định của các vòng đàm phán WTO.

Thổ Nhĩ Kỳ cũng áp dụng chính sách cạnh tranh và thương mại chung của Liên minh Châu Âu, giúp cho Liên minh thuế quan có hiệu quả hơn.

Đối với các sản phẩm nông nghiệp nhập khẩu từ EU, mức thuế tính theo Liên minh thuế quan. Thuế tiêu thụ đặc biệt - VAT đánh vào hàng nhập khẩu theo mức tương ứng. VAT được tính trên cơ sở giá trị CIF cộng với các lệ phí khác trước khi hàng hóa được thông quan. Mức trần của VAT là 23% đối với các loại hàng hóa nói chung (riêng đối với các sản phẩm công nghiệp mức trần là 15%). Hàng hóa được xuất khẩu đến Thổ Nhĩ Kỳ trước tiên được lưu tại các kho hải quan cho đến khi người nhập khẩu nộp thuế nhập khẩu và VAT. Hàng hóa vốn (tài sản cố định), một số nguyên nhiên vật liệu và các sản phẩm của các dự án đầu tư có giấy chứng nhận ưu đãi được miễn lệ phí nhập khẩu.

Thổ Nhĩ Kỳ đã thực hiện các cam kết với EU và bảo đảm chế độ tự do hóa thương mại theo tiêu chuẩn EU, chính sách sẽ phù hợp với hệ thống quy định của EU về quota, chất lượng sản phẩm, cạnh tranh lành mạnh.

Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng các quy định của Hiệp định Định giá Hải quan cho hàng hóa nhập khẩu từ các nước là thành viên của WTO, EU, các nước là thành viên của Hội đồng hợp tác Bắc Hải, Estonia, Latvia.

Các loại thuế và lệ phí liên quan

Hàng hóa nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ phải chịu một số loại thuế, phí, bao gồm: thuế nhập khẩu (thuế hải quan và phí 'Quỹ nhà ở cho người nghèo' (mass housing fund levies), các loại thuế nội địa (thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế VAT, thuế 'stamp duty').

Thuế nhập khẩu

Sau khi tham gia liên minh quan thuế với EU từ năm 1996, Thổ Nhĩ Kỳ đã áp dụng biểu thuế nhập khẩu chung với các nước EU (đối với tất cả các sản phẩm công nghiệp và tỷ trọng thành phần công nghiệp trong sản phẩm nông nghiệp chế biến nhập từ nước thứ ba). Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng thuế nhập khẩu ưu đãi đối với các nước EFTA và các nước khác đã ký Hiệp định FTA hoặc hiệp định ưu đãi thương mại với Thổ Nhĩ Kỳ .

Cơ cấu hệ thống biểu thuế nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay có 97 chương. Thuế nhập khẩu thông thường (thuế MFN) là loại thuế dành chung cho tất cả các nước mà Thổ Nhĩ Kỳ không có thỏa thuận ưu đãi thuế quan riêng biệt. Biểu thuế nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ không có sự khác biệt nhiều về mức thuế giữa các khối/nước được hưởng ưu đãi và các nước không được hưởng ưu đãi trong các Chương 1, 2. Cụ thể, EU và EFTA đều phải chịu mức thuế giống nhau, chỉ duy nhất Bosnia và Herzegovina (BA) được hưởng mức thuế bằng 0% ở một số mặt hàng, trong khi EU, EFTA và các nước khác phải chịu mức thuế cao. Mức chênh lệch được thể hiện rõ hơn trong Chương 3 (thủy hải sản) khi các nước EFTA, BA được hưởng mức thuế bằng 0% thì các nước EU bị áp mức thuế từ 21 – 37%, trong khi đó các nước khác chịu mức thuế từ 25 – 37,5%. Từ Chương 4 – Chương 12, ngoại trừ một số nước có thỏa thuận riêng rẽ với Thổ Nhĩ Kỳ như BA, Georgia có mức thuế hầu hết bằng 0 (riêng Georgia, một số mặt hàng phải chịu thuế), mức thuế thấp nhất là 2,4%, cao nhất là 170%, còn lại sự chênh lệch giữa các khối được hưởng ưu đãi thuế quan của Thổ Nhĩ Kỳ với các nước khác cao nhất là 9%.

Nhìn chung đối với các sản phẩm nông nghiệp, do chính sách bảo hộ nông nghiệp, nên Thổ Nhĩ Kỳ áp thuế rất cao, trong đó một số sản phẩm có mức thuế rất cao. Biểu thuế nhập khẩu cho thấy, mức thuế phổ thông thấp nhất 2% (một số mã HS cá biệt có mức thuế bằng 0%), các mã HS từ 02081010 đến 02089095 có mức thuế cao 180%, đặc biệt các mã HS từ 02011000 đến 02069099 (các sản phẩm thịt) bị áp mức thuế rất cao 225%, đây cũng là mức thuế nhập khẩu cao nhất của Thổ Nhĩ Kỳ.

Đối với các sản phẩm công nghiệp, mức thuế phổ thông thấp nhất là 1%, cao nhất là 74,9%. Mức thuế chênh lệch thấp nhất giữa các nước chịu thuế phổ thông và các nước được hưởng những ưu đãi khác nhau về thuế quan của Thổ Nhĩ Kỳ là 1,7%, cao nhất là 74,9%. Trong khi đó, đối với các khối như EU, EFTA và một số nước có thỏa thuận riêng rẽ với Thổ Nhĩ Kỳ, mức thuế áp cho các sản phẩm công nghiệp phần lớn là bằng 0%.

Thuế nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ được tính theo tỷ lệ % trên giá trị (ad valorem), áp dụng đối với 97,9% tổng số dòng thuế. Mức thuế không theo tỷ lệ % trên giá trị (non-ad valorem) bao gồm: thuế tuyệt đối 'specific' (đánh trên đơn vị số lượng hoặc cân nặng), thuế hỗn hợp 'mixed' (đánh theo điều kiện mức nào cao hơn/thấp hơn thì áp dụng), thuế kết hợp 'compound' (kết hợp giữa 'ad valorem' và 'specific'), thuế thay đổi 'variable' (đánh theo hàm lượng của sản phẩm) áp dụng đối với 378 sản phẩm hàng hóa theo hệ thống mã HS 12 chữ số. Mức thuế MFN áp dụng cho ngành nông nghiệp (đối với 47,6% sản phẩm nông nghiệp và hàng hóa phi nông nghiệp) cao hơn các ngành khác. Khoảng 46,3% tổng số dòng thuế có tính ràng buộc. Mức thuế ràng buộc (binding rate) trung bình là 33,9%, mức thuế MFN trung bình là 11,6%, mức trần của thuế ràng buộc khá cao, tạo biên độ khá rộng cho việc tăng thuế của Thổ Nhĩ Kỳ. Mức thuế nhập khẩu trung bình đối với sản phẩm công nghiệp là 4,2% và đối với sản phẩm nông nghiệp là 58%.

Toàn bộ các loại thuế nhập khẩu được tính trên cơ sở giá CIF. Nếu giá trị giao dịch không thể xác định, việc định giá hải quan sẽ được thực hiện theo các phương thức trong Hiệp định định giá hải quan WTO (CVA).

Các loại thuế khác

Ngoài thuế nhập khẩu, một số sản phẩm sẽ chịu thuế Quỹ Nhà ở (Mass Housing Fund-MHF levy), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế VAT, thuế 'stamp duty'. Thuế Quỹ nhà ở áp dụng đối với nhập khẩu cá và các sản phẩm cá (283 dòng thuế ở cấp 12 chữ số). Đó là sự chênh lệch giữa mức bảo hộ thuế quan cần thiết và mức thuế pháp định. Thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng đối với: sản phẩm xăng dầu, phương tiện vận tải (ad valorem), đồ uống có cồn và sản phẩm thuốc lá (ad valorem và/hoặc specific), và hàng hóa xa xỉ (ad valorem).

Nhập khẩu tạm thời tài liệu hoặc tài sản cá nhân

Du khách nhập cảnh tạm thời vào Thổ Nhĩ Kỳ và mang theo các mặt hàng như máy tính xách tay và phụ kiện, tài liệu trưng bày và triển lãm, catalogue, tài liệu quảng cáo, tờ rơi và các tài liệu quảng cáo tương tự được phép mang những mặt hàng này vào Thổ Nhĩ Kỳ và được miễn thuế. Để biết thêm thông tin về việc nhập cảnh tạm thời, vui lòng xem các Quy định và Tiêu chuẩn Thương mại, Phần Nhập cảnh Tạm thời.

Các quy định hải quan có thể được tìm thấy tại Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ, trang web của Bộ Thương mại.

Thổ Nhĩ Kỳ sửa đổi một số quy định Hải quan

Những sửa đổi lần này bao gồm sửa đổi quy định về ủy quyền gửi hàng theo hình thức quá cảnh và làm rõ trách nhiệm của cá nhân có liên quan trong việc mở địa điểm lưu giữ hàng hóa tạm thời hoặc kho ngoại quan.

Quy định Hải quan sửa đổi cũng cụ thể thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận ủy quyền gửi hàng và biên bản xác nhận của địa điểm lưu giữ hàng hóa đã cấp theo Quy chế về tạo thuận lợi đối với thủ tục hải quan trước thời điểm sửa đổi.

Các quy định này được sửa đổi vào ngày 24/9/2021. Theo đó, sửa đổi các quy định về ủy quyền gửi hàng và cập nhật các quy định về điều kiện hoạt động của các DN kinh doanh kho bãi tạm thời và quy định liên quan đến cấp phép đầu tư xây dựng kho bãi. Các quy định mới liên quan tới ủy quyền gửi hàng sẽ có hiệu lực vào ngày 1/1/2022.

Theo đó, thủ tục ủy quyền gửi hàng được thực hiện đơn giản như thủ tục đối với hàng hóa quá cảnh. Người được ủy quyền sẽ thực hiện thủ tục quá cảnh hàng hóa mà không cần phải xuất trình chứng với cơ quan Hải quan.

Bộ cũng đưa ra các quy định về điều kiện và thủ tục đối với đơn xin ủy quyền gửi hàng cũng như hủy bỏ và tạm dừng ủy quyền, thủ tục hải quan và các vấn đề khác liên quan đến ủy quyền này.

Quy định sửa đổi sẽ làm rõ phạm vi trách nhiệm của cá nhân có liên quan. Theo đó, giám đốc doanh nghiệp, đại diện pháp nhân, thành viên hội đồng quản trị và những cá nhân nắm giữ tối thiểu 10% vốn của doanh nghiệp không phải chịu trách nhiệm đối với quyết định mở địa điểm lưu giữ hàng hóa tạm thời hoặc kho ngoại quan.

Bên cạnh đó, hủy bỏ quy định về thủ tục cấp phép đầu tư xây dựng kho, bãi tạm thời, cấp phép mở, kinh doanh và chuyển nhượng kho, bãi sẽ không được cấp cho đến khi

cơ quan hải quan thông báo kết luận kiểm tra, điều tra, truy xét, khởi kiện về các tội danh đã nêu.

Giấy ủy quyền gửi hàng và biên bản xác nhận của kho hàng đã được cấp theo Quy chế tạo thuận lợi đối với thủ tục hải quan sẽ vẫn có hiệu lực cho đến ngày 31/12/2023. Người được ủy quyền trong các trường hợp này sẽ phải tuân theo các quy định theo Quy chế tạo thuận lợi đối với thủ tục Hải quan cho đến khi họ có đơn yêu cầu ủy quyền theo quy định mới.

Trong trường hợp những người trước đây đã được cấp giấy ủy quyền gửi hàng theo Quy chế Tạo thuận lợi đối với thủ tục hải quan được cấp giấy ủy quyền gửi hàng theo quy định mới, thì các ủy quyền trước đó sẽ bị thu hồi.

Doanh nghiệp muốn ủy quyền gửi hàng phải tuân thủ các điều kiện và thủ tục do Bộ quy định.

Một số quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa ở Thổ Nhĩ Kỳ

Các quy tắc chung về xuất xứ

Mặc dù vẫn chưa có một khái niệm quốc tế cụ thể nào được nhất trí nhưng “xuất xứ” có thể được định nghĩa như là quốc tịch kinh tế của hàng hoá. Các quy tắc xuất xứ được bất cứ một nước nào áp dụng đối với các nước thứ 3 có thể dựa trên cơ sở các quy tắc xuất xứ được hưởng ưu đãi hoặc không được hưởng ưu đãi. Các quy tắc không được hưởng ưu đãi là những quy tắc xuất xứ dựa trên cơ sở nhằm áp đặt mức thuế đền bù đối với các nước thuộc WTO phù hợp với “điều khoản nước được ưu đãi nhất-MFN”. Nói một cách khác, một mức thuế suất đền bù được đánh vào hàng hoá từ bất cứ nước thành viên WTO nào phù hợp các quy tắc đã được xác định mà không có sự phân biệt. Các quy tắc xuất xứ được hưởng ưu đãi, cũng giống như là việc bỏ đi “điều khoản nước được hưởng ưu đãi nhất” là những quy tắc mà cho phép áp dụng một cách đặc biệt đối với một nhóm nước, và cơ sở để thực hiện điều này thường được xác định trong những hiệp định cụ thể.

Xuất xứ được hưởng ưu đãi

Thổ Nhĩ Kỳ sẽ tiến hành thực thi các thoả thuận tự quyết và ưu đãi sau khi các cuộc đàm phán sẽ được thực hiện với các nước thứ 3 trên cơ sở lợi ích có đi có lại trong thời hạn chuyển đổi 5 năm kể từ khi một Quyết định theo khuôn khổ của Điều 16 Quyết định số

1/95 của Ủy ban Hỗn hợp Thổ Nhĩ Kỳ - EU có hiệu lực. Tóm lại, điều này nghĩa là Thổ Nhĩ Kỳ sẽ thực hiện chế độ ưu đãi của Cộng đồng EU trong thời gian 5 năm.

Mỗi một chế độ ưu đãi có thể có khái niệm cụ thể riêng của nó về “hàng hoá có xuất xứ” và việc áp dụng này chịu sự điều chỉnh của một số điều kiện cơ bản. Nói ngắn gọn lại là, sản phẩm cần phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Phải được quy định bao gồm ở trong Hiệp định,
- Có hoặc đã đạt được tiêu chí xuất xứ phù hợp với Hiệp định,
- Có giấy chứng nhận về bằng chứng xuất xứ,
- Đã được vận chuyển phù hợp với các quy định vận tải trực tiếp,
- Chưa được hưởng lợi từ việc hoàn lại bất cứ khoản thuế nào mà lẽ ra phải nộp hoặc sẽ phải nộp trong quá trình nhập khẩu đầu, vào hoặc được miễn thuế.

* Các quy tắc xuất xứ theo Chương trình Hệ thống ưu đãi phổ cập (GSP) của Thổ Nhĩ Kỳ

Trong khuôn khổ Hệ thống ưu đãi phổ cập, Thổ Nhĩ Kỳ đã dành ưu đãi thuế quan cho các nước được hưởng lợi kể từ ngày 1/1/2002, điều này xuất phát từ kết quả của liên minh quan thuế giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Cộng đồng Châu Âu dựa trên Quyết định số 1/95 của Hội đồng Hỗn hợp giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Cộng đồng Châu Âu.

Các quy tắc xuất xứ được điều chỉnh bởi “Quyết định số 2001/3485 về việc xác định xuất xứ hàng hoá được hưởng lợi từ chế độ ưu đãi nhằm các mục đích của Hệ thống ưu đãi phổ cập” (sau đây nó được gọi là “Quyết định”), Quyết định này đã được công bố trên công báo của Thổ Nhĩ Kỳ vào ngày 30/12/2001.

Nhằm các mục đích của Hệ thống ưu đãi phổ cập, Quyết định nói trên quy định và điều chỉnh các thủ tục và nguyên tắc để xác định xuất xứ hàng hoá được hưởng lợi từ chế độ ưu đãi khi buôn bán với Thổ Nhĩ Kỳ. Các điều khoản của Quyết định này phù hợp với các điều khoản của “Quy chế số 1602/2000 của Ủy ban Châu Âu về việc sửa đổi Quy chế số 2454/93 quy định các điều khoản nhằm thực hiện Quy chế số 2193/92 của Hội đồng Châu Âu thiết lập Mã số Hải quan của Cộng đồng”

Hàng hoá được hưởng lợi từ việc đối xử ưu đãi theo chế độ GSP của Thổ Nhĩ Kỳ phải đáp ứng được 3 yêu cầu chủ yếu sau đây:

- 1- Nước xuất khẩu phải được chỉ ra như là nước hưởng lợi;

2- Sản phẩm phải phù hợp đối với việc đối xử GSP;

3- Sản phẩm phải đáp ứng tiêu chuẩn xuất xứ.

Liên quan đến tiêu chuẩn xuất xứ, hàng hoá từ nước được hưởng lợi xuất khẩu đến Thổ Nhĩ Kỳ phải tuân thủ các yêu cầu về quy tắc xuất xứ miễn là chúng thuộc chế độ GSP vì chúng sẽ được hưởng lợi từ việc đối xử thuế quan ưu đãi. Hàng hoá không tuân thủ các yêu cầu về quy tắc xuất xứ sẽ bị từ chối được đối xử ưu đãi và mức thuế suất thông thường sẽ được áp dụng đối với những hàng hoá này.

Các quy tắc về xuất xứ theo chế độ GSP của Thổ Nhĩ Kỳ bao gồm những yếu tố: Tiêu chuẩn về xuất xứ; Các lô hàng vận tải trực tiếp; và Minh bạch về chứng từ. Cụ thể, những yếu tố này được quy định chi tiết như sau:

Tiêu chuẩn về chứng từ

Các Điều 3, 4, 6 và 7 của Quyết định đề cập tới các điều kiện của sản phẩm sẽ được xem là có nguồn gốc ở Thổ Nhĩ Kỳ hoặc ở một nước được hưởng lợi. Điều 5 liên quan đến cách tích tích lũy với Nauy, Thụy sĩ và Cộng đồng Châu Âu. Điều 13 đưa ra các điều khoản về Cách tính tích lũy khu vực.

- Các sản phẩm thu được một cách toàn bộ (Điều 6): Các sản phẩm sau đây sẽ được coi là thu được một cách toàn bộ ở Thổ Nhĩ Kỳ hoặc ở một nước được hưởng lợi:

- (1) Các sản phẩm khoáng sản được khai thác từ lòng đất hoặc từ đáy biển;
- (2) Các sản phẩm rau quả được thu hoạch như nói trên;
- (3) Động vật sống được đẻ và nuôi ở nước đó;
- (4) Các sản phẩm có nguồn gốc từ các động vật sống nêu trên;
- (5) Các sản phẩm có được bằng việc săn bắt và đánh bắt được thực hiện như trên;
- (6) Các sản phẩm đánh bắt ở biển hoặc các sản phẩm khác đánh bắt ở biển ngoài lãnh hải của mình bằng các tàu;
- (7) Hàng hoá làm ở trên bong các tàu đánh bắt ngoài trừ những sản phẩm được đề cập trong tiêu đoạn (6);
- (8) Các sản phẩm đã qua sử dụng được thu thập như nói ở trên chỉ phù hợp để tái chế nguyên vật liệu;

(9) Các sản phẩm phế thải và phế phẩm được tạo ra từ các hoạt động sản xuất được tiến hành như nói ở trên;

(10) Các sản phẩm được khai thác từ lòng biển hoặc dưới lòng biển mà nó nằm ngoài lãnh thổ của nước mình nhưng mình có quyền khai thác duy nhất;

(11) Các hàng hoá được sản xuất như nói ở trên ngoại trừ các sản phẩm được đề cập trong các tiểu đoạn từ (1) đến (10).

- Các sản phẩm mà đã trải qua một quá trình chế tạo hoặc gia công hợp lý (Điều 7): Các sản phẩm mà không thu được một cách toàn bộ được coi là được chế tạo hoặc gia công một cách hợp lý một khi các điều kiện quy định trong danh mục thuộc Phụ lục 2 của Quyết định được đáp ứng.

Mặt khác, các nguyên vật liệu không có xuất xứ có thể được sử dụng để sản xuất một sản phẩm miễn là tổng trị giá của chúng không được vượt quá 10% giá xuất xưởng của sản phẩm hoặc là bất cứ một mức tỷ lệ % nào cho trước trong danh mục dành cho trị giá tối đa của các nguyên vật liệu không có xuất xứ không được vượt quá thông qua việc áp dụng đoạn quy định này

- Cách tính tích lũy song phương (Điều 4): Các nguyên vật liệu có nguồn gốc ở Thổ Nhĩ Kỳ sẽ được coi là những nguyên vật liệu có nguồn gốc ở nước được hưởng lợi khi nó được kết hợp ở trong một sản phẩm thu được ở nước đó. Không nhất thiết là những nguyên vật liệu như vậy đã trải qua quá trình chế tạo hoặc gia công hợp lý, miễn là chúng đã trải qua quá trình chế tạo hoặc gia công vượt quá các hoạt động được đề cập trong Điều 8 của Quyết định.

- Quá trình chế tạo hoặc gia công không hợp lý: Các hoạt động sau đây sẽ được coi là quá trình chế tạo hoặc gia công không hợp lý đối với việc xác định nguồn gốc các sản phẩm:

(a) Các hoạt động bảo đảm việc bảo quản các sản phẩm trong điều kiện tốt trong quá trình vận chuyển hoặc lưu kho (thông hơi, căng trải ra, làm khô, hoá lạnh, rải muối, sulphur dioxide hoặc các giải pháp sử dụng hơi nước, tháo bỏ các bộ phận gây hư hỏng và các hoạt động tương tự);

(b) Các hoạt động đơn giản bao gồm quét dọn bụi, sàng lọc, lựa chọn, phân loại, che chắn (bao gồm việc che giấu các linh kiện của hàng hoá), lau rửa, quét sơn, cắt bỏ;

(c) Các thay đổi về đóng gói và tháo dỡ và lắp ráp các kiện, việc xếp dỡ đơn giản các chai lọ, bình, túi, hòm, kiện, việc gắn chặt lại các tấm biển thông báo hoặc chỉ dẫn... và tất cả các hoạt động đóng gói đơn giản khác;

(d) Ấn định lại nhãn mác, nhãn hiệu và các hoạt động tương tự khác như phân biệt các ký hiệu trên sản phẩm hoặc đóng gói chúng;

(e) Việc pha trộn đơn giản các sản phẩm, liệu có bao gồm các loại khác nhau hay không, tại đó có một hoặc nhiều linh kiện hỗn hợp không đáp ứng các điều kiện đặt ra trong Quyết định để tạo thuận lợi cho chúng được coi là có nguồn gốc xuất xứ ở Thổ Nhĩ Kỳ hoặc ở nước được hưởng lợi;

(f) Việc lắp ráp đơn giản các bộ phận để tạo thành một sản phẩm hoàn thiện;

(g) Việc kết hợp hai hoặc nhiều hơn hai các hoạt động được quy định cụ thể trong các tiểu đoạn từ (a) đến (f);

(h) Giết mổ gia súc

- Cách tính tích lũy với Nauy, Thụy sĩ và Cộng đồng Châu Âu (Điều 5): Điều 5 đặt ra các điều khoản tích lũy với Nauy, Thụy sĩ và EU. Tuy nhiên, Điều này sẽ không được áp dụng cho đến khi các thoả thuận cần thiết sẽ được các nước này ký kết.

- Cách tính tích lũy theo khu vực (Điều 13): Theo Điều 13 của Quyết định, cách tính tích lũy theo khu vực được áp dụng có nghĩa là các sản phẩm có nguồn gốc từ bất cứ một nước nào trong các nước thuộc nhóm khu vực đó và được sử dụng để tiếp tục chế tạo ở một nước khác của nhóm sẽ được đối xử như là chúng đã có nguồn gốc ở nước tiếp tục sản xuất đó.

+ Có 4 nhóm khu vực kinh tế có thể tận dụng hưởng lợi chế độ GSP của Thổ Nhĩ Kỳ. Các nhóm này gồm có:

(a) Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN bao gồm: Brunei, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Philipin, Singapore, Thái Lan và Việt nam).

(b) Thị trường chung Trung Mỹ (CACM bao gồm: Costa Rica, Honduras, Guatemala, Nicaragua, Panama, El Salvador).

(c) Cộng đồng Andean (bao gồm: Bolivia, Colombia, Ecuador, Peru, Venezuela).

(d) Hiệp hội hợp tác khu vực Nam á (SAARC bao gồm: Bangladesh, Bhutan, Ấn Độ, Maldives, Nepal, Pakistan, Sri Lanka).

+ Mặt khác, các điều khoản quy định liên quan đến cách tính tích lũy khu vực sẽ được áp dụng miễn là những quy tắc này như là giữa các nước của nhóm khu vực, giống như những quy tắc đã được nêu trong Quyết định này và mỗi nước của nhóm khu vực đã cam kết tuân thủ hoặc bảo đảm sự phù hợp với các điều khoản của Quyết định này và cung cấp sự hợp tác về mặt quản lý nhà nước cần thiết cả cho Thổ Nhĩ Kỳ và cho các nước khác của nhóm khu vực nhằm đảm bảo phát hành đúng đắn các giấy chứng nhận xuất xứ Form A và xác nhận giấy chứng nhận xuất xứ Form A và khai báo hoá đơn.

- Lưu ý: Việc cam kết thực hiện các thủ tục nói trên phải được các nước chuyển cho phía Thổ Nhĩ Kỳ thông qua kênh ngoại giao.

Hàng vận tải trực tiếp: Theo Điều 22 của Quyết định, đối xử ưu đãi sẽ chỉ được áp dụng đối với các sản phẩm đáp ứng các yêu cầu của Quyết định này và được chuyên chở trực tiếp giữa Thổ Nhĩ Kỳ và nước được hưởng lợi. Yêu cầu này nhằm mục đích bảo đảm rằng hàng hoá được vận chuyển từ nước được hưởng lợi là những hàng hoá giống như hàng hoá được dỡ xuống ở cảng nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ và chúng chưa bị ảnh hưởng hoặc được tiếp tục gia công ở nước thứ 3 trong quá trình chuyên chở.

Minh bạch về chứng từ:

a/Các sản phẩm có nguồn gốc từ nước hưởng lợi sẽ được hưởng lợi ích từ Hệ thống ưu đãi phổ cập khi nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ sau khi xuất trình hoặc là Giấy chứng nhận xuất xứ Form A hoặc Khai báo hoá đơn

- Giấy chứng nhận xuất xứ Form A: Sản phẩm có nguồn gốc theo ý nghĩa của Quyết định này sẽ được hưởng lợi từ chế độ ưu đãi khi nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ sau khi xuất trình giấy chứng nhận xuất xứ Form A do các cơ quan hải quan hoặc các cơ quan khác có thẩm quyền thuộc chính phủ của nước hưởng lợi cấp.

- Khai báo hoá đơn: Một giấy khai báo hoá đơn có thể được lập ra nếu sản phẩm có liên quan có thể được xem là có nguồn gốc từ Thổ Nhĩ Kỳ hoặc từ một nước hưởng lợi và đáp ứng các yêu cầu khác của Quyết định. Giấy khai báo hoá đơn có thể được lập bởi một người xuất khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ đã được phê duyệt hoặc bởi bất cứ một

người xuất khẩu nào đối với lô hàng bao gồm một hoặc nhiều kiện chứa đựng các sản phẩm có nguồn gốc mà tổng trị giá của nó không vượt quá 6.000 Euro.

- Giấy chứng nhận xuất xứ Form A được cấp lùi ngày và sao làm 2 bản: Một giấy chứng nhận xuất xứ Form A có thể được cấp một cách ngoại lệ sau khi đã xuất khẩu sản phẩm trong những trường hợp sau đây:

+ Nó đã không được cấp vào thời điểm xuất khẩu do các sai sót và sự nhầm lẫn không có chủ tâm hoặc các tình huống đặc biệt.

+ Nó được giải thích hài lòng các cơ quan có thẩm quyền của chính phủ là giấy chứng nhận xuất xứ Form A đã được cấp nhưng không được chấp nhận tại lúc nhập khẩu vì lý do kỹ thuật.

Trong trường hợp giấy chứng nhận xuất xứ Form A bị mất trộm, bị rơi hoặc bị hỏng, người xuất khẩu có thể xin các cơ quan có thẩm quyền của chính phủ đã phát hành nó một bản thứ 2 sẽ được tạo lập trên cơ sở các chứng từ xuất khẩu mà người xuất khẩu còn giữ.

b/ Khi xuất khẩu từ Thổ Nhĩ Kỳ đến nước hưởng lợi để nhằm được hưởng lợi từ cách tính tích lũy song phương đối với hàng hoá có nguồn gốc từ Thổ Nhĩ Kỳ và đáp ứng các yêu cầu khác của Quyết định, sự minh bạch về vị thế nguồn gốc của các sản phẩm sẽ phải nộp bằng một giấy chứng nhận di chuyển giá 1 Euro hoặc là một giấy khai báo hoá đơn.

Các thủ tục và nguyên tắc sử dụng Giấy chứng nhận di chuyển giá 1 Euro đã được cấp và khai báo hoá đơn được nêu trong “Quy chế về Giấy chứng nhận di chuyển 1 Euro và Giấy khai báo hoá đơn sẽ được cấp khi xuất khẩu theo Hệ thống ưu đãi phổ cập của Thổ Nhĩ Kỳ”, quy chế này được công bố trên Công báo số 24704 ngày 23/4/2002.

- Các sản phẩm phi mậu dịch: Các sản phẩm được gửi như là những gói nhỏ từ những người cá nhân không vượt quá giá trị 500 Euro và những thứ tạo thành một phần của hành lý cá nhân của khách du lịch với tổng trị giá không vượt quá 1.200 Euro sẽ được thừa nhận là có nguồn gốc mà không bị yêu cầu xuất trình bằng chứng nguồn gốc.

- Hiệu lực của bằng chứng nguồn gốc: Một bằng chứng nguồn gốc sẽ có hiệu lực trong 10 tháng kể từ ngày phát hành ở nước xuất khẩu và sẽ được xuất trình trong thời hạn nói trên cho các cơ quan hải quan của nước nhập khẩu

- Việc xác nhận sau: Các thông tin được cung cấp trên các giấy chứng nhận xuất xứ Form A và các giấy khai báo hoá đơn có thể được xác nhận ngẫu nhiên hoặc bất cứ lúc

nào các cơ quan hải quan của Thổ Nhĩ Kỳ có sự nghi ngờ hợp lý đối với tính xác thực của chứng từ hoặc độ chính xác của các thông tin liên quan đến xuất xứ hàng hoá.

Khi đơn xin xác nhận sau đã được tạo lập, việc xác nhận như vậy sẽ được thực hiện và kết quả của nó phải được thông báo cho phía Thổ Nhĩ Kỳ trong thời hạn tối đa là 6 tháng. Nếu trong các trường hợp có nghi ngờ hợp lý mà không có sự trả lời trong thời hạn 6 tháng hoặc nếu việc tra lời không chứa đựng những thông tin phù hợp để xác định tính xác thực của chứng từ được yêu cầu hoặc xuất xứ thực tế của sản phẩm, một yêu cầu về thông tin lần thứ 2 sẽ được gửi tới các cơ quan có thẩm quyền. Nếu sau khi có lần thứ 2 này, các kết quả của việc xác nhận không được trả lời đối với cơ quan yêu cầu trong thời hạn 4 tháng hoặc những kết quả này không cho phép xác định được tính xác thực của chứng từ được yêu cầu hoặc nguồn gốc xuất xứ thực tế của sản phẩm thì cơ quan yêu cầu ngoại trừ trong các trường hợp loại trừ sẽ từ chối cho phép được hưởng chế độ ưu đãi.

- Về hiệu lực thực hiện: Quyết định số 2001/3485 nói trên đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2002.

Xuất xứ không được hưởng ưu đãi

Các quy tắc xuất xứ trong Hiệp định về các quy tắc xuất xứ được ký vào lúc kết thúc vòng đàm phán Uruguay của GATT được xác định như là sự thừa nhận về mặt quản lý liên quan đến việc áp dụng chung và luật pháp, các quy định được các thành viên áp dụng để nhận biết được nước xuất xứ hàng hoá. Các thỏa thuận ưu đãi và tự quyết dẫn tới ưu đãi thuế quan bị loại trừ trong khái niệm này.

Hiệp định nói trên nhằm mục đích ngăn chặn việc cản trở thương mại bán bằng cách áp dụng các quy tắc xuất xứ. Về vấn đề này, một chương trình nghiên cứu đã được xác lập và người ta gợi ý là quá trình áp dụng các quy tắc xuất xứ nên được hoàn tất trong thời hạn 3 tháng kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

Trong khuôn khổ của Hiệp định này, Ủy ban về các Quy tắc xuất xứ thuộc WTO và Ủy ban Kỹ thuật về các Quy tắc xuất xứ thuộc WTO đã được thành lập. Các nghiên cứu cũng đã được hai Ủy ban này tiến hành thực hiện.

Các đại biểu của Thổ Nhĩ Kỳ cũng tham gia vào hai Ủy ban này. Một số tiêu chuẩn về gia công và chế biến tối thiểu (sản phẩm được hoàn toàn lấy ở trong một nước) đã

được xác định trong giai đoạn đầu tiên của các nghiên cứu. Thổ Nhĩ Kỳ trong giai đoạn hai của các nghiên cứu mà theo đó các thủ tục để tạo khái niệm và xác định xuất xứ trên cơ sở sửa đổi mức thuế đã được Ủy ban kỹ thuật về Quy tắc xuất xứ xác định, sẽ phối hợp cộng tác với Ban Thư ký ngoại thương đưa ra công bố quan điểm của mình sau khi tham khảo với các ngành liên quan.

Các quy tắc xuất xứ theo luật của Thổ Nhĩ Kỳ

* Theo Luật Hải quan số 4468: Xuất xứ hàng hoá không được hưởng ưu đãi đã được thiết lập theo các quy định của các Điều từ 17-22 của Luật Hải quan số 4458.

* Xuất xứ của hàng hoá:

Xuất xứ của hàng hoá không được hưởng ưu đãi.

- Điều 17: Các Điều từ 18-21 xác định xuất xứ hàng hoá không được hưởng ưu đãi nhằm các mục đích sau:

a/ Áp dụng Biểu thuế quan của Thổ Nhĩ Kỳ với việc loại trừ các biện pháp được đề cập đến trong Điều 15 (3) (d) và (e);

b/ Áp dụng các biện pháp được Hội đồng Bộ trưởng quy định ngoài các biện pháp thuế liên quan đến thương mại hàng hoá;

c/ Lập và phát hành các giấy chứng nhận xuất xứ

- Điều 18:

1- Hàng hoá có nguồn gốc từ một nước sẽ là những hàng hoá được sản xuất hoặc được thực hiện toàn bộ khâu chế tạo từ nước đó.

2- Sự diễn đạt “hàng hoá được thực hiện toàn bộ khâu chế tạo trong một nước” nghĩa là:

a/ Các sản phẩm khoáng sản được khai thác, chiết xuất ở trong phạm vi nước đó;

b/ Các sản phẩm rau quả được thu hoạch trong nước đó;

c/ Động vật sống được đẻ và nuôi ở nước đó;

d/ Các sản phẩm có nguồn gốc từ các động vật sống nêu trên;

e/ Các sản phẩm săn bắt và đánh bắt được thực hiện ở trong nước nói trên

f/ Các sản phẩm đánh bắt ở biển hoặc các sản phẩm khác đánh bắt ở biển ngoài lãnh hải của một nước bằng các tàu bè được đăng ký hoặc đăng kiểm ở nước liên quan và treo cờ nước nói trên;

g/ Hàng hoá lấy tại ở trên bong các tàu đánh bắt thỦy hải sản từ những sản phẩm được đề cập trong tiểu đoạn (f) trên đây có nguồn gốc ở nước đã nói, miễn là các tàu đánh bắt đó được đăng ký hoặc đăng kiểm trong nước nói trên và treo cờ nước đó;

h/ Các sản phẩm lấy được từ lòng biển hoặc bên dưới lớp đất hoặc dưới đáy biển bên ngoài lãnh hải, miễn là nước đó có quyền khai thác vùng biển hoặc khu vực đất đai đó;

i/ Các sản phẩm phế thải và phế phẩm được tạo ra từ các hoạt động sản xuất và các vật dụng đã sử dụng nếu chúng được thu nhặt tại nước đó và chỉ phù hợp cho việc tái chế nguyên vật liệu;

j/ Hàng hoá được sản xuất tại nước nói trên, ngoại trừ các hàng hoá được đề cập trong các tiểu đoạn (a) đến (i) hoặc từ các chất chiết xuất của chúng tại bất cứ giai đoạn sản xuất nào.

3- Nhằm các mục đích của đoạn 2, sự giải thích “một nước” nghĩa là lãnh hải của nước đó.

- Điều 19: Hàng hoá mà việc sản xuất ra nó liên quan đến nhiều hơn 1 nước sẽ được coi là có nguồn gốc ở nước mà tại đó một sản phẩm mới sẽ được sản xuất ra hoặc hàng hoá về mặt kinh tế đã trải qua một quá trình chuyển đổi cơ bản lâu dài và một quy trình sản xuất quan trọng.

- Điều 20: Bất cứ một quá trình gia công hoặc chế tạo liên quan đến những cái mà nó được tạo lập lên hoặc liên quan đến những cái như thực tế đã thừa nhận tạo ra sự bất chước, mà mục đích duy nhất của nó là ngăn cản các quy định có thể được Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng đối với hàng hoá từ các nước cụ thể sẽ không được coi là dành cho các hàng hoá có nước xuất xứ tại nơi nó được thực hiện sản xuất theo ý nghĩa của Điều 19.

- Điều 21:

1- Việc xuất trình giấy chứng nhận xuất xứ là mang tính lựa chọn. Tuy nhiên, sẽ bắt buộc phải đưa ra giấy chứng nhận xuất xứ chứng minh rằng hàng hoá có nguồn gốc từ một nước ký kết hiệp định hoặc được coi là có sự biến đổi và hoạt động theo đó hàng hoá thuộc phạm vi điều chỉnh trong nước đó là nơi mà việc giảm thuế được yêu cầu nhằm mang lại lợi ích cho hai bên trên cơ sở giấy chứng nhận xuất xứ phù hợp với các quy định của các hiệp định quốc tế và song phương.

2- Trong các trường hợp ngoài đoạn 1 trên, các quy tắc và nguyên tắc đối với việc xuất trình giấy chứng nhận xuất xứ và không đòi hỏi một giấy chứng nhận xuất xứ liên quan đến trị giá, nguồn gốc, mô tả hoặc bản chất của hàng hoá sẽ do các quy định xác định rõ.

3- Hình thức và nội dung của giấy xuất xứ sẽ do các quy định xác định có xem xét đến các thoả thuận quốc tế.

4- Tuy đã xuất trình giấy chứng nhận xuất xứ nhưng các cơ quan hải quan có thể vẫn yêu cầu các giấy tờ chứng minh bổ sung trong trường hợp họ có nghi ngờ

Xuất xứ của hàng hoá được hưởng ưu đãi.

Ngoài những quy định đã nêu trong mục Các quy tắc xuất xứ theo Chương trình Hệ thống ưu đãi phổ cập (GSP) của Thỏ Nhĩ Kỳ thuộc phần II/ Xuất xứ được hưởng ưu đãi nói trên nay, Thỏ Nhĩ Kỳ còn có thêm một số quy định sau đây liên quan đến xuất xứ của hàng hoá được hưởng ưu đãi:

- Điều 22: Các quy tắc xuất xứ của hàng hoá được hưởng ưu đãi nhằm có lợi từ các biện pháp thuế quan ưu đãi được đề cập trong Điều 15 sẽ:

a/ Được xác định bởi các hiệp định này trong trường hợp hàng hoá do các hiệp định điều chỉnh đã được đề cập tới trong Điều 15 (3) (d);

b/ Được xác định phù hợp với Nghị định của Hội đồng bộ trưởng trong trường hợp hàng hoá có lợi từ các biện pháp thuế ưu đãi đã được đề cập trong Điều 15 (e).

Trong Quy chế hải quan được ban hành hướng dẫn Luật hải quan, các thoả thuận về các quy tắc xuất xứ đã được quy định trong các Điều từ 72-86.

Hệ thống tính tích lũy xuất xứ

Các quy tắc về quy định nguồn gốc xuất xứ có thể có một số linh hoạt đối với cách tính tích lũy xuất xứ nhằm phát triển quan hệ kinh tế của các nước có một hiệp định giữa họ với nhau.

Nhìn chung, cách tính tích lũy nghĩa là không cần đối với các sản phẩm có nguồn gốc tại một bên trong Hiệp định để trải qua một giai đoạn biến đổi hợp lý ở đó nhằm có được vị thế xuất xứ có nguồn gốc của một bên kia.

Mục đích của cách tính tích lũy xuất xứ

Mục đích của cách tính tích lũy xuất xứ là để phát triển thương mại giữa các nước có quan hệ ưu đãi với nhau. Trong hệ thống tính tích lũy, không nhất thiết là các nguyên vật liệu có nguồn gốc xuất xứ ở một khu vực đã trải qua quá trình gia công hoặc chế biến hợp lý, miễn là chúng trải qua quá trình gia công hoặc chế biến vượt ngoài tầm của các hoạt động sản xuất mà theo đó sẽ chưa bao giờ mang lại một vị thế nguồn gốc xuất xứ (các hoạt động tối thiểu như vậy được gọi như là việc lắp ráp một cách đơn giản một số bộ phận). Trong cách tính tích lũy, không chỉ một nước mà tại đó có việc thực hiện quá trình gia công mà còn có một khu vực do nhiều nước thiết lập lên bao gồm trong một hệ thống cách tính tích lũy đã được xem xét.

Cách tính tích lũy song phương

Cách tính tích lũy xuất xứ song phương mà là cách đơn giản nhất trong các mô hình cách tính tích lũy được áp dụng đối với các công việc giữa 2 nước và chỉ đối với các sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ ở hai nước này. Ví dụ, trong quan hệ thương mại ưu đãi giữa Israel và Thổ Nhĩ Kỳ, các cầu chì mạch điện tiếp hợp sản xuất ở Israel bằng cách lắp ráp các nguyên vật liệu đầu vào có nguồn gốc từ Israel và các vi linh kiện điện tử (microchip) có nguồn gốc xuất xứ ở Thổ Nhĩ Kỳ (có mã số HS là 85.42) được coi là có nguồn gốc xuất xứ từ Israel và có thể có lợi từ việc đối xử ưu đãi khi được nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ. Liệu việc lắp ráp này có được coi là một quá trình biến đổi chủ yếu hay không thì cũng không ảnh hưởng đến kết quả của nó. Tuy nhiên, nếu các nguyên vật liệu đầu vào có nguồn gốc từ nước thứ 3 được đưa vào sử dụng thì những nguyên vật liệu đầu vào này phải được trải qua một quá trình biến đổi thực chất

Cách tính tích lũy đường chéo góc.

Cách tính tích lũy đường chéo góc nghĩa là nguyên vật liệu đầu vào có nguồn gốc xuất xứ từ bất cứ một nước nào trong số các nước nói trên là được phép để sử dụng cho việc sản xuất các sản phẩm căn bản sau cùng, ở đó có nhiều hơn 2 nước là những bên ký kết một Hiệp định đơn nhất hoặc có một vài nước cùng nhau tạo lập nên các hiệp định tương tự như là trong Hệ thống Liên Châu Âu (Pan-European). Ví dụ, giả sử là hệ thống cách tính tích lũy Liên Châu Âu vận hành đầy đủ thì một cái vô tuyến được sản xuất bằng cách lắp ráp các tổ hợp linh kiện thiết bị có nguồn gốc từ Hungary, EC và Ba lan (mã số HS là 85.28) được coi như là có nguồn gốc xuất xứ từ “khu vực tích lũy” và có lợi từ sự đối xử ưu đãi khi nó được xuất khẩu sang EC. Cái vô tuyến được

coi là có nguồn gốc xuất xứ từ nước nào trong khu vực này là một vấn đề về cách tính tích lũy chéo góc.

Cách tính tích lũy xuất xứ Liên Châu Âu

Trước năm 1997, xuất xứ của hàng hoá đã được các hiệp định thương mại tự do cụ thể thừa nhận giữa các nước ở Châu Âu, theo cách đó đòi hỏi các tiêu chuẩn khác nhau cho nên hàng hoá đáp ứng các tiêu chuẩn xuất xứ và có lợi từ việc đối xử ưu đãi thuộc một hiệp định có thể không đáp ứng các yêu cầu của hiệp định khác khi nó được xuất khẩu tới một nước khác. Kết quả của các quy định mà nêu lên rằng việc áp dụng các quy tắc xuất xứ khác nhau giữa các nước làm phân chia Châu Âu thành nhiều khối khu vực xuất xứ và là những trở ngại đối với tự do thương mại và bởi vậy gây thiệt hại đối với sự phát triển kinh tế là một hệ thống mới đã được thành lập với tên gọi là “Cách tính tích lũy xuất xứ Liên Châu Âu” làm thống nhất các quy tắc xuất xứ ở Châu Âu và cho phép sử dụng một cách hiệu quả nhất các hiệp định thương mại tự do. Đó là một minh chứng liên quan đến lý do thành lập hệ thống này. Khi hệ thống được tạo ra thì ngành sản xuất ô tô ở Châu Âu trước đó đã có rắc rối với một số vấn đề do kết quả từ các tiêu chuẩn xuất xứ khác nhau, bởi vậy mà ngành này không có lợi ích từ các hiệp định thương mại tự do hiện có ở Châu Âu. Các nhà sản xuất ô tô có thể đã không có lợi từ các nền kinh tế quy mô lớn ở trên thị trường như EU, EFTA và các nước Trung và Đông Âu là do bởi các quy tắc xuất xứ khác nhau của họ. Có thể giả sử hệ thống này là kết quả của điều đã nói. Hệ thống cách tính tích lũy xuất xứ đã có hiệu lực kể từ năm 1997 bao gồm các nước Ba lan, Hungary, Cộng hoà Séc, Cộng hoà Slovak, Rumani, Bungary, Slovenia, Lithuania, Letonia, Estonia và các nước khu vực EFTA. Các nguyên vật liệu đầu vào có nguồn gốc từ các nước thuộc hệ thống có thể được sử dụng trong quá trình sản xuất để xuất khẩu sang các nước thuộc hệ thống và sản phẩm cuối cùng có thể được hưởng đối xử ưu đãi khi nó được nhập khẩu

Hệ thống cách tính tích lũy xuất xứ của Thổ Nhĩ Kỳ và của Liên minh Châu Âu

Điều 16 và 28 trong Quyết định của Hội đồng hỗn hợp Thổ Nhĩ Kỳ và EU (Ủy ban Hỗn hợp Thổ Nhĩ Kỳ và EU) là cơ quan sáng lập ra Liên minh quan thuế, đã quy định trách nhiệm của Thổ Nhĩ Kỳ phải hài hoà với các chính sách thương mại của EU và điều chỉnh luật pháp của mình giống với của EU. Các quy tắc xuất xứ trong các hiệp định thương mại tự do song phương của Thổ Nhĩ Kỳ tương xứng với Các quy tắc xuất

xứ của Liên Châu Âu. Theo như sự đồng thuận giữa Thổ Nhĩ Kỳ và EU về việc Thổ Nhĩ Kỳ tham gia hệ thống vào phiên họp lần thứ 38 của Hội đồng hỗn hợp nói trên, các quy định về cách tính tích lũy của các hiệp định đối tác giữa Thổ Nhĩ Kỳ và các nước thuộc hệ thống khác đã bị thay đổi từ ngày 1/1/1999. Theo quyết định này, Thổ Nhĩ Kỳ sẽ có lợi từ cách tính tích lũy đường chéo góc ngoại trừ đối với các sản phẩm nông sản dành cho EU theo các hiệp định thương mại tự do đã được các bên hoàn tất. Tuy nhiên, các quy tắc của hệ thống đã được thay đổi theo định kỳ. Các quy tắc và nguyên tắc bị thay đổi đã được phản ánh tới các nghị định thư về xuất xứ bên cạnh các hiệp định năm này qua năm khác. ở Thổ Nhĩ Kỳ, những thay đổi này đã được Hội đồng bộ trưởng thông qua và các thay đổi về Quy chế công nhận xuất xứ của hàng hoá được hưởng ưu đãi đã được công bố trên công báo. Mặt khác, sau khi hoàn thành các hiệp định song phương giữa các nước khu vực Địa Trung Hải trong đó Thổ Nhĩ Kỳ là một thành viên, Hệ thống cách tính tích lũy xuất xứ khu vực Địa Trung Hải sẽ được thành lập vào năm 2010.

Chương 9: Thông tin liên hệ cần thiết

Các thông tin liên hệ

- Đại sứ quán Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ

Địa chỉ: 414 Sokak, No: 14, Birlik Mahallesi, 06610 Çankaya, Ankara

Điện thoại: + 90 (312) 446 8049

Fax: + 90 (312) 446 5623

Email: vnemb.tr@mofa.gov.vn hoặc: dsqvnturkey@yahoo.com

- Thông tin thương vụ Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ

Địa chỉ: Hattat Halim Sok., No. 6, Daire 3, Gayrettepe, Besiktas, Istanbul

Điện thoại: (+90) 212 267 3668

Fax: (+90) 212 267 4988

Email: tr@moit.gov.vn

- Tham tán: Lê Phú Cường

Điện thoại: 905396253775

Email: cuonglp@moit.gov.vn; lpcuong@gmail.com

- Đại sứ quán Thổ Nhĩ Kỳ tại Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 14, Central Office Building, 44B Lý Thường Kiệt, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 84-24 38222460.

Fax: 84-24 38222458

Email: embassy.hanoi@mfa.gov.tr

Website: www.hanoi.emb.mfa.gov.tr

- Bộ Ngoại giao Thổ Nhĩ Kỳ

Địa chỉ: Số 8 Balgat/Ankara – Thổ Nhĩ Kỳ

Điện thoại: +90 (312) 292 10 00

<https://www.mfa.gov.tr/>

Bộ Thương mại Thổ Nhĩ Kỳ

Địa chỉ: Söğütözü Mah. 2176. Sk.

Số 63 06530 Çankaya/ANKARA

Tel: +90 312 204 75 00

<https://www.trade.gov.tr/contact/contact>

Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp

Địa chỉ: Eskisehir Road 9th Km Lodumlu / ANKARA

Điện thoại: +90 312 287 3360 (PBX)

<https://www.tarimorman.gov.tr/Sayfalar/EN/AnaSayfa.aspx>

Bộ Văn hóa và Du lịch

Địa chỉ: İsmet İnönü Bulvarı

Số 32 06100 Emek/Ankara

Điện thoại: +90 (312) 4708000

<https://www.ktb.gov.tr/?dil=2>

Bộ Ngân khố và Tài chính

Địa chỉ: T.C. Hazine ve Maliye Bakanlığı, İnönü Bulvarı

Số 36 06510 Emek/ ANKARA

Điện thoại: 0 (312) 204 60 00

<https://en.hmb.gov.tr/>

Bộ Năng lượng và Tài nguyên thiên nhiên

Địa chỉ: Türk Ocağı Street số 2 06520 Çankaya/ANKARA/TURKEY

Điện thoại: +90 312 212 64 20

<https://enerji.gov.tr/homepage>

Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư TP.HCM (Investment and Trade Promotion Centre – ITPC) là đơn vị trực thuộc Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

ITPC có nhiệm vụ tham gia xây dựng và góp phần thực hiện kế hoạch, chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố các chính sách hỗ trợ, khuyến khích xuất khẩu và đầu tư, triển khai các giải pháp, chương trình xúc tiến thương mại, thu thập thông tin và nghiên cứu về thị trường, cơ hội đầu tư và thông tin kinh tế.

Thực hiện các dịch vụ bồi dưỡng nghiệp vụ, cung cấp các dịch vụ giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp mở các văn phòng đại diện thương mại và đầu tư ở trong nước và nước ngoài, các phòng trưng bày, cửa hàng bán sản phẩm.

Tổ chức hoặc hỗ trợ tổ chức các đoàn doanh nghiệp đi khảo sát thị trường, tham dự hội chợ, triển lãm, diễn đàn đầu tư trong nước và nước ngoài.

Tổ chức đón tiếp, bố trí chương trình cho các doanh nghiệp, các tổ chức và cơ quan nước ngoài vào thành phố tìm hiểu môi trường đầu tư và thương mại

Tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề.

Xây dựng phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm xuất khẩu; tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các hội chợ và triển lãm hàng xuất khẩu.

Cung cấp hoặc giới thiệu cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp nước ngoài và trong nước: phòng hội nghị, văn phòng làm việc; dịch vụ thu ký, phiên dịch và chuyên viên nghiệp vụ; lập dự án đầu tư; tham quan; gặp gỡ doanh nghiệp.

Thu thập ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp trong nước và nước ngoài về chủ trương, chính sách nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư của thành phố; giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

Phát triển hợp tác quốc tế với các tổ chức xúc tiến thương mại và đầu tư trong và ngoài nước.

Thu thập khảo sát thông tin và nghiên cứu thị trường trong nước và quốc tế. Cung cấp thông tin về cơ hội đầu tư và giao thương.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về tiềm năng của thành phố, hàng hóa, thị trường, xuất nhập khẩu và đầu tư. Phát hành bản tin, các ấn phẩm thương mại và đầu tư. Tổ chức thông tin về thương mại và đầu tư qua mạng.



TRUNG TÂM XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ TP.HCM - ITPC

Địa chỉ: 51 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM
92 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM

ĐT: (028) 3823 6738 - 3910 1309. Fax: (028) 3824 2391

Email: itpc@itpc.gov.vn; info@itpc.gov.vn

Website: www.itpc.gov.vn